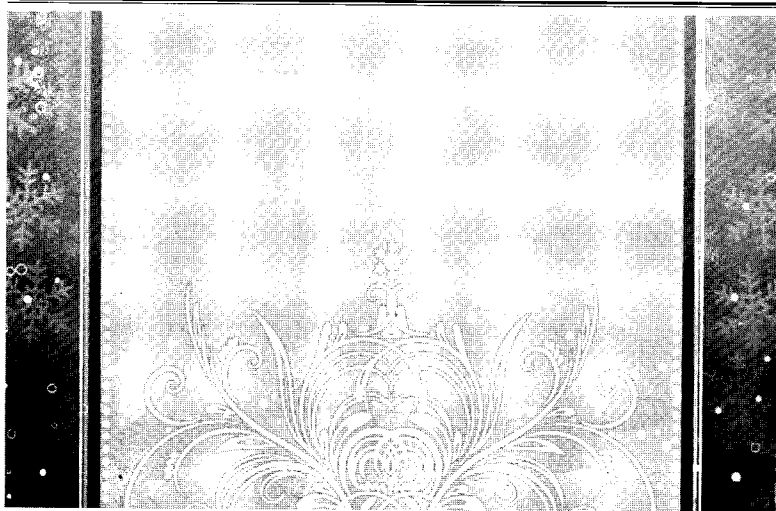


LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 53



Phẩm Thứ Hai Mươi Sáu



Vô Sanh Tam Quán
(Ba Pháp Quán Vô Sanh)

KINH:

Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề hỏi ngài Xá Lợi Phất: Ngài nói rằng Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật nên quán hết thấy các pháp. Như vậy thì:

- Thế nào gọi là Bồ tát?
- Thế nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật?
- Bồ tát quán các pháp như thế nào?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Xá Lợi Phất!

* Thế nào là Bồ tát chẳng?

Người nào phát đại tâm cầu Vô thượng bồ đề, biết rõ hết thấy các pháp tướng mà chẳng chấp, biết rõ tướng của sắc, ..., dẫn đến biết rõ tướng của 18 bất cộng pháp, mà chẳng chấp, thì người đó được gọi là Bồ tát.

Thế nào gọi là biết rõ hết thấy các pháp tướng?

Đó là biết rõ đây là sắc, là thanh, là hương, là vị, là xúc, là pháp; đây là pháp hữu vi, đây là pháp vô vi v.v... Lại biết rõ hết thấy các pháp đều do duyên hòa hợp tác thành, chỉ là giả danh tướng. Lại biết rõ hết thấy các pháp tướng đều là như như, bình đẳng. Biết rõ như vậy, gọi là biết rõ hết thấy các pháp tướng.

* Thế nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Bát nhã Ba-la-mật là viễn ly, là giải thoát.

Viễn ly những pháp gì? Đó là viễn ly 5 ám, 12 nhập, 18 giới; viễn ly Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến viễn ly Bát nhã Ba-la-mật, viễn ly nội không, ..., dẫn đến viễn ly vô pháp hữu pháp không, viễn ly 4 niệm xứ, ..., dẫn đến viễn ly 18 bất cộng pháp.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật là viễn ly, là giải thoát.

* Bồ tát phải quán các pháp như thế nào chẳng?

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật nên quán sắc, ..., dẫn đến quán thức là chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải lạc, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, chẳng phải không, chẳng phải bất không, chẳng phải có tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải có tác, chẳng phải vô tác, chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải ly, chẳng phải chẳng ly. Quán Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến quán Bát nhã Ba-la-mật, quán nội không, ..., dẫn đến quán vô pháp hữu pháp không, quán 4 niệm xứ, ..., dẫn đến quán 18 bất cộng pháp, quán các tam muội môn, quán các đà la ni môn, ..., dẫn đến quán Nhất thiết chủng trí cũng đều là như vậy cả.

Như vậy gọi là Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật quán hết thấy các pháp.

LUẬN:

Hỏi: Trước đã nói về nghĩa của Bồ tát, của Bát nhã Ba-la-mật, và nghĩa của các pháp quán rồi. Sao nay còn hỏi nữa?

Đáp: Trước đây đã nói rằng muốn đốn hạ một cây lớn, người tiêu phu phải dùng cưa, dùng rìu, để cưa chặt nhiều lần, lại còn phải đào, phải xới nhiều lần đến tận sâu mới có thể đoạn dứt nó đến tận gốc rễ.

Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật có vô lượng nghĩa thâm diệu nên phải nói đi nói lại nhiều lần mới hiểu được.

Trong phẩm Đàm Vô Yết có dụ Bát nhã Ba-la-mật mênh mông sâu thẳm như biển lớn, cao vòi vọi như núi Tu di, trang nghiêm vô cùng tận. Bởi vậy nên chỗ hỏi tuy đồng mà chỗ đáp lại có rất nhiều nghĩa sai khác nhau.

Phật chẳng có ái pháp, chẳng muốn lập kinh thơ, nhưng chỉ vì muốn cứu độ chúng sanh, mà thị hiện chuyển pháp luân.

Pháp Phật ví như nước Cam lồ, khiến chúng sanh hưởng dụng được tăng ích phước lạc. Bởi vậy người nghe pháp Phật được vô lượng lợi ích.

Lại nữa, người nghe pháp Phật mà tinh tấn tu hành thì quyết định sẽ được tâm vô cầu, được quả vị Bồ đề.

-o0o-

Nên biết, ở cả 3 thừa đều có quả vị Bồ đề:

- Bồ đề Nhị thừa.
- Bồ đề Bích Chi Phật thừa.
- Bồ đề Bồ tát và Phật thừa.

Bồ đề của Bồ tát và Phật thừa còn được gọi là Bồ đề tát đỏa.

Vị Bồ tát nào, dù đã có được trí huệ lớn mà chưa dứt trừ hết các tập khí phiền não, thì vẫn chưa được gọi là Bồ đề Phật thừa, chưa được gọi là Bồ đề tát đỏa.

Người phát đại tâm tinh tấn tu hành, cần cầu đạo Vô thượng thì mới được gọi là Bồ đề tát đỏa.

Trong kinh dạy: Người phát đại tâm cầu đạo Vô thượng, lại biết rõ hết thấy các pháp tướng mà chẳng thủ chấp, gọi là Bồ tát. Do vì biết rõ hết thấy các pháp tướng đều là rốt ráo không, nên Bồ tát ở nơi chân đế cũng như ở nơi tục đế vẫn thường tự tại, vẫn thường dùng các lực phương tiện để hiện hành các pháp, mà vẫn chẳng hề thủ chấp các pháp tướng.

-o0o-

Lại nữa, do thật hành Bát nhã Ba-la-mật, nên Bồ tát ở nơi sắc mà vẫn ly sắc, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức mà vẫn ly thọ, tưởng, hành, thức, dẫn đến ở nơi hết thấy các pháp mà vẫn ly hết thấy các pháp. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là viên ly, là giải thoát vậy.

Phải viên ly 5 âm, 12 nhập, 18 giới; viên ly các pháp Ba-la-mật, viên ly Nhất thiết chủng trí, ..., dẫn đến viên ly hết thấy các pháp, thì mới gọi là được Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật để quán các pháp, mà vẫn xả ly các pháp quán.

-o0o-

KINH:

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Vì nhân duyên gì mà nói sắc bất sanh là phi sắc, ..., dẫn đến nói Nhất thiết chủng trí bất sanh là phi Nhất thiết chủng trí?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Sắc và sắc tướng đều là tánh không. Trong tánh không thì sắc chẳng sanh, nên là phi

sắc. Dẫn đến thức và thức tướng đều là tánh không, và trong tánh không thì thức chẳng sanh, nên là phi thức. Đàn Ba-la-mật và Đàn Ba-la-mật tướng, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật và Bát nhã Ba-la-mật tướng, nội không và nội không tướng, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không và vô pháp hữu pháp không tướng, 4 niệm xứ và 4 niệm xứ tướng v.v, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí và Nhất thiết chủng trí tướng cũng đều là như vậy cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói sắc bất sanh là phi sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất sanh là phi Nhất thiết chủng trí.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Vì nhân duyên gì mà nói sắc bất nhị là phi sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất nhị là phi Nhất thiết chủng trí?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Hết thấy các pháp đều chẳng có tập, chẳng có tán, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, nên đều chẳng phải hai (bất nhị), chẳng phải khác, đều là nhất tướng, là vô tướng.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói sắc bất nhị là phi sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất nhị là phi Nhất thiết chủng trí.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Vì nhân duyên gì mà nói sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều nhập vào trong “pháp số bất nhị”?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Sắc chẳng khác vô sanh, vô sanh chẳng khác sắc, sắc tức là vô sanh và vô sanh tức là sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng khác vô sanh, vô sanh chẳng khác Nhất thiết chủng trí. Nhất thiết chủng trí tức là vô sanh, vô sanh tức là Nhất thiết chủng trí.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều nhập vào trong “pháp số bất nhị”.

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao nói sắc bất sanh là phi sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất sanh là phi Nhất thiết chủng trí?*

Đáp: Vì sắc là tánh không. Trong tánh không chẳng có sắc tướng.

Nếu được “Vô Sanh Trí” thì biết rõ sắc rốt ráo là vô sanh. Nếu biết rõ được sắc là vô sanh, thì biết rõ được thật tướng của sắc.

Bởi vậy nên nói sắc vô sanh là phi sắc. Tánh của sắc vốn là vô sanh, chẳng phải do lực trí huệ mà khiến sắc trở thành vô sanh. Nếu dùng lực trí huệ quán để chia chẻ sắc thành hư không, rồi lại thủ chấp “hư không tướng” đó, chẳng khác gì người ra khỏi “nhà xí”, mà còn tưởng đến cảnh bất tịnh của nhà xí vậy. Nếu quán nhà xí là như huyễn, như hóa, thì tưởng về bất tịnh kia sẽ chẳng còn nữa.

Người tu hành cũng là như vậy. Nếu biết rõ sắc vốn tự vô sanh, thì chẳng còn thủ chấp sắc tướng nữa. Bởi vậy nên nói sắc vô sanh là phi sắc, ..., dẫn đến nói Nhất thiết chủng trí vô sanh là phi Nhất thiết chủng trí.

Hỏi: *Trước đã nói sắc “vô sanh” là “bất nhị” rồi. Vì sao ngài Xá Lợi Phất còn hỏi nữa?*

Đáp: Nghĩa tuy đồng mà chỗ quán có khác nhau.

Trước đây nhằm phá chấp “trong quả có nhân” nên nói các pháp là vô sanh, vô chủ tác, cho thấy rõ về nhân sanh pháp cũng là vô sanh. Nay nhằm phá cả hai chấp “hữu” và “vô” về “nhân sanh pháp”, nên mới nói đến “bất nhị môn”.

Người tu hành trước vào “vô sanh quán”, rồi sau mới vào “bất nhị môn”, hoặc trước vào “bất nhị môn” rồi sau mới vào “vô sanh quán”. Đây chỉ nhằm phá chấp về sắc pháp mà phân biệt nói có 2 pháp môn riêng rẽ, nhưng cả 2 pháp môn đó cũng chỉ là một vậy.

-o0o-

Lại nữa, trước đây nhằm phá nhân duyên sanh sắc, nên nói sắc là vô sanh, nghĩa là nói sắc cũng như nhân duyên sanh sắc đều là vô sanh cả. Như vậy là nói các pháp đều là “tự tướng không”. Nay nói “bất nhị môn” để cho thấy rõ rằng hết thảy các pháp đều chẳng có hợp, chẳng có tan, đều là nhất tướng, là vô tướng cả.

Như vậy, nghĩa tuy đồng một thể là “không”, nhưng vì muốn phá luôn chấp về “tự tướng không” của các pháp mà phải nói về “bất nhị môn” vậy.

Người tu hành, trước phải quán sắc là bất sanh, bất diệt, rồi sau mới quán sắc là vô sanh. Bởi vậy nên nói sắc “vô sanh” là “bất nhị”. Vì sao? Vì khi sắc đã rốt ráo vô sanh, thì là bất sanh, bất diệt vậy.

Tóm lại, trước nói sanh là bất khả đắc, nay nói vô sanh cũng bất khả đắc. Bởi vậy nên nói: Sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều nhập vào trong “pháp số vô nhị”.

-o0o-

Sau khi hai ngài Tu Bồ Đề và Xá Lợi Phất đã luận nghị xong, ngài Tu Bồ Đề liền bạch Phật để xin Phật minh chứng.

-o0o-

KINH:

Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát quán các pháp như vậy, nên thấy sắc vô sanh là rốt ráo thanh tịnh, ..., dẫn đến thức vô sanh là rốt ráo thanh tịnh. Bồ tát cũng thấy ngã tướng, nhân tướng vô sanh đều là rốt ráo thanh tịnh, thấy Đàn Ba-la-mật vô sanh, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật vô sanh đều là rốt ráo thanh tịnh, thấy nội không vô sanh, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không vô sanh đều là rốt ráo thanh tịnh, thấy 4 niệm xứ vô sanh, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp vô sanh đều là rốt ráo thanh tịnh, thấy các tam muội môn vô sanh, các đà la ni môn vô sanh, ..., dẫn đến thấy Nhất thiết chủng trí vô sanh đều là rốt ráo thanh tịnh, thấy 4 quả Thanh Văn vô sanh, quả Bích Chi Phật vô sanh, ..., dẫn đến quả Phật vô sanh đều là rốt ráo thanh tịnh, thấy pháp A-la-hán vô sanh, pháp Bích Chi Phật vô sanh, ..., dẫn đến pháp Phật vô sanh đều là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Theo nghĩa mà tôi được nghe thì sắc vô sanh, thọ, tưởng, hành, thức cũng vô sanh, ..., dẫn đến Phật và Phật pháp cũng vô sanh. Như vậy thì chẳng cần phải nói đến quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật, chẳng cần nói đến Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo, Bồ tát đạo và Phật đạo, chẳng cần nói đến 6 đạo chúng sanh, dẫn đến chẳng có đại Bồ tát, chẳng có 5 quả Bồ đề.

Thưa ngài Tu Bồ Đề! Nếu hết thấy các pháp tướng đều vô sanh thì vì sao Tu-đà-hoàn phải tu Đạo đế, để đoạn 3 kiết sử? Vì sao Tu-đà-hàm phải tu Đạo đế, để làm mỏng tham, sân, si? Vì sao A-na-hàm phải tu Đạo Đế, để dứt 5

hạ phần kiết sử? Vì sao A-la-hán phải tu Đạo đế, để dứt 5 thượng phần kiết sử? Vì sao có Bích Chi Phật đạo và Bích Chi Phật pháp? Vì sao có Bồ tát thọ khổ thay cho chúng sanh, làm những việc khó làm? Vì sao có Phật chứng quả Vô thượng bồ đề? Vì sao có Phật chuyển pháp luân?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Tôi chẳng nghĩ rằng trong pháp vô sanh, mà lại có chỗ sở đắc. Tôi chẳng nghĩ rằng trong pháp vô sanh, mà lại có các quả vị Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, quả Bích Chi Phật và đạo Bích Chi Phật. Tôi chẳng nghĩ rằng trong pháp vô sanh, mà có Bồ tát thọ khổ thay chúng sanh để làm những việc khó làm. Tôi chẳng nghĩ rằng trong vô sanh, mà có Bồ tát dụng “tâm nan hành” (khó làm), để hành đạo.

Vì sao? Vì nếu Bồ tát sanh “tâm nan hành” là đã tự thấy mình có thọ khổ rồi. Như vậy, thì chẳng có thể làm việc lợi ích cho chúng sanh được.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Do vì Bồ tát xem chúng sanh như cha mẹ, anh em, thân thuộc, thương xót chúng sanh như cha mẹ thương con, như thương chính bản thân mình, nên mới thường dụng “tâm vô sở đắc” để làm các việc lợi ích cho hết thảy chúng sanh.

Bồ tát biết rõ “ngã” là bất khả đắc, nên ở nơi hết thảy xứ, ở nơi hết thảy thời, ở nơi hết thảy chỗ, đối với hết thảy pháp, Bồ tát đều chẳng thọ.

Lại nữa, thưa ngài Xá Lợi Phất! Tôi cũng chẳng nghĩ rằng trong pháp vô sanh, mà có Phật chứng Vô thượng bồ đề, có Phật chuyển pháp luân; cũng chẳng nghĩ trong pháp vô sanh, mà có được các đạo quả.

LUẬN:

Quán vô sanh gồm có 2 pháp quán. Đó là:

- Nhu thuận nhãn quán.
- Vô sanh nhãn quán.

Khi bắt đầu quán vô sanh, hành giả phải tu tập về “nhu thuận nhãn quán”. Vì sao? Vì tâm chưa rốt ráo thanh tịnh, nên phải tu tập “nhu thuận nhãn quán” cho thuần thực. Khi tâm đã thuần thực, đã rốt ráo thanh tịnh rồi, mới vào được “vô sanh nhãn quán”.

Hỏi: *Bồ tát chưa tận đoạn kiết sử, chưa được Phật đạo, chưa được thật trí huệ. Như vậy, làm sao có được tâm rốt ráo thanh tịnh?*

Đáp: Dù chưa tận đoạn kiết sử, nhưng khi Bồ tát đã an lập được đạo tràng, thì tâm chẳng còn gì ngăn ngại nữa, nên được rốt ráo thanh tịnh.

Bồ tát vào được “vô sanh nhãn”, tận trừ hết các kiết sử, phiền não là vào “Bồ tát vị”.

-o0o-

Lại nữa, ở nơi “nhu thuận nhãn”, mặc dù chưa được Phật đạo, Bồ tát cũng đã được tâm rốt ráo thanh tịnh rồi. Ngoài ra, do thường quán chúng sanh không và pháp không, nên Bồ tát thấy rõ sắc vô sanh là rốt ráo thanh tịnh, ..., dẫn đến thấy Phật và Phật pháp là vô sanh, là rốt ráo thanh tịnh.

Hỏi: *Ngài Tu Bồ Đề nói hết thảy các pháp tướng đều rốt ráo vô sanh, khiến Ngài Xá Lợi Phất phải nêu lên câu hỏi có liên quan đến Hiền Thánh pháp và Tối Thượng Thừa pháp,*

là Phật pháp vậy. Nếu các pháp đều là vô sanh, thì ở các bậc Thánh chẳng có phân biệt Đại Thánh và Tiểu Thánh riêng khác; ở trong 6 đạo chúng sanh cũng chẳng có sự phân biệt riêng khác. Như vậy, thì sao lại nói có đến 5 quả Bồ đề?

Đáp: Trong kinh có nói 5 quả Bồ đề. Đó là:

- Nhu thuận nhãn Bồ đề.
- Vô sanh nhãn Bồ đề.
- Thanh Văn Bồ đề.
- Bích Chi Phật Bồ đề.
- Bồ tát Bồ đề.

Riêng Bồ tát Bồ đề phải hội đủ 5 pháp. Đó là:

- Phát tâm Bồ đề: Là phát tâm cầu đạo quả Vô thượng bồ đề; nguyện ở trong vô lượng kiếp sanh tử, tinh tấn hành đạo Bồ tát làm lợi ích cho chúng sanh. Đây là gieo nhân Bồ đề, dẫn đến quả Phật.

- Hàng phục tâm Bồ đề: Là hành các pháp Ba-la-mật.

- Minh tâm Bồ đề: Là biết rõ các pháp trong cả 3 đời, từ trước đến sau, từ tổng tướng đến biệt tướng; biết rõ thật tướng của các pháp là rốt ráo thanh tịnh.

- Xuất đạo Bồ đề: Là được đầy đủ các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên chẳng còn chấp Bát nhã Ba-la-mật, chẳng còn chấp có hành Bát nhã Ba-la-mật. Do vậy mà diệt sạch các phiền não, thấy được các thế giới Phật ở khắp 10 phương, được vô sanh pháp nhãn, vượt ra khỏi 3 cõi, thăng tiến đến Nhất thiết chủng trí.

- Vô thượng bồ đề: Là an lập đạo tràng, đoạn hết các vi tế tập khí kiết sử, chuyển thanh tịnh pháp luân, độ thoát hết thảy chúng sanh.

Hỏi: *Vì sao chẳng nói đến đạo Thanh Văn và đạo Bích Chi Phật, mà chỉ nói nhiều về đạo Bồ tát?*

Đáp: Đạo Bích Chi Phật so với đạo Thanh Văn chẳng có sai khác nhiều. Bích Chi Phật, dù có phước đức, có lợi căn hơn hàng Thanh Văn, nhưng vẫn chưa có thể sánh với Bồ tát được.

Vì sao? Bồ tát phát đại tâm rộng độ hết thảy chúng sanh, làm các việc rất khó làm, mà tâm vẫn chẳng hề chấp trước.

-o0o-

Trong kinh có nêu mẫu chuyện đối thoại giữa hai ngài Xá Lợi Phất và Tu Bồ Đề như sau:

Ngài Xá Lợi Phất nêu câu hỏi với nội dung: Các pháp là vô sanh, là thanh tịnh, là tịch diệt; còn chúng sanh thì ham vui, chẳng ai muốn chịu khổ thay cho kẻ khác cả. Như vậy, vì sao Bồ tát lại vì chúng sanh, chịu thọ khổ thay họ?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Vì chư Phật và chư đại Bồ tát đã rất ráo thanh tịnh, chẳng còn ái pháp, lại biết rõ các pháp đều là vô sanh, vô lai, vô khứ, nên vẫn thường làm những việc khó làm vậy.

Ngài Tu Bồ Đề giữa đại chúng đã nói rằng, hết thảy các pháp tướng đều rất ráo vô sanh, và ngài đã được Phật ân chứng cho lời nói ấy, nên ngài quyết định đáp câu hỏi của ngài Xá Lợi Phất.

Ngài nói: Tôi chẳng nghĩ rằng trong pháp vô sanh mà còn có chỗ sở đắc. Tôi chẳng nghĩ rằng trong pháp vô sanh mà còn có 6 đạo chúng sanh, chỉ do chúng sanh chẳng biết rõ các pháp là vô sanh, mà vọng tạo tác ra có 6 đạo chúng sanh. Bởi vậy nên vì bốn nguyện độ sanh mà Bồ tát hiện thân vào 6 đường để độ thoát chúng sanh.

Bồ tát biết rõ chỉ có các bậc Thánh mới liễu đạt được pháp vô sanh, biết rõ trong vô sanh thì hết thấy các pháp đều là vô sở hữu: Các Thánh quả vô sở hữu, các Thánh đạo vô sở hữu, 6 đạo chúng sanh vô sở hữu, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là vô sở hữu.

Trái lại phàm phu do vì chẳng biết rõ các pháp là vô sanh, nên ở trong vô sanh mà vọng khởi tác pháp, thủ pháp, khiến thường rơi vào 2 trường hợp lỗi lầm:

- Lỗi thô: Như sát sanh, trộm cướp, tà dâm... dẫn dắt chúng sanh vào 3 ác đạo.

- Lỗi tế: Như khởi tâm chấp có bố thí, có trì giới, có tu phước v.v... dẫn dắt chúng sanh vào 3 thiện đạo.

-o0o-

Lại nữa, nếu Bồ tát khởi “nan tâm” (tâm nghĩ mình làm việc khó làm), khởi “khô tâm” (tâm nghĩ mình thọ khổ) thì độ thoát chúng sanh còn chẳng được, huống nữa là vào được đạo Vô thượng .

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát phát đại tâm thương chúng sanh như cha mẹ thương con, như thương chính bản thân mình vậy. Bồ tát khéo tu đại bi tâm, nên đối với hết thấy chúng sanh, dù thân, dù sơ, đều thương tưởng như nhau. Bồ tát vì lợi ích chúng sanh, sẵn sàng bố thí các nội ngoại vật sở hữu của mình, bố thí như vậy mà chẳng khởi tâm chấp, vì biết rõ người thí, người thọ và vật thí đều là bất khả đắc cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên ở nơi hết thấy pháp, Bồ tát đều vô sở đắc.

-o0o-

Lại nữa, từ sơ phát tâm, Bồ tát thường quán “chúng sanh không”, nên biết rõ chúng sanh là vô ngã, lại cũng thường quán “pháp không” nên biết rõ các pháp đều là rốt ráo không. Do nhân duyên quán về chúng sanh không và pháp không mà Bồ tát phát đại bi tâm, hành bố thí Ba-la-mật, chẳng tiếc các vật nội ngoại sở hữu của mình, lại thường hành các thiện pháp đem lại lợi ích cho chúng sanh.

Bồ tát làm các việc khó làm như vậy, mà chẳng hề khởi “nan tâm”, khổ tâm”, vì biết rõ hết thấy pháp đều là không, là vô tướng, là vô lai, vô khứ. Thế nhưng dù biết rõ các pháp là bất khả tư nghì (chẳng thể nghĩ bàn được), bất khả thuyết (chẳng thể nói ra được) mà Bồ tát vẫn thuyết ra các diệu pháp, nhằm phá trừ tâm điên đảo chấp trước của chúng sanh. Như vậy gọi là Bồ tát vì chúng sanh mà chuyên pháp luân vậy.

-o0o-

KINH:

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Ngài nghĩ rằng nên dùng pháp sanh để được đắc đạo, hay dùng pháp vô sanh để được đắc đạo?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Tôi chẳng nghĩ rằng nên dùng pháp sanh mà được đắc đạo, cũng chẳng nghĩ rằng dùng pháp vô sanh mà được đắc đạo.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Theo như lời ngài nói thì là vô tri, vô đắc (chẳng biết, chẳng được) hay sao?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Hữu tri, hữu đắc (có biết, có được) và vô tri, vô đắc (chẳng biết, chẳng được) chẳng phải là những pháp riêng khác.

Do tùy thuận thế gian mà nói có biết, có được, có Tu-đà-hoàn, có Tu-đà-hàm, có A-na-hàm, có A-la-hán, có Bích Chi Phật, có Bồ tát, có Phật. Thế nhưng theo đệ nhất nghĩa thì chẳng có biết, chẳng có được, chẳng có Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến chẳng có Phật vậy.

Ngài Xá Lợi Phất nói: Nếu theo danh tự ngôn ngữ thế gian mà nói hữu tri (có biết), hữu đắc (có được), thì 6 đạo chúng sanh sai khác cũng chỉ là thế gian danh tự, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế.

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Đúng như vậy. Đây là y theo thế gian danh tự mà nói hữu tri, hữu đắc. 6 đạo chúng sanh sai khác cũng chỉ là thế gian danh tự, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế.

Vì sao? Vì trong đệ nhất nghĩa đế là vô nghiệp (chẳng có nghiệp), vô báo (chẳng có báo), là bất sanh (chẳng có sanh), bất diệt (chẳng có diệt), bất cấu (chẳng có dơ), bất tịnh (chẳng có sạch).

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Như vậy thì “pháp vô sanh” sanh hay “pháp sanh” sanh?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Tôi chẳng nghĩ rằng “vô sanh pháp” sanh, lại cũng chẳng nghĩ rằng “sanh pháp” sanh.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Vì sao ngài chẳng nghĩ rằng “vô sanh pháp” sanh?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Sắc là “vô sanh pháp”, là tự tánh không, chẳng thể tự sanh. Thọ, tưởng, hành, thức đều là “vô sanh pháp”, đều là tự tánh không, chẳng thể tự sanh. Dẫn đến Vô thượng bồ đề cũng là như vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Như vậy thì “sanh” sanh hay “bất sanh” sanh?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng phải “sinh” sanh cũng chẳng phải “bất sinh” sanh. Vì sao? Vì “sinh” và “bất sinh” là 2 pháp chẳng hợp, chẳng tan, chẳng có sắc (vô sắc), chẳng có hình (vô hình), chẳng có đối (vô đối), chỉ là một tướng (nhất tướng), là chẳng có tướng (vô tướng).

Bởi vậy nên nói chẳng phải “sinh” sanh, chẳng phải “bất sinh” sanh.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Như vậy vì sao ngài lại thường thuyết về “vô sinh pháp” và “vô sinh tướng”?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Tôi thích nói về “vô sinh pháp”, cũng thích nói về “vô sinh tướng”. Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều là “vô sinh pháp”, hết thấy các pháp tướng đều là “vô sinh tướng”.

Lại nữa, vì danh tự, ngôn ngữ, cùng hết thấy các pháp đều là chẳng hợp, chẳng tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, đều chỉ là nhất tướng, là vô tướng vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Ngài thường nói về “vô sinh pháp”, thường nói về “vô sinh tướng”. Như vậy thì sự thích nói của ngài, các danh tự, ngôn ngữ mà ngài nói ra cũng là vô sinh cả hay sao?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Đúng như vậy. Sắc vô sinh, ..., dẫn đến thức vô sinh, nhãn vô sinh, ..., dẫn đến ý vô sinh, địa chủng vô sinh, ..., dẫn đến thức chủng vô sinh, thân hành, khẩu hành, ý hành vô sinh, Đàn Ba-la-mật vô sinh, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật vô sinh, 4 niệm xứ vô sinh, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng vô sinh.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bởi nhân duyên vậy, nên tôi thường nói về “vô sinh pháp”, thường nói về “vô sinh

tướng”. Sự thích nói của tôi, các danh tự, ngữ ngôn mà tôi dùng để nói ra cũng đều là vô sanh cả.

LUẬN:

Theo lời kinh trên đây thì ngài Xá Lợi Phất biết rõ ngài Tu Bồ Đề thường hay nói về “pháp không”, nên mới nêu lên câu hỏi: Nếu hết thấy pháp đều vô sanh tướng thì làm sao mà chứng dụng được, làm sao có sanh pháp được?

Nếu dùng “vô sanh pháp” mà sanh pháp, thì “sanh pháp” ấy cũng chỉ là hư vọng. Cho nên chẳng có thể dùng “sanh pháp” để chứng dụng “vô sanh pháp” được. Vì sao? Vì đã là “vô sanh pháp” thì chẳng có pháp tướng.

Hơn nữa, theo ngài Tu Bồ Đề, thì nói “sanh” sanh, hay nói “vô sanh” sanh thì cũng đều có lỗi cả.

Ngài Xá Lợi Phất nghĩ rằng: Phật thường dạy “hữu vi pháp” và “vô vi pháp” nhiếp hết thấy các pháp. Lại nữa, sanh pháp là hữu vi pháp, vô sanh pháp là vô vi pháp, nay ngài Tu Bồ Đề nói phải ly cả hai pháp đó. Như vậy làm sao mà được đạo?

Nghĩ vậy rồi, ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: Như vậy chẳng có người được đạo hay sao?

Ngài Tu Bồ Đề là bậc Đại A-la-hán, thường hành “Vô tránh tam muội”, đã thường thuyết “vô sanh pháp” cho hàng Bồ tát nghe, chẳng thể nào ngài lại bị rơi vào tà kiến được. Khi nghe ngài Xá Lợi Phất nêu lên câu hỏi, ngài minh định rằng: Chẳng phải hữu tri (có biết), hữu đắc (có được), mà cũng chẳng phải là vô tri (chẳng biết), vô đắc (chẳng được). Vì sao? Vì hữu tri, hữu đắc và vô tri vô đắc chẳng phải là những pháp riêng khác. Do tùy thuận thế gian mà nói có biết, có được, có Tu-đà-hoàn, có Tư-đà-hàm, có A-na-hàm, có A-

la-hán, có Bích Chi Phật, có Bồ tát, có Phật. Thế nhưng theo đệ nhất nghĩa thì chẳng có biết, chẳng có được, chẳng có 4 quả Thanh Văn, ..., dẫn đến chẳng có quả Phật. Vì sao? Vì hết thấy pháp tướng đều là hư vọng, đều chẳng phải là định pháp, đều chẳng phải thật có. Các quả Thánh, quả Phật đều là như vậy, huống nữa là 6 nghiệp đạo và 6 nghiệp đạo quả báo.

Hỏi: *Ngài Tu Bồ Đề đã nhiều lần thuyết về vô sanh pháp rồi. Nay vì sao ngài Xá Lợi Phất còn hỏi nữa?*

Đáp: Trước đây ngài muốn khai thị các nhân duyên để được đạo, nên đã nói về “vô sanh pháp”, nhằm phá các chấp về pháp tướng.

Thế nhưng vì “vô sanh pháp” quá thậm thâm, khó giải, khó phá, sợ người nghe rồi liền chấp “vô sanh pháp” ấy, khiến phải bị rơi vào đoạn diệt, nên ngài Xá Lợi Phất mới nêu câu hỏi. Sở dĩ ngài Xá Lợi Phất gạn hỏi ngài Tu Bồ Đề như trên đây, vì ngài muốn tạo cơ hội để ngài Tu Bồ Đề nói rộng thêm, nhằm giúp chúng hội được liễu tri về “vô sanh pháp” và phá chấp về “vô sanh pháp” vậy.

Hỏi: *Ở thế gian có người hành đạo, và có người được đạo. Như vậy vì sao lại nói hết thấy các pháp đều vô sanh? Nếu hết thấy pháp đều là vô sanh, thì làm sao có được sanh dụng?*

Đáp: Người đã được huệ nhãn, biết rõ các pháp đều là vô sanh. Còn phàm phu vì chẳng có trí huệ nên thấy các pháp đều có sanh. Do vậy mà ngài Xá Lợi Phất muốn nêu lên câu hỏi: Nếu là vô sanh pháp, thì làm sao có được sanh dụng?

Ngài Tu Bồ Đề cho biết rõ rằng ‘sanh’ và ‘vô sanh’ đều là rốt ráo không. Nếu ‘sanh’ mà sanh, thì ‘sanh pháp’ đã sanh rồi, chẳng lẽ lại sanh nữa. Còn nếu ‘vô sanh’ mà sanh, thì chưa có pháp, làm gì có sanh. Lại nữa, nếu nói khi sanh là

có nửa sanh và nửa vô sanh, thì như vậy cũng là vô sanh. Vì sao? Vì nửa phần sanh là đã sanh rồi nên là vô sanh, còn nửa phần vô sanh là tự vô sanh rồi vậy.

Ngài Tu Bồ Đề biết rõ chúng sanh chẳng có thể dùng nhục nhãn để thấy được “sanh” sanh hay “vô sanh” sanh cũng đều là chẳng thật có, nên ngài nói là cả 2 pháp đều bất thọ (chẳng thọ).

Ngài Xá Lợi Phất lại hỏi: Vì sao nói cả 2 pháp đều bất thọ?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Vì sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều rốt ráo là vô sanh, là vô tướng. Chỉ vì tùy thuận thế gian mà nói có sanh pháp, có sanh tướng vậy thôi. Thế nhưng sanh pháp cũng là như huyễn, như hóa, vì ở nơi đệ nhất nghĩa thì hết thấy các pháp đều chẳng có hợp, chẳng có tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, đều chỉ là một tướng (nhất tướng), đều chẳng có tướng (vô tướng) cả.

-o0o-

Lại có thuyết nói “sanh” là thường, còn “sanh pháp” là vô thường. Bởi vậy nên ngài Tu Bồ Đề nói rõ rằng “sanh” và “sanh pháp” cũng chẳng khác nhau. Vì sao? Vì nếu nói có “sanh pháp” thì mặc nhiên công nhận có “sanh tướng”. Bởi vậy ngài trả lời ngài Xá Lợi Phất rằng: “Sanh” và “vô sanh” cũng đều bất thọ cả.

Ngài Xá Lợi Phất khi nghe ngài Tu Bồ Đề nói như vậy, cho rằng ngài Tu Bồ Đề thích thuyết về “vô sanh pháp”. Ngài Tu Bồ Đề liền tự nhận ngay. Ngài tự vấn tâm chẳng có gì lỗi lầm, vì những lời ngài nói ra chẳng phá luận nghị vậy. Ngài nói: “Vô sanh pháp” chẳng có hợp, chẳng có tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, “vô sanh pháp” là rốt ráo

không, là nhất tướng, là vô tướng. Bởi vậy nên chẳng có gì để thọ. Đã chẳng thọ hết thủy pháp thì “sự thích nói vô sanh pháp” của Ngài cũng chẳng thọ vậy.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phất tán thán ngài Tu Bồ Đề: Ngài thật là người thích nói về vô sanh pháp, thích nói về vô sanh tướng, mà danh tự và ngôn ngữ của ngài nói ra, cùng sự thích nói pháp của ngài cũng là vô sanh. Tâm ngài thật là rốt ráo thanh tịnh vậy.

Sau khi nhận lời tán thán của ngài Xá Lợi Phất, ngài Tu Bồ Đề đáp lại rằng: chẳng phải tôi thích thuyết về vô sanh pháp và vô sanh tướng, mà danh tự và ngôn ngữ tôi dùng để nói ra cùng sự thích thuyết vô sanh pháp của tôi cũng là vô sanh cả. Vì sao? Vì sắc là vô sanh, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là vô sanh.

-o0o-

KINH:

Lúc bấy giờ Ngài Xá Lợi Phất nói: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Trong hàng Thanh Văn thuyết pháp, ngài đáng tôn trọng hơn cả. Vì sao? Vì có ai hỏi điều gì ngài cũng đều giải đáp được.

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Sở dĩ tôi giải đáp được các câu hỏi vì các pháp đều chẳng có sở y (vô sở y).

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Vì sao nói các pháp đều chẳng có sở y (vô sở y)?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Sắc tánh, ..., dẫn đến thức tánh thường không, chẳng y trong, chẳng y ngoài, chẳng y vào

chặng giữa. Nhân tánh, ..., dẫn đến ý tánh thường không, chẳng y trong, chẳng y ngoài, chẳng y vào chặng giữa. Sắc tánh, ..., dẫn đến pháp tánh thường không, chẳng y trong, chẳng y ngoài, chẳng y vào chặng giữa.

Đàn Ba-la-mật tánh, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật tánh thường không, chẳng y trong, chẳng y ngoài, chẳng y vào chặng giữa. Nội không tánh, ..., dẫn đến vô pháp hữu không tánh thường không, chẳng y trong, chẳng y ngoài, chẳng y vào chặng giữa. 4 niệm xứ tánh, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí tánh thường không, chẳng y trong, chẳng y ngoài, chẳng y vào chặng giữa.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói các pháp đều chẳng có sở y (vô sở y).

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát khi thật hành 6 pháp Ba-la-mật, phải tịnh sắc, thọ, tưởng, hành, thức, ..., dẫn đến phải tịnh Nhất thiết chủng trí.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thế nào gọi là Bồ tát thật hành 6 pháp Ba-la-mật thanh tịnh Bồ tát đạo?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Đàn Ba-la-mật có thể gian và xuất thế gian, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật cũng có thể gian và xuất thế gian vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thế nào gọi là Ba-la-mật thế gian và thế nào gọi là Ba-la-mật xuất thế gian?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Nếu Bồ tát hành bố thí, thì phải bố thí rộng khắp, từ Sa môn, Bà-la-môn, ..., dẫn đến hạng người cùng khổ: ai cần ăn thì họ cho ăn, ai cần uống thì họ cho uống, ai cần mặc thì họ cho mặc, ai cần chỗ ở, tiền bạc, châu báu thuốc men v.v... thì họ cho chỗ ở, tiền bạc, châu báu, thuốc men

v.v... Bồ tát phải sẵn sàng cho họ tất cả các vật nội ngoại sở hữu của mình, mà chẳng mong tâm hối tiếc.

Khi hành bố thí, Bồ tát phải tự nghĩ rằng: Hành bố thí là để trừ xan tham, bôn xên, nên ta phải xả thí tất cả, phải y theo lời Phật dạy mà hành Đàn Ba-la-mật.

Khi bố thí xong, Bồ tát phải đem pháp bố thí thanh tịnh đó để cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô thượng bồ đề.

Bồ tát lại phải tự nghĩ rằng: Do nhân duyên bố thí này mà chúng sanh có thể có được sự an lạc ở Niết Bàn, hoặc ở đời này, hoặc ở đời sau.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thế nào gọi là Đàn Ba-la-mật thế gian?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Nếu hành bố thí mà còn chấp hành ngã tướng, tha tướng và thí tướng, nghĩa là còn chấp có tướng ta hành thí, có tướng người thọ thí, và có tướng vật mà ta dùng để thí là chẳng phải tịnh thí. Do bố thí mà còn chấp 3 tướng ấy nên chỉ gọi là Đàn Ba-la-mật thế gian.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thế nào gọi là Đàn Ba-la-mật xuất thế gian?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Nếu bố thí mà chẳng còn chấp hành ngã tướng, tha tướng và thí tướng, nghĩa là chẳng còn chấp có tướng ta hành thí, có tướng người thọ thí, và có tướng vật mà ta dùng để thí, cũng chẳng hề nghĩ đến sự đền ơn đáp nghĩa, thì mới gọi là được 3 phần thanh tịnh Đàn Ba-la-mật.

Lại nữa, khi hành Đàn Ba-la-mật, Bồ tát phải biết rõ chúng sanh đều là bất khả đắc, phải đem pháp bố thí thanh tịnh đó, để cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi

hướng về Vô thượng bồ đề, ..., dẫn đến phải chẳng còn thấy vi tế pháp tướng nữa.

Như vậy mới gọi là hành Đản Ba-la-mật xuất thế gian.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát nào hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật xuất thế gian như vậy thì gọi là Bồ tát thanh tịnh Bồ tát đạo.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thế nào gọi là Bồ tát tu tập vì đạo Vô thượng bồ đề?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bồ tát tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến tu 8 thánh đạo là vì đạo Vô thượng bồ đề, tu 3 giải thoát môn là vì đạo Vô thượng bồ đề, tu nội không, ..., dẫn đến tu vô pháp hữu pháp không là vì đạo Vô thượng bồ đề, tu các tam muội môn, các đà la ni môn, 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi v.v... đều là vì đạo Vô thượng bồ đề cả.

LUẬN:

Hỏi: Trong 500 vị A-la-hán đã được đức Phật thọ ký, thì ngài Xá Lợi Phất là bậc trí huệ đệ nhất, ngài Mục Kiền Liên là bậc thần thông đệ nhất, ngài Ma ha Ca Diếp là bậc Đầu đà đệ nhất, ngài Tu Bồ Đề là bậc Vô tránh tam muội đệ nhất, ngài Ma Ha Ca Chiên Diên là bậc phân biệt kinh điển đệ nhất, ngài Phú Lô Na là bậc thuyết pháp đệ nhất. Như vậy vì sao ngài Xá Lợi Phất lại tán thán ngài Tu Bồ Đề là người thuyết pháp “không” đệ nhất, đáng được xưng dương, tôn trọng hơn cả?

Đáp: Phật dùng Phật nhãn quán hết thầy chúng sanh, thấy có người lợi căn, có người độn căn, rồi y theo sự đặc pháp của từng người mà thọ ký. Chẳng bao giờ có sự lầm lạc.

Như ngài Phú Lô Na, ở trong đại chúng, khéo dùng các

nhân duyên, các thí dụ, các phương tiện thiện xảo khác để thuyết pháp, khiến người nghe được nhiều lợi lạc. Do vậy mà ngài được gọi là người thuyết pháp đệ nhất.

Còn ngài Tu Bồ Đề thường hành Vô tránh tam muội, nên đã tương ứng với Bồ tát đạo. Ngài còn dùng các phương tiện thiện xảo để thuyết về “vô tướng pháp”.

Ví như người thông thạo nhiều nghề, có thể làm tốt nhiều việc mà vẫn có nghề chẳng đạt đến mức tinh xảo so với các người thợ chuyên môn, giàu kinh nghiệm về một nghề vậy.

Cũng như vậy, do thường hành pháp “không”, thường thuyết về pháp “không”, nên khi vừa nghe ngài Xá Lợi Phất nêu lên các câu hỏi, ngài Tu Bồ Đề liền giải đáp ngay, chẳng chút e ngại.

Bởi vậy nên ngài Xá Lợi Phất tán thán ngài Tu Bồ Đề là người thuyết pháp “không” đệ nhất, đáng được xưng dương, đáng được tôn trọng.

-o0o-

Khi nghe ngài Xá Lợi Phất tán thán, ngài Tu Bồ Đề chẳng có từ chối, cũng chẳng có thọ nhận. Vì sao? Vì ngài Tu Bồ Đề đã được tâm an định nên chẳng bị dấy động vậy.

Ví như bậc toàn thiện, chẳng có tự tán thán, chẳng có tự hủy báng người khác vậy. Bậc toàn thiện dù được tán thán vẫn chẳng sanh tâm tự mãn, chẳng bao giờ cho mình tốt hơn người.

Nên biết rằng tự tán thán là cao mạn, chẳng phải là cách xử sự của bậc đại nhân, tự hủy báng là dối trá, tán thán người chưa đáng được tán thán là nịnh bợ, là chẳng có thành thật.

Ngài Xá Lợi Phất khi nghe ngài Tu Bồ Đề thuyết về “vô

sanh pháp”, liền tín thành tán thán, chẳng phải vì ngài thiên vị ngài Tu Bồ Đề mà tán thán vậy.

Còn ngài Tu Bồ Đề nghe ngài Xá Lợi Phất tán thán mà chẳng từ chối, chẳng có thọ nhận. Vì sao? Vì ngài đã đoạn trừ tâm ái pháp nên chẳng sanh cao tâm, cũng chẳng sanh nhiễm trước lời tán thán, khiến các lời giải đáp của ngài đều được vô ngại, vô chướng.

Sở dĩ ngài được vô ngại, vô chướng như vậy vì ngài biết rõ hết thấy các pháp đều chẳng có chỗ sở y (vô sở y), vì vô sở y nên là vô ngại, vô chướng vậy.

Ngài nói: Sắc tánh thường không, chẳng y trong, chẳng y ngoài, chẳng y vào chặng giữa. Vì sao? Vì trong ngoài, chặng giữa đều là vô sở hữu. Dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Ngài lại nói: Bồ tát biết rõ 3 cõi đều là vô thường, là không, nên chẳng có y chỉ vào 3 cõi. Do vậy mà dứt sạch được các phiền não, ..., dẫn đến thanh tịnh được Bồ tát đạo. Bồ tát do thật hành 6 pháp Ba-la-mật, mà được tịnh sắc, ..., dẫn đến được Nhất thiết chủng trí .

Hỏi: *Ngài Xá Lợi Phất đã biết rằng tịnh sắc, ..., dẫn đến tịnh Nhất thiết chủng trí là tịnh Bồ tát đạo. Vì sao ngài còn hỏi nữa?*

Đáp: Bồ tát biết rõ sắc là rốt ráo không, nên thường hành các tịnh hạnh, thâm nhập diệu pháp. Phạm phu dùng nhục nhãn, chẳng có thể thấu rõ được.

Bởi vậy nên ngài Xá Lợi Phất đã vì các tân học Bồ tát nêu lên câu hỏi: Các tân học Bồ tát phải dùng phương tiện gì để khai mở đường vào đạo Bồ tát?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Nếu Bồ tát dụng vô sở đắc, hành 6 pháp Ba-la-mật, thì đó là khai mở đạo Bồ tát vậy.

Cũng nên biết rằng “tịnh Bồ tát đạo” có nghĩa là “khai Bồ tát đạo”, tức là khai mở đường vào Bồ tát đạo. Ví như phá sạch hết các chướng ngại vật, dọn dẹp hết các gai góc để mở đường thì gọi là “khai đạo”.

-o0o-

Lại nữa, trước đây ngài Tu Bồ Đề đã phân biệt rõ Đàn Ba-la-mật thế gian với Đàn Ba-la-mật xuất thế gian rồi. Ngài cho biết:

- Nếu bố thí mà ly thật trí huệ thì tâm lực rất yếu. Do tâm lực yếu nên thường chấp có ta là người thí, có người thọ thí của ta, có vật mà ta đem ra bố thí. Do còn chấp như vậy nên tâm còn động, dễ sanh kiêu mạn. Bố thí như vậy chỉ là Đàn Ba-la-mật thế gian.

- Nếu bố thí mà xả hết các tướng thì mới là tịnh thí. Bố thí như vậy rồi, lại đem pháp tịnh thí đó để cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô thượng bồ đề mới gọi là Đàn Ba-la-mật xuất thế gian.

Tu 5 pháp Ba-la-mật kia cũng là như vậy.

Ngài lại cho biết:

- Người tu hành phải giữ tâm bất động mới vào được “nhu thuận nhãn”, dẫn đến vào được “Vô sanh pháp nhãn”.

- Trong hàng Thanh Văn thì hàng hữu học tâm vẫn còn động, chỉ có hàng vô học mới có được tâm bất động.

-o0o-

Bởi nhân duyên vậy, nên ngài Xá Lợi Phất đã nêu lên các câu hỏi để ngài Tu Bồ Đề phân biệt đáp, nhằm cho chúng hội biết rõ về các phương tiện khai mở đạo Bồ tát.

Hỏi: *Đạo Bồ tát cũng tức là đạo Vô thượng bồ đề rồi. Như vậy vì sao còn hỏi nữa?*

Đáp: Đúng như vậy, đạo Bồ tát cũng tức là đạo Vô thượng bồ đề. Khi thật hành 6 pháp Ba-la-mật, Bồ tát phải dụng vô sở đắc, mới là hành đạo Vô thượng bồ đề.

-o0o-

Phật tùy theo căn trí của chúng sanh, mà phương tiện dẫn dắt họ vào đạo:

- Đối với các bậc thượng căn, thì Phật dạy hành Bồ tát đạo, đó là dụng vô sở đắc, hành 6 pháp Ba-la-mật.

- Đối với hàng trung căn và hạ căn, thì Phật dạy hành Niết Bàn đạo. Đó là tu 37 Phẩm trợ đạo. Vì sao? Vì tu Phẩm trợ đạo sẽ khai mở trí huệ và dẫn đường vào thiền định, khiến hàng trung căn và hạ căn dễ tu hơn.

Cũng nên biết rằng 6 pháp Ba-la-mật dung nhiếp cả thế gian pháp và xuất thế gian pháp, nên rất khó tu. Còn 37 Phẩm Trợ Đạo dẫn đến 3 giải thoát môn, đến đại từ, đại bi, nên dễ tu hơn.

Hơn nữa, suốt quá trình tu tập 6 pháp Ba-la-mật, từ sơ phát tâm đến khi vào Kim Cang tam muội, hành giả phải cần khổ, làm những việc khó làm, nên rất khó tu hơn nhiều.

-o0o-

KINH:

Lúc bấy giờ ngài Xá Lợi Phất tán thán ngài Tu Bồ Đề: Lành thay, lành thay! Đây là Bát nhã Ba-la-mật lực chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Đúng như vậy, đúng như vậy. Đây chính là Bát nhã Ba-la-mật lực. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật lực sanh hết thấy các thiện pháp, từ Thanh Văn pháp, ..., dẫn đến Phật pháp, cũng dung nhiếp hết thấy các thiện pháp, từ Thanh Văn pháp, ..., dẫn đến Phật pháp.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Chư Phật trong quá khứ đã hành Bát nhã Ba-la-mật, mà được Vô thượng bồ đề, chư Phật ở vị lai sẽ hành Bát nhã Ba-la-mật để được Vô thượng bồ đề, chư Phật ở hiện tại cũng hành Bát nhã Ba-la-mật, mà được Vô thượng bồ đề.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Nếu có Bồ tát nào nghe Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng khởi tâm nghi, chẳng cho là khó, thì phải biết đó là Bồ tát Ma ha tát đã dụng vô sở đắc tu tập Bát nhã Ba-la-mật, hành Bồ tát đạo. Bồ tát này đã phát đại nguyện cứu độ hết thấy chúng sanh trọn chẳng ly đại bi niệm, trọn chẳng rời bỏ chúng sanh.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Theo chỗ tôi nghĩ thì Bồ tát chẳng trọn chẳng ly đại bi niệm, vì muốn cứu độ hết thấy chúng sanh. Vì sao? Vì biết rõ hết thấy chúng sanh cũng sẽ thành Bồ tát, nên Bồ tát trọn chẳng ly đại bi niệm hết thấy chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Lành thay, lành thay! Thưa ngài Xá Lợi Phất! Ngài đã chất vấn tôi mà nay chính ngài lại nêu lên đúng nghĩa mà tôi muốn nói vậy.

Vì sao? Chúng sanh là không nên niệm cũng là không. Chúng sanh tánh là không, nên niệm tánh cũng là không.

Chúng sanh pháp là không nên niệm pháp cũng là không. Lại nữa, chúng sanh là ly, là không, là bất khả tri (chẳng thể biết được), nên niệm cũng là ly, là không, là bất khả tri. Thừa ngài Xá Lợi Phất! Sắc, sắc tánh, sắc pháp, ..., dẫn đến thức, thức tánh, thức pháp là không nên niệm, niệm tánh, niệm pháp cũng là không. Lại nữa, sắc, ..., dẫn đến pháp là ly, là không, là bất khả tri, nên niệm cũng là ly, là không, là bất khả tri. Nhãn, ..., dẫn đến ý, sắc, ..., dẫn đến pháp, địa chủng, ..., dẫn đến thức chủng, Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, hết thấy các tam muội, hết thấy các đà la ni, nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, ..., dẫn đến Vô thượng bồ đề cũng đều là ly, là không, là bất khả tri, nên niệm cũng là như vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát Ma ha tát dụng vô sở đắc, hành Bồ tát đạo, trọn chẳng ly đại bi niệm chúng sanh.

Lúc bấy giờ, Phật tán thán ngài Tu Bồ Đề: Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! Ai muốn nói về Bồ tát Ma ha tát hành Bát nhã Ba-la-mật, thì nên nói đúng như lời ông vậy. Ông đã nói về Bát nhã Ba-la-mật đúng theo Phật tâm. Bởi vậy, Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật phải theo đúng như lời ông mà học.

-o0o-

Khi ngài Tu Bồ Đề vừa nói xong ý nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật, thì cả 3000 đại thiên thế giới đều chấn động.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn mỉm cười.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Thế Tôn mỉm cười?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Như ta đang nói Bát nhã Ba-la-mật ở thế giới này, thì ở vô lượng thế giới khác, trong khắp cả 10 phương, chư vị Phật khác cũng đang nói Bát nhã Ba-la-mật vậy.

-o0o-

Lúc Phật thuyết phẩm Bát nhã Ba-la-mật này xong, có 12 na do tha trong hàng Trời, người được vô sanh pháp nhãn.

Cùng lúc, chư Phật ở khắp trong 10 phương cũng nói Bát nhã Ba-la-mật, khiến vô lượng vô số chúng sanh phát tâm Vô thượng bồ đề.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật mỉm cười.

LUẬN:

Theo lời kinh trên đây, thì ngài Xá Lợi Phất tự nghĩ rằng: Ngài Tu Bồ Đề đã phân biệt rõ ràng Ba-la-mật thế gian và Ba-la-mật xuất thế gian, lại nói rõ các nhân duyên để được đạo Vô thượng bồ đề. Đây là những pháp đại lợi ích cho chúng sanh, nên ngài Xá Lợi Phất sanh tâm hoan hỷ, tán thán ngài Tu Bồ Đề.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: Nhờ lực gì mà phân biệt được các pháp một cách rành rẽ như vậy?

Ngài Tu Bồ Đề chẳng chút ngần ngại đáp rằng: Đây là do được Bát nhã Ba-la-mật soi sáng. Do lực của Bát nhã Ba-la-mật mới có thể phân biệt các pháp rành rẽ được như vậy. Nếu ly Bát nhã Ba-la-mật, thì thành tựu các thiện pháp, thành tựu

các Ba-la-mật khác còn chẳng được hưởng nữa là phân biệt, giải đáp về ý nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật.

Tự niệm như vậy nên ngài đã trả lời ngài Xá Lợi Phất rằng: Đây là nhờ lực Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Trước đây, ngài Tu Bồ Đề đã nói rằng Bát nhã Ba-la-mật lực ở nơi các pháp là chẳng có ngã (vô ngã), chẳng biết (vô tri), chẳng thấy (vô kiến), chẳng có ai biết (vô tri giả), chẳng có ai thấy (vô kiến giả). Nay ngài nói thêm rằng Bát nhã Ba-la-mật là ly “hữu - vô”, ly “đoạn - thường”. Bát nhã Ba-la-mật hay sanh các thiện pháp, dung nhiếp các thiện pháp, nên chẳng thể phá hoại được. Bát nhã Ba-la-mật là vô lượng, vô biên, dung nhiếp hết thấy pháp, ví như biển lớn dung chứa được các nguồn nước từ nhiều sông chảy đến vậy.

-o0o-

Lại nữa, ba đời, 10 phương chư Phật đều hành Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô thượng bồ đề. Trong 6 pháp Ba-la-mật, thì Bát nhã Ba-la-mật là tối tôn, tối trọng hơn cả. Bát nhã Ba-la-mật có lực phân biệt được hết thấy các pháp. Bát nhã Ba-la-mật có lực dung hợp được các Ba-la-mật khác. Bát nhã Ba-la-mật có lực phá được các tà kiến, các phiền não, cùng các hý luận.

Bát nhã Ba-la-mật được tán thán là vi diệu, thậm thâm. Chư Bồ tát dù trải qua vô lượng kiếp tu hành, đã được vô lượng phước đức, đã dứt trừ các phiền não, đã vào được bất thối chuyển, nhưng khi vừa nghe được Bát nhã Ba-la-mật là liền tín thọ, dẫn đến liền thâm nhập và thông đạt các pháp tướng.

Bởi nhân duyên vậy, nên chư Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật, hành Bồ tát đạo chỉ nhằm cứu độ chúng sanh, khiến họ ly được các khổ ở thế gian. Bồ tát chẳng ly đại bi niệm, vì biết rõ hết thấy các pháp tướng đều là rốt ráo không, nên niệm cũng rốt ráo không. Do vậy mà Bồ tát phá trừ được các tham ưu thế gian, dẫn dắt chúng sanh vào đạo, dạy cho họ hành các thiện pháp, khiến họ được lợi ích.

-oOo-

Sau đó ngài Xá Lợi Phất lại nêu thêm nhiều câu hỏi để chất vấn ngài Tu Bồ Đề, với nội dung như: Nếu nói Bồ tát chẳng ly đại bi niệm, vì biết rõ niệm và chúng sanh đều rốt ráo không, thì niệm rốt ráo không là vô niệm, vô tướng chẳng? Chẳng lẽ Bồ tát là có, mà chúng sanh là không hay sao? Nếu chúng sanh là có, thì vì sao lại nói Bồ tát là không?

Do các câu hỏi của ngài Xá Lợi Phất, mà ngài Tu Bồ Đề giải rộng thêm về Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài nói: Vì các pháp tướng đều rốt ráo không, nên chúng sanh cũng rốt ráo không. Vì chúng sanh là vô sở hữu, nên niệm cũng là vô sở hữu. Vì chúng sanh là không, là ly, là bất khả tri, nên niệm cũng là không, là ly, là bất khả tri vậy.

Sắc, ..., dẫn đến Vô thượng bồ đề, cũng đều là như vậy.

Hỏi: Ở đoạn kinh trên đây có nói rằng Bồ tát chẳng ly đại bi niệm chúng sanh. Như vậy là có niệm, sao lại nói là vô niệm?

Đáp: Bồ tát chẳng ly đại bi niệm chúng sanh, nghĩa là Bồ tát trọn chẳng rời bỏ chúng sanh. Thế nhưng, Bồ tát đại bi niệm chúng sanh với tâm vô sở đắc, mà cũng chẳng chấp thủ tướng tâm vô sở đắc đó, nên được “vô sở đắc không”.

Ở nơi đây cũng nên biết rằng “bất khả đắc không” và “rốt ráo không” chẳng có khác nghĩa nhau, chỉ khác nhau về danh tự. “Bất khả đắc không” thường được nêu lên ở giai đoạn đầu, còn “rốt ráo không” thường được nêu lên ở giai đoạn cuối.

Khi Bồ tát đã liễu được “rốt ráo không” rồi, là thành tựu được “đại tâm”. Từ “đại tâm” dẫn sanh “đại bi tâm”, “đại bi niệm”. Trong kinh có nói đến 3 thứ duyên của “đại bi tâm”. Đó là:

- Duyên chúng sanh.
- Duyên pháp.
- Vô duyên.

“Vô duyên đại bi” mới thật rốt ráo là “đại bi”. Vì sao? Vì “vô duyên đại bi” là từ nơi “rốt ráo không” mà sanh vậy. Đây chính là chỗ mà ngài Xá Lợi Phất muốn ngài Tu Bồ Đề cho biết. Do vậy ngài Tu Bồ Đề đã nương theo tâm Phật để giải đáp về vấn đề này.

Phật ấn chứng lời giải của ngài Tu Bồ Đề, và tán thán rằng: Lành thay, lành thay! Nay Tu Bồ Đề! Ai muốn nói về Bồ tát Ma ha tát hành Bát nhã Ba-la-mật thì nên nói đúng như lời ông vậy. Ông đã nói về Bát nhã Ba-la-mật đúng theo tâm Phật.

-o0o-

Lúc bấy giờ, ở trong chúng hội, các hàng Trời, người, đều nghĩ rằng: Bát nhã Ba-la-mật là pháp thâm thâm vi diệu. Chư Phật trong cả 3 đời đều từ nơi Bát nhã Ba-la-mật sanh ra cả. Đến như ngài Bồ tát Di Lặc và hết thảy các Bồ tát khác, hết thảy các vị Phạm Thiên vương, nếu chẳng có nương theo

Phật lực, thì đặt các nạn vấn về Bát nhã Ba-la-mật còn chẳng được, huống nữa là lạc thuyết về Bát nhã Ba-la-mật. Ngài Tu Bồ Đề chỉ là Thanh Văn, mà ở trước Phật và đại chúng đã lạc thuyết về Bát nhã Ba-la-mật như vậy, thật là rất xứng đáng được Phật tán thán. Ngài Tu Bồ Đề thuyết Bát nhã Ba-la-mật đúng theo tâm Phật. Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật phải theo đúng chỗ ngài Tu Bồ Đề thuyết mà tu tập vậy.

-o0o-

Khi thuyết xong về ý nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật thì cả 3.000 đại thiên thế giới đều chấn động, có vô lượng chúng sanh trong khắp 10 phương phát Vô thượng bồ đề tâm, lại có 12 na do tha trong hàng Trời, người được vô sanh pháp nhẫn.

Sau đây là những nguyên nhân khiến 3.000 đại thiên thế giới dấy lên 6 diệu chấn động.

- Bát nhã Ba-la-mật là pháp thậm thâm vi diệu, khó giải, khó biết. Nên Phật dùng Phật lực làm cho đại địa chấn động, khiến chúng sanh phát khởi tín tâm thanh tịnh nơi Bát nhã Ba-la-mật, dẫn đến tinh tấn tu hành Bát nhã Ba-la-mật. Chư Phật, chư Thiên, chư đại Chúng Địa Thần... ở trong khắp 10 phương đều hoan hỷ chưa từng có, khiến đại địa chấn động.

- Có vô lượng chúng sanh, do đã nhiều kiếp tu tập nên phát tâm tin thọ Bát nhã Ba-la-mật, cho là pháp hy hữu chưa từng có. Do phát tâm như vậy mà chiêu cảm đến phong đại, phong đại chiêu cảm đến thủy đại, thủy đại chấn động nên đại địa cũng chấn động theo.

- Ở tận dưới biển sâu, Long Vương phát tâm muốn nghe Bát nhã Ba-la-mật từ dưới nước phóng lên làm cho thủy động, thủy động tác duyên làm cho địa động.

- Lại nữa, khi nghe xong Bát nhã Ba-la-mật, có vô lượng chúng sanh trong khắp 10 phương phát Vô thượng bồ đề tâm, có 12 na do tha trong hàng Trời, người được vô sanh pháp nhẫn, vào Bồ tát vị. Do tín lực mạnh mẽ như vậy chiêu cảm mà đại địa chấn động.

-o0o-

Lúc bấy giờ, chư thiên đem hoa trời, hương trời, kỹ nhạc trời, bảo cái đến cúng dường Phật. Lại có các Long Vương từ 4 biển sâu, có các Dạ Xoa, La Sát, ... phát khởi tín tâm, chấp tay tán thán Phật.

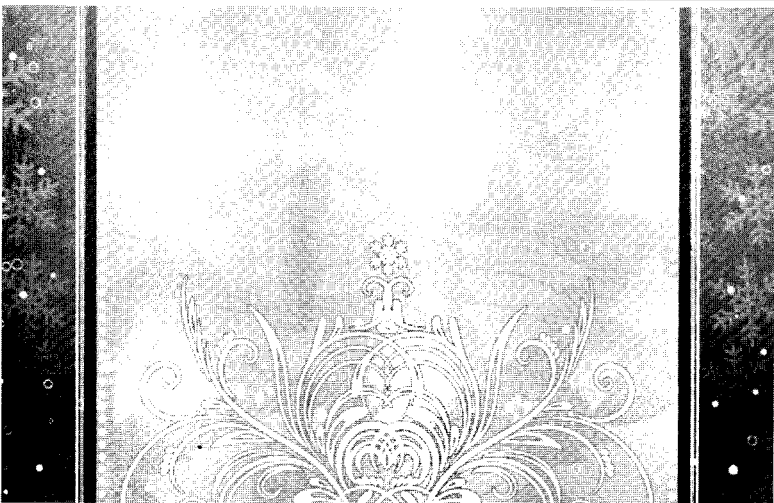
-o0o-

Do đại sự nhân duyên Phật thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật, thuyết về thật tướng các pháp mà có các hiện tượng chấn động hy hữu của đại địa hiện ra, nên Phật mỉm cười, phóng vô lượng quang minh chiếu khắp cả 10 phương thế giới.

(Hết quyển 53)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 54



Phẩm Thứ Hai Mươi Bảy



Thiên vương
(Vua Trời)

KINH:

Lúc bảy giờ, từ 3.000 đại thiên thế giới, chư vị Tứ Thiên vương đồng đến pháp hội. Lại có chư vị Đạo Lợi Thiên vương, Dạ Ma Thiên vương, Đâu Suất Thiên vương, Hóa Lạc Thiên vương, Tự Tại Thiên vương, Đại Tự Tại Thiên vương, Phạm Thiên vương, cùng vô số trăm, ngàn, vạn, ức chư Thiên đồng đến pháp hội.

Chư Thiên và chư Thiên vương đều phóng quang minh, thế nhưng, trước quang minh của Phật, quang minh của chư Thiên và của chư Thiên vương chẳng thể nào hiển bày ra được.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn, vị Thiên vương ở cõi trời Đạo Lợi nói với ngài Tu Bồ Đề rằng: Thưa Đại đức! Từ khắp 3.000 đại thiên thế giới, chư Thiên và chư Thiên vương chúng tôi đều hội về đây để được nghe Đại đức thuyết về Bát nhã Ba-la-mật.

Thưa Đại đức! Bồ tát Ma ha tát làm thế nào để an trú trong Bát nhã Ba-la-mật? Làm thế nào để thật hành Bát nhã Ba-la-mật?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Tôi nay nương theo Phật tâm, nhờ Phật lực gia bị mà thuyết Bát nhã Ba-la-mật cho chư Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật.

Nay có vị chư Thiên nào chưa phát Vô thượng bồ đề tâm, thì xin hãy phát tâm trước đã. Vì sao? Vì chư vị đã nhập chánh vị Thanh Văn vẫn còn bị sanh tử làm chướng ngại, nên chẳng có thể phát được Vô thượng bồ đề tâm.

Nếu có vị nào đã phát Vô thượng bồ đề tâm, thì tôi xin tùy hỷ tán thán. Vì sao? Vì “thượng nhân” phải cầu “thượng pháp”.

* Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật như thế nào chẳng?

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bồ tát, đúng theo Tát bà nhã tâm, dụng vô sở đắc, quán sắc, ..., dẫn đến thức, quán nhãn, ..., dẫn đến ý, quán sắc, ..., dẫn đến pháp, quán địa chủng, ..., dẫn đến thức chủng đều là vô thường, khổ, không, vô ngã, lại quán sắc, ..., dẫn đến thức, quán nhãn, ..., dẫn đến ý, quán sắc, ..., dẫn đến pháp, quán địa chủng, ..., dẫn đến thức chủng đều là như bệnh, như ung nhọt, như vết thương do mũi tên ghim vào thân, gây đau nhức, tán hoại, lo sợ, lại quán sắc, ..., dẫn đến thức, quán nhãn, ..., dẫn đến ý, quán sắc, ..., dẫn đến pháp, quán địa chủng, ..., dẫn đến thức chủng đều là tịch diệt, là ly, là bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh. Vì sao? Vì đều là bất khả đắc.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bồ tát, đúng theo Tát bà nhã tâm, dụng vô sở đắc, quán vô minh duyên hành, ..., dẫn đến sanh duyên lão tử đều là những nhân duyên tạo ra các ưu bi, khổ não, lại quán vô minh diệt, thì hành diệt, ..., dẫn đến sanh diệt, thì lão tử diệt, khiến các ưu bi, khổ não cũng đều diệt theo. Vì sao? Vì đều là bất khả đắc.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bồ tát, đúng theo Tát bà nhã tâm, dụng vô sở đắc, quán 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất

cộng pháp, quán Đản Ba-la-mật, ..., dẫn đến Thiền na Ba-la-mật đều là bất khả đắc.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật Bồ tát quán hết thấy các pháp đều là cộng tướng, đều tác duyên cho nhau, nhuận ích và tăng trưởng cho nhau. Nếu tư duy phân biệt thì biết rõ hết thấy các pháp đều là vô ngã và vô ngã sở.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Tâm hồi hướng chẳng phải là tâm Vô thượng bồ đề, tâm Vô thượng bồ đề cũng chẳng phải là tâm hồi hướng. Vì sao? Vì ở nơi tâm Vô thượng bồ đề thì tâm hồi hướng là bất khả đắc, ở nơi tâm hồi hướng thì tâm Vô thượng Bồ đề là bất khả đắc.

Bồ tát tuy quán hết thấy các pháp mà biết rõ hết thấy các pháp đều là bất khả đắc cả. Như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi: Thưa ngài Đại đức! Vì sao tâm hồi hướng chẳng phải là tâm Vô thượng bồ đề, tâm Vô thượng bồ đề chẳng phải là tâm hồi hướng? Vì sao ở nơi tâm Vô thượng bồ đề thì tâm hồi hướng là bất khả đắc, ở nơi tâm hồi hướng thì tâm Vô thượng bồ đề là bất khả đắc?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Tâm hồi hướng và tâm Vô thượng bồ đề là phi tâm (chẳng phải tâm), phi tâm tướng (chẳng phải tâm tướng). Ở nơi phi tâm tướng chẳng có thể hồi hướng phi tâm tướng được. Phi tâm tướng (chẳng phải tâm tướng) là bất khả tư nghi tướng (tướng chẳng thể nghi bàn). Mà bất khả tư nghi tướng chính là Bát nhã Ba-la-mật tướng vậy.

Như vậy, gọi là Bồ tát Ma ha tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật.

Lúc bấy giờ, Phật tán thán ngài Tu Bồ Đề: Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! ông đã vì chư Bồ tát khéo thuyết về Bát nhã Ba-la-mật để an ổn tâm Bồ tát.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Vì báo đền ơn Phật, mà con đã vì chư Bồ tát thuyết 6 pháp Ba-la-mật, nhằm khai thị lợi ích cho hết thấy chúng sanh.

Bạch Thế Tôn! Trong quá khứ, chư Phật cùng chư đại đệ tử đã nói 6 pháp Ba-la-mật cho hàng Bồ tát nghe, khiến họ vào được đạo Vô thượng bồ đề. Hôm nay con cũng vì hàng Bồ tát nói 6 pháp Ba-la-mật, khai thị các lợi ích, nhằm giúp họ vào được đạo Vô thượng bồ đề.

LUẬN:

Hỏi: Ở phẩm trước có nói đến Phật phóng quang minh, và đã có nói chư Thiên nương theo ánh quang minh của Phật, mà đến dự pháp hội. Nay vì sao còn nói nữa?

Đáp: Có thuyết nói đây là lần thứ hai, chư Thiên vân tập về dự pháp hội. Cũng có thuyết nói đây chỉ mới là lần thứ nhất.

Tựu trung, sự kiện chư Thiên vân tập dự pháp hội được nhắc lại nơi phẩm này có mục đích nêu rõ tầm quan trọng của pháp hội thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Trong kinh có nói rằng, khi ngài Tu Bồ Đề nói kinh Bát nhã Ba-la-mật, thì chư Thiên đều hoan hỷ, phóng quang minh và vân tập về pháp hội.

Phật mỉm cười phóng đại quang minh, khiến cho các quang minh của chư thiên chẳng có thể hiển lộ ra được.

Nên biết rằng chư Thiên đến dự pháp hội đều có phóng quang minh rực rỡ. Đặc biệt chư Thiên cõi Sắc, do thường tu thiền định, do đã ly dục và thường tu tập “Hóa tam muội”

nên thân thường xuất diệu sắc quang minh. Quang minh của chư Thiên tuy tỏa rộng, nhưng đối trước quang minh của Phật chẳng có thể hiển lộ ra được.

-oOo-

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn, vị Thiên vương ở cõi trời Đao Lợi thấy quang minh của Phật như vậy, tự nghĩ rằng: Quang minh của Phật che lấp hết các quang minh của chư Thiên. Đây chính là trí huệ lực của Phật, có công năng phá trừ hết vô minh, si ám của chúng sanh.

Bởi nhân duyên vậy, nên khi Phật bảo ngài Tu Bồ Đề nói Bát nhã Ba-la-mật, chư Thiên ở khắp 10 phương liền vân tập về pháp hội để nghe pháp.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đại diện cho hàng chư Thiên, đã hỏi ngài Tu Bồ Đề về thể của Bát nhã Ba-la-mật, về cách thật hành Bát nhã Ba-la-mật, về các phương tiện dẫn vào Bát nhã Ba-la-mật và an trú trong Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề đã đáp lại với nội dung: Ví như người phát tâm hành bố thí Ba-la-mật, thấy người đói khát liền cho ăn uống, thấy người cần thuốc men liền cung cấp thuốc men... Bồ tát cũng như vậy, khi đã phát tâm cầu Phật đạo, thì phải vì mọi người mà nói Bát nhã Ba-la-mật, nhằm đem lại lợi ích cho họ. Như vậy mới gọi là báo đáp thâm ân của Phật.

Ngài lại nói thêm rằng: Nếu vị nào chưa phát tâm Vô thượng bồ đề, thì phải nên phát tâm trước đã. Vì sao? Vì các vị đã nhập chánh vị Thanh Văn vẫn còn bị sanh tử làm chướng ngại, nên chẳng có thể phát tâm Vô thượng bồ đề được. Các vị đã phát tâm Vô thượng bồ đề vẫn còn phải cần khổ tu tập để được lậu tận, mới mong thoát ly được nghiệp

báo trưng tục sanh thân. Phải có đủ các nhân duyên như vậy mới có thể hành Bồ tát đạo được.

Hỏi: *Ngài Tu Bồ Đề tự mình đã nói chẳng kham nhận Bát nhã Ba-la-mật. Nay vì sao ngài lại nói “có vị nào phát tâm Vô thượng bồ đề, thì tôi xin tùy hỷ tán thán”? Vì sao ngài nói “thượng nhân phải cầu thượng pháp”?*

Đáp: Ngài Tu Bồ Đề tuy ở trong hàng Thanh Văn, nhưng thường tu hạnh “không”, nên ngài chẳng chấp đắm Thanh Văn địa. Bởi vậy nên ngài mới nói như trên đây.

Có 2 lý do khiến ngài Tu Bồ Đề nói như trên. Đó là:

- Ngài chẳng muốn làm chướng ngại tâm tu phước của chư Thiên, nên nói “có vị nào phát tâm Vô thượng bồ đề, thì tôi xin tùy hỷ, tán thán”.

- Ngài muốn khuyến khích chư Thiên phát tâm Vô thượng bồ đề, nên nói “thượng nhân phải cầu thượng pháp”.

Vô thượng bồ đề chính là chỗ sở cầu của bậc thượng nhân vậy.

Vô thượng bồ đề lại khuyên chư Thiên quán 5 ấm là vô thường, khổ, không, vô ngã, quán 5 ấm là như bệnh, như ung nhọt khó chữa lành, như vết thương do mũi tên ghim vào thân gây đau nhức. Nếu tùy thuộc vào 5 ấm thì chẳng sao có được an ổn, vì 5 ấm ví như sư tử, hổ beo, lang sói... thường làm cho người sợ hãi, lo âu.

Hỏi: *Có thuyết nói 5 ấm có 15 pháp đáng sợ. Chỉ có 15 pháp thôi, hay còn pháp nào đáng sợ khác nữa?*

Đáp: Nói hẹp thì có 15 pháp tội lỗi do 5 ấm gây ra. Nói rộng thì có vô lượng pháp tội lỗi. Như trong kinh *Tạp A* hàm nói 5 ấm có 100 pháp tội lỗi.

Hỏi: Vì sao phải nói 5 ám là vô thường, khổ, không, vô ngã, vì sao phải nói đến 8 nỗi khổ (bát khổ)^(*)?

Đáp: Nên phân biệt có 3 hạng người. Đó là:

- Hạng thượng căn.

- Hạng trung căn.

- Hạng hạ căn.

- Hạng thượng căn vừa nghe nói đến “sanh khổ”, “lão khổ”, “bệnh khổ”, “tử khổ” là liền vào được “Khổ thánh đế”.

- Hạng trung căn nghe nói đến các khổ của sanh, già, bệnh và chết cũng vẫn chưa sanh được tâm nhàm chán thế gian. Bởi vậy phải nói 5 ám như bệnh, như ung nhọt, như vết thương do mũi tên ghim vào thân... mới khiến họ sanh nhàm chán.

- Hạng hạ căn phải nói đến 8 thứ khổ lớn, dẫn đến phải nói đến hàng trăm, hàng ngàn thứ khổ khác nữa mới khiến họ sanh nhàm chán thế gian được vậy.

Các bậc Thánh chi quán 4 đế là đã nhiếp đủ cả 16 thứ hạnh rồi. Bởi vậy nên nói thuyết Bát nhã Ba-la-mật là thuyết về các thánh hạnh, để cho các bậc thượng căn được thâm nhập.

*. Bát khổ là 8 nỗi khổ lớn: 1) Sanh khổ. 2) Lão khổ. 3) Bệnh khổ. 4) Tử khổ. 5) Ái biệt ly khổ. 6) Oán tắng hội khổ. 7) Cầu bất đắc khổ. 8) Ngũ thanh ám khổ (hay ngũ ám xí thanh khổ).

- Ái biệt ly khổ là khổ do phải xa lìa người mình thương mến.

- Oán tắng hội khổ là khổ do phải gặp kẻ mà mình oán ghét, gặp cảnh mình đổ kỵ.

- Cầu bất đắc khổ là khổ do mong cầu mà chẳng được như ý muốn.

- Ngũ thanh ám khổ là khổ do 5 ám chẳng được hòa đồng. Có một ám nào thanh quá cũng đủ làm cho mình khổ.

Nay chư Thiên hỏi bước đầu hành pháp Ba-la-mật, nên phải nói 12 nhập, 18 giới, ..., dẫn đến nói hết thầy các pháp đều do 5 âm duyên khởi tác thành.

Nếu hành giả quán 5 âm là tịch diệt, là viễn ly, thì biết rõ được hết thầy các pháp đều là bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh.

Hàng Thanh Văn do chưa đầy đủ lực trí huệ, nên khi quán 5 âm chưa vào được các pháp viễn ly, tịch diệt, mà chỉ quán 5 âm là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Bồ tát do lợi căn, lại đã đầy đủ lực trí huệ, nên khi quán 5 âm liền biết rõ 5 âm là tịch diệt, là viễn ly, là bất khả đắc. Bởi vậy nên Bồ tát thường dùng “vô sở đắc không huệ” mà quán các pháp tướng.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn chỉ hỏi về “Bát nhã Ba-la-mật tướng”, chẳng hỏi về “5 âm tướng”, nhưng ngài Tu Bồ Đề lại đáp lại rằng: Bát nhã Ba-la-mật tướng chẳng ly 5 âm tướng, đó chính là Niết Bàn tướng. Vì sao? Vì thật tướng của 5 âm chính là Niết Bàn tướng vậy.

Đối với những người căn trí còn yếu kém, thì trước hết phải quán 5 âm là vô thường, khổ, không, vô ngã, rồi sau đó mới quán 5 âm là viễn ly, là tịch diệt, là bất khả đắc. Quán các nhân duyên tác pháp khác cũng đều là như vậy cả. Sau đó mới tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 8 thánh đạo v.v...

Bồ tát do lợi căn, thượng trí, nên khi quán các pháp tướng, khi tu các pháp môn đều dụng vô sở đắc, dùng theo Tát bà nhã tâm, Bồ tát hành Bồ tát đạo như vậy là hành Bát nhã Ba-la-mật tướng, dẫn đến Vô thượng bồ đề.

Hỏi: *Đang nói về hành Bát nhã Ba-la-mật tướng, vì sao ở đoạn giữa lại nói về các nhân duyên pháp nhuận ích, tăng trưởng?*

Đáp: Ngài Tu Bồ Đề trước nói hết thấy các pháp đều vô thường, khô, không, vô ngã. Sau mới nói hết thấy pháp đều viễn ly tịch diệt, tịch diệt, bất khả đắc.

Ngài cũng nói hết thấy pháp đều rốt ráo không, nhưng do nhân duyên hòa hợp mà có.

Ngài cũng nói về tu 4 niệm xứ..., 8 thánh đạo, 18 bất cộng pháp, nói về hành Bồ tát đạo, để cho hết thấy chúng sanh thấy rõ rằng: Tuy các pháp đều rốt ráo không, đều là vô ngã, vô sanh, nhưng do các duyên hòa hợp tác thành mà có 4 đại, có 6 thức, ..., dẫn đến có hết thấy các pháp.

Khi đã có 4 đại, có 6 thức rồi, thì 10 pháp này có lực “năng sanh”, “năng khởi” biến hóa ra sơn hà vũ trụ.

Chúng sanh do tâm điên đảo, dùng thức phân biệt mà chấp có các sự, các vật. Có kẻ lầm tưởng rằng tất cả các sự vật đều do một vị chủ thể nào đó tạo lập ra, mà chẳng biết rằng các sự, các vật, từ núi cao rừng rậm... đến ruộng vườn cây cỏ v.v, ..., dẫn đến sắc thân của chúng sanh cũng do 4 đại, 4 đại tạo sắc và 6 thức tạo thành, mà có đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng v.v...

Ví như nhà huyền thuật hóa tác ra nào người, nào vật... trên sân khấu, khiến người xem lầm tưởng là thật có.

Thật ra các cảnh vật trên sân khấu đều là huyền cảnh, huyền vật, đều chẳng thật có.

-o0o-

Hết thấy các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, hoặc cộng sanh, hoặc do tương ưng nhân duyên sanh, hoặc do quả báo nhân duyên sanh.

Nếu thường tu, thường quán thì thiện quả báo sẽ được tăng trưởng. Ví như gieo hạt giống đúng thời tiết, có đầy đủ phân bón, nước tưới, lại chăm sóc chu đáo thì cây sẽ được xanh tốt, sẽ đơm hoa kết trái. Cũng như vậy, người tu hành dùng lực trí huệ quán hết thấy các pháp đều như huyễn, như hóa, đều chẳng có chủ tác... nên đồng mãnh phát tâm cầu đạo Vô thượng. Tuy nay mới phát tâm, nhưng chắc chắn về sau sẽ được đạo Vô thượng bồ đề vậy.

Hỏi: *Nếu nói tâm hồi hướng chẳng có trong tâm Vô thượng bồ đề, thì tâm ấy là như thế nào?*

Đáp: Khi đã vào trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì biết rõ hết thấy các pháp đều là phi thường tướng (chẳng phải tướng thường), phi vô thường tướng (chẳng phải tướng vô thường), phi hữu tướng (chẳng phải tướng có), phi vô tướng (chẳng phải tướng không).

Như vậy chẳng nên nạn vấn về tướng của tâm hồi hướng làm gì nữa.

Hỏi: *Tâm đã chứng diệt thì làm sao phát được tâm Vô thượng bồ đề? Lại nữa, nếu hết thấy các pháp đều chẳng sanh, chẳng diệt, cũng chẳng phải chẳng sanh, chẳng phải chẳng diệt, thì làm sao có thể phát được tâm Vô thượng bồ đề, và như vậy phải hồi hướng tâm về đâu?*

Đáp: Phật dạy: Bồ đề tướng chẳng phải ở vị lai, chẳng phải ở hiện tại.

Trong phẩm Như Tướng, Phật dạy: Quá khứ chẳng rời vị lai, vị lai chẳng rời hiện tại. Vì sao? Vì là nhất như, là chẳng phải hai, chẳng phải khác vậy.

Bởi vậy nên nói: Tâm Vô thượng bồ đề chẳng có trong

tâm hồi hướng, tâm hồi hướng cũng chẳng có trong tâm Vô thượng bồ đề. Cả hai tâm ấy đều là bất khả đắc cả. Chẳng nên nạn vẫn phải hồi hướng tâm về đâu làm gì nữa.

-o0o-

Lại nữa, khi nghe tán thán Phật đạo, Bồ tát liền phát tâm làm các công đức, và hồi hướng hết thảy các công đức về Phật đạo. Bởi vậy nên Bồ tát làm hết thảy các công đức, chẳng bao giờ ngưng nghỉ.

Bồ tát lại thường dụng tâm như huyễn, tâm vô sở đắc khi hành các pháp. Như vậy mới gọi là Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ hết thảy các pháp đều do các duyên hòa hợp sanh, chẳng có định tướng, nên chẳng thủ chấp các pháp tướng, cũng chẳng thủ chấp tâm chứng diệt vậy.

-o0o-

Bởi vậy khi nghe ngài Thích Đề Hoàn Nhơn nêu lên câu hỏi “Vì sao nói tâm Vô thượng bồ đề chẳng có tâm hồi hướng, và tâm hồi hướng cũng chẳng có trong tâm Vô thượng bồ đề?” thì ngài Tu Bồ Đề chẳng dùng Thế Đế để trả lời, mà ngài phải dùng Đế nhất nghĩa đế.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Cả 2 tâm đều là không, là phi tâm tướng (là chẳng có tâm tướng). Vì sao? Vì các pháp tướng rốt ráo là không. Trong tánh không chẳng có tướng tâm, nên là phi tâm tướng. Hết thảy các pháp đều là không, là vô tướng.

Như vậy nếu nói đến hồi hướng, thì phải đề cập đến hai pháp đối đãi. Như xe chạy từ hướng Nam, nghỉ ở hướng Tây, rồi quay trở về hướng Nam, thì mới gọi là hồi hướng được.

Nếu xe chẳng thật có, phương cũng chẳng thật có, thì cũng chẳng thật có hồi hướng vậy.

Cũng như vậy, vì tâm là bất khả đắc. Vô thượng bồ đề cũng là bất khả đắc, thì tâm hồi hướng về Vô thượng bồ đề cũng là bất khả đắc.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề nói rằng: Tâm là thường trú, là bất sanh, bất diệt, là phi tâm tướng, là bất khả tư nghì tướng. Đã là bất khả tư nghì tướng thì chẳng thể tư duy, trừ lượng, chẳng thể chấp thủ tướng tâm được vậy.

Phật biết rõ ngài Tu Bồ Đề đã thâm nhập Bát nhã Ba-la-mật chỉ là danh tự, biết rõ hết thấy pháp đều do duyên hòa hợp mà có cũng chỉ là danh tự, biết rõ hết thấy các pháp tướng cùng Bát nhã Ba-la-mật tướng là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Bởi nhân duyên vậy, nên giữa đại chúng Phật đã tán thán ngài Tu Bồ Đề rằng: Lành thay, lành thay! Ông là Thanh Văn mà thuyết được thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật cho hàng Bồ tát nghe, làm an ổn tâm của các Bồ tát. Ông chớ nên nghĩ rằng mình chưa sạch các tập khí, phiền não mà sanh tâm giải đãi. Nếu ở nơi các pháp mà được vô chướng ngại, thì sẽ biết rõ rằng sơ tâm (tâm ban đầu) và hậu tâm (tâm sau cùng) chẳng có gì riêng khác cả. Hãy tinh tấn tu tập, ắt sẽ viên thành Phật đạo.

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ: Vào được thật tướng pháp mới thoát khỏi các khổ “sanh, già, bệnh, chết”, liễu đạt được thật tướng pháp mới thành tựu được vô lượng công đức. Bởi vậy nên ta phải lạc thuyết Bát nhã Ba-la-mật. Lại nữa, do Phật hiển dụng đại bi tâm, chuyển pháp luân độ thoát vô lượng chúng sanh, mà ta được thiện duyên nương theo pháp Phật

vào đạo. Bởi vậy nên ta phải lạc thuyết Bát nhã Ba-la-mật, để báo ân Phật. Lại nữa, chư Phật quá khứ và chư đại đệ tử đã do nhân duyên thuyết Bát nhã Ba-la-mật, mà được viên thành Phật đạo. Nay đức Thế Tôn cũng do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô thượng bồ đề. Bởi vậy nên ta phải nhất tâm tôn kính ba ngôi Tam bảo, phải thường lạc thuyết Bát nhã Ba-la-mật.

Tự niệm như vậy rồi, ngài Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Trong quá khứ, chư Phật cùng chư đại đệ tử đã nói 6 pháp Ba-la-mật cho hàng Bồ tát nghe, khiến họ vào được đạo Vô thượng bồ đề. Hôm nay con cũng vì hàng Bồ tát, nói 6 pháp Ba-la-mật, khai thị lợi ích, nhằm giúp họ vào được đạo Vô thượng bồ đề. Con nương theo Phật tâm, nhờ Phật lực gia bị mới có thể lạc thuyết được Bát nhã Ba-la-mật tại chúng hội này.

-o0o-

Cũng nên biết, ba ngôi Tam bảo mà ngài Tu Bồ Đề nói trên đây là:

- Phật bảo gồm chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai.
- Pháp bảo gồm 6 pháp Ba-la-mật.
- Tăng bảo gồm chư vị đại đệ tử của chư Phật, và chư vị Bồ tát.

6 pháp Ba-la-mật là diệu pháp, khai thị cho chúng sanh được thoát ly sanh tử. Bồ tát phân biệt nói về 6 pháp Ba-la-mật nhằm giáo hóa chúng sanh xả ác, hành thiện, diu dắt chúng sanh tu hành nhằm viễn ly các khổ. Người nghe được Bát nhã Ba-la-mật, dù ở hiện đời chưa được Phật đạo, nhưng quyết định về sau sẽ được Phật đạo vậy.

Bồ tát tán thán người tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nhằm khuyến tấn họ mau thành Phật đạo.

Tóm lại, Bồ tát hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật để tự trang nghiêm, thuyết giảng 6 pháp Ba-la-mật nhằm đem lại lợi ích cho chúng sanh vậy.

-o0o-

KINH:

Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề nói với ngài Thích Đề Hoàn Nhon rằng: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Ngài có biết rõ Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phải nên trú, và chẳng nên trú như thế nà chẳng?

*Thế nào là nên trú?

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát biết rõ sắc là không, ..., dẫn đến thức là không, biết rõ Bồ tát cũng là không. Bồ tát lại biết rõ sắc không, ..., dẫn đến thức không và Bồ tát không là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Bồ tát Ma ha tát khi hành Bát nhã Ba-la-mật, nên trú như vậy.

Bồ tát biết rõ nhãn, ..., dẫn đến ý, sắc, ..., dẫn đến pháp, địa chủng, ..., dẫn đến thức chủng là không, biết rõ Bồ tát cũng là không. Bồ tát lại biết rõ nhãn không, ..., dẫn đến ý không, sắc không, ..., dẫn đến pháp không, địa chủng không, ..., dẫn đến thức chủng không và Bồ tát không là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Bồ tát biết rõ vô minh, ..., dẫn đến lão tử, vô minh diệt, ..., dẫn đến lão tử diệt là không, biết rõ Bồ

tát cũng là không, lại biết rõ vô minh không, vô minh diệt không, ..., dẫn đến lão tử không, lão tử diệt không và Bồ tát không là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Bồ tát Ma ha tát khi hành Bát nhã Ba-la-mật, nên trú như vậy.

Đối với Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, hết thấy các tam muội, hết thấy các đà la ni, Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa, Phật thừa, Bồ tát cũng biết rõ như vậy.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bồ tát Ma ha tát khi hành Bát nhã Ba-la-mật, nên trú như vậy.

*Thế nào là chẳng nên trú?

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng nên trú trong sắc, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong thức, chẳng nên trú trong nhãn, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong ý, chẳng nên trú trong sắc, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong pháp, chẳng nên trú trong nhãn thức, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong ý thức, chẳng nên trú trong nhãn xúc, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong ý xúc, chẳng nên trú trong nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong ý xúc nhân duyên sanh thọ. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Bồ tát chẳng nên trú trong Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong Bát nhã Ba-la-mật, chẳng nên trú trong 4 niệm xứ, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong 18 bất cộng pháp. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Bồ tát chẳng nên trú trong Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo, Bồ tát đạo, Phật đạo, ..., dẫn đến chẳng nên

trú trong Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Lại nữa, thưa ngài Kiều Thi Ca! Dù sắc, ..., dẫn đến thức là thường, là vô thường, là lạc, là khổ, là tịnh, là bất tịnh, là ngã, là vô ngã, là không, là bất không, là tịch diệt, là bất tịch diệt, là ly, là bất ly..., Bồ tát cũng đều chẳng nên trú. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Lại nữa, thưa ngài Kiều Thi Ca! Ở nơi vô vi tướng của quả vị Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến ở nơi vô vi tướng của quả vị Phật, ở nơi phước điền Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến ở nơi phước điền Phật. Bồ tát cũng đều chẳng nên trú. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Từ sơ địa, ..., dẫn đến thập địa, Bồ tát cũng đều chẳng nên trú. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Lại nữa, thưa ngài Kiều Thi Ca! Từ sơ phát tâm, Bồ tát nói: “Ta phải đầy đủ Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, ta phải vào Bồ tát vị, ta phải vào bất thối chuyển địa, ta phải đầy đủ 5 thân thông”. Bồ tát nói mà chẳng nên trú. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Bồ tát nói: “Ta sẽ được đầy đủ 5 nhãn, được hết thấy các đà la ni môn, hết thấy các tam muội môn; ta sẽ được đầy đủ 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, ta sẽ đầy đủ đại từ, đại bi; ta sẽ đầy đủ 32 tướng tốt”. Bồ tát nói mà chẳng nên trú. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Bồ tát nói: “Ta sẽ trang nghiêm quốc độ của ta như các quốc độ của chư Phật, ta sẽ thành tựu chúng sanh, khiến họ vào được Phật đạo, ta sẽ đi đến vô lượng cõi Phật, để tán thán và cúng dường chư Phật, ta sẽ độ vô lượng chúng sanh, khiến họ phát tâm Vô thượng bồ đề”.

Bồ tát nói mà chẳng nên trú. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Bồ tát nói: “Ta sẽ ở trong 8 hạng người tín hành và pháp hành. Ta sẽ là Tu-đà-hoàn, 7 phen sanh lại, ta sẽ là Tu-đà-hoàn, khi mạng chung được sạch phiền não, trung gian nhập Niết Bàn, ta sẽ là Tu-đà-hoàn hướng Tu-đà-hàm quả chứng, ta sẽ là Tu-đà-hàm nhất lai nhập Niết Bàn, ta sẽ là Tu-đà-hàm hướng A-na-hàm quả chứng, ta sẽ là A-na-hàm nhất lai nhập Niết Bàn, ta sẽ là A-na-hàm hướng A-la-hán quả chứng, ta sẽ là A-la-hán nhập Vô dư Niết Bàn”. Bồ tát nói mà chẳng nên trú. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Bồ tát nói: Ta sẽ là Bích Chi Phật, ta sẽ trú Bồ tát địa, vượt hơn hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, ta sẽ được đạo chủng trí, sẽ được Nhất thiết chủng trí, sẽ đắc Vô thượng bồ đề, sẽ chuyển pháp luân, sẽ hành Phật sự, sẽ độ vô lượng chúng sanh”. Bồ tát nói mà chẳng nên trú. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Bồ tát nói: “Ta sẽ đầy đủ 4 như ý túc, sẽ trú trong các tam muội, sẽ thọ hằng sa kiếp, sẽ đầy đủ 32 tướng tốt, mỗi tướng có đủ 100 phước đức trang nghiêm”. Bồ tát nói mà chẳng nên trú. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Bồ tát nói: “Thế giới của ta, hằng sa thế giới trong đại thiên thế giới của ta ở khắp trong 10 phương, sẽ thuần là kim cương, cây Bồ đề của ta sẽ phát ra vô lượng diệu hương, khiến chúng sanh nào hưởng được sẽ dứt sạch thân bệnh và tâm bệnh, dứt sạch tham sân si, chẳng có tâm Thanh Văn và Bích Chi Phật, và sẽ được Vô thượng bồ đề”. Bồ tát nói mà chẳng nên trú. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc.

Bồ tát nói: “Trong thế giới của ta, sẽ chẳng có danh tự

sắc, ..., dẫn đến thức, chẳng có danh tự Đản Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có danh tự 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, chẳng có danh tự Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến Phật”. Bồ tát nói mà chẳng nên trú. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc, vì chư Phật đắc Vô thượng bồ đề, mà Vô thượng bồ đề là pháp vô sở đắc vậy.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bởi vậy nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng nên trú, vì Bát nhã Ba-la-mật là vô sở đắc vậy.

Lúc bấy giờ ngài Xá Lợi Phất tự niệm rằng: Như vậy thì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật an trú nơi đâu?

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Theo ý của ngài thì chư Phật an trú nơi đâu?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Chư Phật trú nơi “vô sở trú”. Chư Phật chẳng trú trong sắc, ..., dẫn đến chẳng trú trong thức, chẳng trú trong pháp hữu vi, chẳng trú trong pháp vô vi, chẳng trú trong 4 niệm xứ, ..., dẫn đến chẳng trú trong 18 bất cộng pháp, chẳng trú trong Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma ha tát phải an trú như chư Phật, có nghĩa là an trú nơi pháp phi trú (chẳng trú), cũng chẳng phải chẳng trú (phi bất trú).

Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma ha tát phải học như vậy, phải an trú nơi pháp “vô sở trú”.

LUẬN:

Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát dùng “18 không”, quán rõ 5 âm đều là không. Phạm phu điền đảo chấp có “5 âm tướng”, có “Bồ tát tướng”.

Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát biết rõ chúng sanh là không, nên chẳng thấy có Bồ tát tướng; lại biết rõ các pháp đều không, nên chẳng có 5 âm tướng.

Bởi vậy nên nói “5 âm không” và “Bồ tát không” là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Ví như Chiên Đàn là một loại cây gỗ rất quý, rất thơm, mà người ta thường đốt lấy hương cúng Phật; lại có đượ tánh cao, thường dùng làm thuốc trị bệnh. Thế nhưng, sau khi một cây chiên đàn và một cây gỗ tạp bị lửa thiêu rụi, hủy diệt rồi, thì hai pháp ấy chẳng còn khác nhau nữa. Lúc bấy giờ, hai pháp diệt đó là chẳng phải hai, chẳng phải khác vậy.

Người vô trí chấp các pháp tướng ở thời kỳ chưa bị hủy diệt và ở thời kỳ bị hủy diệt rồi có khác nhau. Thế nhưng, khi đã bị hủy diệt rồi, thì các pháp chẳng còn khác nhau nữa.

Bởi nhân duyên vậy, nên kinh dạy “chẳng nên trú”. Đây là nói “chẳng nên trú nơi 5 âm tướng” vậy.

Hỏi: *Nói về nghĩa “trú” là đủ rồi, sao còn nói nghĩa “bất trú” làm gì nữa?*

Đáp: Ở nơi 5 âm mà chẳng sanh tâm chấp đắm, thì đó nghĩa là “bất trú” vậy. Trước đây, chỉ nói về “bất trú” nơi 5 âm, mà chưa nói đến bất trú ở nơi hết thảy pháp.

Nay nói rộng thêm rằng, ở nơi hết thảy pháp, dù là hữu vi, là vô vi, là thường, là vô thường, ..., dẫn đến là viên ly, là tịch diệt cũng đều chẳng nên trú. Vì sao? Vì trú là có sở đắc rồi vậy.

Hỏi: *Ở nơi vô vi tướng của quả Tu-đà-hoàn chẳng nên trú; ở nơi phước điền chẳng nên trú... nghĩa ấy như thế nào?*

Đáp: Vì Niết Bàn là vô vi tướng, là vô pháp, nên quả Tu-đà-hoàn cũng là vô vi tướng, là vô pháp chẳng nên trú.

Nói quả Tu-đà-hoàn là vô vi tướng, là vô pháp chẳng nên trú nhằm phá các chấp về pháp tướng. Vì sao? Vì khi hành giả quán hết thấy các pháp là không, là vô thường rồi, thì thường sanh tâm nhằm chán, chẳng còn muốn hành các thiện pháp, chẳng còn muốn cứu độ chúng sanh nữa, mà chỉ muốn thủ chấp Niết Bàn, nên phải nói như vậy để phá các chấp về pháp tướng.

Lại nữa, dù nói quả Tu-đà-hoàn là hữu vi tướng, thì tướng hữu vi đó cũng là hư vọng, chẳng thật có, nên cũng chẳng nên trú. Dẫn đến quả Phật cũng là vô vi tướng, chẳng nên trú.

Bồ tát muốn vào Phật đạo, trước hết phải hành bố thí Ba-la-mật để cầu phước điền. Vì sao? Vì có nhân duyên phước điền mới được đầy đủ đạo nghiệp. Ví như trồng lúa ở nơi ruộng tốt mới thu hoạch được mùa lúa tốt vậy.

Bồ tát lúc ban đầu phải tu tập như vậy, nhưng phải biết rõ chẳng nên trú nơi phước điền Tu-đà-hoàn. Vì sao? Vì trú như vậy là có sở đắc. Dẫn đến ở nơi phước điền Phật, Bồ tát cũng chẳng nên trú.

Hỏi: *Phước điền Nhị thừa chẳng nên trú còn hiểu được. Còn ở nơi phước điền Phật, vì sao cũng nói chẳng nên trú?*

Đáp: Ở nơi hết thấy pháp, Bồ tát phải dụng tâm bình đẳng. Dù phước điền Phật là lớn, phước điền chúng sanh là nhỏ, Bồ tát vẫn xem bình đẳng như nhau.

Lại nữa, hết thấy xứ đều là không, nên chẳng nên trú. Bồ tát dụng tâm bình đẳng mà hành bố thí, nên chẳng có phân biệt phước điền. Vì mong tâm phân biệt phước điền là liền phá hủy tâm đại bi, và cũng phá luôn cả pháp bố thí thanh

tịnh. Ví như rời Sơ địa mới vào được Nhị địa, xả các lợi nhỏ mới cầu được lợi lớn vậy.

Bởi vậy nên, nếu vẫn còn chấp tâm, còn thù tướng thì chẳng có thể đến được đạo quả Vô Thượng.

Hỏi: *Bồ tát phát tâm tu 6 pháp Ba-la-mật, vào Bồ tát vị, vào bất thối chuyển địa, hiển dụng các thần thông, cúng dường chư Phật... Như vậy vì sao nói “ở nơi hết thấy pháp, Bồ tát đều chẳng trú”?*

Đáp: Đây chẳng phải nhằm phá “thanh tịnh trú”, mà chỉ nhằm phá chấp ngã và chấp tà kiến, nghĩa là phá chấp tâm, thù tướng. Ví như phải làm sạch cỏ dại, thì ruộng lúa mới được tốt tươi.

Cũng như vậy, do muốn đoạn sạch các sự ái pháp mà nói “chẳng nên trú”. Lại nữa, y theo lời Phật dạy, thì Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không, nên chẳng nên trú vậy.

-o0o-

Bồ tát vì thương xót chúng sanh mà hành các thiện pháp, dùng các lực phương tiện để hóa độ chúng sanh, nhưng chẳng có chấp tâm, thù tướng. Vì có chấp tâm, có thù tướng là có sở đắc rồi vậy.

Từ sơ phát tâm, Bồ tát đã nói: Ta sẽ tu tập các thiện pháp, được 5 nhãn, được hết thấy các tam muội, các đà la ni, được đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, ta sẽ ở trong 8 hạng người tín hành và pháp hành, từ Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến A-la-hán, ta sẽ nhập Vô dư Niết Bàn, ta sẽ là Bích Chi Phật, ta sẽ trú Bồ tát địa, vượt hết thấy hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, ta sẽ được đạo chủng trí, được Nhất thiết chủng trí, dẫn đến được quả Vô thượng bồ đề.

Bồ tát nói như vậy, hành như vậy mà tâm thường chẳng trú. Vì sao? Vì trú là có sở đắc rồi vậy.

Hỏi: *Nói chẳng trú nơi các thiện pháp thì còn có thể tin được. Còn nói chẳng có danh tự thọ, tướng, hành, thức, chẳng có danh tự Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến chẳng có danh tự Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có danh tự Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến chẳng có danh tự Phật, thì làm sao có thể tin được?*

Đáp: Người tu hành khi đã được phước huệ trang nghiêm, thì sẽ được ở nơi các quốc độ, mà nơi đó cây cỏ, dẫn đến núi rừng, sông biển... đều diễn xuất âm thanh vi diệu. Những chúng sanh nào có đầy đủ túc duyên sanh vào các quốc độ này mà nghe được các âm thanh vi diệu đó, thì liền được vô sanh pháp nhãn, liền biết rõ các pháp đều là không, là vô tướng, là vô tác, liền vào được nơi thật tướng bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh... của các pháp.

Ở các quốc độ này chẳng có các danh pháp 5 âm, 12 nhập, 18 giới, chẳng có các danh pháp Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có các danh pháp 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, chẳng có các danh pháp Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến Phật. Chúng sanh ở các quốc độ này đều có đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp trang nghiêm, được vô lượng quang minh, được đạo chủng trí, được Nhất thiết chủng trí. Thế nhưng Bồ tát cũng chẳng trú tâm nơi các quốc độ đó, vì biết rằng trú như vậy là có sở đắc, dẫn sanh cao tâm, chẳng thể và được đạo Vô thượng bồ đề.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề nói: Do nhân duyên bất trú mà chư Phật

được đạo. Khi đã được đạo rồi, thì biết rõ các pháp đều là vô sở trú cả.

Ngài Xá Lợi Phất nghe như vậy, tự niệm rằng: Nếu các pháp đều là vô sở trú, thì phải trú nơi đâu để được đạo?

Ngài Tu Bồ Đề biết tâm niệm của ngài Xá Lợi Phất, nên đã nói với ngài Xá Lợi Phất rằng: Chư Bồ tát đều là pháp tử của Phật. Đã là pháp tử thì phải giống pháp sư. Phật thường hành “vô sở trú pháp”, chẳng trú nơi sắc, ..., dẫn đến chẳng trú nơi thức, chẳng trú nơi nhãn, ..., dẫn đến chẳng trú nơi ý, chẳng trú nơi sắc, ..., dẫn đến chẳng trú nơi pháp, chẳng trú nơi Đản Ba-la-mật, ..., dẫn đến chẳng trú nơi Bát nhã Ba-la-mật, chẳng trú nơi 4 niệm xứ, ..., dẫn đến chẳng trú nơi 18 bất cộng pháp, chẳng trú nơi hết thầy tam muội, nơi hết thầy các đà la ni, ..., dẫn đến chẳng trú nơi Nhất thiết chủng trí. Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, phải dụng tâm vô sở đắc như chư Phật vậy.

Ở nơi hết thầy các pháp, chẳng trú cũng chẳng phải chẳng trú mới gọi là “vô sở trú”. Được như vậy thì tâm mới thật rốt ráo thanh tịnh. Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, phải nương theo Phật tâm mà tu tập như vậy.

-o0o-

KINH:

Lúc bấy giờ trong pháp hội có vị Thiên tử tự nghĩ rằng: Ngữ ngôn, danh tự của hàng Dạ xoa còn có thể biết được. Nay Đại đức Tu Bồ Đề dùng ngữ ngôn danh tự rõ ràng để thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật, nhưng sao tôi chẳng hiểu, chẳng biết gì cả vậy?

Ngài Tu Bồ Đề biết rõ tâm niệm của vị Thiên tử, bèn

hỏi rằng: Ngài thật chẳng hiểu, chẳng biết gì cả hay sao?

Vị Thiên tử đáp: Thưa Đại đức! Chúng tôi thật chẳng hiểu, chẳng biết gì cả.

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa chư vị Thiên tử! Thật tướng các pháp là bất khả tri (chẳng thể biết). Tôi chẳng luận nghị, chẳng nói ra một lời nào cả, dẫn đến cũng chẳng có người nghe. Vì sao?

Thưa chư vị Thiên tử! Vì danh tự chẳng phải là Bát nhã Ba-la-mật. Trong Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có người nghe. Vô thượng bồ đề của chư Phật chẳng có chữ, chẳng có lời để diễn đạt ra được.

Thưa chư vị Thiên tử! Như chư Phật biến hóa ra có người. Trong số người được biến hóa ra đây, có đủ 4 bộ chúng Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di. Trong các bộ chúng này lại có người nói pháp. Ý ngài nghĩ sao? Trong số các người được biến hóa này, thật sự có người thuyết pháp, có người nghe pháp, có người hiểu pháp, có người biết pháp chẳng?

Vị Thiên tử đáp: Thưa Đại đức! Chẳng có vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Thưa chư vị Thiên tử! Hết thấy các pháp đều là như huyễn, như hóa. Bởi vậy nên ở nơi các pháp đều chẳng có người nói, chẳng có người nghe, chẳng có người hiểu, chẳng có người biết vậy.

Thưa chư vị Thiên tử! Ví như có người nằm mộng thấy có đức Phật đang thuyết pháp. Ý các ngài nghĩ sao? Ở trong cảnh mộng ấy thật sự có người thuyết pháp, có người nghe pháp, có người hiểu pháp, có người biết pháp chẳng?

Vị Thiên tử đáp: Thưa Đại đức! Chẳng có vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Thưa chư vị Thiên tử! Hết thấy các pháp đều như mộng, nên ở nơi các pháp chẳng có người thuyết, chẳng có người nghe, chẳng có người hiểu, chẳng có người biết vậy.

Thưa chư vị Thiên tử! Ví như ở trong đại giảng đường này, có 2 người phát ra cùng một lúc hai âm hưởng, nhằm tán thán Phật, Pháp và Tăng. Ý các ngài nghĩ sao? Hai âm hưởng đó có hiểu được nhau chẳng?

Vị Thiên tử đáp: Thưa Đại đức! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Thưa chư vị Thiên tử! Hết thấy các pháp đều như tiếng vang, nên ở nơi các pháp chẳng có người thuyết, chẳng có người nghe, chẳng có người hiểu, chẳng có người biết.

Thưa chư vị Thiên tử! Ví như có nhà huyền thuật, ở giữa ngã tư đường, hóa làm Phật, và hóa tác ra 4 bộ chúng, rồi ở trong đó thuyết pháp. Ý các ngài nghĩ sao? Trong huyền cảnh đó, thật sự có người thuyết pháp, có người nghe pháp, có người hiểu pháp, có người biết pháp chẳng?

Vị Thiên tử đáp: Thưa Đại đức! Chẳng có vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Thưa chư vị Thiên tử! Hết thấy các pháp đều như huyền, nên ở nơi các pháp chẳng có người thuyết, chẳng có người nghe, chẳng có người hiểu, chẳng có người biết.

Lúc bấy giờ chư Thiên tử nghĩ rằng: Ngài Tu Bồ Đề thuyết pháp, chẳng những muốn làm cho chúng ta dễ hiểu mà ngài còn làm cho bài pháp càng thêm thâm diệu hơn nhiều.

Ngài Tu Bồ Đề biết tâm niệm của chư Thiên tử, nên nói: Thưa chư vị Thiên tử! Sắc chẳng phải thâm, chẳng

phải diệu, ..., dẫn đến thức cũng chẳng phải thâm, chẳng phải diệu, sắc tánh, ..., dẫn đến thức tánh chẳng phải thâm, chẳng phải diệu, nhãn tánh, ..., dẫn đến ý tánh chẳng phải thâm, chẳng phải diệu, sắc tánh, ..., dẫn đến pháp tánh chẳng phải thâm, chẳng phải diệu, nhãn giới tánh, ..., dẫn đến ý thức giới tánh chẳng phải thâm, chẳng phải diệu, nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc chẳng phải thâm, chẳng phải diệu, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ chẳng phải thâm, chẳng phải diệu.

Thưa chư vị Thiên tử! Lại nữa, Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không chẳng phải thâm, chẳng phải diệu, 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp, hết thấy các tam muội, hết thấy các đà la ni, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng đều chẳng phải thâm, chẳng phải diệu.

Chư Thiên tử lại nghĩ rằng: Trong các pháp đã được thuyết ra, thật sự cũng chẳng có nói đến sắc, ..., dẫn đến chẳng có nói đến thức, chẳng có nói đến nhãn, ..., dẫn đến chẳng có nói đến ý, chẳng có nói đến sắc, ..., dẫn đến chẳng có nói đến pháp, chẳng có nói đến nhãn thức, ..., dẫn đến chẳng nói đến ý thức, chẳng có nói đến nhãn xúc, ..., dẫn đến chẳng nói đến ý xúc, chẳng có nói đến nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến chẳng nói đến ý xúc nhân duyên sanh thọ, chẳng nói đến Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến chẳng nói đến Bát nhã Ba-la-mật, chẳng nói đến nội không, ..., dẫn đến chẳng nói đến vô pháp hữu pháp không, chẳng nói đến 4 niệm xứ, ..., dẫn đến chẳng nói đến 18 bất cộng pháp, chẳng nói đến các tam muội, chẳng nói đến các đà la ni, ..., dẫn đến chẳng nói đến Nhất thiết chủng trí, chẳng nói đến 4 quả Thanh Văn...

dẫn đến chẳng nói đến quả Phật, chẳng nói đến đạo Vô thượng bồ đề. Vì sao? Vì ở nơi thật tướng thì các pháp chẳng có danh tự, ngữ ngôn vậy.

Ngài Tu Bồ Đề biết tâm niệm của chư Thiên tử, nên nói: Thưa chư vị Thiên tử! Đúng như vậy, đúng như vậy!

Thưa chư vị Thiên tử! Hết thấy các pháp tướng, từ sắc tướng, ..., dẫn đến Vô thượng bồ đề tướng đều là “bất khả thuyết tướng”, là những tướng chẳng thể nói ra được. Bởi vậy nên nói chẳng có người thuyết, chẳng có người nghe, chẳng có người hiểu, chẳng có người biết.

Thưa chư vị Thiên tử! Vì nghĩa nêu trên đây nên các thiện nam, thiện nữ muốn an trú quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật, ..., dẫn đến muốn an trú trong Phật đạo, đều chẳng phải là những người chẳng ly “trí nhãn” vậy.

Thưa chư vị Thiên tử! Bồ tát Ma ha tát từ sơ phát tâm, đã an trú như vậy trong Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là chẳng thuyết, chẳng nghe (vô thuyết, vô thính).

LUẬN:

Hỏi: *Ngôn ngữ, danh tự của loài Dạ xoa là mờ ám, bất chánh, còn Bát nhã Ba-la-mật là rõ ràng, thanh tịnh. Như vậy vì sao lại đem so sánh pháp Dạ xoa với Bát nhã Ba-la-mật là pháp thậm thâm vi diệu?*

Đáp: Đây là chư Thiên muốn so sánh chỗ chưa rõ và chỗ chưa ngộ. Do vậy mà đã lấy danh tự, ngữ ngôn của loài Dạ xoa để làm dụ.

Chư Thiên nghĩ rằng ở cõi Trời có đến 99 cửa, mỗi cửa đều có 6 Thanh y Dạ xoa canh giữ. Ngôn ngữ của các loài Dạ xoa khác nhau, rất khó nghe được lời, khó hiểu được ý của chúng. Vậy mà còn có thể biết được. Lại nữa, sông dù sâu, mà có thuyền lớn thì vẫn có thể vượt qua được.

Còn ngài Tu Bồ Đề thuyết Bát nhã Ba-la-mật, nghĩa lý quá sâu xa và chẳng có định tướng, nên chẳng thể nào thủ ý, chẳng thể nào truyền tụng được. Vì sao? Vì chẳng liễu ngộ thì chẳng làm sao có thể diễn bày được. Lại nữa, nói “có” cũng chẳng được, nói “không” cũng chẳng được, đến chỗ tột cùng ấy, hết thấy các tâm hành đều diệt, hết thấy các ngôn ngữ đều đoạn. Bởi vậy nên Chư Thiên mờ mịt, sanh tâm sợ hãi vậy.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề giải thích rằng: Chính chỗ chẳng rõ ấy là thật tướng các pháp. Hết thấy các pháp tướng đều là như vậy cả. Vì sao? Vì các pháp rốt ráo là “vô sở thuyết”, chẳng có thể dùng danh tự, ngữ ngôn mà nói ra được vậy. Cho nên là chẳng có người thuyết, chẳng có người nghe, chẳng có người hiểu, chẳng có người biết.

Phật đạo chẳng thể thuyết (vô thuyết), chẳng thể chấp (vô chấp). Chẳng có danh tự để nói ra được (vô tự). Vì sao? Vì danh tự vốn là “không”, là hư vọng vậy.

-o0o-

Chư Thiên lại nghĩ rằng: Nếu chẳng có người thuyết, chẳng có người nghe, chẳng có người hiểu, chẳng có người biết, thì nay đại chúng vân tập về pháp hội để nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng được lợi ích gì cả hay sao?

Ngài Tu Bồ Đề muốn giải nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, nên đã dùng nhiều thí dụ để làm cho sáng nghĩa thêm. Thế nên chư Thiên lại nghĩ rằng: Ngài Tu Bồ Đề dùng nhiều thí dụ để làm cho rõ nghĩa, mà càng thí dụ lại càng thấy thậm thâm, vi diệu hơn. Vì sao? Vì dùng “thô” để chỉ “tế”, khiến chẳng sao có thể lường được.

Ngài Tu Bồ Đề biết rõ chư Thiên, ở nơi Bát nhã Ba-la-mật tâm còn mê muội, chưa được liễu đạt nên ngài nói: Bát nhã Ba-la-mật chẳng khác 5 âm, vì thật tướng của 5 âm chính là Bát nhã Ba-la-mật. Bởi vậy nên 5 âm chẳng phải thâm, chẳng phải diệu, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng chẳng phải thâm, chẳng phải diệu.

Lúc bấy giờ chư Thiên mới liễu đạt được rằng, dù nói sắc, ..., dẫn đến nói Vô thượng bồ đề, các pháp ấy cũng vẫn là “vô sở thuyết”, chẳng thể dùng ngữ ngôn, danh tự mà diễn nói ra được.

Ngài Tu Bồ Đề biết tâm niệm của chư Thiên, biết chư thiên đã được liễu thông, nên nói: Đúng như vậy, đúng như vậy! Chẳng phải chỉ riêng tôi, mà chư Phật khi đã được đạo rồi, cũng chẳng nói về “tịch diệt tướng”. Do vậy mà nói là chẳng có người thuyết, chẳng có người nghe, chẳng có người hiểu, chẳng có người biết.

Lại nữa, từ quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến quả Phật, ở nơi thật tướng cũng đều rốt ráo là không, là bất khả đắc. Nếu ly pháp nghĩa ấy thì chẳng có thể được vô sanh pháp nhãn, ..., dẫn đến chẳng có thể được Phật đạo.

Trong khoảng giữa từ sơ phát tâm, dẫn đến khi thành Phật, ở nơi hết thảy các pháp, Bồ tát đều chẳng trú, nên đều chẳng thấy có người thuyết, chẳng thấy có người nghe, chẳng thấy có người hiểu, chẳng thấy có người biết. Vì sao? Vì đến

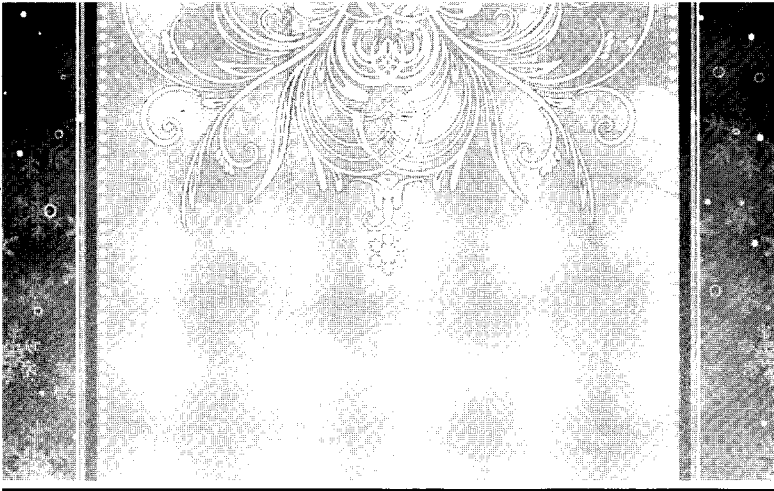
470 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

chỗ tốt cùng ấy thì hết thảy các tâm hành đều diệt, hết thảy các ngôn ngữ đều đoạn.

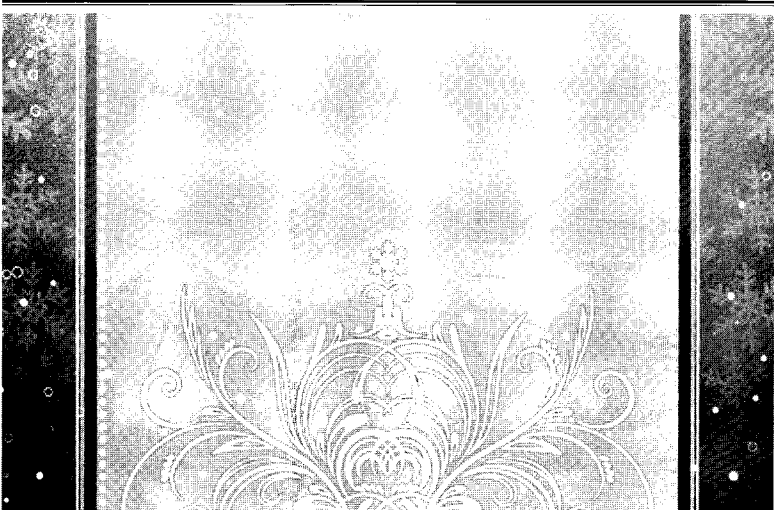
Do vì thật tướng pháp là chẳng thể nói ra được (bất khả thuyết), nên là chẳng thể nghe được (bất khả thính), vì là chẳng thể nghe (bất khả thính) nên là chẳng thể biết (bất khả tri) vậy.

Ở nơi hết thảy pháp đều chẳng thọ (vô thọ), đều chẳng vướng mắc (vô trước), là nhập vào “Vô dư y Niết Bàn” vậy.

(Hết quyển 54)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 55



Phẩm Thứ Hai Mười Tám



Huyền Nhơn Thính Pháp
(Người Huyền Nghe Pháp)

KINH:

Lúc bấy giờ chư Thiên nghĩ rằng: Như vậy thì hạng người nào mới nghe được pháp mà ngài Tu Bồ Đề đang thuyết?

Ngài Tu Bồ Đề biết tâm niệm của chư Thiên như vậy, nên nói: Thưa chư vị Thiên tử! Người như huyền, như hóa nghe pháp vậy.

Chỉ có hạng người như vậy mới nghe được pháp này. Vì sao? Vì người như huyền, như hóa mới chẳng nghe, chẳng biết, và chẳng chứng vậy.

Chư Thiên hỏi: Thưa Đại đức! Vì chúng sanh như huyền, như hóa, thì người nghe pháp cũng như huyền, như hóa chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Đúng như vậy, đúng như vậy! Thưa chư vị Thiên tử! Chúng sanh như huyền thì người nghe pháp cũng như huyền. Chúng sanh như hóa thì người nghe pháp cũng như hóa vậy.

Thưa chư vị Thiên tử! Ngã như huyền, như mộng, thì chúng sanh, ..., dẫn đến tri giả, kiến giả cũng như huyền, như mộng, sắc, ..., dẫn đến thức cũng như huyền, như mộng, nhãn, ..., dẫn đến ý cũng như huyền, như mộng, sắc, ..., dẫn đến pháp cũng như huyền, như mộng, nhãn

thức, ..., dẫn đến ý thức cũng như huyền, như mộng, nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc cũng như huyền, như mộng.

Thưa chư vị Thiên tử! Ngã và chúng sanh như huyền, như mộng, thì nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, Tu-đà-hoàn quả, ..., dẫn đến Phật đạo cũng đều như mộng như huyền cả.

Chư Thiên hỏi: Thưa Đại đức! Phật đạo như huyền, như mộng thì Niết Bàn cũng như huyền như mộng chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Tôi nói Phật đạo như huyền, như mộng, Niết Bàn như huyền, như mộng. Nếu có pháp nào hơn Niết Bàn, thì tôi cũng nói rằng pháp ấy là như huyền, như mộng. Vì sao? Vì như huyền, như mộng và Niết Bàn là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

LUẬN:

Hỏi: Trước đây đã nói hết thấy pháp đều như huyền, như mộng nên chẳng có người thuyết pháp, chẳng có người nghe pháp. Nay vì sao chư Thiên còn muốn hỏi hạng người nào mới nghe được pháp mà ngài Tu Bồ Đề đang thuyết?

Đáp: Trước đây đã nói rõ rằng hết thấy pháp đều là như huyền, như hóa, chẳng có người thuyết, chẳng có người nghe, chẳng có người hiểu, chẳng có người biết. Do vậy, chư Thiên khởi tâm nghi, nghĩ rằng nếu như vậy thì hạng người nào mới nghe được pháp mà ngài Tu Bồ Đề đang thuyết?

Ngài Tu Bồ Đề nói: Người như huyền, như hóa mới nghe được pháp này. Chư Thiên lại nghĩ rằng: Hạng người nghe pháp mà ngài Tu Bồ Đề đang thuyết phải như thế nào, mới có thể tương ưng, mới có thể tín thọ, dẫn đến mới có thể tu hành để được đạo quả?

Ngài Tu Bồ Đề khẳng định: Chỉ có người như huyễn, như hóa mới nghe được pháp tôi đang thuyết, và họ sẽ tương ứng tu tập thành đạo quả.

Hỏi: *Người như huyễn, như hóa chẳng có các tâm và tâm sở, họ chẳng có tín thọ được pháp. Như vậy thì nói pháp để làm gì?*

Đáp: Đây chẳng phải khiến người huyễn hóa nghe pháp, mà chỉ muốn dạy người tu hành phải dụng tâm “vô sở đắc” để hành các pháp, ví như người huyễn hóa chẳng nghe, chẳng biết, chẳng chứng vậy.

Lại nữa, vì ngã và chúng sanh là như huyễn, như mộng, nên người thuyết pháp cũng như huyễn như mộng. Người thuyết pháp đã là như huyễn, như mộng, thì người nghe pháp, người biết pháp, người hiểu pháp cũng như huyễn, như mộng.

Lại nữa, sắc, ..., dẫn đến Niết Bàn cũng là như huyễn, như mộng.

Hỏi: *Nếu chẳng có pháp nào thù thắng hơn Niết Bàn, thì vì sao nói Niết Bàn là như huyễn, như mộng?*

Đáp: Đây chỉ là phương tiện. Ví như Phật dạy: Nếu có cây hiểu biết được tiếng của ta nói, thì ta cũng sẽ thọ ký cho chúng được Niết Bàn vậy.

Đây cũng chỉ là thí dụ. Niết Bàn dụ cho pháp rốt ráo thanh tịnh, pháp vô thượng. Ví như biển lớn là nơi dung chứa các dòng nước từ trăm sông chảy về, Niết Bàn rốt ráo thanh tịnh, chẳng còn ma chướng quấy nhiễu, là nơi mà chư Phật và chư đại Bồ tát đã đạt đến.

Ngài Tu Bồ Đề tán thán Bát nhã Ba-la-mật có lực phá hết thảy các chấp về hữu vi pháp để đạt đến Niết Bàn.

Bởi vậy nên chẳng có pháp nào thù thắng hơn Niết Bàn cả.

Thế nhưng, nếu chẳng rõ Niết Bàn là rốt ráo thanh tịnh, là rốt ráo không, là như huyễn, như mộng, mà mong tâm thù chấp Niết Bàn cũng sẽ bị lực trí huệ vô ngại Bát nhã Ba-la-mật phá trừ vậy.

Bởi vậy nên ngài Tu Bồ Đề nói: Nếu có pháp nào thù thắng hơn Niết Bàn, thì tôi cũng nói rằng pháp ấy là như huyễn, như mộng.

-o0o-

KINH:

Lúc bấy giờ, các ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ma Ha Câu Hy La, Ma Ha Ca Chiên Diên, Phú Lô Na, Ma Ha Ca Diếp cùng vô số Bồ tát hỏi ngài Tu Bồ Đề: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật khó thấy, khó hiểu, khó biết, là tịch diệt, là thậm thâm vi diệu. Như vậy ai là người tín thọ được Bát nhã Ba-la-mật?

Ngài A Nan thay ngài Tu Bồ Đề đáp: Đó là các Đại Bồ tát đã vào được bất thối chuyển địa, các bậc A-la-hán lậu tận, các bậc đã thành tựu chánh kiến, đã đầy đủ tín lực, các thiện nam, thiện nữ căn tánh lạnh lợi, thường thân cận các thiện tri thức, thường cúng dường chư Phật. Những hạng người này tín thọ Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng nói như vậy là phải hay chẳng phải (thị hay phi).

Ngài Tu Bồ Đề tiếp lời ngài A Nan, nói: Đó chính là những người chẳng dùng “sắc” để phân biệt “không”, và chẳng dùng “không” để phân biệt “sắc”, ..., dẫn đến chẳng dùng “thức” để phân biệt “không”, và chẳng dùng “không” để phân biệt “thức”, chẳng dùng “sắc” để phân

biệt “vô tướng, vô tác”, và chẳng dùng “vô tướng, vô tác” để phân biệt “sắc”, ..., dẫn đến chẳng dùng “thức” để phân biệt “vô tướng, vô tác”, và chẳng dùng “vô tướng, vô tác” để phân biệt “thức”, chẳng dùng “sắc” để phân biệt “bất sanh, bất diệt, tịch diệt, ly”, và chẳng dùng “bất sanh, bất diệt, tịch diệt, ly” để phân biệt “sắc”, đến chẳng dùng “thức” để phân biệt “bất sanh, bất diệt, tịch diệt, ly”, và chẳng dùng “bất sanh, bất diệt, tịch diệt, ly”, để phân biệt “thức”.

Nhãn dẫn đến ý, sắc, ..., dẫn đến pháp, nhãn thức, ... dẫn đến ý thức, nhãn xúc, ... dẫn đến ý xúc, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ cũng là như vậy.

Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, hết thấy các tam muội, hết thấy các đà la ni cũng đều là như vậy.

Dẫn đến A-la-hán, Bích Chi Phật, Phật, Nhất thiết chủng trí cũng đều là như vậy cả. Ví như chẳng dùng “Nhất thiết chủng trí” để phân biệt “không”, ..., dẫn đến để phân biệt “ly”, và chẳng dùng “không” dẫn đến chẳng dùng “ly” để phân biệt “Nhất thiết chủng trí”.

Ngài Tu Bồ Đề lại nói tiếp: Thừa chur vị Thiên tử! Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm vi diệu như vậy, có ai lãnh thọ được chẳng?

Thừa chur vị Thiên tử! Trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có pháp gì để thuyết, chẳng có pháp gì để chỉ bày, chẳng có pháp gì để luận giải cả. Do vậy mà người tín thọ Bát nhã Ba-la-mật cũng là bất khả đắc vậy.

Lúc bấy giờ ngài Xá Lợi Phất nói: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật rộng nói cả 3 thừa pháp, và các pháp nhiếp thủ Bồ tát, từ sơ phát tâm đến khi vào thập địa, hộ trì Bồ tát tu Đàn Ba-la-mật, dẫn đến tu Bát nhã Ba-la-mật, tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến tu 18 bất cộng pháp. Bởi nhân duyên vậy, nên cần phải dạy Bát nhã Ba-la-mật cho Bồ tát.

Bồ tát Ma ha tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật như vậy, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, nên chẳng mất thần thông, được đầy đủ các thiện căn công đức, thường đi đến các cõi Phật, cung kính cúng dường chư Phật, thọ lãnh giáo pháp của chư Phật, mãi cho đến khi được Nhất thiết chủng trí mà chẳng hề ly chánh định. Do vậy mà được “nhất thiết thế gian tối thượng biện”, tức là được biện tài vô ngại, vượt trên hết thấy thế gian.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Đúng như vậy, đúng như vậy!

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Như lời ngài nói, Bát nhã Ba-la-mật rộng nói cả 3 thừa giáo, là giáo pháp hộ trì Bồ tát, dẫn đến “nhất thiết thế gian tối thượng biện”. Là pháp bất khả đắc vậy.

Bởi vậy nên ngã, ..., dẫn đến tri giả, kiến giả cũng bất khả đắc, nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không cũng bất khả đắc, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, hết thấy các tam muội hết thấy các đà la ni, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng đều bất khả đắc cả.

Ngài Xá Lợi Phất nói: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Vì nhân duyên gì mà nói Bát nhã Ba-la-mật rộng nói cả 3 thừa giáo là bất khả đắc? Vì nhân duyên gì mà nói Bát nhã Ba-la-mật hộ trì Bồ tát, dẫn đến giáo hóa Bồ tát được “nhất thiết thế gian tối thượng biện” là bất khả đắc?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Vì nội không, nên Bát nhã Ba-la-mật rộng nói cả 3 thừa giáo là bất khả đắc. Vì ngoại không, ..., dẫn đến vì vô pháp hữu pháp không, nên Bát nhã Ba-la-mật rộng nói cả 3 thừa giáo là bất khả đắc.

Vì nội không nên Bát nhã Ba-la-mật hộ trì Bồ tát, dẫn đến giáo hóa Bồ tát được “nhất thiết thế gian tối thượng biện” là bất khả đắc. Vì ngoại không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không nên Bát nhã Ba-la-mật hộ trì Bồ tát, dẫn đến giáo hóa Bồ tát được “nhất thiết thế gian tối thượng biện” là bất khả đắc.

LUẬN:

Vì nghĩ rằng Bát nhã Ba-la-mật là pháp khó thấy, khó hiểu, khó biết, là pháp tịch diệt, thậm thâm vi diệu, nên chư đại đệ tử của Phật đã hỏi ngài Tu Bồ Đề rằng: Ai là người tin thọ được Bát nhã Ba-la-mật? Bởi vậy mà ngài Tu Bồ Đề đã nói rằng: Các pháp đều chẳng có định tướng. Vào được nơi thật tướng pháp rồi thì các tâm hành xứ đều diệt, các ngôn ngữ đều đoạn, nên nói Bát nhã Ba-la-mật là pháp khó giải, khó bày. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là tịch diệt, là trí huệ vi diệu, đầy đủ, viên mãn, chẳng còn chỗ sở cầu.

Lại nữa, vì nghĩ rằng Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm vi diệu, nên người thế gian sanh tâm sợ hãi, người chỉ mong cầu phước quả, khi nghe đến phá chấp “hữu”, người chỉ cầu vui dục lạc, khi nghe đến phá chấp thường v.v... đều sanh tâm sợ hãi. Do vậy mà các ngài đã nêu lên câu hỏi trên đây.

Nhân đây, ngài A Nan đã thay lời ngài Tu Bồ Đề, nói đến 4 hạng người tin thọ được Bát nhã Ba-la-mật. Đó là:

- Chư Bồ tát đã vào bất thối chuyển địa, đã biết rõ hết

thầy các pháp đều là bất sanh, bất diệt, và đã chẳng còn chấp các pháp tướng.

- Chư vị lậu tận A-la-hán đã thành tựu được các pháp vô vi tối thượng.

- Những người đã thành tựu được chánh kiến và chánh tín lực.

- Những người đã có nhiều phước đức, có căn tánh minh lợi, có trí huệ thanh tịnh, lại thường thân cận các bậc thiện tri thức.

Hỏi: Trước đây nói ngài A Nan chẳng có dự các cuộc tham luận về Bát nhã Ba-la-mật. Nay vì sao ngài A Nan lại đáp thay ngài Tu Bồ Đề?

Đáp: Ngài A Nan được xem là bậc giáo thọ trong đại chúng. Tuy mới được quả Tu-đà-hoàn nhưng ngài đã là bậc đa văn, nhiều trí huệ.

Mặc dù ngài A Nan chưa được thâm nhập “pháp không”, nhưng ngài rất thông đạt về hữu vi pháp, lại thường giải đáp các nạn vấn liên hệ đến hữu vi pháp, nên khi nghe các đại đệ tử của Phật nêu lên câu hỏi “Ai là người tín thọ được Bát nhã Ba-la-mật?”, ngài đã trả lời thay ngài Tu Bồ Đề vậy. Vì sao? Vì câu hỏi đó liên hệ đến tín tâm, tức là liên hệ đến hữu sự, hữu pháp vậy.

Lại nữa, ngài Tu Bồ Đề thường thuyết về “pháp không” mà chẳng có thường thuyết về các pháp hữu vi, nên ngài A Nan trả lời thay ngài Tu Bồ Đề về câu hỏi nêu trên đây vậy.

Hỏi: Bát nhã Ba-la-mật là vô sở hữu. Như vậy vì sao lại nói đến 4 hạng người tín thọ Bát nhã Ba-la-mật?

Đáp: Ngài Tu Bồ Đề nói về nhân duyên tín thọ Bát nhã Ba-la-mật là chẳng dùng “sắc” để phân biệt “không” chẳng dùng “không” để phân biệt “sắc”, vì “sắc” tức là “không” và “không” tức là “sắc” v.v...

Ngài lại nói rõ Bát nhã Ba-la-mật là pháp thậm thâm vi diệu, chẳng có lỗi lầm, chẳng gì phá được, trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có pháp gì để thuyết, chẳng có pháp gì để chỉ bày, chẳng có pháp gì để luận giải cả. Bởi vậy nên 4 hạng người tín thọ Bát nhã Ba-la-mật cũng đều là bất khả đắc.

Các hạng người này biết rõ “không” tức là “Bát nhã Ba-la-mật, và Bát nhã Ba-la-mật tức là “không”, biết rõ thật tướng các pháp là vô sanh, vô diệt, vô tướng, vô tác, nên dùng trí huệ Bát nhã để phá các hý luận, các kiến chấp điên đảo về nhân duyên tác sắc.

Hỏi: *Vì sao chư vị đại đệ tử của Phật nêu lên câu hỏi, mà ngài Tu Bồ Đề tiếp theo lời ngài A Nan, lại hướng câu trả lời về chư vị Thiên tử?*

Đáp: Ngài Tu Bồ Đề biết rằng chư vị đại đệ tử của Phật đều là những vị Đại A-la-hán, nên dù có khởi tâm nghi về Bát nhã Ba-la-mật, mà nêu lên câu hỏi để được giải đáp, thì đối với các ngài, sự giải đáp cũng chỉ đem lại sự lợi ích nhỏ mà thôi. Trái lại chư vị Thiên tử mới phát tâm Vô thượng bồ đề, mới phát tâm hành Bồ tát đạo thì sự giải đáp sẽ đem lại cho họ nhiều lợi ích hơn.

Bởi vậy nên ngài Tu Bồ Đề đã vì họ mà giải đáp. Tuy trực tiếp giải đáp cho chư vị Thiên tử nhưng cũng là gián tiếp giải đáp cho chư vị đại đệ tử của Phật vậy.

Lại nữa, nhằm giúp chư vị Thiên tử tăng thêm tín tâm nơi Bát nhã Ba-la-mật, mà ngài Tu Bồ Đề sau khi nói về pháp

“không”, đã nói rõ rằng Bát nhã Ba-la-mật là tốt ráo không, nói rõ rằng người hành các pháp “không” mà giữ được tâm “vô sở trước” mới là người tin thọ Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Lúc bấy giờ ngài Xá Lợi Phất tán thán ngài Tu Bồ Đề rằng: Khi nói về Bát nhã Ba-la-mật, ngài đã khéo rộng nói về cả 3 thừa giáo, về các pháp nhiếp thủ Bồ tát, từ sơ phát tâm đến Phật địa, hộ trì Bồ tát hành Bồ tát đạo, rộng tu 6 pháp Ba-la-mật, dẫn đến được Nhất thiết chủng trí, để hóa độ hết thảy chúng sanh. Thâm nhập vào được Bát nhã Ba-la-mật sẽ được quả báo vô ngại nơi hết thảy các pháp, được biện tài vô ngại, được lạc thuyết vô ngại v.v... Thâm nhập vào được Bát nhã Ba-la-mật sẽ giải trừ được các nạn vẫn, sẽ chẳng còn sanh hý luận. Bởi vậy nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, chỉ tùy chúng sanh mà thuyết pháp, nên gọi là “tùy ứng biện thuyết” và cũng gọi là “nhất thiết thế gian tối thượng biện”.

Ngài Tu Bồ Đề xác nhận lời nói của ngài Xá Lợi Phất là đúng, khiến ngài Xá Lợi Phất lại nghĩ rằng: Ngài Tu Bồ Đề thường thuyết pháp “không”, nhưng vì sao khi nghe ta nói Bát nhã Ba-la-mật rộng nói về 3 thừa giáo mà ngài lại tán thán như vậy. Chắc là phải có nhân duyên gì?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Vì nội không, ..., dẫn đến vì vô pháp hữu pháp không, nên Bát nhã Ba-la-mật rộng nói cả 3 thừa giáo là bất khả đắc.

Bát nhã Ba-la-mật nhiếp thủ được pháp biện tài của cả 3 thừa giáo, vì cả 3 thừa giáo rốt ráo đều dẫn đến trí tánh không vậy.

-o0o-

Phẩm Thứ Hai Mười Chín



Tán hoa (Rải Hoa)

KINH:

Lúc bấy giờ ngài Thích Đề Hoàn Nhơn và chư Thiên vương trong đại chúng đều nghĩ rằng: Ngài Tu Bồ Đề đã vì chúng sanh ban pháp vũ (mưa pháp)^(*), chúng ta phải hóa tác các hoa trời để tán Phật, chư Đại đức Tăng, đại đức Tu Bồ Đề và Bát nhã Ba-la-mật.

Nghĩ như vậy rồi, chư Thiên vương liền tung các hoa trời đầy khắp giữa hư không. Các hoa báu này kết thành những đài hoa trang nghiêm vi diệu.

Ngài Tu Bồ Đề tự niệm: Chư vị Thiên tử tán các hoa trời đầy cả hư không, quý báu xinh đẹp chưa từng thấy. Đây là hoa được biến hóa ra, chẳng phải là hoa từ cây sanh ra. Đây là hoa từ tâm thọ sanh, chẳng phải là hoa từ cây sanh ra.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn biết tâm niệm của ngài Tu Bồ Đề, liền nói: Thưa đại đức! Hoa này chẳng phải là hoa từ cây sanh ra, cũng chẳng phải là hoa từ tâm thọ sanh.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Ngài nói

*. Pháp vũ là mưa pháp, dụ cho pháp Phật linh diệu, ban đều khắp, khiến hết thảy chúng sanh đều được lợi lạc, như mưa đổ xuống làm cho cây cỏ đều xanh tươi.

hoa này chẳng phải từ cây sanh, cũng chẳng phải là hoa từ tâm thọ sanh. Như vậy nếu hoa này chẳng sanh thì chẳng thể gọi là hoa.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: Thưa đại đức! Chỉ có hoa này chẳng sanh, hay là sắc, thọ, tướng, hành, thức cũng chẳng sanh?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Chẳng phải chỉ có hoa này là chẳng sanh mà sắc dẫn đến thức cũng chẳng sanh. Nếu sắc dẫn đến thức chẳng sanh, thì cũng chẳng thể gọi là sắc ..., dẫn đến cũng chẳng thể gọi là thức.

Nhân, ..., dẫn đến ý, sắc, ..., dẫn đến pháp, nhân thức, ..., dẫn đến ý thức, nhân xúc, ..., dẫn đến ý xúc, nhân xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ cũng đều là như vậy. Đản Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, nội không, ...dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ, ...dẫn đến 18 bất cộng pháp, hết thấy các tam muội, hết thấy các đà la ni, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng đều là như vậy.

LUẬN:

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn và chư vị Thiên vương nghe ngài Tu Bồ Đề nói về nghĩa Bát nhã Ba-la-mật cũng là nói về thật tướng các pháp, nên chẳng còn gì để suy lường phân biệt nữa.

Tuy ngài Tu Bồ Đề nói các pháp là rốt ráo không, mà chẳng phá các pháp tướng, chẳng làm mất các hạnh nghiệp nhân duyên quá báo.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn cùng chư vị Thiên vương thấy ngài Tu Bồ Đề chỉ là Thanh Văn, mà giữa đại chúng đã khéo

nói lên được thậm thâm pháp nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật, nên rất hoan hỷ và nghĩ rằng: Ngài Tu Bồ Đề thuyết pháp vô ngại, ví như cơn mưa lớn tưới khắp, làm cho cây cỏ lớn nhỏ đều được xanh tươi; ngài Tu Bồ Đề ban “mưa pháp” làm cho cả 3 thừa giáo đều được lợi lạc.

Ở nơi pháp hội, ngài Tu Bồ Đề trước hết thuyết về Bát nhã Ba-la-mật, rồi sau đó khuyên phát tâm tu hành, để dẫn đến Phật đạo.

Do ngài thuyết về thật tướng pháp, nên chẳng có gì để suy lường, để phân biệt cả.

Ví như cơn mưa lớn đổ xuống khắp cõi Diêm phù đề, khiến nơi nơi đều được nhuận ích. Hạt giống ở sẵn trong đất, nhưng nếu chẳng gặp được cơn mưa đúng thời thì chẳng có thể nảy mầm được. Cũng như vậy, người tu dù đã có sẵn chủng nhân vô thượng, nhưng nếu chẳng gặp được mưa pháp đúng thời, thì chẳng có thể phát khởi đạo tâm được. Trái lại, nếu gặp được mưa pháp đúng thời đúng lúc thì mới có cơ duyên phát khởi Vô thượng bồ đề tâm được.

Ví như trận cuồng phong quét sạch bụi trần, ví như cơn mưa rào làm tan nhiệt khí. Cũng như vậy, cơn mưa pháp Bát nhã Ba-la-mật tận diệt các tà độc bất thiện, quét sạch các tà kiến, các ma sự của các ác tri thức.

Hàng phàm phu mong cầu phước báo, nên sanh tâm sợ hãi khi nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật, còn chư Thiên vương nghe được Bát nhã Ba-la-mật, sanh tâm hoan hỷ, nên đã tự niệm rằng: Chúng ta phải hóa tác các hoa trời để tán Phật, chư Đại đức tăng, Đại đức Tu Bồ Đề và Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề đã khéo thuyết Bát nhã Ba-la-mật, nên chư Thiên vương sanh tín tâm thanh tịnh, hoan hỷ muốn cúng dường ngài và cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

Vì ngài thuyết về “pháp không” nên người nghe pháp phải là người như huyễn, như hóa. Do vậy mà chư Thiên đã tự hiển dụng pháp tướng tán hoa để cúng dường.

Vì hoa này chẳng phải là sanh hoa, cũng chẳng phải là hoa từ tâm thọ sanh, nên sự cúng dường được tròn đầy ý nghĩa vậy.

Chư vị Thiên vương nghĩ rằng:

- Đem hoa tán Phật là cúng dường Phật Bảo.
- Đem hoa tán Bát nhã Ba-la-mật là cúng dường Pháp Bảo.
- Đem hoa tán chư vị đại đức Tăng và đại đức Tu Bồ Đề là cúng dường Tăng Bảo.

Nghĩ như vậy rồi, chư Thiên vương đã biến hóa ra các hoa Trời đầy khắp hư không, để sự cúng dường Tam bảo được thành tựu viên mãn.

Hỏi: *Do nguyên nhân gì mà các hoa trời lại kết thành đài hoa trang nghiêm, và trụ giữa hư không như vậy?*

Đáp: Có thuyết nói đó là do phước đức của chư Thiên và chư Thiên vương mà có sự kiện hy hữu như vậy.

Có thuyết nói đó là do Phật lực gia bị mà có.

Lại có thuyết nói đó là do chúng hội được nghe Bát nhã Ba-la-mật, mà được đại công đức. Mặc dù gieo nhân ít mà được quả báo to lớn, khiến thành tựu được Phật đạo, nên có sự kiện vi diệu ấy hiện ra.

Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng: Các hoa này chẳng phải là hoa thật, từ cây sanh ra mà là hoa từ tâm thọ sanh. Sở dĩ nói hoa từ tâm thọ sanh ra vì chư Thiên đã tùy ý hiện ra hoa, cũng như hoa tùy theo niệm của chư Thiên mà đến vậy. Vì Bát nhã Ba-la-mật là pháp vi diệu, pháp vô sanh nên chư Thiên chẳng dùng “sanh hoa” để cúng dường mà dùng “vô sanh hoa” để cúng dường vậy.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn xác nhận: Hoa này chẳng phải là hoa từ cây sanh, cũng chẳng phải là hoa từ tâm thọ sanh.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Nếu hoa này chẳng sanh thì chẳng thể gọi là hoa được. Do vậy nên biết, ở trong “vô pháp”, ngài chẳng nên phân biệt là có hoa hay chẳng có hoa.

Nghe xong, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đã được tâm thuần thực, nên hỏi ngài Tu Bồ Đề rằng: Chỉ có hoa này là chẳng sanh, hay các pháp cũng đều là chẳng sanh cả?

Ngài Tu Bồ Đề nói: Một pháp vô sanh thì hết thảy các pháp cũng đều là vô sanh cả. Nếu người tu hành ở nơi một pháp mà chẳng được minh liễu, thì ở nơi hết thảy các pháp cũng đều chẳng minh liễu.

Nên biết, nếu 5 âm là vô sanh thì chẳng có thể gọi là 5 âm, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí vô sanh thì chẳng thể gọi là Nhất thiết chủng trí. 5 âm do nhân duyên hòa hợp sanh, chỉ là giả danh, chẳng có định tướng. Thật tướng của 5 âm là như pháp tánh thật tế, là vô tướng vậy.

-o0o-

Ở nơi “thế tục đế”, do tùy thuận chúng sanh tâm, mà lập ra danh tự để phân biệt các pháp tướng riêng khác. Thế nhưng ở nơi “Đệ nhất nghĩa đế” thì chẳng có phân biệt bi, thù

(bên kia, bên này) nên là vô tranh (chẳng có tranh cạnh) vậy. Từ sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng đều là như vậy, chẳng có gì phân biệt cả. Do vì ngã không và chúng sanh không, nên người thuyết pháp, người nghe pháp, người hiểu pháp, người biết pháp đều là “không” cả. Bởi vậy nên quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến quả Phật đều là giả danh, giả thi thiết cả.

-o0o-

KINH:

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon nghĩ rằng: Ngài huệ mạng Tu Bồ Đề trí huệ cao sâu. Ngài chẳng hoại pháp tướng mà vẫn thuyết được thật tướng các pháp.

Phật biết tâm niệm của vị Đế Thích, nên dạy rằng: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Kiều Thi Ca! Ông Tu Bồ Đề có trí huệ cao sâu, chẳng phá hoại các pháp tướng mà vẫn thuyết được thật tướng của các pháp.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon bạch Phật: Bạch Thế Tôn! đại đức Tu Bồ Đề chẳng hoại các pháp tướng mà vẫn thuyết được thật tướng các pháp. Nghĩa ấy như thế nào?

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Sắc là giả danh, ..., dẫn đến thức là giả danh, nên ông Tu Bồ Đề chẳng hoại các pháp tướng mà vẫn thuyết được thật tướng các pháp. Vì sao? Vì thật tướng pháp là chẳng hoại (phi hoại), cũng chẳng phải chẳng hoại (phi bất hoại). Chỗ thuyết pháp của ông Tu Bồ Đề cũng chẳng hoại (phi hoại), cũng chẳng phải chẳng hoại (phi bất hoại).

Nhãn, ..., dẫn đến ý, sắc, ..., dẫn đến pháp, nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức, nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc, nhãn xúc

nhân duyên sanh thọ, dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ. Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, hết thấy các tam muội, hết thấy các đà la ni, quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến quả Phật, Phật đạo, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng đều là giả thi thiết cả.

Này Kiều Thi Ca! Bởi nhân duyên vậy, nên ông Tu Bồ Đề chẳng hoại các pháp tướng, mà vẫn thuyết được thật tướng các pháp.

Ngài Tu Bồ Đề nói với ngài Thích Đề Hoàn Nhon: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Đúng như lời Phật dạy, các pháp chỉ là giả danh. Bồ tát Ma ha tát phải biết rõ các pháp chỉ là giả danh, và phải học Bát nhã Ba-la-mật như vậy.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bồ tát học như vậy tức là chẳng học sắc, ..., dẫn đến chẳng học thức. Vì sao? Vì chẳng thấy có sắc, ..., dẫn đến chẳng thấy có thức để học.

Bồ tát cũng chẳng học nhãn, ..., dẫn đến ý, chẳng học sắc, ..., dẫn đến pháp, chẳng học nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức, chẳng học nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc, chẳng học nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ, chẳng học Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, chẳng học nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, chẳng học 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, chẳng học hết thấy tam muội, hết thấy đà la ni, ..., dẫn đến chẳng học Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì chẳng thấy có các pháp đó để học.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon hỏi: Thưa đại đức! Vì nhân duyên gì mà Bồ tát chẳng thấy có sắc, ..., dẫn đến chẳng thấy có Nhất thiết chủng trí để học?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Vì sắc là “sắc không” dẫn đến Nhất thiết chủng trí là “Nhất thiết chủng trí không”.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Vì chẳng trú trong “không” mới gọi là học “không”. Vì sao? Vì là “bất nhị pháp”.

Bồ tát học sắc không” dẫn đến học “Nhất thiết chủng trí không” vì là “bất nhị pháp”.

Bồ tát học “sắc không” dẫn đến “thức không” là chẳng phải hai (bất nhị), ... học “Đàn Ba-la-mật không” dẫn đến “Bát nhã Ba-la-mật không” là chẳng phải hai, học “4 niệm xứ không” dẫn đến “18 bất cộng phải “không” là chẳng phải hai, học “quả Tu-đà-hoàn không”, ..., dẫn đến “quả Phật không”, học “tam muội không”, “đà la ni không”, ..., dẫn đến “Nhất thiết chủng trí không” là chẳng phải hai. Học như vậy nên Bồ tát có thể học được vô lượng vô biên a tăng kỳ Phật pháp.

Bồ tát học vô lượng vô biên a tăng kỳ Phật pháp như vậy, là chẳng vì sắc tăng mà học, cũng chẳng vì sắc giảm mà học, ..., dẫn đến chẳng vì Nhất thiết chủng trí tăng mà học, cũng chẳng vì Nhất thiết chủng trí giảm mà học.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Nếu Bồ tát chẳng vì sắc tăng, sắc giảm mà học, ..., dẫn đến chẳng vì Nhất thiết chủng trí tăng, Nhất thiết chủng trí giảm mà học, thì Bồ tát cũng chẳng vì sắc thọ, sắc diệt mà học, ..., dẫn đến chẳng vì Nhất thiết chủng trí thọ, Nhất thiết chủng trí diệt mà học vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Ngài nói Bồ tát học như vậy là chẳng vì sắc thọ, sắc diệt mà học, ..., dẫn đến chẳng vì Nhất thiết chủng trí thọ, Nhất thiết chủng trí diệt mà học chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát nếu học như vậy, thì sẽ chẳng vì sắc thọ hay sắc diệt mà học, ..., dẫn đến chẳng vì Nhất thiết chủng trí thọ hay diệt mà học vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Vì nhân duyên gì mà Bồ tát chẳng vì sắc thọ hay diệt mà học, ..., dẫn đến chẳng vì Nhất thiết chủng trí thọ hay diệt mà học?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Vì sắc là chẳng thể thọ (bất khả thọ), mà cũng chẳng có người thọ sắc, ..., dẫn đến vì Nhất thiết chủng trí là chẳng thể thọ, mà cũng chẳng có người thọ Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì đều là nội không, ..., dẫn đến đều là vô pháp hữu pháp không, nên là như vậy.

Do vì chẳng thọ (bất thọ) hết thấy pháp nên Bồ tát mới có thể đến được Nhất thiết chủng trí.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Ngài nói Bồ tát học như vậy mà có thể đến được Nhất thiết chủng trí chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật như vậy, có thể đến được Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì chẳng thọ hết thấy pháp mới đến được Nhất thiết chủng trí vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Nếu đối với hết thấy các pháp, Bồ tát đều chẳng vì thọ mà học, cũng chẳng vì diệt mà học thì làm sao có thể đến được Nhất thiết chủng trí?

Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy sắc sanh, chẳng thấy sắc diệt, chẳng thấy sắc thọ, chẳng thấy sắc bất thọ, chẳng thấy sắc cấu, chẳng thấy sắc tịnh, chẳng thấy sắc tăng, chẳng thấy sắc giảm. Vì sao? Vì sắc tánh là không.

Dẫn đến Bồ tát chẳng thấy Nhất thiết chủng trí là có

sinh, có diệt, có thọ, có cấu, có tịnh, có tăng, có giảm. Vì sao? Vì “Nhất thiết chủng trí” là tánh không.

Như vậy, thưa ngài Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát biết rõ hết thấy các pháp đều là bất sanh, bất diệt, bất thọ, bất xả, bất cấu, bất tịnh, bất tập, bất tán, bất tăng, bất giảm. Bồ tát do học Bát nhã Ba-la-mật như vậy mà đến được Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì là “vô sở học”, “vô sở đắc”, chẳng có gì học, chẳng có gì đắc vậy.

LUẬN:

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hoan hỷ tán thán ngài Tu Bồ Đề có trí huệ cao sâu, chẳng hoại các pháp tướng, mà vẫn thuyết được thật tướng các pháp.

Phật ẩn chứng lời tán thán này.

Hỏi: Vì sao Phật ẩn chứng lời ngài Thích Đề Hoàn Nhơn tán thán ngài Tu Bồ Đề?

Đáp: Phật hiển dụng đại bi tâm, muốn chúng sanh tin thọ lời của Tu Bồ Đề thuyết.

Ngài Tu Bồ Đề đã dùng trí huệ thậm thâm, quán chiếu các pháp, biết rõ hết thấy pháp đều chỉ là giả danh. Như vậy là hợp với Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, nên đều là giả danh, là vô tướng vậy.

Bát nhã Ba-la-mật dung nhiếp hết thấy các pháp, mà chẳng thủ chấp các tướng. Học Bát nhã Ba-la-mật như vậy là học sắc không, ..., dẫn đến học Nhất thiết chủng trí không, là vào được “bất nhị pháp” vậy.

Lại nữa, vì sắc chẳng có định tướng, vì sắc là vô sắc nên chẳng học sắc. Dẫn đến hết thấy các pháp cũng đều là như vậy cả.

Bồ tát cầu 5 nhãn, nên chẳng thấy có sắc tướng, chẳng thấy có ngã tướng, có vô ngã tướng, ..., dẫn đến chẳng thấy có Nhất thiết chủng trí tướng. Vì sao? Vì ở nơi thật tướng thì sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là không, là vô tướng, là bất khả đắc cả. Cho nên nói sắc là tự tướng không, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là tự tướng không.

Do vì biết sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí là tự tướng không, nên chẳng học sắc, ..., dẫn đến chẳng học Nhất thiết chủng trí.

Nên biết hết thấy các pháp tướng đều nương vào nhau mà y tha khởi tác hành, chẳng phải mỗi pháp có tự tướng riêng biệt vậy. Ví như “người cỡi ngựa” nếu chẳng nương vào “tướng người”, “tướng ngựa” thì chẳng sao nói lên được “tướng người cỡi ngựa” được.

Hỏi: *Nếu như vậy thì chẳng học hết thấy pháp. Sao lại nói được hết thấy trí?*

Đáp: Như đã nói trước đây, nếu đã vào được pháp “không” thì chẳng còn chấp các pháp tướng nữa. Học như vậy mới gọi là học sắc không. Vì sao? Vì nếu chấp “không” mà phá các pháp tướng thì liền bị rơi vào đoạn diệt. Còn nếu phá chấp về sắc tướng, mà cũng chẳng chấp “không” thì mới vào được “bất nhị pháp môn”. Có như vậy mới biết được “sắc” và “không” đều chẳng phải hai, chẳng phải khác và đều là bất khả đắc cả.

Lại nữa, nếu học “sắc không”, ..., dẫn đến “Nhất thiết chủng trí không” là chẳng phải hai, chẳng phải khác, thì sẽ được vô lượng vô biên a tăng kỳ Phật pháp. Đó chính là “Nhất thiết chủng trí” vậy.

Bồ tát tâm có hạn lượng, còn Phật tâm là vô hạn lượng. Bởi vậy nên nói vô hạn lượng mới là chánh hạnh của Bồ tát đạo.

-o0o-

Lại nữa, nói chẳng học sắc tăng hay giảm, là vì tăng hay giảm đều là giả lập. Ví như do 4 đại và 4 đại tạo sắc tác duyên hòa hợp mà tạo thành sắc thân. Khi đã có sắc thân lại vọng khởi thấy có tướng nam, tướng nữ, tướng xấu, tướng tốt, tướng cao, tướng thấp, khiến chúng sanh sanh nhiễm trước. Như vậy gọi là sắc tăng.

Trái lại, khi phá sắc thành không rồi, lại vọng khởi chấp “không”. Như vậy gọi là sắc giảm. Dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

-o0o-

Lại nữa, nói chẳng vì sắc thọ, chẳng vì sắc diệt mà học, là vì sắc thọ hay sắc diệt đều là bất khả đắc cả. Nếu biết rõ như vậy, thì chẳng còn thọ các nghiệp quả nhân duyên tương tục nữa.

Ngài Tu Bồ Đề nói các nhân duyên sanh ra sắc đều là bất khả đắc, nên chẳng thọ sắc. Lại vì nội ngoại sắc đều là không, nên chẳng thọ sắc. Sắc đã chẳng thọ thì cũng chẳng diệt vậy.

Hỏi: Ở trong 18 không đã bao gồm hết thấy các pháp. Sao trên đây chỉ đề cập đến nội và ngoại không mà thôi?

Đáp: Nói người thọ sắc là không, là nói về nội không. Nói về sắc không là nói về ngoại không. Nội không và ngoại không nhiếp hết thấy các pháp không, nên chỉ cần đề cập đến nội không và ngoại không là đủ rồi vậy.

Bồ tát học “sắc không”, ..., dẫn đến học “Nhất thiết chủng trí không” là học “bất nhị pháp”. Học như vậy là sẽ đến được Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì chẳng còn gì làm chướng ngại cả.

Lại nữa, nếu Bồ tát quán hết thấy các pháp đều như hư không, chẳng có gì chướng ngại thì sẽ đến được Nhất thiết chủng trí.

-o0o-

Bởi các nhân duyên như vậy nên ngài Xá Lợi Phất nghĩ rằng: Bồ tát phải diệt hết phiền não, phải thọ hết thấy thiện pháp.

Nghĩ như vậy rồi, ngài bèn hỏi ngài Tu Bồ Đề rằng: Nếu Bồ tát học hết thấy các pháp, mà chẳng thọ, chẳng diệt thì làm sao đến được Nhất thiết chủng trí?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Nếu phá chấp về “sanh tướng” thì sẽ biết rõ hết thấy pháp đều là vô sanh. Nếu phá chấp về “vô thường tướng”, thì sẽ biết rõ hết thấy pháp đều là vô diệt. Quán hết thấy các pháp tướng đều là hư vọng, duyên khởi sanh ra các tội lỗi nên là bất thọ. Quán hết thấy các pháp tướng đều lợi ích, nên là bất xả. Quán hết thấy các pháp đều là tánh thể thanh tịnh, nên là bất cấu. Quán hết thấy các pháp đều là tánh thể thường bình đẳng, chẳng phân biệt cấu tịnh nên là bất tịnh. Quán hết thấy các pháp tướng tuy có tác duyên mà thật chẳng được tạo tác, nên là vô tác, vô khởi. Quán hết thấy các pháp dù ra, dù vào, dù qua, dù lại... đều chẳng có tăng, chẳng có giảm, chẳng có nhiều, chẳng có ít, nên là bất tăng bất giảm.

Như biển lớn thu nhận nhiều nguồn nước từ các dòng sông tương tục chảy đến, mà lượng nước biển chẳng có gì

thay đổi. Các pháp cũng là như vậy. Do pháp tánh vẫn thường trú như hư không, nên tự tánh của hết thảy các pháp là bất khả đắc, bất khả hoại. Nếu học được như vậy thì sẽ đến được Nhất thiết chủng trí. Học được như vậy thì mới chẳng thấy có sắc tướng, ..., dẫn đến chẳng thấy có thức tướng, chẳng thấy có Bồ tát tướng, ..., dẫn đến chẳng thấy có Bát nhã Ba-la-mật tướng. Học như vậy mới đạt đến chỗ “vô sở học”, “vô sở đắc” vậy.

-o0o-

KINH:

Lúc bấy giờ ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi ngài Xá Lợi Phất: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma ha tát phải y cứ vào đâu để cầu Bát nhã Ba-la-mật?

Ngài Xá Lợi Phất nói: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bồ tát Ma ha tát phải y cứ nơi chỗ ngài Tu Bồ Đề thuyết mà cầu Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi ngài Tu Bồ Đề: Thưa Đại đức! Đây là thần lực của Đại đức khiến ngài Xá Lợi Phất nói vậy chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Chẳng phải thần lực của tôi khiến ngài Xá Lợi Phất nói như vậy.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi: Thưa Đại đức! Như vậy thần lực là của ai?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Đây là thần lực của Như Lai.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi: Hết thảy các pháp đều chẳng có thọ xứ (vô thọ xứ). Như vậy do đâu mà nói đó là thần lực của Như Lai?

Ly “vô thọ xứ tướng” thì Như Lai là bất khả đắc. Ly “pháp như” thì Như Lai cũng bất khả đắc.

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Đúng như vậy, đúng như vậy! Thưa ngài Kiều Thi Ca! Như lời ông nói, ly “vô thọ xứ tướng” thì Như Lai là bất khả đắc, và ly “pháp như” thì Như Lai cũng là bất khả đắc.

Trong “vô thọ xứ tướng”, Như Lai cũng là bất khả đắc, và trong “pháp như”, Như Lai cũng là bất khả đắc.

Lại nữa, trong “sắc như”, ..., dẫn đến trong “thức như”, thì “Như Lai như” là bất khả đắc, trong “Như Lai như” thì “sắc như”, ..., dẫn đến “thức như” là bất khả đắc. Trong “sắc pháp tướng”, ..., dẫn đến trong “thức pháp tướng” thì “Như Lai pháp tướng” là bất khả đắc, trong “Như Lai pháp tướng”, thì “sắc pháp tướng”, ..., dẫn đến “thức pháp tướng” là bất khả đắc.

Dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Trong “sắc như”, ..., dẫn đến trong “thức như”, Như Lai chẳng có hợp, chẳng có tan, ly “sắc như”, ..., dẫn đến ly “thức như”, Như Lai cũng chẳng có hợp, chẳng có tan. Dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Lại nữa, trong “sắc pháp tướng”, ..., dẫn đến trong “thức pháp tướng”, Như Lai chẳng có hợp, chẳng có tan, ly “sắc pháp tướng”, ..., dẫn đến ly “thức pháp tướng”, Như Lai cũng chẳng có hợp, chẳng có tan. Dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Như vậy là hết thấy các pháp đều chẳng có hợp, chẳng có tan. Đó chính là thần lực của Như Lai, chính là “vô sở thọ pháp” vậy.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi: Thưa Đại đức! Như vậy Bồ tát Ma ha tát cầu Bát nhã Ba-la-mật ở chỗ nào?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Chẳng phải ở trong sắc, chẳng phải ly sắc, ..., dẫn đến chẳng phải ở trong thức, chẳng phải ly thức, mà Bồ tát Ma ha tát cầu Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật và 5 âm cùng hết thấy các pháp đều là những pháp chẳng có hợp, chẳng có tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, đều chỉ là một tướng (nhất tướng), là chẳng có tướng (vô tướng) vậy.

Dẫn đến chẳng phải ở trong Nhất thiết chủng trí, hay ly Nhất thiết chủng trí mà cầu Bát nhã Ba-la-mật được. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật và Nhất thiết chủng trí cùng hết thấy các pháp đều là những pháp chẳng có hợp, chẳng có tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, đều chỉ là một tướng (nhất tướng), là chẳng có tướng (vô tướng) vậy.

Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải là 5 âm, cũng chẳng ly 5 âm, ..., dẫn đến chẳng phải là Nhất thiết chủng trí, cũng chẳng ly Nhất thiết chủng trí. Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải là “5 âm như”, cũng chẳng ly “5 âm như”, ..., dẫn đến chẳng phải là “Nhất thiết chủng trí như”, cũng chẳng phải ly “Nhất thiết chủng trí như”. Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải là “5 âm pháp”, cũng chẳng phải ly “5 âm pháp”, ..., dẫn đến chẳng phải là “Nhất thiết chủng trí pháp”, cũng chẳng ly “Nhất thiết chủng trí pháp”.

Vì sao?

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Vì hết thấy các pháp đều là vô sở hữu, đều là bất khả đắc vậy.

LUẬN:

Hỏi: Đức Phật, ngài Tu Bồ Đề và ngài Xá Lợi Phất đã dùng các phương tiện nhân duyên để nói rõ về nghĩa của “Bát nhã Ba-la-mật tướng” rồi. Nay vì sao ngài Thích Đề Hoàn Nhơn còn hỏi phải cầu Bát nhã Ba-la-mật ở chỗ nào nữa?

Đáp: Ở đây, vị Đế Thích chẳng có hỏi về thể của Bát nhã Ba-la-mật, mà ngài chỉ hỏi về “Bát nhã Ba-la-mật danh tự”, nên ngài Xá Lợi Phất mới nói: Phải nương nơi chỗ ngài Tu Bồ Đề thuyết mà cầu Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, ngài Tu Bồ Đề thường thuyết về “pháp không”, thường tu tập “pháp không”, còn ngài Xá Lợi Phất tuy là bậc trí huệ đệ nhất, tuy đã đoạn được “pháp ái” nhưng chưa có thường thuyết và hành “pháp không”, nên mới nói: Phải nương nơi chỗ ngài Tu Bồ Đề thuyết mà cầu Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Vì sao vị Đế Thích chẳng có hỏi Phật để hiểu rõ hơn về Bát nhã Ba-la-mật, mà ngài lại hỏi ngài Tu Bồ Đề?

Đáp: Trừ Phật ra, thì ngài Tu Bồ Đề là người thường hành và thuyết “pháp không” đệ nhất trong hàng đại đệ tử của Phật.

Phật ở trong cả 6 thời, thường dùng Phật nhãn để quán tâm chúng sanh, thường dùng trí huệ Bát nhã thuyết về vô thường, khổ, không, vô ngã, thường phân biệt rõ về biệt tướng và tổng tướng của các pháp, thường thuyết về các nhân duyên sanh pháp, nhằm dạy chúng sanh nhận rõ các pháp đều chẳng có ai làm ra (vô chủ tác), chẳng có ai thọ (vô thọ giả), chẳng có ai biết (vô tri giả), lại thường thuyết các pháp đều là rốt ráo không. Liễu ngộ được các pháp đều là vô chủ tác, vô thọ giả, vô tri giả, vô kiến giả, đều là rốt ráo không, đều là rốt ráo bất khả đắc, là đã thâm nhập được vào Bát nhã Ba-la-mật rồi vậy.

Ngài Tu Bồ Đề thay Phật, đã thuyết Bát nhã Ba-la-mật tại pháp hội, lời thuyết giảng của ngài được Phật chứng minh, khiến chư Thiên từ đến nghe pháp đều hoan hỷ tín thọ.

Do vậy mà ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đã thay mặt chư Thiên, nêu lên các câu hỏi, để được ngài Xá Lợi Phất và ngài Tu Bồ Đề giải rõ thêm.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn tự nghĩ: Chẳng biết Bát nhã Ba-la-mật tướng là như thế nào?

Biết được tâm niệm của vị Đế Thích, ngài Xá Lợi Phất nói: Ngài Tu Bồ Đề thường nhập “pháp không”, thường thuyết “pháp không”, chỗ ngài thuyết ra là “không”, dẫn đến “pháp không” đó cũng là không.

Bởi vậy phải nương nơi chỗ ngài Tu Bồ Đề thuyết mà cầu Bát nhã Ba-la-mật vậy.

-o0o-

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn tán thán ngài Tu Bồ Đề có đại thần lực, khiến ngài Xá Lợi Phất nói như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề khiêm tốn đáp: Chẳng phải thần lực của tôi khiến ngài Xá Lợi Phất nói như vậy, mà đây là do thần lực của Như Lai.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi: Hết thấy pháp đều là vô thọ xứ. Như vậy do đâu mà nói đó là thần lực của Như Lai?

Sở dĩ vị Đế Thích hỏi ngài Tu Bồ Đề như vậy vì ngài nghĩ rằng: Nếu ly vô thọ xứ tướng, thì Như Lai là bất khả đắc. Nếu hết thấy các pháp đều là vô thọ xứ, thì chẳng có chỗ y chỉ nên cũng chẳng do đâu mà có được Như Lai vậy.

Đây là lời vấn nạn mà vị Đệ Thích đã nêu lên trong pháp hội. Ngài Tu Bồ Đề thay Phật, đã và đang thuyết Bát nhã Ba-la-mật, để trả lời cho vị Đệ Thích, và gián tiếp cho toàn thể pháp hội vậy.

Hỏi: “*Vô thọ xứ tướng*” và “*pháp như*” khác nhau như thế nào?

Đáp: Thật tướng của các pháp cũng gọi là “vô thọ tướng”. Vì các pháp đều là bất khả đắc, nên là vô thọ. Vì thật tướng của các pháp chẳng thể hoại (bất hoại), nên cũng gọi là “như”.

Trong “không” thì Như Lai là bất khả đắc, mà ly “không” thì Như Lai cũng là bất khả đắc.

Bởi vậy nên ngài Tu Bồ Đề sau khi nghe ngài Thích Đề Hoàn Nhơn giải bày, đã tán thán rằng: Đúng như vậy, đúng như vậy!

Qua lời xác nhận của ngài Tu Bồ Đề, thì “vô thọ tướng” và “như tướng” là chẳng phải đồng, cũng chẳng phải khác vậy.

Cũng nên biết rằng Như Lai là bất khả đắc, nhưng vì tùy thuận chúng sanh mà nói có “Như Lai”. Đây chỉ là phương tiện để hóa độ chúng sanh. Thật ra Như Lai cũng chỉ là giả danh pháp.

Lại nữa, “như” ở thời trước, và “lai” (đến trở lại) y như vậy ở vào thời sau, nên gọi là “Như Lai”. Ví như xưa kia, Bồ tát Định Quang đã hành 6 pháp Ba-la-mật mà vào được đạo, nay Bồ tát Thích Ca Mưu Ni cũng đã hành 6 pháp Ba-la-mật mà vào được đạo. Lại ví như xưa kia, Bồ tát Định Quang đã dùng trí huệ để biết hết thấy các pháp đều là như, và cũng từ nơi như mà lại, nên gọi là Như Lai, nay Bồ tát Thích Ca Mưu Ni cũng là như vậy.

Phật là Như Lai, là vô sở hữu. Hết thảy chúng sanh, hết thảy các pháp cũng đều là vô sở hữu tướng, là vô thọ xứ tướng, nên cũng có nghĩa là Như Lai vậy.

Trên đây lược nói “vô thọ tướng”, “Như Lai tướng” đều là không, là vô sở hữu. Vô thọ xứ tướng là như tánh tướng, là vô định tướng. Bởi vậy nên nói, trong “vô thọ xứ tướng” chẳng có Như Lai, và lý “vô thọ xứ tướng” cũng chẳng có Như Lai, vì Như Lai là bất khả đắc vậy.

-oOo-

Có thuyết nói “thật tướng pháp” có 2 nghĩa:

- Các pháp tướng là rốt ráo không.

- Các pháp tướng rốt ráo chẳng có thể diễn bày, chẳng có thể nói ra được, chẳng có thật thể nên là vô tướng.

Ví như nói Niết Bàn chẳng thể diễn bày, chẳng thể nói ra được.

Lại nữa, cũng nên biết, nếu nói các pháp tướng là “rốt ráo không” thì Như Lai là bất khả đắc, mà pháp “rốt ráo không” thì Như Lai cũng là bất khả đắc. Vì sao? Vì trong “rốt ráo không” là “vô thọ tướng”, mà pháp “rốt ráo không” thì thật tướng pháp là “như”.

Cũng như vậy, tầm cầu Như Lai ở nơi 5 âm, ..., dẫn đến ở nơi Nhất thiết chủng trí, thì Như Lai cũng là bất khả đắc.

Hỏi: *Nếu nói Như Lai là bất khả đắc, thì vì sao còn nói đến thần lực của Như Lai?*

Đáp: Trên đây đã nói rõ Như Lai chẳng ở nơi 5 âm, mà lý 5 âm cũng chẳng có Như Lai. 5 âm chẳng có trong Như Lai,

mà Như Lai cũng chẳng có trong 5 âm. Vì sao? Vì 5 âm là tướng sanh diệt, là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã nên Như Lai chẳng phải là 5 âm, nếu Như Lai là 5 âm thì Như Lai cũng sẽ sanh diệt vậy. Lại nữa, 5 âm là 5 pháp, mà Như Lai chỉ là một pháp. 5 chẳng thể là 1, mà 1 cũng chẳng thể là 5 được. Bởi vậy nên nói Như Lai chẳng phải là 5 âm, và 5 âm chẳng phải là Như Lai.

Thế nhưng nếu nói ly 5 âm mà có Như Lai, thì Như Lai phải là chẳng thấy (vô kiến), chẳng biết (vô tri), chẳng nghe (vô văn), chẳng có kiến thức (vô thức), chẳng có thọ khổ, chẳng có thọ lạc. Vì sao? Vì tánh hay biết (giác tri) thuộc về 5 âm. Bởi vậy nên nói ly 5 âm thì Như Lai cũng là bất khả đắc.

Trong “sắc”, “sắc như”, “sắc pháp tướng”, ..., dẫn đến trong “thức”, “thức như”, “thức pháp tướng”, Như Lai đều chẳng hợp, chẳng tan, ly “sắc”, “sắc như”, “sắc pháp tướng”, ..., dẫn đến ly “thức”, “thức như”, “thức pháp tướng”, Như Lai cũng đều chẳng hợp, chẳng tan. Đối với Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy. Tóm lại, ở nơi hết thấy các pháp, và ly hết thấy các pháp, Như Lai đều chẳng hợp, chẳng tan. Vì sao? Vì các pháp đều là “vô sở thọ”. Đó chính là thân lực của Như Lai vậy.

Hỏi: *Nếu nói Như Lai dùng mắt thấy, tai nghe... thì như vậy có lỗi gì?*

Đáp: Cái dùng để thấy ấy là nhãn căn, chẳng phải là Như Lai. Nếu là Như Lai, thì Như Lai chẳng phải tướng con mắt, lại nếu Như Lai chưa thủ sắc thì làm sao biết Như Lai dùng con mắt để thấy và dùng tai để nghe được. Nói Như Lai dùng mắt thấy, tai nghe là chưa thông suốt vậy.

Hỏi: *Nếu Như Lai dùng “trí huệ” để phân biệt, thì như*

vậy trí huệ của Như Lai thấy, hay chẳng thấy? Nếu trí huệ dùng con mắt để thấy thì các căn khác sẽ như thế nào?

Đáp: Cái biết cũng như cái thấy, cái nghe... thuộc về 5 căn, chẳng phải là Như Lai. Vì nếu dùng cái biết mà biết con mắt, thì cái gì sẽ biết được “cái biết” đó?

Hỏi: *Nghĩa ấy như thế nào? Nếu muốn biết Như Lai thì phải dùng cái gì để biết? Nếu dùng Như Lai mà biết được Như Lai, thì là vô cùng. Làm sao có thể như vậy được?*

Đáp: Nếu nói “cái tướng biết” trú trong “cái biết” của Như Lai có nghĩa là nói khi biết được “cái tướng biết”, thì “cái biết” đó đã cùng Như Lai trú vậy. Thế nhưng, nếu nói “cái biết” cũng chính là “tướng biết”, thì cái biết đó là vô thường, mà đã là vô thường thì chẳng có đời sau. Như vậy, thì Như Lai phải là đoạn diệt.

Lại nữa, nếu ly 5 ấm mà có Như Lai, thì Như Lai phải là thường. Cũng như hư không, “Như Lai tướng” chẳng có biến đổi, nên chẳng có thọ khổ, thọ lạc, cũng chẳng có tội, có phước.

Bởi các lỗi trên, nên nói 5 ấm chẳng có trong Như Lai, và Như Lai chẳng có trong 5 ấm.

Hỏi: *Phải nương theo 5 ấm mới biết có Như Lai. Nếu chẳng có 5 ấm, thì làm sao biết có Như Lai được?*

Đáp: Nếu do 5 ấm mà có Như Lai, thì Như Lai chẳng có tự tánh. Nếu tự tánh của Như Lai đã là không, thì thọ tánh cũng là không. Bởi vậy nên nói ở nơi 5 ấm mà cầu Như Lai thì Như Lai là bất khả đắc.

Trên đây, vì muốn phá trừ các hý luận, nên nói Như Lai chẳng có trong 5 ấm. Như Lai là bất sanh, bất diệt, nên người

dùng các pháp hý luận mà cầu Như Lai, thì chẳng thể nào thấy được Như Lai vậy.

-o0o-

Thế nhưng, nếu chấp chẳng có Như Lai, thì lại rơi vào tà kiến.

Như vậy là nói “có Như Lai” hay nói “không có Như Lai”, thì cũng đều là hý luận cả. Dùng các pháp hý luận mà cầu Như Lai, thì Như Lai là bất khả đắc vậy.

Nên biết tướng của Như Lai cũng là tướng của hết thầy pháp, và tướng của hết thầy pháp cũng là tướng của Như Lai. Vì “Như Lai tướng” rốt ráo là “không tướng”, và “không tướng” tức là “hết thầy pháp tướng” vậy.

Hỏi: *Nói trong “5 ám như” chẳng có “Như Lai như”. Vậy trong “Như Lai như” cũng chẳng có “5 ám như” hay sao?*

Đáp: Đây chỉ lược nói đến 2 pháp ấy, nhưng rộng nhiếp hết cả 20 tà chấp về “ngã kiến”.

Nên biết:

- “5 ám như” dẫn đến “Nhất thiết chủng trí như”.

- “5 ám như” tức là “thị 5 ám pháp tướng” dẫn đến “Nhất thiết chủng trí như” tức là “thị Nhất thiết chủng trí pháp tướng”.

Bởi vậy nên nói: “Như” tức là “thị pháp tướng” vậy.

Hỏi: *Nếu nói “Như” tức là “thị pháp tướng” thì vì sao còn hỏi nữa?*

Đáp: Người tu khi đã biết “5 ám như” rồi, mà tâm vẫn còn nghi, còn sợ chưa rõ vì sao các pháp tướng đều là “không”, là vô sở hữu.

Bởi vậy nên vị Đê Thích mới hỏi để ngài Tu Bồ Đề giải rõ thêm. Ngài Tu Bồ Đề cho biết rằng: “5 âm pháp tướng” tự “như”, tức là “thị” 5 âm pháp tướng vậy.

Ví như người tự chạm vào lửa, khiến tay bị nóng, thì tự tâm chẳng oán, chẳng giận, vì biết tướng lửa là như vậy. Trái lại, nếu có kẻ khác lấy lửa đốt mình, thì liền sanh sân hận.

Bởi vậy nên nói: Trong “5 âm như” thì Như Lai chẳng hợp, chẳng tan, ly “5 âm như” thì Như Lai cũng chẳng hợp, chẳng tan. Vì sao? Vì Như Lai là nhất tướng, là vô tướng. Đã là nhất tướng, là vô tướng thì chẳng thể hợp, chẳng thể tan được. Phải có 2 pháp trở lên mới có hợp có tan được.

Lại nữa, nếu ly “5 âm tướng”, thì Như Lai cũng chẳng hợp, chẳng tan. Vì sao? Vì ly “5 âm tướng” thì Như Lai là bất khả đắc.

Bởi vậy nên nói: Như Lai là “như pháp” và 5 âm tướng cũng là “như pháp”. Như Lai là “như pháp tướng”, 5 âm tướng cũng là “như pháp tướng”, chẳng phải hai, chẳng phải khác. Ly “5 âm như” thì “5 âm pháp tướng” cũng chẳng hợp, chẳng tan.

Dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Bởi vậy nên nói: Nếu biết rõ các pháp như tướng là chẳng hợp, chẳng tan, thì sẽ được thần lực, được trí huệ Bát nhã, sẽ nhận rõ được thật tướng của các pháp vậy.

Hỏi: *Phải như thế nào mới cầu được trí huệ Bát nhã?*

Đáp: Chẳng thể ở nơi 5 âm mà cầu trí huệ Bát nhã được. Vì sao? Vì 5 âm là vô thường, trước không, nay lại có, có rồi lại trở lại không, 5 âm chỉ ví như mộng, như huyễn.

Bát nhã Ba-la-mật là thật trí huệ, là trí huệ Phật. Bởi vậy nên chẳng thể ở nơi 5 âm mà cầu được vậy.

Ví như cầu các ngọc quý thì phải lặn xuống đáy biển sâu, phải trèo lên tận các núi cao, phải đào sâu trong lòng đất mới mong tìm được. Chẳng phải ở nơi ao rạch xú uế mà tìm được vậy.

Lại nữa, nếu ly 5 âm thì cũng chẳng cầu được Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì nếu ly 5 âm thì là vô sanh, vô diệt, vô tác, vô khởi nên chẳng cầu Bát nhã Ba-la-mật được vậy.

Chỉ khi nào biết rõ được 5 âm cùng Bát nhã Ba-la-mật là chẳng phải hai, chẳng phải khác, chẳng có hợp, chẳng có tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, là nhất tướng, là vô tướng, thì mới gọi là cầu Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì phàm phu phân biệt 5 âm là sắc pháp, trí huệ Bát nhã là tâm pháp. Trái lại, các bậc Thánh dùng huệ nhãn quán 5 âm cùng Bát nhã Ba-la-mật bình đẳng, đều là không, là nhất tướng, là vô tướng cả.

Nếu phá được chỗ chấp về 5 âm của phàm phu, nếu biết rõ được 5 âm chẳng phải là thật có, chỉ do duyên hòa hợp sanh, nên là như huyễn, như mộng thì sẽ vào được Bát nhã Ba-la-mật. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật chẳng ly “5 âm pháp tướng”. Dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

-o0o-

KINH:

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn nói với ngài Tu Bồ Đề: Thưa Đại đức! Như vậy thì Ma ha Bát nhã Ba-la-mật chính là đại Bồ tát Bát nhã Ba-la-mật, vô lượng vô biên Ba-la-mật, cũng chính là đại Bồ tát Bát nhã Ba-la-mật.

Nhờ tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà chư vị Tu-đà-hoàn thành tựu được quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến chư vị A-la-

hán thành tựu được quả A-la-hán, chư vị Bích Chi Phật thành tựu được Bích Chi Phật đạo, chư vị Bồ tát thành tựu được Bồ tát đạo. Tất cả các đạo quả nêu trên đây đều do tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà được thành tựu. Dẫn đến thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, được đạo Vô thượng bồ đề cũng đều do tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà được thành tựu cả.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Đúng như vậy, đúng như vậy! Thưa ngài Kiều Thi Ca! Ma ha Bát nhã Ba-la-mật chính là đại Bồ tát Bát nhã Ba-la-mật, vô lượng vô biên Bát nhã Ba-la-mật cũng chính là đại Bồ tát Bát nhã Ba-la-mật.

Lại cũng từ trong sự tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà thành tựu các quả Thanh Văn, ..., dẫn đến thành tựu Vô thượng bồ đề.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Sắc mênh mông rộng lớn, nên Bát nhã Ba-la-mật mênh mông rộng lớn, ..., dẫn đến thức mênh mông, rộng lớn nên Bát nhã Ba-la-mật mênh mông rộng lớn. Vì sao? Vì sắc quá khứ, sắc hiện tại, sắc vị lai, ..., dẫn đến thức quá khứ, thức hiện tại, thức vị lai đều là bất khả đắc cả.

Dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên Ma ha Bát nhã Ba-la-mật chính là đại Bồ tát Bát nhã Ba-la-mật.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Sắc vô lượng, ..., dẫn đến thức vô lượng, nên Bát nhã Ba-la-mật vô lượng. Vì sao? Vì sắc vô lượng, ..., dẫn đến thức vô lượng đều là bất khả đắc. Ví như hư không vô lượng là bất khả đắc, thì sắc vô lượng, ..., dẫn đến thức vô lượng cũng là như vậy.

Dẫn đến Nhất thiết chủng trí vô lượng, nên Bát nhã

Ba-la-mật vô lượng. Vì sao? Vì Nhất thiết chủng trí vô lượng là bất khả đắc. Ví như hư không vô lượng là bất khả đắc thì Nhất thiết chủng trí vô lượng cũng là như vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên Ma ha Bát nhã Ba-la-mật chính là đại Bồ tát Bát nhã Ba-la-mật.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Sắc vô biên, ..., dẫn đến thức vô biên, nên Bát nhã Ba-la-mật vô biên. Vì sao? Vì sắc quá khứ, sắc hiện tại, sắc vị lai, ..., dẫn đến thức quá khứ, thức hiện tại, thức vị lai đều bất khả đắc. Dẫn đến Nhất thiết chủng trí vô biên, nên Bát nhã Ba-la-mật vô biên. Vì sao? Vì ở quá khứ, ở hiện tại và ở vị lai, Nhất thiết chủng trí đều là bất khả đắc.

Lại nữa, vì duyên vô biên, nên Bát nhã Ba-la-mật vô biên.

Bởi nhân duyên vậy, nên Ma ha Bát nhã Ba-la-mật chính là đại Bồ tát Ba-la-mật.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi: Thưa Đại đức! Thế nào gọi là vì duyên vô biên, nên Bát nhã Ba-la-mật vô biên?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! “Duyên vô biên” là duyên hết thấy pháp tánh, nên Bát nhã Ba-la-mật vô biên.

Lại nữa, vì duyên vô biên như, nên Bát nhã Ba-la-mật vô biên.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi: Thưa Đại đức! Thế nào gọi là vì duyên vô biên như, nên Bát nhã Ba-la-mật vô biên?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! “Duyên

vô biên như” là duyên hết thấy pháp như. Vì “pháp như” là vô biên nên duyên pháp như là vô biên, dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

Lại nữa, vì chúng sanh vô biên nên Bát nhã Ba-la-mật vô biên.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi: Thưa Đại đức! Thế nào gọi là vì chúng sanh vô biên nên Bát nhã Ba-la-mật vô biên?

Ngài Tu Bồ Đề hỏi lại: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Theo ý ngài nghĩ, thì có pháp gọi là chúng sanh chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: Thưa Đại đức! Chẳng có pháp gọi là chúng sanh cả. Chúng sanh chỉ là “giả danh pháp”. Danh pháp chẳng phải là thật pháp, chẳng có chỗ đi, chỗ đến. Chỉ gượng ép dựng lập ra các danh pháp vậy thôi.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Ý ngài lại nghĩ sao? Trong Bát nhã Ba-la-mật có nói đến chúng sanh. Như vậy chúng sanh là thật có chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: Thưa Đại đức! Chẳng phải thật có.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Nếu trong Bát nhã Ba-la-mật mà chúng sanh là chẳng thật có, thì chúng sanh vô biên cũng là bất khả đắc.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Ý ngài nghĩ sao? Trong hàng sa kiếp, chư Phật đều nói đến chúng sanh, đến danh tự chúng sanh. Như vậy chúng sanh là pháp có sanh có diệt chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: Thưa Đại đức! Pháp ấy chẳng có sanh, chẳng có diệt. Vì chúng sanh bản lai thường thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bởi nhân duyên vậy, nên nói chúng sanh vô biên, thì Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

-o0o-

LUẬN:

Hỏi: *Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn chỉ mới được quả Tu-đà-hoàn thôi. Như vậy vì sao ngài lại muốn hỏi về thâm Bát nhã Ba-la-mật?*

Đáp: Nên biết ngài Tu Bồ Đề tuy mới chứng quả A-la-hán, nhưng vì muốn làm lợi ích cho hàng Bồ tát, mà ngài đã hỏi Phật về cách tu tập Bồ tát hạnh, và đã được Phật ủy nhiệm việc thuyết Bát nhã Ba-la-mật cho hàng Bồ tát nghe. Tương tự như vậy, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn, tuy chỉ mới chứng được sơ quả Thanh Văn, nhưng vì là vị Đế Thích làm chủ cõi Trời, lại có lợi căn, có lòng thương chúng sanh và muốn làm các việc lợi ích cho chúng sanh, nên ngài đã hỏi về thâm Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Có thuyết nói về vị Đế Thích này là một vị Đại Bồ tát thị hiện làm Thanh Văn. Ngài vì lân mẫn chúng sanh, tán thán Bát nhã Ba-la-mật là vô lượng, vô biên, lại tán thán việc tu tập Bát nhã Ba-la-mật, dẫn đến thành tựu các Thánh đạo, để ngài Tu Bồ Đề nương theo đó giải rộng về Bát nhã Ba-la-mật, nhằm đem lại lợi ích cho chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề đã nương theo lời thưa hỏi của vị Đế Thích để giải rộng thêm về Bát nhã Ba-la-mật, như nói: 5 ám mệnh mờ, rộng lớn, nên Bát nhã Ba-la-mật cũng là mệnh mờ,

rộng lớn. Ở cả 3 thời, 5 âm là bất đắc, là vô lượng, vô biên, nên Bát nhã Ba-la-mật cũng là bất khả đắc, là vô lượng, vô biên v.v...

Khi nói 5 âm là vô lượng, vô biên, ngài Tu Bồ Đề muốn cho biết rằng, 5 âm chẳng phải là hữu pháp. Vì hữu pháp dù có rộng lớn bao nhiêu đi nữa, thì cũng vẫn có hạn lượng, nên khi nói về 5 âm vô lượng, vô biên, ngài đã lấy hư không để làm dụ vậy.

Lại nữa, nếu 5 âm là hữu biên (có biên bờ), thì phải là hữu thi (có biên bờ đầu tiên) thì phải là hữu chung (có biên bờ sau cùng). Lầm chấp như vậy là rơi về chấp đoạn diệt.

Nên biết ở cả 3 thời, 5 âm đều là bất khả đắc. Bởi vậy nên nói 5 âm là vô biên, dẫn đến hết thảy pháp cũng là vô biên cả.

Cũng nên biết hết thảy pháp hữu vi đều do 4 duyên sanh. Đó là:

- Nhân duyên.
- Đẳng vô gián duyên.
- Sở duyên duyên.
- Tăng thượng duyên.

Nhưng ở hết thảy thời, các duyên ấy đều tác khởi, nên duyên là vô biên. Vì duyên vô biên nên Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

Lại nữa, 4 duyên pháp ấy đều chẳng thật có, đều là rốt ráo không, nên đều là vô biên. Dẫn đến duyên “như pháp tánh thật tế” cũng là vô biên, nên Bát nhã Ba-la-mật cũng là vô biên.

“Như pháp tánh thật tế” là như tướng, là vô tướng. Vì là vô tướng nên “như pháp tánh thật tế” là vô biên, dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật cũng là vô biên.

Lại nữa, chúng sanh là không, nên nói chúng sanh là vô biên, chúng sanh chẳng phải là định pháp, chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu, chỉ là giả danh pháp, nên nói chúng sanh là chẳng thật có.

Đây là lý do khiến vị Đệ Thích nói chẳng thật có chúng sanh khi được ngài Tu Bồ Đề hỏi: Ý ngài nghĩ sao? Ở trong Bát nhã Ba-la-mật thật có chúng sanh chăng? Nếu thật chẳng có chúng sanh thì làm sao có thể nói chúng sanh là hữu biên được?

Chư Phật trong vô lượng kiếp, thường nói đến chúng sanh, nhưng chúng sanh chỉ là giả danh pháp. Từ xưa đến nay, chúng sanh tánh vốn thường thanh tịnh, vốn là vô sở hữu, là bất sanh, bất diệt.

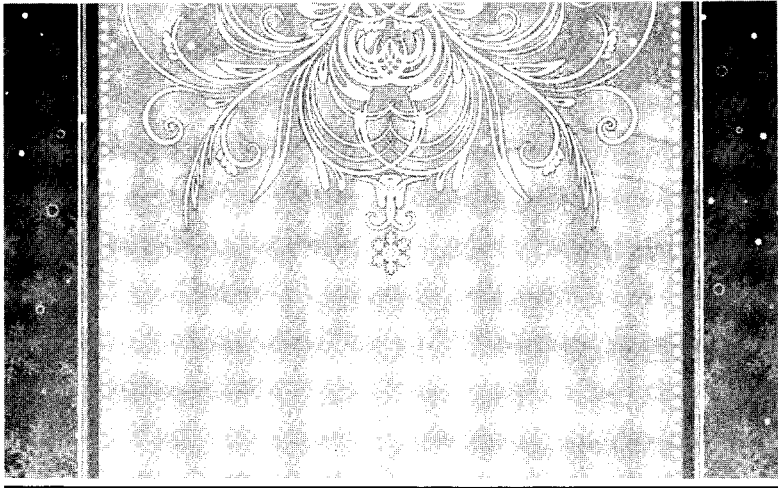
Cho nên nói “có” hay nói “không” cũng đều là hý luận cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói chúng sanh vô biên, thì Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

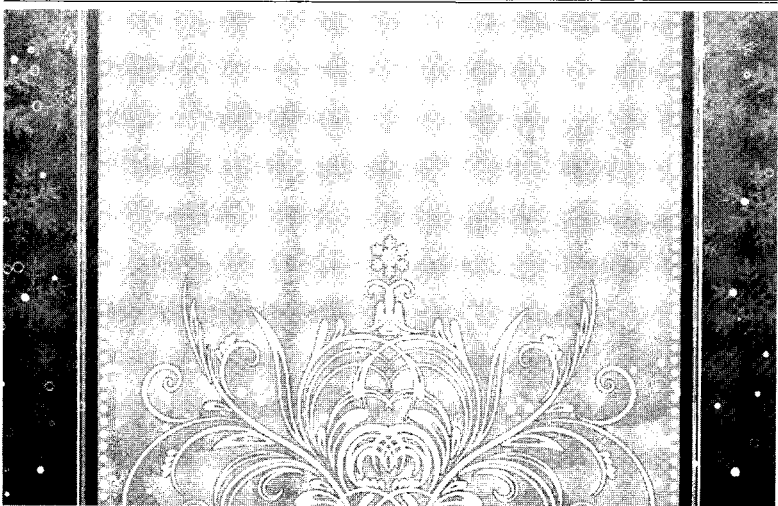
Hỏi: *Vì sao “vô biên” được nói nhiều, mà “vô lượng” chỉ lược nói mà thôi?*

Đáp: Do đây khởi chấp về 5 âm pháp mà nẩy sanh ra nhiều tà hạnh rất khó phá, nên phải nói nhiều về “vô biên” để phá chấp về “5 âm pháp tướng”. Còn chúng sanh tướng là vô lượng tướng, nhưng dễ phá hơn, nên chỉ cần nói ít.

(Hết quyển 55)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 56



Phẩm Thứ Ba Mười



Tam Thán (Ba Phen Tán Thán)

KINH:

Lúc bấy giờ, chư Thiên vương, chư Thiên, chư Phạm Thiên vương, chư Phạm Thiên, chư Thần Tiên, chư Tiên nữ đồng thời 3 phen xưng tán rằng: Hay thay! Hay thay! Ngài huệ mạng Tu Bồ Đề tuyên thuyết Bát nhã Ba-la-mật, là nhờ ân lực nhân duyên xuất thế của đức Phật. Nếu có vị Bồ tát nào hành Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật, thì chúng tôi xem vị đó như là Phật. Vì sao? Vì trong Bát nhã Ba-la-mật, tuy chẳng có pháp khả đắc, mà hàm chứa tất cả các giáo pháp, từ 4 niệm xứ, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí của cả 3 thừa giáo, tức là của Thanh Văn Thừa, của Bích Chi Phật Thừa và của Phật Thừa.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này chư Thiên tử! Như chỗ ông nói, trong Bát nhã Ba-la-mật, tuy chẳng có pháp khả đắc, mà vẫn thông cả 3 thừa giáo, gồm Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa.

Này chư Thiên tử! Nếu có vị Bồ tát nào hành Bát nhã Ba-la-mật, mà trọn chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật, thì các ông nên kính người ấy như kính Phật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật rộng nói cả 3 thừa giáo, gồm Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa; lại vì hành Bát nhã Ba-la-mật là hành vô sở đắc vậy.

Trong Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến trong Bát nhã Ba-la-mật, thì Phật là bất khả đắc; mà ly Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến ly Bát nhã Ba-la-mật, thì Phật cũng là bất khả đắc. Dẫn đến trong Nhất thiết chủng trí, Phật bất khả đắc, mà ly Nhất thiết chủng trí Phật cũng bất khả đắc.

Này chư Thiên tử! Nếu có vị Bồ tát nào tu tập hết thấy các pháp, từ Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí, thì các ông phải nên tôn kính vị ấy như tôn kính Phật vậy.

Này chư Thiên tử! Thuở xưa, vào thời Phật Nhiên Đăng, ở nơi ngã tư đường trong thành Hoa Nghiêm, ta vừa thấy Phật, vừa nghe pháp, liền chẳng ly công hạnh Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến công hạnh Bát nhã Ba-la-mật, chẳng ly nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không; chẳng ly niệm xứ, ..., dẫn đến 8 Thánh đạo; chẳng ly 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; chẳng ly các tam muội môn; các đà la ni môn; chẳng ly 4 vô sở úy, 10 lực, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp; chẳng ly đại từ, đại bi, cùng vô lượng Phật pháp khác. Vì sao? Vì ta hành vô sở đắc vậy.

Lúc bấy giờ, đức Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ta, ở trong đời vị lai sẽ thành Phật, hiệu là Thích Ca Mưu Ni, với đầy đủ 10 đức hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Chư Thiên đồng bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Hy hữu thay! Bát nhã Ba-la-mật có thể làm cho Bồ tát được Tát bà nhã. Vì sao? Vì ở nơi sắc, ..., dẫn đến ở nơi Nhất thiết chủng trí, Bồ tát chẳng thủ mà cũng chẳng xả vậy.

LUẬN:

Trong hàng chư Thiên tại pháp hội có các Thiên Chủ ở

cõi Trời Dục giới, các vị Phạm Thiên vương ở cõi Trời Sắc giới, chư vị Đại Tự tại Thiên vương cùng vô số các quyền thuộc, đều là các vị Thần Tiên, và các vị Tiên nữ.

Vì quá hoan hỷ, khi được nghe ngài Tu Bồ Đề thuyết về Bát nhã Ba-la-mật, nên chư Thiên tử đã tán thán đến 3 lần.

Chư Thiên nói: Ngài Tu Bồ Đề đã nương theo thần lực của Phật, để thuyết về Bát nhã Ba-la-mật. Nếu có vị Bồ tát nào hành Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật, thì chúng tôi sẽ tôn kính vị đó như Phật.

Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ hết thảy pháp đều rốt ráo không, mà vẫn tu tập đầy đủ giáo pháp của cả 3 thừa. Tu tập như vậy mà vẫn chẳng chấp công đức ở 3 thừa có sai khác, lại cũng chẳng đọa vào chấp “không”. Như vậy, mới thật là rốt ráo không. Lại nữa, Bát nhã Ba-la-mật rộng nói cả 3 thừa, phá trừ tâm chấp về định kiến liên hệ đến “chân” và “tục”. Trong Bát nhã Ba-la-mật, thì “chân-tục” song dụng chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Chư Thiên nghe ngài Tu Bồ Đề thuyết Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm, vi diệu, nên sanh tâm hoan hỷ, đồng tán thán: Hay thay, hay thay!

Phật ẩn khả lời tán thán của chư Thiên, rồi dạy rằng: Trong 6 pháp Ba-la-mật cũng như ly 6 pháp Ba-la-mật, thì Phật cũng là bất khả đắc. Dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Nên biết, do vì hết thảy các pháp đều duyên hòa hợp tác thành, mà có các danh xưng khác nhau, như Phật, Bồ tát... Tất cả các pháp đó đều là tự tánh không. Bồ tát nào tu tập 6 pháp Ba-la-mật, mà dụng được tâm vô sở đắc, thì Bồ tát ấy được xem như Phật vậy.

Ví như vị Thái Tử, dù nay chưa được lên ngôi báu, nhưng quyết định về sau sẽ được làm vua. Cũng như vậy, vị Bồ tát nào dụng vô sở đắc tu tập 6 pháp Ba-la-mật, quyết định trong đời vị lai sẽ thành Phật. Nhân đây, Phật đã tự dẫn chứng sự tu tập của ngài, vào thời của đức Phật Nhiên Đăng, để cho đại chúng được rõ vậy.

Như vậy, khi Bồ tát tu tập được vô sanh pháp nhẫn, là đã vào được Bồ tát vị, đã thấy được chư Phật ở trong 10 phương, thường nghe chư Phật thuyết Bát nhã Ba-la-mật, thường tán thán Bát nhã Ba-la-mật, nên được thâm giải về Bát nhã Ba-la-mật nghĩa.

Do được thâm giải về Bát nhã Ba-la-mật, nên Bồ tát biết rõ hết thấy pháp đều là hư vọng, khiến chẳng còn thủ pháp, lại biết rõ hết thấy pháp đều đem lại lợi ích cho chúng sanh, khiến chẳng có xả pháp, vào được nơi thật tướng bất sanh, bất diệt của các pháp.

-o0o-

KINH:

Lúc bấy giờ, Phật nhìn khắp 4 chúng: Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di; lại nhìn chư Đại Bồ tát, chư Thiên, chư Phạm vương, cùng chư Thiên tử và Thiên nữ, hiện có mặt tại pháp hội.

Nhìn khắp pháp hội xong, Phật bảo vị Đế Thích rằng: **Này Kiều Thi Ca! Nếu có ai hoặc Bồ tát, hoặc là Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, hoặc là Thiên tử, Thiên nữ nghe được Bát nhã Ba-la-mật, rồi thọ trì, đọc tụng, thân cận, thuyết giảng, chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm, thì các loài ma chẳng thể nào phá hoại được.**

Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này đã biết rõ sắc, ..., dẫn đến thức không, là chẳng phải không, sắc, ..., dẫn đến thức vô tướng là chẳng phải vô tướng, sắc, ..., dẫn đến thức vô tác là chẳng phải vô tác. Do biết rõ tự tánh, tự tướng của hết thấy các pháp này đều là bất khả đắc, nên được an ổn, chẳng bị não loạn. Do vậy mà các chúng ma chẳng sao gây tác hại được.

Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ này cũng chẳng bị những kẻ xấu, hoặc là người, hoặc chẳng phải là người (phi nhơn)^(*) phá hoại được. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này thường trải rộng tâm “từ, bi, hỷ, xả” đối với hết thấy chúng sanh, và thường dụng tâm vô sở đắc vậy.

Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ này chẳng bị hoạnh tử. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này thường khéo tu Đản Ba-la-mật, nên đối với hết thấy chúng sanh, thường dụng tâm bình đẳng mà bố thí.

Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Trong đại thiên thế giới, nếu trong chư Thiên vương, Phạm vương, Thiên tử và Thiên nữ, có những ai đã phát “A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề tâm”, mà chưa có nghe Bát nhã Ba-la-mật, chưa thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, cũng như chưa tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì nay phải nên nghe, rồi thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập vậy.

Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào đã được nghe Bát nhã Ba-la-mật, rồi thọ trì, thân

*. Phi nhơn là chẳng phải người.

Ở đây, trong pháp hội của Phật, danh từ “phi nhơn” được dùng để chỉ 8 Bộ chúng, chẳng phải là người gồm: Thiên, Long, Dạ xoa, Càn-thát-bà, A tu la, Ca Lôu la, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già.

cận, chánh ức niệm, chẳng ly Tát bà nhĩ tâm mà tu tập, thì người này, dù ở nơi hẻo lánh, như ở trên núi cao, ở trong rừng rậm, ở giữa đồng hoang, vẫn chẳng sanh tâm sợ hãi. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này biết rõ các pháp đều là nội không, ..., dẫn đến đều là vô pháp hữu pháp không, và đều là vô sở đắc cả.

LUẬN:

Hỏi: Phật nhìn khắp 4 chúng, nhưng vì sao lại chỉ đặc biệt dạy riêng vị Đế Thích mà thôi?

Đáp: Các phẩm kinh khác phần nhiều nói về thể của Bát nhã Ba-la-mật. Ở phẩm kinh này, Phật muốn tán thán công đức của Bát nhã Ba-la-mật, nên mới dạy ngài Thích Đề Hoàn Nhơn. Ví như lấy vật báu đem cho người xem trước, rồi sau mới nói về lợi ích của vật báu đó.

Lại nữa, sở dĩ Phật nhìn khắp 4 chúng, vì muốn cho chúng hội thấy rõ Phật bình đẳng thuyết pháp, khiến chẳng ai có mặc cảm tự khinh.

Do chẳng có mặc cảm tự khinh, mà ai nấy đều phát khởi tín tâm thanh tịnh, tinh tấn nghe pháp. Ví như người ở ngôi vị trên, trước khi nói chuyện, đưa mắt nhìn khắp các kẻ dưới, khiến ai nấy đều sanh tâm hoan hỷ.

Lại nữa, Phật muốn nói công đức của Bát nhã Ba-la-mật cho hàng Bạch y nghe, mà ngài Thích Đề Hoàn Nhơn là vị có uy thế nhất, nên Phật đã nói với vị Đế Thích này vậy. Cũng như khi nói pháp cho hàng xuất gia nghe, thì Phật thường nói với các ngài Xá Lợi Phất, Tu Bồ Đề, ... là những vị đại đệ tử, có oai đức lớn trong Tăng đoàn.

Hỏi: Ngài Thích Đế Hoàn Nhơn là một vị Thiên tử. Vì sao Phật chẳng gọi là Thiên tử, mà gọi là Kiều Thi Ca? Lại

nữa, vì sao thuyết Bát nhã Ba-la-mật, mà Phật lại dùng đến ngôn ngữ, danh tự?

Đáp: Thuở xưa, ở nước Ma Già Đà, có một vị Bà-la-môn tên là Ma Đà. Họ là Kiều Thi Ca, tu tập phước đức, có đại trí huệ, đến khi mạng chung được sanh lên đỉnh núi Tu Di. Bà-la-môn Ma Đà giữ ngôi vị Thiên Chủ, cai quản 33 vị Thiên tử khác. Các Thiên tử này được gọi chung là Tam Thập Tam Thiên.

Nay gọi Kiều Thi Ca là gọi theo họ của vị Thiên Chủ này.

-o0o-

Chư Phật khắp trong 10 phương, khi thuyết pháp thường sử dụng ngôn ngữ và danh tự tùy theo từng chủng loại, từng cảnh giới của chúng sanh, để diễn bày thật trí huệ.

Ngôn ngữ và danh tự chỉ là phương tiện để diễn bày thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật mà thôi.

Đoạn kinh trên đây, mật ý nói rằng: Người nghe Bát nhã Ba-la-mật mà thọ trì, thì sẽ được vô lượng công đức; người nghe Bát nhã Ba-la-mật mà rộng nói ra nhằm độ chúng sanh, thì sẽ được vào Phật đạo; người cúng dường, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì các chúng ma chẳng thể nào quấy nhiễu được.

Hỏi: *Thế nào gọi là Thiên ma! Vì sao ma lại thường hay quấy nhiễu Bồ tát! Vì sao nói ma thường tìm chỗ tiện để gây tác hại?*

Đáp: Thiên ma là chủ cõi trời Tụ Tại thiên. Tuy rằng vị này hưởng phước đức sanh lên cõi trời, nhưng vẫn còn nhiều tà kiến.

Thiên ma chẳng xa rời cõi Dục, lấy chúng sanh ở cõi Dục làm dân của mình, để họ cúng dường mình. Thiên ma còn ở

trong các nẻo đường sanh tử, nhưng chẳng biết kinh sợ sanh tử. Bởi vậy nên, khi hưởng hết phước báo ở cõi trời, vẫn bị sa đọa. Mặc dù có thân thông, mà vẫn chẳng thoát khỏi 3 cõi được.

-o0o-

Nay chư Phật và chư Bồ tát thị hiện độ sanh, nhỏ gốc rễ sanh tử, đưa chúng sanh vào Vô dư Niết Bàn, nên Thiên ma khởi tâm tật đố, tìm cách phá hoại. Vì sao? Vì Thiên ma sợ chúng sanh ở cõi Dục nghe Phật thuyết pháp rồi sẽ quay về với chánh đạo, khiến chẳng còn ai cúng dường họ nữa. Đây là lý do khiến Thiên ma dấy tâm tật đố.

Bởi vậy nên Thiên ma xem Phật và Bồ tát như là oan gia của họ.

Khi Bồ tát đã vào Bồ tát vị, đã được bất thối chuyển, thì dù muốn khởi tâm phá hoại, Thiên ma vẫn chẳng sao quấy phá được. Nếu Bồ tát chưa vào được bất thối chuyển địa, thì vẫn còn bị Thiên ma quấy phá.

Lại nữa, nếu Bồ tát nhất tâm, tinh tấn cầu Phật đạo, chẳng tiếc thân mạng, thì sẽ được chư đại Bồ tát ở trong khắp 10 phương hộ trì, nên Thiên ma chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại được. Trái lại, nếu Bồ tát giải đãi, tham đắm các thú vui ở đời, chẳng hay nhất tâm cầu Phật đạo, là tự đối với mình, thì chư đại Bồ tát khắp 10 phương chẳng thể nào tiếp hộ được. Vì sao? Vì vị Bồ tát ấy đã tự nguyện tu Bồ tát hạnh, tự nguyện độ hết chúng sanh, mà lại giải đãi, hành các tạp pháp. Như vậy, là đã nhiễu loạn chúng sanh, đã phá hoại “Bồ tát pháp” rồi vậy.

Do những lỗi lầm như vậy, nên hạng Bồ tát sau này chẳng được chư đại Bồ tát trong 10 phương hộ trì, khiến ma có thể tìm được chỗ tiện để gây tác hại vậy.

Lại nữa, hàng Thanh Văn, khi đã vào chánh vị rồi, đều nhất tâm hành đạo, thâm nhập Niết Bàn. Còn ma thì vào tà vị, ái trước các tà pháp.

Vì tà và chánh đối nghịch nhau, nên ma rất ghét Phật, thường gọi Phật là Sa môn Cù Đàm. Phật gọi ma là tặc ma. Ma thường cho Phật và Bồ tát là oan gia.

Trong kinh có nói đến 4 loại ma. Đó là:

- Phiền não ma.
- Ngũ âm ma.
- Tử ma.
- Thiên ma.

Khi tu tập Bát nhã Ba-la-mật, được Bát nhã Ba-la-mật lực rồi, thì cả 4 loại ma nêu trên đây, đều chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại nữa.

Khi thâm nhập vào được thật tướng pháp rồi, thì phiền não ma đều đoạn dứt. Phiền não ma bị hoại diệt rồi, thì Thiên ma chẳng còn có chỗ tiện để gây tác hại nữa. Khi vào được Vô dư Niết Bàn, thì hoại được ngũ âm ma và tử ma.

-o0o-

Ma vương và ma dân thường đến khủng bố Bồ tát, quấy nhiễu Bồ tát trong suốt quá trình hành Bồ tát đạo.

Trong kinh có nói đến ma hóa làm thân rồng, hay hiện các dị vật, dị hình rất đáng sợ, đêm đêm đến khủng bố người tu; hoặc hóa hiện ra các cảnh dục lạc, để phá hoại tâm Bồ tát; hoặc chuyển tâm người bạch y khiến họ đến cúng dường làm cho người tu hành ham lợi dưỡng mà xa rời huệ đức; hoặc

chuyển tâm người, khiến họ khinh chê Bồ tát, đánh đập, mắng nhiếc người tu hành, làm cho họ sanh tâm sân hận, đau buồn.

Ma thường lợi dụng những sơ hở của người tu hành, như giải đãi, thiếu quyết tâm, thiếu nhẫn nại v.v... để quấy phá. Như vậy gọi là ma tìm chỗ tiện để gây tác hại.

Hỏi: *Ma lực rất lớn, còn đạo lực của hàng sơ học Bồ tát chẳng bao nhiêu. Như vậy làm sao ma chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại?*

Đáp: Như trên đã nói, do Bồ tát tinh tấn tu tập Bát nhã Ba-la-mật, hành Bồ tát đạo, được chư Phật và chư Bồ tát trong 10 phương thường hộ trì, nên ma chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại.

Lại nữa, do Bồ tát khéo tu các pháp “không”, lại cũng chẳng có chấp “không”, nên ma chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại. Ví như có vết thương ở nơi thân lở loét, thì các độc trùng mới có thể xâm nhập vào, để hại mạng người. Trái lại, nếu chẳng có vết thương, thì các độc trùng khó có thể xâm nhập vào thân được.

Lại nữa, Bồ tát quán hết thấy các pháp đều là rốt ráo là không, là vô tướng, là vô tác. Do tu tập như vậy, nên vào được 3 giải thoát môn, khiến ma chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại. Vì ở nơi không, vô tướng và vô tác, ma chẳng còn có thể y cứ vào đâu để nhiều loạn tâm Bồ tát được. Ví như chẳng có thể dùng tay nắm lấy lửa để diệt lửa được vậy.

Hỏi: *Vì sao nói, Bồ tát trú trong 3 giải thoát môn, thì chẳng cùng với các pháp hữu vi tương ưng?*

Đáp: Các giải thoát môn Không, vô tướng và vô tác đều là tự tánh không, chẳng có tương ưng với các pháp hữu vi.

Bởi vậy nên khi Bồ tát đã trú trong 3 giải thoát môn rồi, thì chẳng còn tương ưng với các pháp hữu vi nữa, khiến ma chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại vậy.

Hỏi: Trước đây chỉ đề cập đến hàng Bồ tát Ma ha tát. Vì sao nay lại nói đến các thiện nam, thiện nữ?

Đáp: Trước đây nói về thật tướng trí huệ rất khó thọ lãnh; chỉ có hàng đại Bồ tát Ma ha tát mới thọ lãnh được. Nay nói về sự cúng dường, thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật, đều là những công đức mà các thiện nam, thiện nữ đều có thể hành trì được.

Lại nữa, đề cập đến các thiện nữ nhằm nhằm phá trừ ý niệm cho rằng người nữ bị 5 chướng ngại là: Chẳng làm được Thiên vương, Ma vương, Chuyển Luân Thánh vương, Phạm vương và Phật.

Phật muốn khuyến tấn người nữ tinh tấn tu hành, nên đã vì họ rộng thuyết “Thiện nam, thiện nữ...” vậy. Nghe Phật thuyết như vậy, người nữ sẽ vững tin rằng họ vẫn có thể thành Phật; nếu họ tinh tấn tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì 5 chướng ngại nêu trên đây sẽ được tiêu trừ.

Hỏi: Trước nói Thiên ma chẳng có thể tìm được chỗ tiện để nhiễu loạn tâm Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật. Sao nay lại nói các thiện nam, thiện nữ hành 4 vô lượng tâm cũng làm cho ma chẳng có chỗ tiện để nhiễu loạn?

Đáp: Trước đây nói “Thiên ma” là oan gia lớn, nên phải dùng đến pháp lớn, phải dùng đến Bát nhã Ba-la-mật, tức là thật trí huệ, mới trừ được. Nay nói “chúng ma” là oan gia nhỏ, nên chỉ cần dùng 4 vô lượng tâm, cũng đủ để đối trị rồi vậy.

Lại nữa, người tu hành, lúc ban đầu phải tu 4 vô lượng

tâm, tức là tu tập 4 công đức “từ, bi, hỷ xả”; rồi sau mới có thể thâm nhập được vào Bát nhã Ba-la-mật, dùng “không tướng” để phá trừ các tà kiến, mới ly được ngã chấp và pháp chấp mà vào Phật đạo.

-o0o-

Như trên đây đã nói, các Thiên ma thường hiện dị hình, hoặc hiện làm sấm sét, mưa bão, hoặc gây bệnh khổ để khủng bố người tu hành.

Bởi vậy nên người tu hành phải nhập vào pháp “Không” mới có thể chế ngự được.

Khi gặp người đến đánh đập, mắng nhiếc mình, Bồ tát thường chỉ cần hành 4 vô lượng tâm cũng đủ để cảm hóa họ rồi.

-o0o-

Trong kinh nói, các thiện nam, thiện nữ tu tập 4 vô lượng tâm chẳng bị hoạnh tử, có nghĩa là chẳng phải chết khi thọ mạng chưa hết, như chẳng có bị các tai nạn bất thường, bị đầu độc v.v... mà phải chết.

Lại nữa, Bồ tát từ sơ phát tâm đến khi thành đạo quả thường hành Đản Ba-la-mật, nên ở nơi hết thấy chúng sanh đều dụng tâm bình đẳng mà bố thí. Bồ tát lại thường tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Bởi các công đức này, nên Bồ tát chẳng khi nào bị hoạnh tử cả.

-o0o-

Trong kinh nói: Nếu trong đại thiên thế giới, có vị Thiên tử nào đã phát tâm Vô thượng bồ đề, mà chưa nghe Bát nhã

Ba-la-mật, thì nay phải nghe, phải thọ trì, phải chánh ức niệm, phải tu tập, thì mới có được đại công đức.

Lời kinh trên đây cho thấy rằng, khi đã phát Vô thượng bồ đề Tâm, thì phải nghe, phải thọ trì Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật, thì mới vào được Phật đạo. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là nền tảng của Phật đạo vậy.

Hỏi: *Chư vị Thiên tử khi phát Vô thượng bồ đề Tâm, ắt là đã có nghe Bát nhã Ba-la-mật rồi. Vì sao lại nói vị nào chưa nghe Bát nhã Ba-la-mật, thì phải nên nghe?*

Đáp: Có nhiều vị Thiên tử ở đời trước đã có phát tâm, nhưng vì ham hưởng dục lạc ở nơi cung trời, nên chưa có nhân duyên được nghe Bát nhã Ba-la-mật. Lại có nhiều vị Thiên tử, nay mới vừa phát tâm, nên cũng chưa được nghe Bát nhã Ba-la-mật.

Lại có chư vị Thiên tử ở cõi Dục, chìm đắm trong 5 dục, tham nhiễm sâu dày, nên chẳng có cơ duyên phát tâm cầu Bát nhã Ba-la-mật.

Lại có chư vị Thiên tử ở cõi Sắc, vì tham đắm thiên vị, nên chẳng có cơ duyên phát tâm cầu Bát nhã Ba-la-mật.

Bởi vậy nên Phật mới nhắc nhở: Có vị Thiên tử chưa nghe Bát nhã Ba-la-mật, thì nay phải nghe, phải thọ trì, phải chánh ức niệm, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Trước đây nói các Thiên ma chẳng có chỗ tiện để phá hoại tâm của Bồ tát. Đó là nói về nội nhân duyên. Vì sao? Vì khi Bồ tát đã tu tập đầy đủ hạnh Bồ tát, đã trú trong “không tam muội”, đã hành đầy đủ 4 vô lượng tâm, khiến nội tâm

được an định, thì Thiên ma chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại.

Nay nói về ngoại nhân duyên, nên Phật dạy chư Thiên cùng các thiện nam, thiện nữ phải thọ trì và cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

Như vậy, cả chư Thiên cùng các thiện nam, thiện nữ đều đồng sự với nhau. Nếu ma đến quấy phá các thiện nam, thiện nữ, thì chư Thiên liền đến bảo hộ họ, khiến ma chẳng có thể gây tác hại được.

Trong kinh có nói đến trường hợp những thiện nam, thiện nữ, chọn nơi hoang vắng, núi cao rừng rậm... để tu hành. Những nơi hẻo lánh thường có ma quỷ, giặc cướp đến quấy phá, hãm hại. Thế nhưng, do đã khéo tu Bát nhã Ba-la-mật, khéo tu tập 18 không, đã có nhiều oai đức khiến chúng ma chẳng dám đến gần, nên các thiện nam, thiện nữ này được an ổn ở các nơi này, chẳng có gì sợ hãi cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật dạy: Chư vị Thiên tử nào chưa nghe Bát nhã Ba-la-mật, thì nay phải nghe, phải thọ trì, phải chánh ức niệm, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

KINH:

Chư Thiên tử bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thân cận, đọc tụng, thọ trì, chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì chúng con phải thường ủng hộ.

Vì sao? Vì do nhân duyên tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà Bồ tát đoạn được 3 đường ác, đoạn được sự bần cùng của các hàng Trời, người, đoạn được các tai họa về bệnh

tật và đói khát. Cũng vì do nhân duyên tu tập như vậy, mà thế gian mới có các đại gia, đại tộc, mới có Chuyển Luân Thánh vương, có Tứ Thiên vương, có Sắc cứu cánh thiên. Cũng vì do nhân duyên tu tập như vậy, mới có quả Tu-đà-hoàn, quả Tu đà hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, mới có quả Bích Chi Phật và Bích Chi Phật đạo. Cũng vì do nhân duyên tu tập như vậy, mới có thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, có chư Phật thị hiện ở thế gian, có chuyển pháp luân, dẫn đến có Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo.

Bạch Thế Tôn! Do đại nhân duyên như vậy, nên hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la, đều phải thủ hộ Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay chư Thiên tử! Vì do đại nhân duyên tu tập như vậy, nên Bồ tát đoạn dứt được 3 đường ác, ..., dẫn đến có 3 ngôi Tam bảo xuất hiện ở thế gian.

Vậy nên, các hàng Trời, người và A tu la đều phải thường ủng hộ, cung kính, tôn trọng cúng dường, và tán thán chư vị Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Này chư Thiên tử! Cung kính, cúng dường, tán thán chư vị Bồ tát đó, tức là cung kính, cúng dường, tán thán Phật vậy.

Này chư Thiên tử! Ví như trong 3.000 đại thiên thế giới có số Thanh Văn và Bích Chi Phật nhiều như rừng rậm, lúa mè, tre lau... lại có người thiện nam, thiện nữ cung kính, tôn trọng, cúng dường tất cả chư vị Thanh Văn và Bích Chi Phật đó, thì phước đức cũng chẳng sao bằng được phước đức của người thiện nam, thiện nữ cung kính, tôn trọng, cúng dường một vị Bồ tát sơ phát tâm tu tập Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm.

Vì sao? Vì chẳng phải do nhân duyên tu tập của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật mà có chư đại Bồ tát và chư Phật xuất hiện ở thế gian. Chỉ vì do nhân duyên tu tập Bát nhã Ba-la-mật của hàng Bồ tát, mà có chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật, chư đại Bồ tát cùng chư Phật xuất hiện ở thế gian này.

Này Kiều Thi Ca! Bởi nhân duyên vậy, nên hết thảy thế gian, từ các hàng Trời, người dẫn đến A tu la đều phải nên ủng hộ, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán chư vị Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Chư Thiên tử bạch với Phật nguyện sẽ xin ủng hộ chư vị Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nêu các lý do sau đây:

- Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật là đồng sự với chư Thiên trong việc cầu Phật đạo..

- Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật, do muốn an lạc chúng sanh, nên chịu khó thay cho chúng sanh. Do vậy mà đoạn dứt được 3 đường ác.

- Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật, dạy chúng sanh tu 10 thiện đạo, khiến họ dứt được sự bần cùng, khôn khổ, dẫn họ đến 3 đường thiện.

- Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật, dạy cho chúng sanh nhận rõ 5 dục là tội lỗi, dạy họ ly dục để tu tập 4 thiên, 4 vô sắc định, 4 vô lượng tâm.

- Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật, dạy cho chúng sanh tu tập 6 pháp Ba-la-mật, khiến họ được vô lượng công đức, dẫn đến được Nhất thiết chủng trí.

- Do nhân duyên Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà ở thế

gian có các đại gia, đại tộc ..., có 4 quả Thanh Văn, có Bích Chi Phật đạo, có thành tựu chúng sanh, có tịnh Phật quốc độ, có Phật thị hiện ở thế gian, có Chuyên Pháp luân, dẫn đến có Phật bảo, có Pháp bảo, có Tăng bảo.

-o0o-

Bồ tát thông đạt các pháp “không”, nên có đầy đủ uy lực; Bồ tát lại hay thuyết các thiện pháp, nhằm dạy cho chúng sanh tu hành, dẫn dắt chúng sanh vào Phật đạo.

Ví như vị Thái Tử quyết định sẽ kế vị vua cha, lên ngôi báu. Bồ tát cũng như vậy, do từ sơ phát tâm, thường chẳng ly Tát bà nhã tâm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nên quyết định sẽ thành Phật đạo. Bồ tát tu tập lâu như vậy, nên rất xứng đáng được sự cung kính, tôn trọng, cúng dường.

Phật dạy chư Thiên phải nên cung kính, tôn trọng, cúng dường, tán thán chư vị Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của 3 đời chư Phật, nên cung kính, tôn trọng, cúng dường, tán thán chư vị Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật chính là cung kính, tôn trọng, cúng dường, tán thán chư Phật vậy.

Hỏi: Các bậc A-la-hán và Bích Chi Phật xứng đáng được sự cúng dường của chúng sanh, xứng đáng là phước điền cho hết thảy chúng sanh. Như vậy, vì sao lại nói phước đức cúng dường vô lượng Thanh Văn và Bích Chi Phật cũng chẳng sao bằng được phước đức cúng dường một vị Bồ tát sơ phát tâm tu tập Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm?

Đáp: Nên biết, có 3 việc tối tôn, tối trọng chẳng có gì bằng được. Đó là:

- Bồ tát dụng Tát bà nhã tâm mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

- Bồ tát trọn chẳng ly 6 pháp Ba-la-mật.

- Bồ tát đoạn trừ 3 đường ác, dẫn đến xuất sanh 3 thừa giáo.

Tu tập theo pháp Nhị thừa, thì chẳng thể nào đoạn trừ được 3 đường ác, dẫn đến chẳng thể nào xuất sanh được 3 thừa giáo.

Bởi vậy nên nói: Cúng dường vô lượng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng sao bằng được cúng dường một vị Bồ tát sơ phát tâm tu tập Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm.

Phẩm Thứ Ba Mười Mốt



Diệt Tránh (Diệt trừ cạnh tranh)

KINH:

Lúc bấy giờ ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Lạ lùng và hy hữu thay! Đại Bồ tát Bát nhã Ba-la-mật! Bồ tát y theo Bát nhã Ba-la-mật, mà thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm, tu tập nên ở hiện đời có được công đức thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, đi từ quốc độ này đến quốc độ khác để cúng dường chư Phật, mỗi khi muốn cúng dường thì liền được như nguyện; lại được theo Phật, nghe pháp, mãi cho đến khi được Vô thượng bồ đề chẳng bao giờ quên sót. Bồ tát này cũng thành tựu sanh thai, thành tựu gia đình, thành tựu chỗ sanh, thành tựu quyến thuộc, thành tựu xuất sanh, thành tựu xuất gia, thành tựu tướng trang nghiêm, thành tựu quang minh, thành tựu nhãn nhĩ thông, thành tựu các tam muội, thành tựu các đà la ni.

Bồ tát này, dùng các lực phương tiện, biến thân như thân Phật, đi đến các quốc độ không có Phật, để tán dương 6 pháp Ba-la-mật, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, dùng giáo pháp của cả 3 thừa, hoặc Thanh Văn thừa, hoặc Bích Chi Phật thừa, hoặc Phật thừa, để tùy nghi độ chúng sanh.

Bạch Thế Tôn! Lạ lùng và hy hữu thay! Thọ trì Bát nhã Ba-la-mật là tổng nhiếp cả 5 Ba-la-mật kia, tổng

nhiệp 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, tổng nhiếp 4 quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo, Phật đạo, và Nhất thiết chủng trí.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Kiều Thi Ca! Thọ trì Bát nhã Ba-la-mật là tổng nhiếp cả 5 Ba-la-mật kia, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí vậy.

Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, thì ở hiện đời được vô lượng công đức. Bởi vậy nên ông hãy lắng nghe kỹ.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn thưa: Bạch Thế Tôn! Chúng con xin được thọ giáo.

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Nếu có kẻ ngoại đạo Phạm chí, hoặc ma vương, ma dân, hoặc kẻ tăng thượng mạn... mong tâm muốn phá hoại Bồ tát Bát nhã Ba-la-mật, thì ác tâm ấy liền bị triệt tiêu, khiến kẻ mong tâm chẳng sao hành động được như ý muốn. Vì sao?

- Vì chúng sanh mãi chìm đắm trong đêm dài vô minh, u tối, nên Bồ tát nguyện hành 6 pháp Ba-la-mật để độ thoát họ.

- Vì chúng sanh mãi tham lam, tranh cạnh, nên Bồ tát nguyện xả nội ngoại vật sở hữu, nhằm an lập họ trong Đàn Ba-la-mật.

- Vì chúng sanh mãi phá giới, nên Bồ tát nguyện xả nội ngoại pháp, nhằm an lập họ trong Thi la Ba-la-mật.

- Vì chúng sanh mãi đấu tranh, nên Bồ tát nguyện xả nội ngoại pháp, nhằm an lập họ trong Săn đề Ba-la-mật.

- Vì chúng sanh mãi giải đãi, nên Bồ tát nguyện xả nội ngoại pháp, nhằm an lập họ trong Tỳ lê gia Ba-la-mật.

- Vì chúng sanh mãi loạn tâm, nên Bồ tát nguyện xả nội ngoại pháp, nhằm an lập họ trong Thiên Ba-la-mật.

- Vì chúng sanh mãi ngu si, nên Bồ tát nguyện xả nội ngoại pháp, nhằm an lập họ trong Bát nhã Ba-la-mật.

- Vì chúng sanh mãi bị ái kiết trói buộc, mà cứ phải luân chuyển trong sanh tử, nên Bồ tát nguyện dùng các lực phương tiện để đoạn trừ ái kiết của chúng sanh, nhằm an lập họ trong 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 4 niệm xứ, 8 thánh đạo; an lập họ nơi không tam muội, vô tướng tam muội, vô tác tam muội, an lập họ nơi quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán; an lập họ nơi Bích Chi Phật đạo và Phật đạo.

Này Kiều Thi Ca! Như vậy là Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật được công đức ở đời này và ở cả đời sau, sẽ được Vô thượng bồ đề, sẽ chuyển pháp luân, đầy đủ các hạnh nguyện, nhập vào Vô dư Niết Bàn.

Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát nhã Ba-la-mật, mà thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì chỗ ở của người này, các hàng ngoại đạo, các ma vương, ma dân, các kẻ tăng thượng mạn muốn khinh khi, hủy báng, vắn nạn, phá hoại Bát nhã Ba-la-mật, đều chẳng thể nào thành tựu được. Ác tâm của chúng liền bị chuyển hóa hay bị tiêu diệt, khiến chúng được nghe Bát nhã Ba-la-mật, dần dần vào được 3 thừa đạo, đoạn hết các khổ.

Này Kiều Thi Ca! Ví như thuốc Ma kỳ có lực đẩy lui được các rắn độc; dù các rắn đó đói lả, muốn đến ăn các côn trùng ở trong vùng có thuốc này, thì cũng chẳng sao đến gần được. Vì thuốc Ma kỳ có lực chế ngự được các loài rắn độc.

Cũng như vậy, các thiện nam, thiện nữ nào nghe được Bát nhã Ba-la-mật, rời thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật có oai lực ngăn chặn và tiêu diệt mọi ác tâm, ngay khi vừa móng khởi, của những kẻ bị tà kiến che tâm, muốn phá hoại Bát nhã Ba-la-mật. Chẳng những thế lại còn chuyển hóa được họ, khiến họ từ bỏ ác tâm, chịu nghe Bát nhã Ba-la-mật. Do được nghe Bát nhã Ba-la-mật, nên họ liền sanh thiện tâm, tăng ích công đức.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật có oai lực tiêu trừ hết các bất thiện pháp, các phiền não, các kiết sử, làm duyên khởi cho sự đấu tranh. Các tà kiến chấp điên đảo, như ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, đoạn kiến, thường kiến, cấu kiến, tịnh kiến, hữu kiến, vô kiến đều được diệt trừ tận gốc. Xan tham, phạm giới, sân nhuế, giải đãi, loạn ý, vô trí, thường tướng, lạc tướng, tịnh tướng, dẫn đến các chấp về 5 âm, chấp 6 pháp Ba-la-mật, chấp Nhất thiết chủng trí, chấp Niết Bàn v.v... cũng đều bị tiêu trừ. Tất cả các pháp làm duyên khởi cho sự đấu tranh này đều bị Bát nhã Ba-la-mật tiêu trừ, chẳng thể nào tăng trưởng được.

LUẬN:

Bồ tát nào nghe Bát nhã Ba-la-mật rồi, liền tín thọ, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, tu tập và vì người khác thuyết giảng, được nhiều công đức ở đời này và cả ở đời sau. Vì sao? Vì Bồ tát này nghe Bát nhã Ba-la-mật rồi, liền dùng tín lực để lãnh thọ, dùng niệm lực để giữ gìn nên có được Bát nhã Ba-la-mật lực vậy.

Bồ tát này cũng thường thân cận, thường thưa hỏi chư Phật và chư đại Bồ tát ở khắp 10 phương, nên hiểu rõ được thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát này lại thường

thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật cho người khác nghe, vì biết rằng Bát nhã Ba-la-mật quá thậm thâm, vi diệu, cần phải giải nghĩa rõ ràng thì chúng sanh mới được lợi lạc.

Bồ tát này biết rõ Phật pháp là chẳng thể nghĩ bàn (bất khả tư nghì), nên đã dùng đại bi tâm, vì chúng sanh mà thuyết pháp nhằm phá các hý luận, các tà kiến, và đưa chúng sanh vào Phật pháp.

-o0o-

Bồ tát nương theo Phật lực mà thuyết pháp, nhưng chẳng chấp pháp. Như vậy mới trừ được các điên đảo tà niệm.

Bồ tát thường trú nơi 4 niệm xứ, ức niệm rằng: Muốn được đạo, thì phải xa lìa các lạc thú ở thế gian. Như vậy gọi là chánh ức niệm. Chánh ức niệm là nguồn gốc của hết thảy các thiện pháp. Người sơ cơ vào đạo, trước hết phải có chánh ức niệm. Thường ở trong chánh ức niệm như vậy mới gọi là tu tập. Tu tập trong chánh ức niệm như vậy thì mới có được nhiều công đức ở đời này và cả đời sau.

-o0o-

Theo ngài Thích Đề Hoàn Nhon, thì công đức ở đời này là công đức được tu tập giáo pháp của cả 3 thừa giáo, và công đức ở đời sau là nhờ nghe Bát nhã Ba-la-mật mà có được Bát nhã Ba-la-mật lực, thấu nhiếp được cả 5 Ba-la-mật kia, dẫn đến được Nhất thiết chủng trí.

Phật ấn chứng lời nói của vị Đế Thích, và dạy rằng: Muốn khiến người khác tín thọ Bát nhã Ba-la-mật, thì trước hết phải tự mình nhất tâm, tín thọ và tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đã tín thọ Bát nhã Ba-la-mật, nhưng phàm phu chưa biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là thâm thâm vi diệu, nên Phật vì thương xót chúng sanh, đã phải dùng ngôn ngữ danh tự của thế gian để khai thị, khiến chúng sanh phát khởi được Bồ đề tâm mà tín thọ Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì nếu tín tâm chưa được bền vững, thì có thể bị các ngoại đạo Phạm chí, các ma vương, ma dân, các kẻ tăng thượng mạn phá hoại, làm lung lạc tín tâm vậy.

-o0o-

Nên biết Phạm chí là người xuất gia theo ngoại đạo, thường ái pháp và mang nặng tà kiến chấp. Bởi vậy chẳng thể nào tín thọ được Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thể nào vào được nơi thật tướng pháp. Hàng Phạm chí thường muốn phá hoại tín tâm của người tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Người tăng thượng mạn là người đã tu tập thiên định mà chưa vào được Phật đạo, nhưng tự hào cho mình đã đắc đạo. Khi nghe nói quả Thanh Văn mới chỉ là quả vị thấp, chưa phải là quả vị Vô Thượng, chưa dẫn vào Vô dư Niết Bàn, thì sanh tâm buồn tủi, giận dữ, dẫn đến trở thành tăng thượng mạn.

Những người này muốn phá hoại Bát nhã Ba-la-mật, vì họ tự xét chẳng thể nào thật hành được Bồ tát hạnh, chẳng thể nào chịu cần khổ để giáo hóa chúng sanh, đưa chúng sanh vào Phật đạo như chư vị Bồ tát được. Do vậy mà họ thường khởi lòng đấu tranh.

Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật, xả nội ngoại pháp khiến chẳng còn khởi đấu tranh. Trái lại chúng sanh do thủ chấp nội ngoại pháp mà thường khởi đấu tranh.

Bởi vậy nên Bồ tát xả nội ngoại pháp, tự an lập trong 6

Ba-la-mật, và cũng dạy cho chúng sanh xả nội ngoại pháp, dẫn đến an lập chúng sanh trong 6 Ba-la-mật, dạy họ tu tập các thiện pháp, gieo trồng phước đức ở đời này và mãi trong vô lượng kiếp về sau, khiến các chúng từ đấu tranh đều bị tiêu diệt.

Bồ tát tu tập như vậy, nên dù có gặp các việc đấu tranh, cũng vẫn giữ được tâm an nhiên tự tại, chẳng hề bị ràng buộc. Trái lại, Bồ tát còn có oai lực nhiếp phục được những kẻ đấu tranh, quay về với thiện tâm, khiến họ tăng ích công đức.

Ví như thuốc Ma kỳ có oai lực đẩy lui các loài rắn độc, khiến chúng khiếp sợ phải lánh xa. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật có oai lực đẩy lui và hàng phục tất cả những kẻ nào muốn phá hoại người hành Bồ tát đạo.

Bát nhã Ba-la-mật cũng có thể lực tiêu trừ vô minh, tận diệt các kiết sử phiền não, các tà kiến, tà chấp, lại cũng tiêu diệt hết thảy các ái hành, ái chấp như: ái chấp 5 âm, ái chấp nội không, ..., dẫn đến ái chấp vô pháp hữu pháp không, ái chấp 4 niệm xứ, ..., dẫn đến ái chấp 18 bất cộng pháp, ái chấp Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến ái chấp Bát nhã Ba-la-mật, ái chấp Nhất thiết chủng trí, ..., dẫn đến ái chấp Niết Bàn.

-o0o-

KINH:

Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Trong 3.000 đại thiên thế giới, hết thảy chư Thiên thường thủ hộ các thiện nam, thiện nữ nào hay thọ trì, đọc tụng, cúng dường, thuyết giảng, chánh ức niệm và tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Hiện trong khắp 10 phương, chư Phật cũng thường hộ niệm cho các thiện nam, thiện nữ này.

Vì sao?

Vì do các thiện nam, thiện nữ này tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà các ác pháp bị tiêu trừ, các thiện pháp được tăng ích, sở dĩ các thiện pháp được tăng ích, như Đàn Ba-la-mật được tăng ích, vì các thiện nam, thiện nữ này thường dụng tâm vô sở đắc mà tu tập vậy.

Các thiện nam, thiện nữ này nói ra lời nào cũng đều được mọi người tín thọ, được các hàng thân thuộc mến phục, tin yêu. Các thiện nam, thiện nữ này chẳng nói ra những lời vô ích, chẳng bị xan tham kiêu mạn, tật đố che tâm.

Các thiện nam, thiện nữ này tự mình chẳng sát sanh, dạy người chẳng nên sát sanh, tán thán pháp không sát sanh, hoan hỷ tán thán người không sát sanh, tự mình xa lìa trộm cắp, dạy người chẳng nên trộm cắp, tán thán pháp không trộm cắp, hoan hỷ tán thán người không trộm cắp, tự mình chẳng tà dâm, dạy người chẳng nên tà dâm, tán thán pháp không tà dâm, hoan hỷ tán thán người không tà dâm, tự mình chẳng vọng ngữ, dạy người chẳng nên vọng ngữ, tán thán pháp không vọng ngữ, hoan hỷ tán thán người không vọng ngữ. Ở nơi các pháp lương thiện, ác khẩu và ý ngữ cũng là như vậy.

Các thiện nam, thiện nữ này tự mình chẳng tham, dạy người chẳng nên tham, tán thán pháp không tham, hoan hỷ tán thán người không tham. Ở nơi các pháp sân và si cũng là như vậy.

Các thiện nam, thiện nữ này tự mình chẳng khởi tà kiến, dạy người chẳng nên khởi tà kiến, tán thán pháp không khởi tà kiến, hoan hỷ tán thán người không tà kiến.

Các thiện nam, thiện nữ này tự mình tu nội không,

..., dẫn đến tu vô pháp hữu pháp không, dạy người tu nội không, ..., dẫn đến tu vô pháp hữu pháp không, hoan hỷ tán thán người tu nội không, ..., dẫn đến tu vô pháp hữu pháp không.

Các thiện nam, thiện nữ này tự mình tu 6 pháp Ba-la-mật, dạy người nên tu 6 pháp Ba-la-mật, hoan hỷ tán thán người tu 6 pháp Ba-la-mật.

Các thiện nam, thiện nữ này tự mình tu các đà la ni và các tam muội, tu 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 4 niệm xứ, 4 chánh cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 thánh đạo, tu 3 giải thoát môn (không, vô tướng và vô tác), tu 8 pháp giải thoát, tu 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi, 18 bất cộng pháp; cũng dạy người nên tu các pháp đó, và hoan hỷ tán thán người tu các pháp đó.

Các thiện nam, thiện nữ này tự mình chẳng làm lẫn các pháp, tự mình xả chấp các pháp, dạy người chẳng nên làm lẫn các pháp phải nên xả chấp các pháp, ..., dẫn đến tự mình được Nhất thiết chủng trí, dạy người khác tu để được Nhất thiết chủng trí, và hoan hỷ tán thán người được Nhất thiết chủng trí.

Do dụng tâm vô sở đắc, khi hành 6 Ba-la-mật, nên các thiện nam, thiện nữ này đem các công đức trên đây, cùng với hết thấy chúng sanh, đồng hồi hướng về Vô thượng bồ đề.

Này Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ này, khi thậ hành Bát nhã Ba-la-mật, tự niệm rằng:

- Nếu ta chẳng hành bồ thí, thì ta sẽ thọ báo bần cùng, sẽ chẳng thành tựu được chúng sanh, chẳng thanh tịnh được Phật độ, dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí.

- Nếu ta chẳng trì giới, thì sẽ thọ báo sanh vào 3 đường ác, chẳng được làm thân người, chẳng thành tựu được chúng sanh, chẳng thanh tịnh được Phật độ, dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí.

- Nếu ta chẳng hành nhẫn nhục, thì ta sẽ chẳng được các căn đầy đủ, chẳng được sắc thân toàn vẹn như Bồ tát, chẳng thành tựu được chúng sanh, chẳng thanh tịnh được Phật độ, dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí.

- Nếu ta giải đãi, thì ta sẽ chẳng hành được Bồ tát đạo, chẳng thành tựu được chúng sanh, chẳng thanh tịnh được Phật độ, dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí.

- Nếu ta loạn tâm, thì ta chẳng vào được các thiên định, chẳng thành tựu được chúng sanh, chẳng thanh tịnh được Phật độ, dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí.

- Nếu ta vô trí, thì ta sẽ chẳng có được các lực phương tiện, chẳng có thể thắng được hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, chẳng thành tựu được chúng sanh, chẳng thanh tịnh được Phật độ, dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí.

Này Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ này khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, lại tự niệm rằng:

- Nếu tùy xan tham, thì chẳng được đầy đủ Đàn Ba-la-mật.

- Nếu tùy phạm giới, thì chẳng được đầy đủ Thi la Ba-la-mật.

- Nếu tùy sân nhuế, thì chẳng được đầy đủ Săn đề Ba-la-mật.

- Nếu tùy giải đãi, thì chẳng được đầy đủ Tỳ lê gia Ba-la-mật.

- Nếu tùy loạn tâm, thì chẳng được đầy đủ Thiên Ba-la-mật.

- Nếu tùy ngu si, thì chẳng được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

Nói chung, nếu chẳng đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, thì chẳng thể nào được Nhất thiết chủng trí vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên các thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát nhã Ba-la-mật rồi, liền thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm, mà tu tập, thì được vô lượng công đức ở đời này và cả ở đời sau vậy.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hy hữu thay! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, vì hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, nên chẳng sanh cao tâm.

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Ý ông nghĩ sao, mà nói Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, vì hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, nên chẳng sanh cao tâm?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn thưa: Bạch Thế Tôn! Có Bồ tát hành Đàn Ba-la-mật thế gian mà cho rằng mình đã đầy đủ Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến hành Bát nhã Ba-la-mật thế gian mà cho rằng mình đã đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát này, do chẳng có lực phương tiện, do còn tâm chấp ngã, nên mới sanh cao tâm.

Bạch Thế Tôn! Có Bồ tát tu 4 niệm xứ thế gian mà cho rằng mình đã đầy đủ 4 niệm xứ, ..., dẫn đến tu 8 thánh đạo thế gian mà cho rằng mình đã đầy đủ 8 thánh đạo. Bồ tát này, do chẳng có lực phương tiện, do còn tâm chấp ngã, nên mới sanh cao tâm.

Lại có Bồ tát cho rằng mình đã đầy đủ 18 bất cộng pháp, đã đầy đủ Nhất thiết chủng trí, sẽ thành tựu chúng sanh, sẽ thanh tịnh Phật độ. Bồ tát này, do chẳng có lực phương tiện, do còn tâm chấp ngã, nên mới sanh cao tâm.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát dụng tâm vô sở đắc, hành

Đàn Ba-la-mật xuất thế gian, chẳng thấy có người thí, có người thọ, có vật thí và hồi hướng tất cả công đức bố thí về Nhất thiết chủng trí, thì chẳng có sanh cao tâm. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ **Đàn Ba-la-mật** là bất khả đắc.

Bồ tát cũng dụng tâm vô sở đắc, hành 5 Ba-la-mật kia như vậy vì biết rõ 5 Ba-la-mật kia cũng đều là bất khả đắc.

Tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến tu Nhất thiết chủng trí cũng đều là như vậy.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, vì hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, nên chẳng có sanh cao tâm.

LUẬN:

Hỏi: Trước đây đã có nói về các thiên ma, ma dân, và các hàng phi nhân thường phá hoại các thiện nam, thiện nữ tu tập Bát nhã Ba-la-mật rồi. Vì sao, nay còn nói nữa?

Đáp: Trước đây nói các loài ma thường phá hoại tâm của người hành Bát nhã Ba-la-mật. Nay nói về ác tâm của các loài ma muốn phá hoại tâm của người hành Bát nhã Ba-la-mật đều bị tiêu diệt ngay khi vừa mộng khởi.

Vì sao? Vì do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nên các bất thiện pháp chẳng sanh, các thiện pháp càng thêm tăng trưởng; do tu tập phước đức trí huệ, nên có được đại oai lực. Bởi vậy nên các loài ma chẳng còn tìm được chỗ tiện để phá hoại nữa.

Lại nữa, Bồ tát có đại oai đức, nên được chúng sanh tin kính. Bồ tát lại phát đại bi tâm, cứu khổ hết thảy chúng sanh, ái kính Phật đạo, biết rõ niệm niệm sanh diệt, nên chẳng nói lời vô ích, chỉ nói thật ngữ, khiến các thiện pháp

càng thêm tăng trưởng, khiến các kiết sử, phiền não chẳng còn che tâm nữa.

Khi hành đạo, Bồ tát luôn tự niệm: Nếu ở hiện tiền có khởi niệm bất thiện, thì ở vị lai sẽ gặt quả báo bất thiện. Như vậy sẽ làm chướng ngại cho việc tu tập vào Phật đạo.

Dù vẫn còn vi tế kiết sử, nhưng Bồ tát chẳng còn khởi các nghiệp ác ở thân và khẩu, lại cũng chẳng bao giờ còn hành các ác sự đối với chúng sanh nữa.

Nếu Bồ tát có thị hiện thọ sanh vào các nhà hạ tiện, thì đó cũng là thắng duyên để thực hành Bồ tát đạo. Bởi vậy nên ngay ở hiện đời Bồ tát vẫn được vô lượng pháp lạc, dẫn đến ở đời vị lai cũng được vô lượng pháp lạc như vậy.

Bồ tát hành các thiện pháp, tu đầy đủ 37 Phẩm trợ đạo, đại từ, đại bi v.v... và cũng dạy cho chúng sanh tu 37 Phẩm trợ đạo, đại từ, đại bi, cùng các thiện hạnh khác.

Bồ tát muốn được pháp lạc và muốn chúng sanh cũng được pháp lạc như mình, ..., dẫn đến được Nhất thiết chủng trí và muốn chúng sanh cũng được Nhất thiết chủng trí.

-o0o-

Trên đây, tổng nhiếp các công đức tu tập 6 pháp Ba-la-mật, để làm duyên cho hàng Bồ tát sơ phát tâm, cùng các thiện nam, thiện nữ tín thọ, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, khiến được quả báo công đức ở đời này, và cả ở đời sau.

Vì sao? Vì nếu chưa vào được Bồ tát đạo, chưa được lậu tận, thì đôi khi vẫn còn khởi niệm xan tham, còn chưa tích cực hành bố thí. Bởi vậy nên Bồ tát phải thường niệm: Nếu

chẳng đầy đủ Đản Ba-la-mật, thì ở hiện đời chẳng có được các công đức, và ở đời sau sẽ bị các duyên nghiệp dẫn sanh vào các nơi bần cùng, hạ tiện, chịu nhiều khổ đau. Như vậy là tự mình chẳng có được tự tại, lại cũng chẳng làm được lợi ích cho người khác, chẳng thành tựu được chúng sanh, chẳng thanh tịnh được Phật độ. Vì sao? Vì chúng sanh thanh tịnh, thì Phật độ mới tịnh vậy.

Lại nữa, nếu chẳng hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, thì chẳng thể được Nhất thiết chủng trí.

Trên đây cũng có nêu trường hợp chẳng có được các lực phương tiện. Đó là trường hợp hành 6 pháp Ba-la-mật, mà chẳng ly tâm chấp ngã, chẳng ly các pháp tướng. Ví như bố thí mà vẫn còn chấp có người thí, có người thọ và có vật thí.

Bố thí mà còn chấp tâm, chấp tướng như vậy là bố thí chẳng có lực phương tiện. Trái lại, bố thí mà chẳng còn chấp tâm, chẳng còn thủ tướng, là bố thí có lực phương tiện.

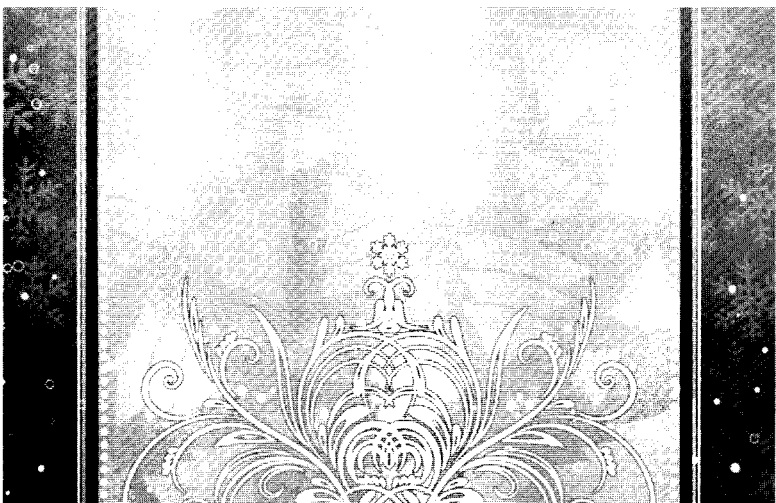
Nói chung, nếu thi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà vẫn còn tâm chấp ngã, còn thủ các pháp tướng, thì chẳng sao vào được Phật đạo. Do vậy, mà các loài ma mới có thể phá hoại được.

Hỏi: *Nếu Ba-la-mật thế gian chẳng phải là chánh pháp, thì Phật đề cập đến để làm gì?*

Đáp: Ba-la-mật thế gian là bước đầu dẫn vào chánh đạo. Trước phải hành “trương tợ pháp”, rồi sau mới vào được “chánh đạo giải thoát” vậy.



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 57



Phẩm Thứ Ba Mươi Hai



Bảo Tháp Đại Minh
(Tháp Báo Đại Minh)

KINH:

Lúc bấy giờ, Phật bảo ngài Thích Đề Hoàn Nhơn: Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát nhã Ba-la-mật, mà thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm, chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập, thì dù ở ngay trong chiến trận, giữa rừng đao tên, cũng chẳng mất mạng, chẳng bị đao tên làm tổn hại. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này, thường hành 6 pháp Ba-la-mật, nên tự mình trừ được đao tên đâm dục, cũng khiến người trừ được đao tên đâm dục; tự mình trừ được đao tên sân nhuế, cũng khiến người trừ được đao tên sân nhuế; tự mình trừ được đao tên ngu si, cũng khiến người trừ được đao tên ngu si; tự mình trừ được đao tên tà kiến, cũng khiến người trừ được đao tên tà kiến; tự mình trừ được đao tên triền cái, cũng khiến người trừ được đao tên triền cái, tự mình trừ được đao tên kiết sử, cũng khiến người trừ được đao tên kiết sử.

Bởi nhân duyên vậy, nên thiện nam, thiện nữ này, chẳng bị đao tên làm tổn hại.

Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát nhã Ba-la-mật, mà thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm, chẳng ly Tát bà nhã tâm, thì gặp độc dược, độc trùng, hầm lửa, hố sâu, gươm đao

cũng chẳng bị não hại. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là đại minh chú, là vô thượng chú. Các thiện nam, thiện nữ này, do học minh chú này, mà chẳng bị não hại, và cũng chẳng làm não hại người.

Các thiện nam, thiện nữ này, biết rõ ngã, chúng sanh, thọ giả, tri giả, kiến giả, đều là bất khả đắc, biết rõ 5 âm, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng đều là bất khả đắc. Do biết rõ hết thấy pháp đều là bất khả đắc, nên tự mình chẳng bị não hại, và cũng chẳng làm não hại người vậy.

Các thiện nam, thiện nữ này, do học đại minh chú này, mà được Vô thượng bồ đề tâm, quán được hết thấy tâm chúng sanh, mà tùy ý thuyết pháp.

Vì sao?

Vì chư Phật quá khứ đã học minh chú này mà được đạo Vô thượng bồ đề; chư Phật hiện tại học minh chú này mà được đạo Vô thượng bồ đề, chư Phật vị lai cũng sẽ học minh chú này để được đạo Vô thượng bồ đề vậy.

Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào biên chép kinh Bát nhã Ba-la-mật, để nơi trú xứ mình, mà thờ phụng, cúng dường, thì dù chẳng thọ trì, chẳng đọc tụng, chẳng thuyết giảng, chẳng chánh ức niệm tư duy, mà vẫn chẳng bị bất cứ người nào hoặc loài phi nhơn nào đến nơi đó phá hoại được. Vì sao?

Vì kinh Bát nhã Ba-la-mật được hết thấy chư Thiên vương, chư Phạm vương cùng chư thiên trong cả 300 đại thiên thế giới ở khắp 10 phương ủng hộ. Ở nơi trú xứ thờ phụng, cúng dường Bát nhã thường có chư Thiên lui tới, cúng dường, tôn trọng, lễ bái, tán thán vậy.

Chỉ biên chép Bát nhã Ba-la-mật, mà ở hiện đời còn được nhiều công đức như vậy, huống nữa là thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm, chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Người hoặc súc vật, nếu đến được dưới “cội Bồ đề”, thì chẳng có bất cứ người nào, hoặc loài phi nhơn nào có thể đến làm hại được.

Vì sao?

Vì cội Bồ đề là nơi mà chư Phật quá khứ, được đạo Vô thượng bồ đề. Cũng tại cội bồ đề, mà chư Phật hiện tại được đạo Vô thượng bồ đề, và chư Phật vị lai sẽ được đạo Vô thượng bồ đề vậy.

Sau khi thành tựu Vô thượng bồ đề, chư Phật đều bố thí vô úy cho hết thảy chúng sanh, làm cho vô lượng chúng sanh được phước lạc, được 4 quả Thanh Văn, dẫn đến được Vô thượng bồ đề.

Do oai lực của Bát nhã Ba-la-mật, mà ở nơi cội Bồ đề thường có các hàng Trời, người đến cung kính, tôn trọng, lễ bái và cúng dường.

LUẬN:

Hỏi: Những người nào đã thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm và tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì dù ở ngay trong chiến trận, giữa rừng đao tên vẫn chẳng bị tổn hại. Như vậy vì sao Phật lại nói khi nhân duyên các nghiệp báo đã đến thời thì chúng sanh chẳng thể nào trốn thoát được?

Đáp: Nên biết, có hai loại nghiệp báo nhân duyên:

- Quyết định phải thọ tội báo.
- Không quyết định phải thọ tội báo.

Đối với những chúng sanh mà nhân duyên quyết định phải thọ tội báo, thì mới nói: Chẳng có chỗ nào để trốn thoát được.

Còn ở đây chỉ nói đến những chúng sanh mà nhân duyên chưa quyết định phải thọ tội báo, mà biết thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm và tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì đao tên chẳng thể nào làm hại được.

Cũng ví như người phạm trọng tội đã lãnh án tử hình, thì dù có thể lực, dù có tiền của cũng chẳng sao thoát chết được. Còn người tuy phạm trọng tội, nhưng chưa lãnh án tử hình, mà lại khéo cầu cứu, biện bạch, hoặc dùng thể lực, tiền của thì vẫn có thể thoát khỏi tội báo vậy.

-o0o-

Lại nữa, những người nào đã xa lìa các ác pháp, đã điều phục được vọng tâm, chẳng còn nghi mạn, đã trải qua nhiều đời tu tập, phước đức trí huệ, thường hành đại bi tâm để giáo hóa chúng sanh, thì cũng chẳng bị đao tên làm hại được.

Phật dạy: Những người khéo tu tập 6 pháp Ba-la-mật, thì tự mình trừ được các nạn đao tên, và cũng khiến cho chúng sanh trừ được các nạn đao tên.

Các hàng ngoại đạo, thần tiên... còn có thể dùng chú thuật để làm những việc hy hữu, như vào nước chẳng bị ướt, vào lửa chẳng bị cháy, gặp các độc trùng chẳng bị hại, hưởng nữa là người đã tu tập Bát nhã Ba-la-mật, và đã có đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật lực.

Hỏi: Nói như vậy cũng còn có thể tin được. Còn như biên chép kinh Bát nhã Ba-la-mật để thờ phụng, cúng dường mà sao lại có nhiều công đức như vậy được?

Đáp: Biên chép kinh Bát nhã Ba-la-mật cũng có được nhiều công đức. Vì sao? Do vì trước đã từng nghe Bát nhã Ba-la-mật, thâm nhập ái kính Bát nhã Ba-la-mật, nên nay mới biên chép Bát nhã Ba-la-mật để thờ phụng, cúng dường vậy. Mặc dù xa bậc Đạo sư, nhưng luôn luôn quý kính lời dạy của bậc Đạo sư, nên mới biên chép để thờ phụng, cúng dường và để lưu lại đời sau. Do vậy mà người biên chép kinh Bát nhã Ba-la-mật, được vô lượng công đức, ngang với người thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm và tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Hàng chư Thiên thường quý mến, tôn trọng, giữ gìn kinh điển nên thường thù hộ người thiện nam, thiện nữ biên chép Bát nhã Ba-la-mật, khiến những người có ác tâm cũng như hàng phi nhơn chẳng thể tìm được chỗ tiện để phá hoại.

-o0o-

Pháp sự này rất khó tin, nên Phật đã dùng “cội Bồ đề” (Bồ đề thọ) để làm pháp dụ.

“Cội Bồ đề” là nơi Phật tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà thành được đạo Vô thượng bồ đề. Nơi đó có đủ oai lực của Bát nhã Ba-la-mật, nên chẳng có các ác sự hiện hành được vậy.

Lại nữa, Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật trong 3 đời, nên những thiện nam, thiện nữ nào nhất tâm cung kính cúng dường được vô lượng công đức vậy.

-o0o-

KINH:

**Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi Phật: Bạch Thế Tôn!
Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép, cúng dường Bát**

nhã Ba-la-mật, và lại có thiện nam, thiện nữ xây tháp để cúng dường Phật, sau khi Phật nhập Niết Bàn, thì bên nào được phước nhiều hơn?

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Ta hỏi lại ông và ông cứ tùy ý mà đáp lại. Ý ông nghĩ sao? Do đâu mà Phật được Nhất thiết chủng trí, được tướng hảo trang nghiêm?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp:

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Đúng như vậy, đúng như vậy! Phật từ nơi Bát nhã Ba-la-mật mà được Nhất thiết chủng trí.

Này Kiều Thi Ca! Chẳng phải do thân tướng hảo trang nghiêm mà ta được gọi là Phật. Chính là do ta được Nhất thiết chủng trí nên mới được gọi là Phật.

Này Kiều Thi Ca! Nhất thiết chủng trí từ Bát nhã Ba-la-mật mà sanh ra. Phật thân chỉ là chỗ sở y của Nhất thiết chủng trí, nương nơi Phật thân mà được Nhất thiết chủng trí.

Chúng sanh do nghĩ rằng thân của Phật chính là chỗ sở y của Nhất thiết chủng trí, nên sau khi Phật nhập Niết Bàn, đã xây dựng tháp để cúng dường xá lợi của Phật.

Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát nhã Ba-la-mật mà biên chép, thọ trì, đọc tụng, thân cận, cung kính, cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật, thì đó chính là người cúng dường Nhất thiết chủng trí vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên người biên chép, thọ trì, đọc tụng, thân cận, cung kính, cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật có phước đức thù thắng hơn người xây tháp cúng dường xá lợi Phật, sau khi Phật nhập Niết Bàn.

Vì sao?

Vì từ Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh 5 Ba-la-mật kia, xuất sanh nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, xuất sanh 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, xuất sanh hết thấy các tam muội, hết thấy các đà la ni, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Bồ tát thành tựu các công hạnh như thành tựu sanh thai, thành tựu gia đình, thành tựu chỗ sanh, thành tựu quyến thuộc, thành tựu xuất sanh, thành tựu tướng trang nghiêm, thành tựu xuất gia v.v... cũng đều xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, cũng từ nơi Bát nhã Ba-la-mật mà ở thế gian xuất sanh các đại gia, các đại tộc, các cõi Trời Tứ Thiên vương, ..., dẫn đến Sắc cứu cánh thiên, mà ở thế gian có các quả Thanh Văn, có Nhất thiết chủng trí, ..., dẫn đến có Phật.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon đáp: Bạch Thế Tôn! Người ở cõi Diêm phù đề chẳng biết cúng dường, tôn trọng, tán thán Bát nhã Ba-la-mật, có phải là vì họ chẳng biết làm như vậy là có nhiều phước đức chăng?

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Ý ông nghĩ sao? Ở trong cõi Diêm phù đề có được bao nhiêu người có lòng tin bất hoại nơi Phật, Pháp và Tăng? Có bao nhiêu người chẳng nghĩ? Có bao nhiêu người quyết liễu?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon đáp: Bạch Thế Tôn! Ở trong cõi Diêm phù đề rất ít người có lòng tin bất hoại nơi Phật, Pháp, Tăng, cũng rất ít người chẳng nghĩ, rất ít người quyết liễu.

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Ý ông nghĩ sao? Ở cõi Diêm phù đề có được bao nhiêu người được 37 Phẩm trợ

đạo, 3 giải thoát môn, 8 bối xả, 9 thứ đệ định, 4 vô ngại trí, 6 thần thông, có bao nhiêu người đoạn được 3 kiết sử, được quả Tu-đà-hoàn, có bao nhiêu người đoạn được 3 kiết sử, cạn mỏng tham sân si, được quả Tư-đà-hàm, có bao nhiêu người dứt 5 hạ phần kiết sử, được quả A-na-hàm, có bao nhiêu người dứt 5 thượng phần kiết sử, được quả A-la-hán, có bao nhiêu người cầu Bích Chi Phật đạo, có bao nhiêu người phát Vô thượng bồ đề tâm?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: Bạch Thế Tôn! Ở trong cõi Diêm phù đề rất ít người được 37 Phẩm trợ đạo, ..., dẫn đến rất ít người phát Vô thượng bồ đề tâm.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Kiều Thi Ca! Ở cõi Diêm phù đề có rất ít người có lòng tin bất hoại nơi Phật, Pháp và Tăng, rất ít người chẳng nghi, rất ít người quyết liễu. Lại cũng có rất ít người được Bích Chi Phật, ..., dẫn đến có rất ít người phát Vô thượng bồ đề tâm. Hơn nữa, ở trong những người đã phát Vô thượng bồ đề tâm rồi, có rất ít người thật hành Bồ tát hạnh.

Vì sao?

Vì đời trước, chúng sanh ở trong cõi Diêm phù đề chẳng thấy Phật, chẳng nghe Pháp, chẳng cúng dường Tăng, chẳng bố thí, chẳng trì giới, chẳng nhẫn nhục, chẳng tinh tấn, chẳng thiền định, chẳng trí huệ, chẳng nghe nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, chẳng nghe 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, chẳng nghe và chẳng tu các tam muội, các đà la ni, lại cũng chẳng nghe và chẳng tu nhất thiết trí và Nhất thiết chủng trí.

Này Kiều Thi Ca! Bởi nhân duyên vậy, nên có rất ít chúng sanh có lòng tin bất hoại nơi Phật, Pháp và Tăng, ..., dẫn đến có rất ít chúng sanh phát Vô thượng bồ đề tâm.

Này Kiều Thi Ca! Ta dùng Phật nhãn thấy ở phương Đông có vô lượng chúng sanh phát Vô thượng bồ đề tâm, hành Bồ tát đạo. Thế nhưng vì những chúng sanh ấy xa lìa các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên có rất ít người được an trú trong bất thối chuyển địa. Do vậy mà phần nhiều bị rơi về Thanh Văn đạo và Bích Chi Phật đạo. Ở 9 phương kia cũng đều là như vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên những thiện nam, thiện nữ nào muốn cầu Vô thượng bồ đề, phải nghe Bát nhã Ba-la-mật, phải thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, rồi lại phải biên chép, cung kính, tôn trọng, cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật.

Những thiện nam, thiện nữ này lại còn phải nghe, thọ trì, ..., dẫn đến cúng dường, tán thán các thiện pháp khác nữa. Vì sao? Vì hết thấy các thiện pháp đều quy nhiếp về Bát nhã Ba-la-mật.

* Các thiện pháp khác gồm những gì?

Đó là Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Thiên Ba-la-mật, nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, hết thấy các tam muội, hết thấy các đà la ni, đại từ, đại bi cùng vô lượng thiện pháp khác.

Vô lượng thiện pháp như vậy đều quy nhiếp về Bát nhã Ba-la-mật cả. Bởi vậy nên phải nghe, thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm, tán thán, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao?

Vì chư Phật khi còn là Bồ tát, cũng tu tập Bát nhã Ba-la-mật, cùng vô lượng thiện pháp khác, vì Bát nhã

Ba-la-mật cùng vô lượng thiện pháp đều là pháp tôn quý, là pháp ấn của Thanh Văn, của Bích Chi Phật, của Bồ tát và của Phật.

Chư Phật, chư đại Bồ tát cùng chư Thánh hiền do tu tập Bát nhã Ba-la-mật và các thiện pháp khác mà được Nhất thiết chủng trí và qua được “bờ bên kia”.

Này Kiều Thi Ca! Bởi nhân duyên vậy, nên khi Phật còn tại thế cũng như sau khi Phật đã nhập Niết Bàn, các thiện nam, thiện nữ đều phải y chỉ nơi Bát nhã Ba-la-mật, nơi 5 Ba-la-mật kia, ..., dẫn đến y chỉ nơi Nhất thiết chủng trí, mà tu tập. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí là chỗ mà chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật, chư Bồ tát, chư Phật cùng hết thấy thế gian, Trời, người, A tu la đều phải y chỉ vậy.

LUẬN:

Hỏi: Phật đã nhiều phen tán thán Bát nhã Ba-la-mật rồi, nay vì sao ngài Thích Đề Hoàn Nhon còn so sánh công đức cúng dường Bát nhã Ba-la-mật với công đức cúng dường xá lợi của Phật để làm gì nữa?

Đáp: Người chỉ có tín căn, thì muốn cúng dường xá lợi, người có huệ căn thì muốn cúng dường kinh pháp.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon muốn biết rõ trong 2 trường hợp cúng dường, bên nào có phước đức nhiều hơn, nên mới hỏi Phật để được Phật chỉ dạy cho.

Phật dạy: 5 Ba-la-mật kia đều từ Bát nhã Ba-la-mật sanh.

Phật lại cho biết thêm rằng 5 độ kia, từ bố thí, ..., dẫn đến thiền định, nếu chẳng có Bát nhã Ba-la-mật chỉ đạo, chẳng có lực phương tiện của trí huệ Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng thể gọi là Ba-la-mật được. Vì sao? Vì liễu đạt 18 không là có

được trí huệ. Do có trí huệ mà có được 4 niệm xứ, ..., dẫn đến có được nhất chủng trí.

Bồ tát tuy chưa có trí huệ Phật, nhưng do đã hành đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, nên đã rõ được thật tướng các pháp. Do vậy mà được đầy đủ Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến đầy đủ Thiên Ba-la-mật.

-oOo-

Hãy nói về 2 độ “bố thí” và “trì giới”.

Người chấp các pháp là thật không, thì nghĩ rằng chẳng có tội, chẳng có phước, nên chẳng cần tu các hạnh bố thí và trì giới.

Người chấp các pháp là thật có, thì nghĩ rằng các pháp chẳng phải do duyên sanh mà là thường còn.

Người chấp các pháp là vô thường, thì nghĩ rằng 5 âm thân cũng phải theo thân mà diệt. Như vậy cũng chẳng có tội phước ở đời sau.

Lại nữa, nếu như nói chẳng có chúng sanh, thì cũng chẳng có tội sát sanh. Như vậy cũng chẳng có tội phước ở đời sau.

Lại nữa, nếu như nói chẳng có chúng sanh, thì cũng chẳng có tội sát sanh. Như vậy cũng chẳng cần nói đến giới “không sát sanh”.

Thế nhưng người liễu thông được rằng Bát nhã Ba-la-mật chính là thật tướng của các pháp, thì sẽ chẳng bị đọa về 2 chấp “có - không”. Như vậy, mới vào được Trung đạo, mới được đầy đủ Đàn Ba-la-mật, đầy đủ Thi la Ba-la-mật, ..., dẫn đến đầy đủ các Ba-la-mật khác.

-oOo-

Bởi nhân duyên vậy, nên nói hết thầy công đức tu tập các thiện pháp đều nhiếp cả vào trong Bát nhã Ba-la-mật.

Hết thầy các quả báo thế gian và xuất thế gian đều y chỉ vào Bát nhã Ba-la-mật, nên công đức cúng dường Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn công đức cúng dường xá lợi vậy.

Hỏi: *Vì sao trong cõi Diêm phù đề có rất nhiều chúng sanh cầu phước đức mà rất ít chúng sanh cầu Bát nhã Ba-la-mật?*

Đáp: Ở trong cõi Diêm phù đề rất ít người lợi căn, thượng trí, nên đa số chỉ ham cầu phước lợi mà chẳng biết cúng dường Bát nhã Ba-la-mật. Ví như người mù nhặt được quý kim mà chẳng thấy được, nên chẳng biết đó là quý kim vậy.

Ở trong cõi Diêm phù đề, số người thâm tín ba ngôi Tam bảo cũng còn rất ít, huống nữa là biết được Bát nhã Ba-la-mật, và tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Bởi vậy nên Phật mới hỏi ngài Thích Đề Hoàn Nhơn: Có bao nhiêu người có tín tâm bất hoại nơi 3 ngôi Tam bảo?

Hỏi: *“Tín tâm bất hoại”, “không nghi” và “quyết liễu” có gì sai khác nhau không?*

Đáp: Khởi lòng tin bất hoại nơi Tam bảo là không nghi. Lại nữa, nếu đã không nghi thì đã quyết liễu rồi. Cho nên “không nghi” và “quyết liễu” dẫn đến sự thành tựu của “lòng tin bất hoại”.

Hỏi: *“Không nghi” và “quyết liễu” có gì sai khác nhau không?*

Đáp: Tin Tam bảo thì gọi là “không nghi”. Do “không nghi” mà sanh trí huệ, thông rõ được các pháp, nên gọi là “quyết liễu”.

Ví như có người lội qua dòng nước là do không nghi. Khi đã lội qua bờ bên kia rồi, mới biết dòng nước mạnh hay yếu, sâu hay cạn. Như vậy gọi là quyết liễu.

Lại nữa, khi được “kiến đế đạo” thì được lòng tin bất hoại, khi được “tư duy đạo” thì gọi là không nghi, khi được “vô học đạo” thì gọi là liễu quyết.

Hỏi: *Được 3 tâm ấy thì có được quả báo gì?*

Đáp: Có được 3 tâm ấy, hành giả sẽ chẳng còn bị chướng ngại trong việc tu tập 37 Phẩm trợ đạo, ..., dẫn đến được 6 thần thông, đoạn được 3 phần kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến đoạn sạch các tập khí, chứng “vô vi quả”.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn có quả báo sanh, được tha tâm trí, thường dùng Thiên nhĩ để nghe âm thanh của các đạo chúng sanh sai khác. Nay ngài lại tu đạo Bồ tát, được căn tánh lanh lợi, nhập vào các tam muội, quán tâm hành của chúng sanh, biết rõ sự hành đạo của chúng sanh trong các đạo.

Bởi vậy nên ngài mới trả lời Phật rằng: Ở trong cõi Diêm phù đề số người thâm tín Tam bảo rất ít, số người được quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến số người phát tâm cầu Phật đạo lại càng ít hơn nữa, nên rất ít người biết được Bát nhã Ba-la-mật để cung kính cúng dường. Vì sao? Vì đời trước chẳng nghe danh Tam bảo, ..., dẫn đến chẳng nghe nói đến Nhất thiết chủng trí.

Phật ấn chứng lời nói của Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn, và dạy: Ta dùng Phật nhãn quán thấy trong khắp 10 phương có vô lượng chúng sanh phát Vô thượng bồ đề tâm, hành Bồ tát đạo, nhưng vì xa lìa các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên có rất ít người trú được trong bất thối chuyển địa, mà thường bị rơi về Thanh Văn địa.

Cũng nên biết hết thầy các thiện pháp đều nhiếp trọn vào trong Bát nhã Ba-la-mật, ..., dẫn đến hết thầy các kinh điển như Pháp Hoa, Giải Thâm Mật, Mật Tích, v.v... đều nhiếp vào trong Bát nhã Ba-la-mật cả.

Hỏi: *Vì sao nói Tu-đà-hoàn phải học Bát nhã Ba-la-mật mới qua được “bờ bên kia”?*

Đáp: Vì 6 pháp Ba-la-mật, 3 giải thoát môn, 37 Phẩm trợ đạo, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là pháp chung cho cả 3 thừa. Người tu hành phải tùy theo từng phần, từng quả vị tu chứng mà học vậy.

KINH:

Phật bảo: Này Kiều Thi Ca! Ý ông nghĩ sao? Sau khi Phật nhập Niết Bàn, nếu có thiện nam, thiện nữ nào xây tháp 7 báu, cao 1 do tuần, rồi dùng hương hoa, anh lạc, tràng phan, bảo cái và các vật quý báu khác để cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán Phật thì phước đức của thiện nam, thiện nữ ấy có nhiều chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Phước đức ấy chẳng sao bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã Ba-la-mật, rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, tôn trọng, cung kính cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm.

Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Ý ông nghĩ sao? Sau khi Phật nhập Niết Bàn, nếu có thiện nam, thiện nữ, chẳng những xây 1 tháp 7 báu mà xây rất nhiều tháp 7 báu, mỗi tháp cao 1 do tuần đầy khắp cõi Diêm phù đề, rồi dùng hương hoa, anh lạc, tràng phan, bảo cái và các vật quý báu khác để

cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán Phật thì phước đức của thiện nam, thiện nữ ấy có nhiều chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Phước đức ấy chẳng sao bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã Ba-la-mật, rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, tôn trọng, cung kính cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm.

Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Ý ông nghĩ sao? Sau khi Phật nhập Niết Bàn, nếu có thiện nam, thiện nữ, chẳng những xây tháp 7 báu đầy khắp cõi Diêm phù đề, mà xây tháp 7 báu đầy khắp cả bốn châu thiên hạ, rồi dùng hương hoa, anh lạc, tràng phan, bảo cái và các vật quý báu khác để cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán Phật thì phước đức của thiện nam, thiện nữ ấy có nhiều chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Phước đức ấy chẳng sao bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã Ba-la-mật, rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, tôn trọng, cung kính cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm.

Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Ý ông nghĩ sao? Sau khi Phật nhập Niết Bàn, nếu có thiện nam, thiện nữ, chẳng những xây tháp 7 báu đầy khắp cả 4 châu thiên hạ mà xây tháp 7 báu đầy khắp cả tiểu thiên thế giới, rồi dùng hương hoa, anh lạc, tràng phan, bảo cái và các vật quý báu khác để cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán Phật thì phước đức của thiện nam, thiện nữ ấy có nhiều chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon đáp: **Bạch Thế Tôn!** Thiện nam, thiện nữ ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: **Này Kiều Thi Ca!** Phước đức ấy chẳng sao bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ nghe **Bát Nhã Ba-la-mật**, rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, tôn trọng, cung kính cúng dường, tán thán **Bát Nhã Ba-la-mật**, trọn chẳng ly **Tát bà** nhã tâm.

Lại nữa, **này Kiều Thi Ca!** Ý ông nghĩ sao? Sau khi **Phật** nhập **Niết Bàn**, nếu có thiện nam, thiện nữ, chẳng những xây tháp 7 báu đầy khắp cả tiểu thiên thế giới mà xây tháp 7 báu đầy khắp cả Trung thiên thế giới, rồi dùng hương hoa, anh lạc, tràng phan, bảo cái và các vật quý báu khác để cúng kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán **Phật** thì phước đức của thiện nam, thiện nữ ấy có nhiều chăng?

Ngài Đế Thích Hoàn Nhon đáp: **Bạch Thế Tôn!** Thiện nam, thiện nữ ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: **Này Kiều Thi Ca!** Phước đức ấy chẳng sao bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ nghe **Bát Nhã Ba-la-mật**, rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, tôn trọng, cung kính cúng dường, tán thán **Bát Nhã Ba-la-mật**, trọn chẳng ly **Tát bà** nhã tâm.

Lại nữa, **này Kiều Thi Ca!** Ý ông nghĩ sao? Sau khi **Phật** nhập **Niết Bàn**, nếu ở khắp cả **Đại thiên thế giới**, mỗi mỗi chúng sanh đều xây tháp 7 báu để trọn đời cúng dường **Phật**, thì phước đức của tất cả chúng sanh ấy góp lại cũng chẳng sao bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ nghe **Bát Nhã Ba-la-mật**, rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, tôn trọng, cung kính cúng dường, tán thán **Bát Nhã Ba-la-mật**, trọn chẳng ly **Bát Nhã Ba-la-mật**. Như vậy, ý ông nghĩ sao?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon thưa: Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, đúng như vậy! Vì cung kính, tôn trọng cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật là cúng dường chư Phật trong 3 đời rồi vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu trong hằng hà sa thế giới ở khắp trong 10 phương, mỗi mỗi chúng sanh đều xây tháp 7 báu để cúng dường Phật, hoặc trong 1 kiếp hoặc dưới 1 kiếp, thì phước đức ấy có nhiều chăng?

Phật dạy: Nay Kiều Thi Ca! Phước đức ấy rất nhiều.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon thưa: Bạch Thế Tôn! Theo như lời Thế Tôn dạy thì thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã Ba-la-mật, rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, tôn trọng, cung kính cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm có phước đức thù thắng hơn nhiều. Vì sao? Vì hết thấy các thiện pháp như 10 thiện đạo, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 37 Phẩm trợ đạo, 3 giải thoát môn, 4 thánh đế, 6 thần thông, 8 bối xả, 9 thứ đệ định, 6 pháp Ba-la-mật, 18 không, các tam muội, các đà la ni, 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi, 18 bất cộng pháp, nhất thiết trí, đạo chủng trí, Nhất thiết chủng trí đều từ Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra cả.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật là pháp ấn của 3 đời chư Phật. Tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát và Phật đều y như pháp ấn này mà qua được “bờ bên kia” vậy.

LUẬN:

Người nghe Bát nhã Ba-la-mật, rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, tôn trọng, cung kính cúng dường, tán

thán Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập, được vô lượng phước đức. Bởi vậy nên Phật dùng tháp 7 báu để làm dụ.

Hỏi: *Bảo tháp mà Phật lấy làm dụ trên đây là “thật dụ” hay là “giả dụ”?*

Đáp: Phật muốn cho chúng sanh được trí giải về phước đức nên đã dùng “tháp 7 báu” để làm dụ.

Như vậy, dụ này cũng vừa là thật dụ, mà cũng vừa là giả dụ. Vì sao? Ví như, khi Phật Ca Diếp vừa nhập Niết Bàn, có vị quốc vương, tên là Cát Ly Chiêm, xây 500 bảo tháp cao đến 50 do tuần, để cúng dường xá lợi của Phật. Lại nữa, trong đời quá khứ có vị chuyển luân thánh vương, tên là Đức Chúng, trong một ngày đã xây 500 bảo tháp để cúng dường Phật. Đây là thật dụ.

Còn nói xây bảo tháp đầy cả cõi Diêm phù đề, đầy khắp cả 4 châu thiên hạ, đầy khắp cả tiểu thiên thế giới, đầy khắp cả trung thiên thế giới, đầy khắp cả đại thiên thế giới, v.v... là giả dụ, để nói lên phước đức của việc xây tháp cúng dường Phật vậy. Thế nhưng, đây cũng là thật dụ. Vì sao? Ví như Phạm Thiên vương là vương chủ của cả đại thiên thế giới và cũng là đệ tử của Phật, có thần lực biến hóa, dựng tháp khắp cả đại thiên thế giới, để cúng dường xá lợi của Phật. Đây cũng là thật dụ vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật lấy “tháp 7 báu” làm dụ, để cho hội chúng thấy rõ là hết thấy các thiện pháp, từ 10 thiện đạo, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí, đều xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật cả.

Cũng nên biết rằng xá lợi Phật chỉ là vô ký pháp.

Cúng dường xá lợi Phật chỉ là thiện pháp. Y chỉ nơi thiện pháp mà đời sau được các quả báu lành. Nhưng nếu nghe Bát nhã Ba-la-mật rồi thọ trì, đọc tụng, thân cận, chánh ức niệm, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì đời này và cả đời sau, đều được quả báo lành dẫn đến được quả Vô thượng Bồ đề.

-o0o-

Phẩm Thứ Ba Mười Ba



Thuật Thành (Thuật Lại Sự Thành Tựu)

KINH:

Lúc bấy giờ Phật bảo ngài Thích Đề Hoàn Nhơn, Này Kiều Thi Ca! Đúng như vậy, đúng như vậy! Các thiện nam, thiện nữ biên chép, thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm và cúng dường Bát nhã Ba-la-mật sẽ được vô lượng, vô biên, bất khả tư nghì phước đức.

Vì sao?

Vì nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, dẫn đến chư Phật đều từ Bát nhã Ba-la-mật sanh ra cả. Vì Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Thiền Ba-la-mật, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không đều từ Bát nhã Ba-la-mật sanh. Vì thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, thành tựu đạo chủng trí, thành tựu nhất thiết trí, thành tựu Nhất thiết chủng trí đều từ Bát nhã Ba-la-mật sanh. Vì Thanh Văn Thừa, Bích Chi Phật thừa, ..., dẫn đến Phật thừa đều từ Bát nhã Ba-la-mật sanh ra cả.

Này Kiều Thi Ca! Bởi nhân duyên vậy, nên phước đức của người biên chép, thọ trì, thuyết giảng, chánh ức niệm, ..., dẫn đến cúng dường Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn phước đức của người xây bảo tháp xá lợi Phật rất nhiều, gấp cả trăm, ngàn ngàn, muôn, ức lần, ..., dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể dùng để so lường được.

Vì sao?

Vì nếu Bát nhã Ba-la-mật còn tồn tại ở thế gian này thì Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo chẳng đoạn diệt vậy.

Vì nếu Bát nhã Ba-la-mật còn tồn tại ở trên thế gian này thì 10 thiện đạo, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 6 pháp Ba-la-mật, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí đều hiện ra ở đời.

Vì nếu Bát nhã Ba-la-mật còn tồn tại ở trên thế gian này thì các đại gia, đại tộc, các cõi trời tứ Thiên vương, ..., dẫn đến Sắc cứu cánh thiên, các quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến A-la-hán, Bích Chi Phật đạo, ..., dẫn đến Phật đạo, chuyển pháp luân, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ đều hiện ra ở đời.

LUẬN:

Trước đây, vị Đệ Thích đã bạch với Phật rằng người biên chép... cúng dường Bát nhã Ba-la-mật được vô lượng, vô biên phước đức. Lời phát biểu của vị Đệ Thích được Phật ấn chứng và tán thán: Đúng như vậy, đúng như vậy!

Hỏi: *Bát nhã Ba-la-mật là bất sanh, bất diệt, là hư không; ở nơi Bát nhã Ba-la-mật thì tất cả ngôn ngữ đều đoạn, tất cả tâm hành đều diệt. Như vậy, vì sao lại nói có Bát nhã Ba-la-mật ở đời, thì 3 ngôi Tam bảo chẳng có đoạn diệt?*

Đáp: Bát nhã Ba-la-mật là thể tánh nhất như. Dù có Phật, hay chẳng có Phật, thì Bát nhã Ba-la-mật vẫn thường trú.

Trên đây nói “nếu Bát nhã Ba-la-mật còn tồn tại ở thế gian” là mật ý nói rằng “nếu kinh Bát nhã Ba-la-mật còn lưu bố ở đời”. Nếu còn có người biên chép, thọ trì, đọc tụng,

chánh ức niệm, ..., dẫn đến cúng dường Bát nhã Ba-la-mật thì chúng tử Bát nhã Ba-la-mật được gieo trồng trong thế gian, khiến chúng sanh có thể nương vào đó tu hành, ..., dẫn đến được Bát nhã Ba-la-mật.

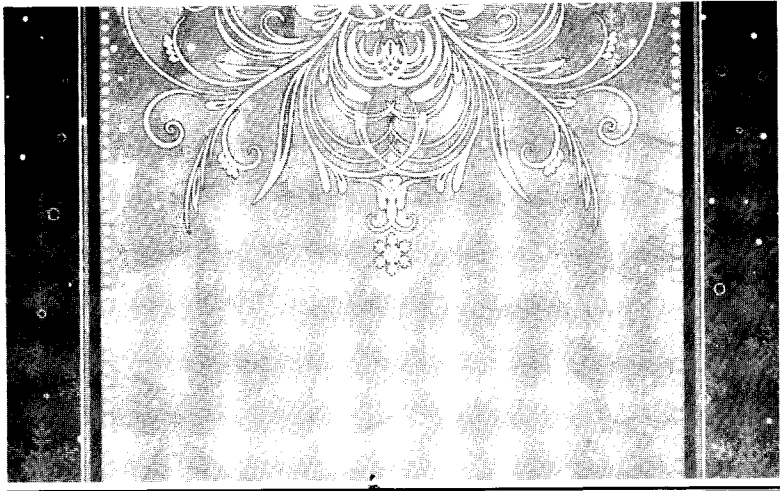
Bát nhã Ba-la-mật ví như nước ở giếng sâu, kinh Bát nhã Ba-la-mật ví như cái gàu để múc nước.

Người muốn múc nước ở giếng sâu cần phải buộc gàu vào sợi dây thật dài và kiên cố thì mới mong múc được nước. Cũng như vậy, dù có kinh Bát nhã Ba-la-mật lưu bố, mà chẳng có người biên chép, thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến cúng dường Bát nhã Ba-la-mật, thì thể tánh của Bát nhã Ba-la-mật chẳng sao có thể hiện lộ ra được. Ngược lại, nếu có người biên chép, thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến cúng dường Bát nhã Ba-la-mật thì thể tánh Bát nhã Ba-la-mật mới hiện lộ, và hết thảy các Phật pháp mới hiện ra ở đời được.

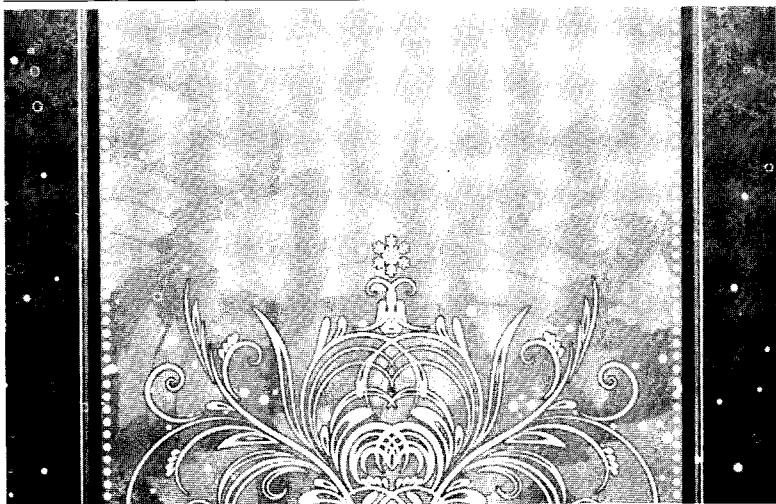
Hỏi: *Khi nói đến Tam bảo là đã nhiếp trọn các thiện pháp rồi. Như vậy vì sao lại nói có Bát nhã Ba-la-mật ở đời, thì mới có 10 thiện đạo, ..., dẫn đến mới có Nhất thiết chủng trí?*

Đáp: Các thiện pháp, các thiện đạo đều nhiếp trọn trong Tam bảo. Tất cả các thiện pháp, các thiện đạo đều từ Bát nhã Ba-la-mật sanh ra cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói có Bát nhã Ba-la-mật ở đời thì mới có các thiện pháp, các thiện đạo hiện ra ở đời vậy.



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 58



Phẩm Thứ Ba Mười Bốn



Khuyến Trì
(Khuyên Thọ Trì)

KINH:

Lúc bấy giờ, khắp cả 3.000 đại thiên thế giới, chư Thiên ở các trời, từ cõi Tứ Thiên vương, ..., dẫn đến cõi Sắc cứu cánh thiên đồng nói lên rằng: Chúng ta phải thọ trì, đọc tụng, thân cận, thuyết giảng, chánh ức niệm, cúng dường, tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao?

Vì có thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì mới được đầy đủ các thiện pháp, khiến các hàng Thiên chúng được tăng ích và hàng A tu la bị giảm thiểu.

Vì có thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì Phật chủng mới chẳng đoạn diệt, Pháp chủng mới chẳng đoạn diệt, Tăng chủng mới chẳng đoạn diệt. Do vì Phật chủng, Pháp chủng và Tăng chủng chẳng đoạn diệt nên 10 thiện đạo, 6 pháp Ba-la-mật, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp mới hiện ra ở đời; nên các quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến A-la-hán, Bích Chi Phật đạo, ..., dẫn đến Phật đạo mới hiện ra ở đời.

Phật bảo ngài Thích Đề Hoàn Nhơn: Này Kiều Thi Ca! Ông nên thọ trì, đọc tụng, thân cận, chánh ức niệm, cúng dường, tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Vì khi A tu la sinh tâm cùng với các ông cộng chiến, nếu các ông nhất tâm trì

tụng Bát nhã Ba-la-mật thì ác tâm của hàng A tu la liền bị tiêu diệt, khiến việc đấu tranh phải chấm dứt.

Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiên tử hay thiên nữ nào có 5 tướng suy hiện ra, và sắp phải thọ sanh vào các loài bất như ý, thì ông nên vì họ đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật, bảo họ nhất tâm đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật. Nhờ nghe và đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật, mà các thiên tử hay thiên nữ ấy sẽ được tăng ích công đức, sẽ được sanh trở lại bốn xứ và các điều bất như ý liền tự tiêu diệt cả.

Vì sao?

Này Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba-la-mật có đại oai lực làm lợi ích cho chúng sanh, nên các thiên tử, thiên nữ, cùng các thiện nam, thiện nữ nào được nghe và thọ trì Bát nhã Ba-la-mật liền được sanh công đức và dần dần sẽ được quả Vô thượng bồ đề.

Này Kiều Thi Ca! Chư Phật quá khứ cùng hàng đệ tử đã tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô thượng bồ đề, vào Vô dư Niết Bàn; chư Phật hiện tại cùng hàng đệ tử cũng tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô thượng bồ đề, vào Vô dư Niết Bàn; chư Phật vị lai cùng hàng đệ tử cũng sẽ tu tập Bát nhã Ba-la-mật, để được Vô thượng bồ đề, vào Vô dư Niết Bàn.

Này Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba-la-mật dung nhiếp hết thấy các pháp. Thanh Văn pháp, Bích Chi Phật pháp, dẫn đến Phật pháp đều y chỉ nơi Bát nhã Ba-la-mật cả.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy, Bát nhã Ba-la-mật là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật trừ hết thấy các bất thiện pháp, và sanh hết thấy các thiện pháp.

Phật dạy: **Này Kiều Thi Ca!** Đúng như vậy, đúng như vậy! **Bát nhã Ba-la-mật** là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú. Vì sao? Vì chư Phật quá khứ, chư Phật hiện tại đều do minh chú này mà được Vô thượng bồ đề; chư Phật vị lai cũng sẽ do minh chú này mà được Vô thượng bồ đề.

Cũng do minh chú này, mà thế gian có 10 thiện đạo; có 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, có 6 pháp Ba-la-mật; có 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp; có pháp tánh, pháp tướng, pháp như, pháp vị, thật tế; có 5 nhãn; có 4 quả Thanh Văn; có Bích Chi Phật đạo, ..., dẫn đến có Phật đạo; có nhất thiết trí, ..., dẫn đến có Nhất thiết chủng trí.

Này Kiều Thi Ca! Do nhân duyên có Bồ tát Ma ha tát tu tập **Bát nhã Ba-la-mật**, mà ở thế gian có được 10 thiện đạo, có 4 thiên, ..., dẫn đến có Nhất thiết chủng trí, có Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến có Phật.

Ví như có mặt trăng tròn, chiếu sáng, thì các tinh tú cũng cùng chiếu sáng vậy. Cũng như vậy, vào thời không có Phật, nếu chẳng có các đại Bồ tát xuất thế thì ở thế gian chẳng sao có được 10 thiện đạo, ..., dẫn đến chẳng sao có được Nhất thiết chủng trí. Nếu chẳng có chư đại Bồ tát tu tập các lực phương tiện **Bát nhã Ba-la-mật**, thì ở thế gian chẳng có **Đàn Ba-la-mật**, ..., dẫn đến **Thiền Ba-la-mật**, chẳng có nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, chẳng có 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, chẳng có 4 quả Thanh Văn, chẳng có Bích Chi Phật đạo, ..., dẫn đến Phật đạo, chẳng có thành tựu chúng sanh, chẳng có thanh tịnh Phật độ. Hết thấy các thiện pháp như vậy, đều xuất sanh từ **Bát nhã Ba-la-mật**.

Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe được Bát nhã Ba-la-mật, rồi thọ trì, thân cận, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì sẽ được vô lượng công đức ở đời này và ở đời sau.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi: Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ thọ trì, ..., dẫn đến tu tập Bát nhã Ba-la-mật, được những công đức gì ở hiện đời?

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, ..., dẫn đến tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì trọn đời chẳng có bị trúng độc mà phải chết, chẳng bị đao thương làm hại, chẳng bị các nạn nước lửa làm hại, ..., dẫn đến chẳng bị 404 thứ bệnh làm hại. Chỉ trừ trường hợp do túc mạng nghiệp báo nhân duyên của đời trước, thì mới phải thọ lãnh mà thôi.

Nếu phải đến cửa quan, thì quan cũng chẳng có khiển trách. Vì sao? Vì nhờ oai lực của Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Nếu phải đến trước vua chúa và các đại thần, thì chư vị này đều hoan hỷ tiếp đón, dùng lời lẽ nhu hòa thăm hỏi. Vì sao?

Vì các thiện nam, thiện nữ này thường hành Bát nhã Ba-la-mật, thường trải rộng tâm “tù, bi, hỷ, xả” đối với chúng sanh, nên có được oai lực như vậy.

Này Kiều Thi Ca! Do thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm và tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà các thiện nam, thiện nữ này được công đức ở hiện đời như vậy.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi: Bạch Thế Tôn! Còn ở đời vị lai, các thiện nam, thiện nữ này sẽ được những công đức gì?

Phật dạy: Nay Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, ..., dẫn đến tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì ở đời vị lai sẽ được đầy đủ 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật; đầy đủ 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp.

Các thiện nam, thiện nữ chẳng bị đọa vào các đường ác, được thân đầy đủ và trang nghiêm, thường được 32 tướng tốt, chẳng sanh vào nhà hạ tiện, thường được hóa sanh vào các quốc độ có Phật. Các thiện nam, thiện nữ này có đầy đủ thần thông, đi từ Phật độ này đến Phật độ khác, để cúng dường chư Phật, nghe Phật thuyết pháp. Đến đâu, các thiện nam, thiện nữ này cũng thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, mãi như vậy cho đến khi được Vô thượng bồ đề.

Nay Kiều Thi Ca! Do thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm và tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà các thiện nam, thiện nữ này được công đức ở đời vị lai như vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên thiện nam, thiện nữ phải biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, cung kính, cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật, phải trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì mới có được công đức ở đời này và đời sau, dẫn đến được đạo quả Vô thượng bồ đề.

LUẬN:

Phật là đấng Pháp vương mà còn tán thán người thọ trì Bát nhã Ba-la-mật, nên các vị Thiên vương đều đồng thanh tán thán Bát nhã Ba-la-mật và khuyến dụ hàng Thiên chúng cùng tán thán Bát nhã Ba-la-mật. Do vậy mà những chúng sanh đã có tín tâm lại càng thêm tín Bát nhã Ba-la-mật hơn nữa.

Trên đây, nói về các nhân duyên tu tập Bát nhã Ba-la-mật, tu tập các thiện pháp công đức làm cho hàng Thiên chúng được tăng ích và hàng A tu la bị giảm thiểu, khiến Tam bảo chẳng bị đoạn diệt, khiến 6 pháp Ba-la-mật cùng các thiện pháp công đức hiện ra ở đời.

Bởi vậy, nên Phật đã tán thán lời giải bày của vị Đệ Thích, và nói với vị Thiên chủ này rằng: Khi A tu la sanh tâm cùng với các ông cộng chiến, thì các ông phải nhất tâm trì tụng Bát nhã Ba-la-mật. Có như vậy, thì ác tâm của hàng A tu la liền bị tiêu diệt và việc đấu tranh phải chấm dứt.

Hỏi: *Vì sao Phật chẳng dạy chư Thiên phải thường trì tụng Bát nhã Ba-la-mật, khiến hàng A tu la chẳng dám sanh ác tâm? Vì sao Phật chẳng dạy chư Thiên, khi gặp A tu la đến gây chiến, phải nhất tâm trì tụng Bát nhã Ba-la-mật?*

Đáp: Vì hàng chư Thiên phần nhiều đắm nhiễm trong phước lạc. Mặc dù biết rõ Bát nhã Ba-la-mật có đại công đức, nhưng chư Thiên cũng ít muốn thường xuyên trì tụng Bát nhã Ba-la-mật.

Chỉ những lúc gặp A tu la gây chiến, hoặc trường hợp có 5 tướng suy hiện ra, thì chư Thiên mới sinh tâm lo buồn, phiền muộn. Những lúc đó chư Thiên mới nhớ nghĩ đến lời Phật dạy, mới nhất tâm trì tụng Bát nhã Ba-la-mật vậy.

-oOo-

Cũng nên biết, 5 tướng suy là:

- Hoa trên đầu khô héo.
- Mồ hôi nách chảy ra.
- Thấy chỗ ngồi ở Thiên giới có ai khác ngồi.

- Thấy nơi thân có rận.
- Thấy chẳng ưa thích chỗ ngồi của mình nữa.

Khi hàng chư Thiên thấy 5 tướng suy hiện ra, thì biết rõ mình sắp bị đọa vào đường ác.

Trong tình huống này, nếu được nghe Bát nhã Ba-la-mật thì liền biết rõ được thật tướng pháp, biết rõ pháp hữu vi là hư dối, là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã nên sanh lòng tin nơi Phật pháp, khiến tâm được tịch tịnh. Do vậy, mà giữ được bền xú, hoặc vãng sanh về một Thiên xứ khác thù thắng hơn, thọ hưởng các phước lạc, mà vẫn tu hành đạo Vô thượng.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy!

Này Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba-la-mật là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú.

Hỏi: *Vì sao vị Đế Thích lại nói Bát nhã Ba-la-mật là đại minh chú?*

Đáp: Vì hàng ngoại đạo cũng có nhiều chú thuật. Có loại chú thuật sai khiến được các quỷ thần, có loại chú thuật sai khiến được các tiên nhân, có các loại chú thuật làm cho người được danh vọng v.v... Bởi vậy, nên rất nhiều người quy thuận và cúng dường.

-oOo-

Nay vị Đế Thích bạch Phật rằng: Bát nhã Ba-la-mật là đại minh chú.

Vì sao? Hàng ngoại đạo, do đức mỏng, nên thường khởi sân nhuế, tham dục, khởi các bất thiện pháp, nên chú thuật

của ngoại đạo thường tác hành các việc ác, khiến phải đọa vào các đường ác.

Hàng chư Thiên được thọ mạng lâu dài, cũng có chú thuật, cũng biết được tâm niệm của chúng sanh. Thế nhưng, chú thuật của hàng chư Thiên chẳng sao có thể sánh được với Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao?

Vì Bát nhã Ba-la-mật có đại oai lực tiêu sạch các phiền não, cùng các bất thiện nghiệp.

Vì Bát nhã Ba-la-mật khiến hành giả ly được các khổ “sanh, già, bệnh, chết”, lại khiến hành giả được nhiều lợi ích, được trở thành bậc tối tôn trọng trong hàng chúng sanh.

Vì Bát nhã Ba-la-mật đưa hành giả vào “pháp thân vô lượng thọ” và cũng là “chánh nhân” dẫn đến thành Phật.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bát nhã Ba-la-mật được gọi là đại minh chú, cũng gọi là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú.

-oOo-

Đoạn kinh trên đây tán thán Bát nhã Ba-la-mật là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, do 2 nguyên nhân sau đây:

- Bát nhã Ba-la-mật phá trừ hết thảy bất thiện pháp.
- Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh hết thảy thiện pháp.

Bởi nhân duyên vậy, nên sau khi tán thán Bát nhã Ba-la-mật, Phật đã nói rằng Bát nhã Ba-la-mật là đại nhân duyên xuất sanh 10 thiện đạo, ..., dẫn đến Phật đạo.

Phật ví Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật đại phá vô minh

như mặt trăng tròn sáng đại phá màn đêm đen tối, vì chúng sanh chìm đắm trong đêm dài vô minh nay được duyên lành gặp được Phật và Bồ tát như người lữ hành đi trong đêm mà gặp được lúc trăng tròn sáng vậy.

-oOo-

Phật xuất thế dùng các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật để cứu độ chúng sanh. Cũng nhờ lực Bát nhã Ba-la-mật mà chư Bồ tát được quả báo an lạc, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, ..., dẫn đến được đạo Vô thượng bồ đề.

Bồ tát tu 37 Phẩm trợ đạo, ..., dẫn đến tu 18 bất cộng pháp, liễu đạt pháp “không”, mà chẳng chấp “không”, chẳng chứng quả Thanh Văn và quả Bích Chi Phật. Bồ tát thường phát Bồ đề tâm, giáo hóa chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được vô lượng công đức ở đời này và ở cả đời sau. Tất cả đều từ Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra cả.

Hỏi: *Trước đây đã nói người thọ trì Bát nhã Ba-la-mật chẳng còn bị các bệnh não hại. Nay vì sao còn nói nữa?*

Đáp: Phật thuyết Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải ở 1 hội, mà thuyết ở rất nhiều hội.

Có hội Phật nói về các nạn nước, nạn lửa; có hội Phật thuyết về nạn đao binh; có hội Phật thuyết về nạn độc trùng, độc dược; có hội Phật thuyết về 404 thứ bệnh. Phật nói rằng: Thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có các bệnh tật, tai ương đó làm tổn hại.

Có hội Phật thuyết về các kẻ ác tâm muốn phá hoại các thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã Ba-la-mật. Phật dạy: Do thọ trì Bát nhã Ba-la-mật mà các thiện nam, thiện nữ ấy

chẳng bị những kẻ ác tâm phá hoại, mà còn hoán cải được họ, khiến họ khởi tín tâm nơi Bát nhã Ba-la-mật, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

404 thứ bệnh, nêu trên đây, do 4 đại gây ra; mỗi đại gây ra 101 thứ bệnh. Đó là:

- Bệnh lạnh, gồm 202 thứ, do phong đại và thủy đại gây ra.
- Bệnh nóng, gồm 202 thứ, do hỏa đại và đại đại gây ra.

Hỏa có tướng nóng, địa có tướng cứng. Cả hai đại này đều khó tiêu hóa. Do khó tiêu hóa, nên khởi ra bệnh nóng trong thân, như trong máu, trong thịt, gân, trong xương tủy v.v...

Phật dạy: Các thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng... tu tập Bát nhã Ba-la-mật chẳng bị 404 thứ bệnh làm hại. Chỉ trừ trường hợp do túc mạng nghiệp báo nhân duyên đời trước thì mới phải thọ lãnh mà thôi.

Những chúng sanh mắc bệnh do nghiệp báo từ đời quá khứ, nay phải chịu thọ báo, thì đến Phật cũng chẳng cứu được.

-oOo-

Trong kinh có viện dẫn trường hợp phải đến cửa quan. Đó là nói về trường hợp bị thừa kiện. Người có thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật, thì dù có phải bị thừa kiện, phải đến cửa quan, quan cũng chẳng có khiển trách, chẳng có hạch tội.

Hỏi: Trước đây đã có nói về việc ma chẳng tìm được chỗ tiện được phá hoại, quấy nhiễu các thiện nam, thiện nữ thọ

trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba-la-mật rồi. Vì sao nay còn đề cập đến nữa?

Đáp: Trước đã nói về sự việc ác ma chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại cho các thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Nay nói rộng thêm về các sự việc các thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì dù có phải bị thừa kiện, phải đến cửa quan cũng chẳng bị quan hạch tội, mà còn được quan hoan hỷ tiếp đón. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ này thường trải rộng “từ, bi, hỷ, xả” đối với hết thảy chúng sanh, nên thường có được oai đức, nhiếp phục được người khác vậy.

Lại nữa, do thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà các thiện nam, thiện nữ này, ở đời vị lai, sẽ được đầy đủ 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật; đầy đủ 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp; chẳng còn bị đọa vào các đường ác; chẳng có sanh vào các nhà hạ tiện, thường được sanh vào các nhà đại gia, đại tộc.

Cũng do thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà ở đời vị lai, các thiện nam, thiện nữ được thân đầy đủ trang nghiêm, thường được 32 tướng tốt, lại có đủ thần thông đi đến các nước Phật, cúng dường chư Phật, nghe chư Phật thuyết pháp. Nhờ vậy mà thành tựu được chúng sanh, thanh tịnh được Phật độ, mãi như vậy cho đến khi được Vô thượng bồ đề.

Bởi nhân duyên vậy, nên thiện nam, thiện nữ phải biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, cung kính, cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật, phải trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì mới có được vô lượng công đức ở đời này và ở đời sau, dẫn đến mới được đạo Vô thượng bồ đề.

Phẩm Thứ Ba Mười Lăm



Phạm Chí

KINH:

Lúc bấy giờ, có các ngoại đạo Phạm chí đi đến chỗ Phật, với ý muốn gây phiền nhiễu nơi pháp hội.

Vị Đế Thích cùng chư Thiên có mặt trong pháp hội biết rõ tâm niệm của các Phạm chí, lại vừa nghe Phật dạy về đại thân lực của Bát nhã Ba-la-mật, nên đã nhất tâm trì tụng Bát nhã Ba-la-mật. Các ngoại đạo Phạm chí nghe như vậy, liền từ bỏ ngay ý muốn gây phiền nhiễu, và họ chỉ đứng ở xa mà nhiễu quanh Phật, rồi lui bước quay trở về.

Ngài Xá Lợi Phát tự niệm: Vì nhân duyên gì mà các Phạm chí đến với ý muốn quấy nhiễu pháp hội, lại chỉ ở xa, nhiễu quanh Phật, rồi lui về?

Phật biết tâm niệm của ngài Xá Lợi Phát, nên dạy rằng: Này Xá Lợi Phát! Do vị Thích Đế và chư Thiên nhất tâm trì tụng Bát nhã Ba-la-mật nên các ngoại đạo Phạm chí đã bỏ ý muốn quấy nhiễu pháp hội, mà chỉ nhiễu quanh Phật rồi lui về. Đây là Bát nhã Ba-la-mật lực khiến tâm ác của họ bị tiêu trừ.

Này Xá Lợi Phát! Chẳng có kẻ nào có thể đem ác tâm phá hoại Bát nhã Ba-la-mật được.

Vì sao?

Vì trong hằng hà sa thế giới khắp 10 phương, chư

Thiên, chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật, chư Bồ tát, chư Phật, đều thủ hộ Bát nhã Ba-la-mật. Vì chư Thiên, chư hiền Thánh, ..., dẫn đến chư Phật đều xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật.

Lúc bấy giờ các ác ma nghĩ rằng: Nay Phật vì 4 bộ chúng, thuyết Bát nhã Ba-la-mật, có đầy đủ các hàng Trời, người trong cả 3 cõi vẫn tập về pháp hội. Như vậy ắt là có các đại Bồ tát sẽ được thọ ký Vô thượng bồ đề, chúng ta phải mau đến đó để phá hoại đạo tâm của họ.

Nghĩ như vậy rồi, các ác ma liền hóa tác ra 4 đạo binh kéo đến chỗ Phật.

Vị Đế Thích cùng chư Thiên biết rõ đây chẳng phải là hàng đạo binh của Tần Bà Sa La, cũng chẳng phải là các đạo binh của vua Ba Tư Nặc, lại cũng chẳng phải là các đạo binh của dòng họ Thích và dòng họ Lê Xa, mà là các đạo binh do các ác ma hóa tác ra để phá quấy pháp hội, và để làm não hại chúng sanh.

Nghĩ như vậy rồi, vì Đế Thích cùng chư Thiên liền nhất tâm trì tụng Bát nhã Ba-la-mật.

Các ác ma nghe chư Thiên trì tụng Bát nhã Ba-la-mật, liền từ bỏ ý muốn phá hoại và đồng loạt rút lui.

Lúc bấy giờ chư Thiên ở trong hàng sa quốc độ khắp 10 phương đồng hóa tác thiên hoa đầy khắp hư không, để tán thán đức Phật cùng đại chúng và phát lời nguyện rằng: Bạch Thế Tôn! Chúng ta xin nguyện làm cho Bát nhã Ba-la-mật ở lâu trong cõi Diêm phù đề này. Vì sao? Nếu vì chúng sanh ở cõi Diêm phù đề chịu thọ trì Bát nhã Ba-la-mật, thì tại xứ này, Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo được an trú chẳng có đoạn diệt.

Bát nhã Ba-la-mật trụ thế bao nhiêu thì Phật bảo, Phật bảo và Tăng bảo trụ thế lâu bấy nhiêu, Bồ tát đạo an trú ở nơi nào, thì ở nơi đó có các thiện nam, thiện nữ biên chép kinh Bát nhã Ba-la-mật, ở nơi đó có ánh sáng chiếu minh, khiến màn vô minh phải tan biến.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Kiều Thi Ca và chư Thiên tử! Trong cõi Diêm phù đề nếu còn có chúng sanh biết thọ trì Bát nhã Ba-la-mật lâu bao nhiêu thì Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo còn tồn tại ở nơi đây lâu bấy nhiêu. Ở đâu có Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, thì ở đó có các thiện nam, thiện nữ biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật. Ở tại trú xứ đó có ánh sáng chiếu minh, khiến màn vô minh tan biến.

Chư Thiên lại hóa tác thiên hoa tán Phật và bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì ma vương, ma dân chẳng sao tìm được chỗ tiện để quấy phá họ được.

Bạch Thế Tôn! Chúng con nguyện xin hộ trì những thiện nam, thiện nữ này và nguyện xem họ như đức Phật hoặc như người thừa kế đức Phật.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì phải biết những thiện nam, thiện nữ ấy ở đời trước đã làm các công đức, đã thân cận, cúng dường chư Phật và Bát nhã Ba-la-mật đã được các bậc thiện trí thức hộ trì.

Bạch Thế Tôn! Nhất thiết chúng trí cùng chư Phật đều xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật. Bởi vậy nên cầu Bát nhã Ba-la-mật là cầu Nhất thiết chúng trí. Vì sao? Vì Bát

nhã Ba-la-mật chẳng khác Nhất thiết chủng trí, Nhất thiết chủng trí chẳng khác Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật tức là Nhất thiết chủng trí, Nhất thiết chủng trí tức là Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật và Nhất thiết chủng trí là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Bởi nhân duyên vậy, nên hàng chư Thiên chúng con xem các thiện nam, thiện nữ ấy như đức Phật, hoặc như người kế thừa Phật vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Kiều Thi Ca! Nhất thiết chủng trí tức là Bát nhã Ba-la-mật và Bát nhã Ba-la-mật tức là Nhất thiết chủng trí.

Vì sao?

Này Kiều Thi Ca! Nhất thiết chủng trí xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật chẳng khác Nhất thiết chủng trí và Nhất thiết chủng trí chẳng khác Bát nhã Ba-la-mật, Nhất thiết chủng trí và Bát nhã Ba-la-mật là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

LUẬN:

Phẩm trước đề cập đến trường hợp người nghe, thọ trì, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, chẳng bị các ác ma và các hàng ngoại đạo quấy nhiễu, phá hoại được.

Phẩm này nêu lên chỗ chứng nghiệm Bát nhã Ba-la-mật. Do oai thần của Bát nhã Ba-la-mật chiêu cảm được các ác ma và các hàng ngoại đạo, khiến họ chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại vậy.

-oOo-

Các ngoại đạo Phạm chí tự nghĩ rằng: Phật, ở tại núi Kỳ Xà Quật, đang thuyết pháp Bát nhã Ba-la-mật, nói rõ các

pháp đều rất ráo không, đều là vô sở hữu. Chúng ta hãy đến nơi đó nạn vẫn. Nếu chúng ta phá được pháp của Phật, thì Phật đạo sẽ lui, và đạo chúng ta sẽ lại được tôn trọng như trước.

Hàng ngoại đạo có phải tà kiến, lại ác tâm và kiêu mạn. Họ muốn vạch ra các lỗi lầm của Bát nhã Ba-la-mật nhằm phá hoại Bát nhã Ba-la-mật. Họ cho rằng Bát nhã Ba-la-mật sai lầm lớn, khi nói các pháp là rất ráo không, là vô sở hữu, nên muốn đến nạn vẫn Phật.

Đây chỉ là hành động điên rồ, giống như người cuồng si bắn mũi tên thẳng lên không trung, rồi ngửa mặt lên chờ tên rơi xuống. Hành động như vậy chỉ tự mình chuốc lấy khổ cho mình, chẳng có lợi ích gì cả.

-oOo-

Lúc bấy giờ chư Thiên muốn thực nghiệm lời Phật dạy, và cũng muốn chúng sanh thâm tín Bát nhã Ba-la-mật hơn nữa, nên đã nhất tâm trì tụng Bát nhã Ba-la-mật.

Do vị Đế Thích cùng chư Thiên đã thành tựu được nhiều phước đức, lại có lợi căn và thâm tín Bát nhã Ba-la-mật, nên khi các ngài trì tụng Bát nhã Ba-la-mật, thì liền có linh nghiệm, khiến các hàng ngoại đạo Phạm chí từ bỏ ngay ý định muốn quấy nhiễu pháp hội, mà chỉ ở đằng xa, nhiễu quanh Phật, rồi lui về.

Hỏi: *Vì sao các hàng ngoại đạo Phạm chí chẳng dám quấy nhiễu Phật, mà chỉ nhiễu quanh Phật, rồi lui về?*

Đáp: Đây là do thần lực của Bát nhã Ba-la-mật đã nhiếp phục được tâm của các ngoại đạo Phạm chí ấy, khiến họ tự nghĩ rằng oai đức của Phật bao trùm khắp tất cả, nên sợ chẳng

dám thực hiện ý đồ của họ. Họ tự nghĩ, nếu hỏi, ắt phải thua, mà còn chuốc thêm nhục; còn nếu mới đến mà phải rút lui, thì người đời sẽ cho là quá khiếm nhục. Do vậy mà họ giả vờ nhiều quanh Phật, để dọn đường rút lui vậy.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phất, nguyên trước kia cũng là Phạm chí, nên khi thấy chúng Phạm chí đến, ngài tự nghĩ rằng: Vì nhân duyên gì mà chúng Phạm chí chỉ đến diễu quanh Phật, rồi lui về? Vì nhân duyên gì mà họ chẳng cầu Phật độ?

Phật dạy: Chúng Phạm chí đến đây với ý muốn quấy phá, nhưng oai lực của Bát nhã Ba-la-mật đã làm cho chúng khiếm sợ, khiến cho họ chẳng còn dám thực hiện ý muốn, mà chỉ ở xa, nhiều quanh Phật, rồi lui về.

Ngài Xá Lợi Phất lại nghĩ rằng: Bát nhã Ba-la-mật có oai đức cứu độ chúng sanh. Như vậy, vì sao chúng Phạm chí nghe Bát nhã Ba-la-mật mà lại chẳng được độ?

Phật biết rõ tâm niệm của ngài Xá Lợi Phất, nên dạy rằng: Các Phạm chí ấy đến đây chẳng phải do thiện niệm, lại đắm chấp tà kiến và ái kiến, nên chẳng được độ vậy. Ví như người mà thọ mạng đã sắp hết, thì dù gặp được thầy hay, thuốc tốt, hoặc dù có thần lực, cũng chẳng có thể được thoát chết được vậy.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy, chẳng những các Phạm chí ấy, mà cho đến hết chúng sanh nào mong ác tâm muốn phá hoại Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại. Vì sao? Vì chư Phật, chư Bồ tát, chư Thánh hiền, chư Thiên đều xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật. Bởi vậy nên các ác ma, các ngoại đạo

nếu muốn đến vãn nạn để phá hoại Bát nhã Ba-la-mật, chẳng sao thực hiện được ý đồ của họ.

Hỏi: *Vì sao chư Thiên sanh tâm đại hoan hỷ, muốn cho Bát nhã Ba-la-mật trụ thế lâu dài ở cõi Diêm phù đề?*

Đáp: Do vì trước đã nghe nói về các công đức của Bát nhã Ba-la-mật, nay lại được chứng nghiệm, nên sanh tâm đại hoan hỷ, muốn cho Bát nhã Ba-la-mật trụ thế lâu dài ở cõi Diêm phù đề.

Nếu ở cõi Diêm phù đề còn chúng sanh biết thọ trì, tu tập Bát nhã Ba-la-mật lâu bao nhiêu, thì ở cõi này Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo còn tồn tại lâu bấy nhiêu. Lại nữa, nếu Bát nhã Ba-la-mật còn trụ thế ở cõi Diêm phù đề thì ở trú xứ này còn có ánh sáng chiếu minh của Bát nhã Ba-la-mật, khiến màn vô minh hắc ám phải tan biến.

Hỏi: *Vì sao chư Thiên nguyện hộ trì người biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm tu tập Bát nhã Ba-la-mật và xem người đó như vị Phật tương lai?*

Đáp: Chư Thiên thệ nguyện: Chư Phật trong 10 phương thường ủng hộ người biên chép, thọ trì, thân cận, ..., dẫn đến chánh ức niệm, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì chúng ta cũng phải thường ủng hộ người đó và xem người đó như là Phật hoặc người thừa kế Phật trong đời vị lai.

Vì sao? Vì do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà người đó sẽ được Nhất thiết chủng trí, sẽ được vô sanh pháp nhẫn, sẽ có lực trí huệ Bát nhã Ba-la-mật, sẽ là bậc nhục thân Bồ tát thường thuyết Bát nhã Ba-la-mật, thường nói lên chánh giáo nghĩa vậy.

Hỏi: *Vì sao nói cầu Bát nhã Ba-la-mật là cầu Phật đạo, là cầu Nhất thiết chủng trí?*

Đáp: Vì Đế Thích và chư Thiên, do đời trước đã có thiện duyên tu tập các công đức, đã thường tán thán Bồ tát đạo nên nay mới tán thán Bát nhã Ba-la-mật, và nói “cầu Bát nhã Ba-la-mật là cầu Phật đạo, là cầu Nhất thiết chủng trí”.

Vì sao? Vì Bồ tát có hành đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật mới có thể thành Phật, mới được đầy đủ Nhất thiết chủng trí. Bởi vậy nên nói “phải ở nơi Bát nhã Ba-la-mật, mà cầu Nhất thiết chủng trí”.

Mặt khác, chư Phật và chư đại Bồ tát được Nhất thiết chủng trí rồi, thường thuyết Bát nhã Ba-la-mật, thường dùng các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật để hóa độ chúng sanh, nên cũng nói “phải ở nơi Nhất thiết chủng trí mà cầu Bát nhã Ba-la-mật”.

Bát nhã Ba-la-mật biến thành Nhất thiết chủng trí. Bát nhã Ba-la-mật là nhân sanh ra Nhất thiết chủng trí. Bát nhã Ba-la-mật là nhân, và Nhất thiết chủng trí là quả; nhân quả chẳng rời nhau, nên nói Bát nhã Ba-la-mật và Nhất thiết chủng trí là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Phẩm Thứ Ba Mươi Sáu



A Nan Xứng Dụ
(A Nan Xung Tán)

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài A Nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì nguyên nhân gì chẳng xứng tán 5 Ba-la-mật kia mà chỉ xứng tán Bát nhã Ba-la-mật mà thôi?

Phật dạy: Này A Nan! Tất cả 5 Ba-la-mật kia, từ Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Thiền Ba-la-mật, đều do Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo. Này A Nan! Ý ông nghĩ sao? Nếu bố thí mà chẳng có hồi hướng về Nhất thiết chủng trí thì bố thí như vậy có được xem là Đàn Ba-la-mật chăng?

Ngài A Nan đáp: Bạch Thế Tôn! Chẳng được vậy.

Phật dạy: Này A Nan! Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ, mà chẳng hồi hướng về Nhất thiết chủng trí thì có được xem là Thi Ba-la-mật, Săn đề Ba-la-mật, Tỳ lê gia Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Ngài A Nan đáp: Bạch Thế Tôn! Chẳng được vậy.

Phật dạy: Này A Nan! Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo cả 5 Ba-la-mật kia.

Ngài A Nan hỏi: Bạch Thế Tôn! Vì sao nói bố thí có hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, thì mới được xem là Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến trí huệ có hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, thì mới được xem là Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này A Nan! Phải ở nơi “bất nhị pháp bố thí”, mà hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, mới được xem là Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến phải ở nơi “bất nhị pháp trí huệ”, mà hồi hướng về Nhất thiết chủng trí mới được xem là Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Pháp bố thí, ..., dẫn đến pháp trí huệ đều là bất sanh, đều là bất khả đắc.

Ngài A Nan hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là dùng “bất nhị pháp bố thí”, mà hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, mới gọi là Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến dùng “bất nhị pháp trí huệ”, mà hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, mới gọi là Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này A Nan! Sắc là bất nhị pháp; thọ, tưởng, hành, thức là bất nhị pháp; ... dẫn đến Vô thượng bồ đề cũng là bất nhị pháp. Vì sao? Vì sắc là sắc tướng không. Vì Đàn Ba-la-mật và sắc là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Vì Đàn Ba-la-mật, sắc và Vô thượng bồ đề là chẳng phải hai, chẳng phải khác. 5 Ba-la-mật kia cũng đều là như vậy.

Này A Nan! Bát nhã Ba-la-mật là dẫn đạo của 5 Ba-la-mật kia, ..., dẫn đến của Nhất thiết chủng trí. Bởi nhân duyên vậy, nên nay chỉ tán thán Bát nhã Ba-la-mật mà thôi.

Này A Nan! Ví như đem hạt giống vãi lên đất. Khi đã hội đủ các nhân duyên hòa hợp, thì hạt giống mới nảy mầm, thành cây, rồi cây mới nương vào đất mà mọc lên được. Cũng như vậy, 5 Ba-la-mật kia đều từ Bát nhã Ba-la-mật sanh, và được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo.

Hết thấy các thiện pháp khác, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng đều là như vậy cả.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đến đây vẫn chưa nói hết công đức của người thọ trì,

thân cận, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì thọ trì thân cận, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật là thọ “Vô thượng đạo” của 3 đời chư Phật. Nếu muốn được Nhất thiết chủng trí, thì phải ở trong Bát nhã Ba-la-mật mà cầu, muốn được Bát nhã Ba-la-mật, thì phải ở trong Nhất thiết chủng trí mà cầu vậy.

Bạch Thế Tôn! Do thọ trì, thân cận, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà ở thế gian xuất hiện 10 thiện đạo, 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp.

Do thọ trì, thân cận, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà ở thế gian xuất hiện các đại gia, đại tộc, xuất hiện các cõi trời, từ cõi trời Tứ Thiên vương, ..., dẫn đến trời Sắc Cứu Cánh Thiên; xuất hiện các quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo, Bồ tát đạo.

Do thọ trì, thân cận, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mới có Phật thị hiện ở thế gian này.

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ thọ trì, thân cận, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, chẳng phải chỉ thành tựu bấy nhiêu công đức mà thôi. Vì sao? Này Kiều Thi Ca! Do thọ trì, thân cận, ..., dẫn đến chánh ức niệm, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nên các thiện nam, thiện nữ ấy thành tựu được vô lượng giới chúng, vô lượng định chúng, huệ chúng, ..., dẫn đến thành tựu được vô lượng giải thoát chúng và giải thoát tri kiến chúng.

Phải biết các người ấy là như Phật rồi vậy.

Này Kiều Thi Ca! Giới chúng, định chúng, huệ chúng,

giải thoát chúng và giải thoát tri kiến chúng của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng sao bằng được giới chúng, ..., dẫn đến giải thoát tri kiến chúng của các thiện nam, thiện nữ ấy được. Trong trăm ngàn, muôn, ức phần, chẳng bằng được một, dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể dùng để so sánh được. Vì sao? Vì hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng cầu đạo giải thoát vậy.

Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào biên chép, thọ trì, cung kính, cúng dường kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng có được vô lượng công đức ở đời này và đời sau.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, cung kính, cúng dường, chánh ức niệm, dẫn đến chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì chúng con nguyện thường thủ hộ người ấy.

LUẬN:

Ngài A Nan là bậc đa văn, thường hay phân biệt các pháp, nhưng vì chưa ly dục, nên chưa thâm nhập vào pháp “không”. Dù ngài thường ở bên cạnh Phật, nhưng chẳng mấy khi thưa hỏi Phật về pháp “không”. Nay nghe Phật tán thán Bát nhã Ba-la-mật, tán thán người tu tập Bát nhã Ba-la-mật nên ngài A Nan đã hỏi Phật rằng: Vì sao chỉ xưng tán Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng có xưng tán 5 Ba-la-mật kia?

Hỏi: *Từ trước đến nay, Phật thường thuyết về 6 pháp Ba-la-mật. Như vậy, vì sao ngài A Nan lại nói chẳng có xưng tán 5 Ba-la-mật kia?*

Đáp: Phật đã thường thuyết về 6 pháp Ba-la-mật. Nay chỉ đặc biệt xưng tán Bát nhã Ba-la-mật mà thôi. Vì trong hết

thầy thiện pháp, hữu vi, thì trí huệ là đệ nhất; trong hết thầy trí huệ thì Bát nhã Ba-la-mật tức là “trí huệ đáo bỉ ngạn” là đệ nhất.

Vì như người đi đường xa, đêm tối, dù có bạn lành cùng đi theo, nhưng vẫn phải nhờ ngọn đuốc soi đường của người hướng dẫn. Cũng như vậy, người tu hành tu tập các thiện pháp phải nương theo ánh sáng của Bát nhã Ba-la-mật, mới có thể thoát ra khỏi 3 cõi vậy.

Trong cả 3 thừa giáo, nếu hành bố thí cùng các thiện pháp khác, nếu chẳng được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo, thì quả phước cũng chỉ là hữu hạn, vì còn phải tùy thuộc vào các nghiệp báo nhân duyên.

Do quả báo hữu hạn, nên chẳng sao vào được Vô dư Niết Bàn, chẳng sao chứng được quả Vô thượng bồ đề.

Trái lại nếu bố thí với tâm bình đẳng, thường quán thật tướng của các pháp là bất nhị, bất sanh, bất diệt, là rốt ráo tịch tịnh, rồi hồi hướng hết thầy công đức bố thí về Nhất thiết chủng trí, thì mới tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật. Bố thí thanh tịnh như vậy mới được gọi là Đàn Ba-la-mật, mới đời đời được phước đức, gọi là được thọ thiện phước báo bất tận vậy.

Hỏi: *Thế nào gọi là bố thí có hồi hướng về Nhất thiết chủng trí?*

Đáp: Đó là hành bố thí như tướng và cũng là hành hết thầy các pháp như tướng.

Hỏi: *Phật đã nói về “bất nhị nhân duyên” rồi. Sao nay còn trở lại giải nghĩa về “bất nhị”?*

Đáp: Ở đây, ngài A Nan chưa hỏi về nghĩa “bất nhị nhân duyên”, mà chỉ nói về nghĩa “bất nhị pháp”.

Phật dạy: Sắc pháp là bất nhị, ..., dẫn đến hết thảy pháp cũng đều là bất nhị.

Do ngài A Nan muốn hỏi về nghĩa này, nên Phật lấy thí dụ hạt giống nương theo đất mà nảy mầm, rồi tăng trưởng thành cây. Cũng như vậy 5 Ba-la-mật kia đều nương theo Bát nhã Ba-la-mật mà được thành tựu; hết thảy các hạt giống thiện pháp đều được Bát nhã Ba-la-mật giữ gìn và đều nương theo Bát nhã Ba-la-mật mà hiện hành và tăng trưởng.

Bát nhã Ba-la-mật làm tác nhân hòa hợp hết thảy thiện pháp, nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật thường được nhất tâm, thâm tín, nhẫn nhục, tinh tấn, chẳng bao giờ thoái chuyển.

Nếu Bồ tát muốn thông đạt hết thảy các pháp, thì từ khi sơ phát tâm dẫn đến khi vào thập Địa, phải như vậy mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mới có thể thành tựu và tăng trưởng đạo tâm.

Hỏi: *Vì sao vị Đệ Thích nói rằng: Phật chưa nói hết các đức của các thiện nam, thiện nữ thọ trì, ..., dẫn đến tu tập Bát nhã Ba-la-mật?*

Đáp: Bát nhã Ba-la-mật có vô lượng vô biên công đức. Khi Phật đang thuyết về công đức tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì các ngoại đạo Phạm chí và các loài ma đến quấy phá.

Sự việc này làm cho vị Đệ Thích cùng chư Thiên được duyên pháp để minh chứng cụ thể về Bát nhã Ba-la-mật lực. Chư Thiên đã trì tụng Bát nhã Ba-la-mật, khiến hàng ngoại đạo cũng như các ác ma phải từ bỏ ý muốn quấy phá Bát nhã Ba-la-mật, và phải tự rút lui.

Nay các ác ma đã rút lui, tâm của chúng đã được chuyển hóa, nên vị Đệ Thích tiếp tục xin được nói thêm về các công đức của người thọ trì, thân cận, ..., dẫn đến tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Đó chính là thọ “Vô thượng đạo” của 3 đời chư

Phật. Vì sao? Vì phải ở nơi Bát nhã Ba-la-mật mà cầu Nhất thiết chủng trí; phải ở nơi Nhất thiết chủng trí mà cầu Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, ở phẩm trước đã nói: Người tu hành phát Vô thượng bồ đề tâm, cầu Bát nhã Ba-la-mật, phải nguyện độ hết thảy chúng sanh.

Như vậy là Bát nhã Ba-la-mật chứa nhóm hết thảy công đức, từ 10 thiện đạo, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, lại dung nhiếp hết thảy thiện pháp nhân duyên. Do có Bát nhã Ba-la-mật, mà ở thế gian xuất hiện các đại gia, đại tộc, ..., dẫn đến có Phật thị hiện ở thế gian vậy.

Phật nói với vị Đệ Thích rằng: Các thiện nam, thiện nữ thọ trì, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, chẳng phải chỉ có được các công đức nói trên mà còn được vô lượng giới chúng, định chúng, ..., dẫn đến giải thoát chúng và giải thoát tri kiến chúng.

-o0o-

Giới chúng của Bồ tát chính là Bát nhã Ba-la-mật. Bởi vậy nên, ở nơi hết thảy chúng sanh, Bồ tát thường tu vô úy thí.

Vì sao? Vì ở trong cả 3 đời và khắp cả 10 phương, số chúng sanh ở trong 6 đạo là vô lượng, vô biên. Hết thảy chúng sanh đều tham sống, sợ chết, nên Bồ tát thường tu vô úy thí pháp, khiến chúng sanh được an lạc. Bởi vậy nên được vô lượng giới chúng quả báo.

Ví như phạm phu chỉ nguyện giữ giới không sát sanh, hoặc trong 1 ngày 1 đêm, hoặc trong 1 tháng, hoặc trong 1 năm, ..., dẫn đến hoặc trong 1 đời mà thôi. Còn Bồ tát nguyện đời đời giữ giới không sát sanh, đời đời chẳng khởi tâm sát sanh; trái lại nguyện đời đời hành pháp vô úy thí, mãi

cho đến khi vào Vô dư Niết Bàn. Bởi vậy nên Bồ tát thành tựu được vô lượng, vô biên giới chúng.

-o0o-

Cũng như vậy, Bồ tát thành tựu được vô lượng, vô biên định chúng, huệ chúng, ..., dẫn đến vô lượng, vô biên giải thoát chúng và giải thoát tri kiến chúng.

Bởi nhân duyên vậy, nên người biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, cung kính, cúng dường, tu tập Bát nhã Ba-la-mật được vô lượng, vô biên công đức ở đời này và cả ở đời sau.

Hỏi: *Được công đức ở đời này và cả ở đời sau quá thâm trọng, còn biên chép, cúng dường... tu tập Bát nhã Ba-la-mật chỉ là việc nhỏ. Vì sao lại nói người biên chép, cúng dường, ..., dẫn đến tu tập Bát nhã Ba-la-mật có được nhiều công đức như vậy?*

Đáp: Cúng dường có 2 nghĩa:

- Do thấy người khác cúng dường mà cúng dường theo.

- Do biết rõ công đức, nên từ thâm tâm phát khởi cúng dường.

Cúng dường theo nghĩa thứ 2 mới được công đức ở đời này và đời sau.

-o0o-

Lại nữa, có rất nhiều phương tiện để thâm nhập vào Bát nhã Ba-la-mật. Ví như:

- Có người vừa nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật là liền nhất tâm thọ trì, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

- Có người lợi căn, thượng trí, tinh tấn biên chép Bát nhã Ba-la-mật mà được nhất tâm thâm tín Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Ví như người có như ý bảo châu, từ lâu chẳng biết dùng, nay phát lòng từ bi, đem viên ngọc ấy ra bố thí cho chúng sanh, thì người ấy ắt được nhiều phước đức.

Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật là trí huệ vô thượng, là mẹ của chư Phật là đệ nhất trong tất cả các pháp bảo. Nếu người nghe Bát nhã Ba-la-mật mà nhất tâm tín thọ, cúng dường, thì tất yếu sẽ được vô lượng công đức ở đời này và cả ở đời sau. Trái lại, nếu chẳng nhất tâm cúng dường, hoặc nếu nhất tâm cúng dường, nhưng đời trước có phạm trọng tội thì chẳng sao có được đầy đủ công đức như trên được.

-o0o-

KINH:

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật, thì liền có vô lượng chư Thiên đến nghe pháp.

Nếu có thiện nam, thiện nữ nào đang thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật thì liền có chư Thiên giúp thêm thắng lực, để vị pháp sư ấy thành tựu viên mãn thời thuyết pháp.

Nếu vị pháp sư ấy mỗi một thì chư Thiên liền giúp thêm thắng lực, để tiếp tục thời thuyết pháp.

Bởi nhân duyên vậy, nên thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, thân cận, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, được vô lượng công đức ở đời này và đời sau.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ nào thuyết Bát nhã Ba-la-mật giữa đại chúng, mà tâm chẳng khiếp sợ, thì dù bị vấn nạn vẫn giữ được tâm an định, chẳng có sợ hãi. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này đã được sự hộ trì của Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Vì Thiện nam, thiện nữ này an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, nên phân biệt rõ ràng hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, hữu lậu và vô lậu, hữu vi và vô vi, thiện và bất thiện, ..., dẫn đến phân biệt rõ ràng pháp Thanh Văn, pháp Bích Chi Phật, pháp Bồ tát và pháp Phật.

Vì thiện nam, thiện nữ này an trú trong nội không, ..., dẫn đến an trú trong vô pháp hữu pháp không, nên chẳng thấy có ai vấn nạn, chẳng thấy có ai bị vấn nạn, chẳng thấy có pháp vấn nạn, ..., dẫn đến chẳng thấy có pháp Bát nhã Ba-la-mật.

Thiện nam, thiện nữ này, do được lực Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, nên chẳng có ách nạn gì hại được, lúc thọ trì, thân cận, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thiện nam, thiện nữ này chẳng có kinh, chẳng có hãi, chẳng có sợ. Vì sao? Vì chẳng thấy có pháp gì phải kinh, phải hãi, phải sợ cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, thân cận, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, được vô lượng công đức ở đời này và đời sau.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ nào biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật được thân bằng quyến thuộc thương mến, được Sa môn và Bà-la-môn kính nể, được chư vị A-la-hán, Bích Chi Phật, Bồ tát và Phật thường hộ

niệm. Các hàng a-tu-la và thiên ma cũng ái kính người này. Do vậy mà Bát nhã Ba-la-mật chẳng đoạn diệt.

Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này tu tập nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp chẳng dứt; tu tập 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp chẳng dứt; tu tập các đà la ni, các tam muội chẳng dứt; tu tập các thần thông, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ chẳng dứt; tu tập nhất thiết trí, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng dứt vậy. Do tu tập như vậy, mà hàng phục được các kẻ đến hủy báng, phá hoại.

Bởi nhân duyên vậy, nên thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, thân cận, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, được vô lượng công đức ở đời này và đời sau.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ nào biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì chỗ ở của người này được chư Thiên trong cõi đại thiên thế giới này, và trong các thế giới khác khắp 10 phương, dẫn đến những vị đã phát tâm Vô thượng bồ đề đều đến ra mắt, để được thọ trì, đọc tụng, nghe thuyết giảng, cúng dường, đánh lễ Bát nhã Ba-la-mật, rồi lui trở về.

Này Kiều Thi Ca! Chư Thiên trong khắp 10 phương thế giới, từ cõi trời Tứ Thiên vương, ..., dẫn đến cõi trời Sắc Cứu cánh và chư vị đã phát tâm Vô thượng bồ đề đều hộ trì thiện nam, thiện nữ này, khiến những kẻ ác, những việc làm ác chẳng thể nào nã hại được; ngoại trừ trường hợp, ở đời trước, người này đã có phạm trọng tội.

Này Kiều Thi Ca! Chư Thiên nguyện hộ trì thiện nam, thiện nữ này. Vì sao? Vì chư vị Thiên tử đó đã phát

tâm Vô thượng bồ đề, đã nguyện cứu độ chúng sanh, đã nguyện an lạc chúng sanh.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ này làm sao biết được có chư Thiên trong Đại thiên thế giới này cùng chư Thiên ở các thế giới khác trong khắp cả 10 phương, đến ra mắt, thọ trì, đọc tụng, nghe thuyết giảng, cúng dường, đánh lễ Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam, thiện nữ thấy có quang minh thanh tịnh chiếu rọi thì biết có hàng chư Thiên đến ra mắt, để thọ trì, đọc tụng, nghe thuyết giảng, cúng dường, đánh lễ Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, nếu thiện nam, thiện nữ này ngửi mùi hương thơm, lạ, vi diệu tỏa ra, thì biết có hàng chư Thiên đến ra mắt, để thọ trì, đọc tụng, nghe thuyết giảng, cúng dường, đánh lễ Bát nhã Ba-la-mật.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ này có công hạnh thanh tịnh, nên hàng chư Thiên đến ra mắt để thọ trì, đọc tụng, nghe thuyết giảng, cúng dường đánh lễ Bát nhã Ba-la-mật. Nơi trú xứ của người này, các ma quỷ còn ẩn trốn đều lánh đi xa nơi khác, vì chúng sợ oai lực của chư Thiên.

Này Kiều Thi Ca! Do thiện nam, thiện nữ này phát đại tâm, nên được oai lực của Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, nên ở cả 4 bên quanh trú xứ của người này thường sạch sẽ, chẳng có các vật bất tịnh. Bởi vậy nên ở nơi nào có Bát nhã Ba-la-mật, thì phải đốt hương, thắp đèn, dùng dầu thơm, hoa đẹp, tràng phan, bảo cái để trang nghiêm.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ này, khi thuyết pháp chẳng có mỗi một, tự cảm thấy thân thể nhẹ nhàng, tâm thần thư thái, an lạc như pháp mà thuyết giảng. Khi

nằm nghỉ cũng được an ổn, chẳng có ác mộng. Trái lại, thường thấy thân Phật trang nghiêm với đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp; thấy chúng Tỷ-kheo cung kính vây quanh Phật; lại thấy Phật, vì đại chúng thuyết pháp.

Thiện nam, thiện nữ này nghe và lãnh hội đầy đủ các giáo pháp, từ 6 pháp Bát nhã Ba-la-mật, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, lại cũng phân biệt rõ nghĩa của 6 pháp Ba-la-mật, ..., dẫn đến nghĩa của 18 bất cộng pháp, nên trong tâm tưởng thường thấy “cội Bồ đề” trang nghiêm, thấy chư Bồ tát đến “cội Bồ đề” tu tập mà thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, chuyển pháp luân vô thượng; cũng thấy trăm, ngàn, muôn, ức Bồ tát đồng kiết tập chánh pháp, và đồng luận nghị rằng: Phải cầu Nhất thiết chủng trí như vậy, phải thành tựu chúng sanh như vậy, phải thanh tịnh Phật độ như vậy.

Thiện nam, thiện nữ này cũng thấy vô số các đức Phật trong khắp 10 phương; thấy được ở phương nào, ở cõi nước nào, có đức Phật danh hiệu gì, có bao nhiêu Bồ tát, có bao nhiêu Thanh Văn cung kính vây quanh đức Phật ấy; lại thấy đức Phật ấy, vì đại chúng, đang thuyết pháp.

Thiện nam, thiện nữ này cũng thấy vô số các đức Phật trong khắp 10 phương nhập Niết Bàn; thấy vô số bảo tháp của các đức Phật ấy được chúng sanh cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán.

Này Kiều Thi Ca! Do thường tâm tưởng thấy các cảnh lành như vậy, nên lúc ngủ cũng như lúc thức, thiện nam, thiện nữ này thường được thâm tâm an lạc. Lại nữa, do được chư Thiên giúp thêm khí lực nên thiện nam, thiện nữ này tự thấy thân tâm nhẹ nhàng, chẳng sanh tâm tham đắm các vật dụng, các thức ăn uống, y áo, giường

nằm, thuốc men, v.v...; dù nhấn sự cúng dường, tâm vẫn thường an định, ví như vị Tỷ-kheo mới xả thiền vậy.

Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này do thường hành thiện pháp, nên được chư Thiên thường hộ trì, giúp thêm khí lực; lại cũng được chư Phật khắp trong 10 phương thường hộ niệm.

Bởi nhân duyên vậy, nên thiện nam, thiện nữ nào muốn được công đức ở đời này thì phải thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nếu chẳng thể thọ trì, ..., dẫn đến chánh ức niệm, thì thiện nam, thiện nữ phải biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật, rồi cung kính, tôn trọng, dùng hương hoa, anh lạc, tràng phan, bảo cái mà cúng dường, thì cũng được công đức ở đời này vậy.

Này Kiều Thi Ca! Nếu Thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát nhã Ba-la-mật rồi, mà liền thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm, biên chép, cung kính, tôn trọng, tán thán, dùng hương hoa, anh lạc, tràng phan, bảo cái cúng dường Bát nhã Ba-la-mật thì sẽ được công đức thù thắng hơn rất nhiều so với công đức của người đem “tứ sự” cúng dường 10 phương chư Phật và hàng đệ tử Phật, thù thắng hơn rất nhiều so với công đức của người xây bảo tháp để cúng dường xá lợi của các đức Phật và hàng đệ tử Phật, sau khi các ngài nhập Niết Bàn.

LUẬN:

Hỏi: *Trên Thiên giới cũng có thuyết Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy, vì sao chư Thiên còn phải xuống trần gian để nghe?*

Đáp: Trên Thiên giới có thuyết Bát nhã Ba-la-mật, nhưng

chư Thiên muốn tăng ích Bát nhã Ba-la-mật ở trần gian, nên muốn xuống đây nghe vậy. Chư Thiên cũng muốn hộ trì các thiện nam, thiện nữ thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật ở trần gian, khiến cho chúng sanh ở nơi đây thâm tín Bát nhã Ba-la-mật hơn nữa. Lại nữa, khi thấy có thiện nam, thiện nữ nào thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật, thì chư Thiên thường rưới nước Cam lồ làm cho vị pháp sư ấy chẳng còn cảm thấy mệt mỏi, được tăng thêm thắng lực, dẫn đến thành tựu viên mãn thời thuyết pháp.

Hỏi: *Hết thầy các thiện nam, thiện nữ nào thuyết Bát nhã Ba-la-mật cũng đều được chư Thiên rưới nước Cam lồ, để giúp thêm khí lực hay sao?*

Đáp: Chẳng phải nhất quyết là như vậy. Chỉ thiện nam, thiện nữ tu hành tinh tấn, nhất tâm cầu Phật đạo, nhất tâm tẩy trừ các kiết sử, lại thuyết giảng nơi đạo tràng thanh tịnh, thì chư Thiên mới hoan hỷ đến nghe pháp, hoan hỷ hộ trì vậy.

Dù thiện nam, thiện nữ này ít học, nhưng đã thâm nhập vào ý nghĩa thâm diệu của Bát nhã Ba-la-mật, thì ở pháp tòa vẫn được tâm an định, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, khiến được đầy đủ khí lực để thuyết pháp. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải là định pháp, chẳng vương chấp thế gian hay xuất thế gian, vô thường hay thường, thiện hay bất thiện, nên chẳng có gì phải kinh, phải hãi, phải sợ cả.

Lại nữa, thiện nam, thiện nữ tu Bồ tát hạnh, thường hành Bát nhã Ba-la-mật, nên phiền não mỏng, phước đức sâu dày, thường làm việc lợi ích cho chúng sanh, nên có được oai đức khả kính, làm cho chư Thiên ái kính và hoan hỷ hộ trì vậy.

Hỏi: *Người xuất gia thường được người đời ái kính, tôn trọng. Vì sao vẫn có nhiều vị xuất gia chẳng được cha mẹ ái kính?*

Đáp: Có thể là những trường hợp cha mẹ chẳng có thuận ý khi con xuất gia, nên xảy ra như vậy.

Thế nhưng, các thiện nam, thiện nữ hành Bồ tát đạo, tu tập Bát nhã Ba-la-mật luôn luôn được cha mẹ cùng hết thảy chúng sanh ái kính. Vì sao? Vì do tu tập đầy đủ các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật mà các thiện nam, thiện nữ ấy chẳng hề sanh cao tâm, chẳng hề ái chấp sự cúng dường, chẳng hề đua nịnh người, chẳng muốn người đua nịnh, chẳng sinh tâm tật đố, ích kỷ vì lợi ích riêng của mình, mà thường trái tâm đại từ bi, thương xót chúng sanh, làm những việc rất khó làm nhằm đem lại lợi ích cho chúng sanh. Các thiện nam, thiện nữ này được các hàng Trời người ái kính, được chư Phật cùng chư đại Bồ tát trong khắp 10 phương thường hộ niệm.

-o0o-

Các thiện nam, thiện nữ phát tâm hành Bồ tát đạo, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, khiến 6 pháp Bát nhã Ba-la-mật chẳng đoạn dứt nên có oai lực hàng phục được các chúng ma và các kẻ đến vẩn nạn, hủy báng.

Chư Thiên, vì muốn cúng dường Bát nhã Ba-la-mật, nên thường lui tới nơi nào có kinh quyền Bát nhã Ba-la-mật, có thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, ở thế gian này, từ sông núi, ..., dẫn đến cây cối đều do Tứ Thiên vương cai quản, nên chỗ nào có biên chép, thọ trì, đọc tụng, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật thì chư Thiên thường đến đó để nghe, ..., dẫn đến để lễ bái, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật, làm cho thiện nam, thiện nữ biên chép, thọ trì, ... cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật được tăng ích đạo tâm.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói các thiện nam, thiện nữ này được các công đức ở đời này vậy.

Hỏi: *Làm sao biết được có chư Thiên đến nghe, đến cúng dường Bát nhã Ba-la-mật?*

Đáp: Khi thấy có ánh quang minh chiếu rọi, hoặc ngửi được mùi hương lạ, vi diệu, thì biết được có chư Thiên đến.

Hỏi: *Thân người bất tịnh cả trong lẫn ngoài. Như vậy làm sao có được trú xứ thanh tịnh?*

Đáp: Khi các ác quỷ lánh xa, thì tâm người được nhẹ nhàng, thanh tịnh. Tâm tịnh thì trú xứ tịnh vậy.

Lại nữa, chư Thiên chỉ đến khi đạo tràng được thanh tịnh. Như vậy, người tu hành phải an định trong tất cả các oai nghi “đi, đứng, nằm, ngồi”, lại phải xa lìa các ác sự, mới mời được chư Thiên đến đạo tràng được. Do thường an định nên chẳng bao giờ có ác mộng mà chỉ thấy những thiện mộng mà thôi.

Hỏi: *Cúng dường Phật là cúng dường Bát nhã Ba-la-mật rồi. Như vậy vì sao nói cúng dường 10 phương chư Phật chẳng bằng cúng dường Bát nhã Ba-la-mật?*

Đáp: Cúng dường Phật mà còn thù chấp tướng cúng dường, thì dù cúng dường phước điền tối thượng như vậy, mà công đức chẳng có được bao nhiêu cả. Trái lại, vào được Bát nhã Ba-la-mật là vào được nơi thật tướng pháp, nên chẳng còn chấp pháp tướng. Bởi vậy nên cúng dường Bát nhã Ba-la-mật được vô lượng công đức.

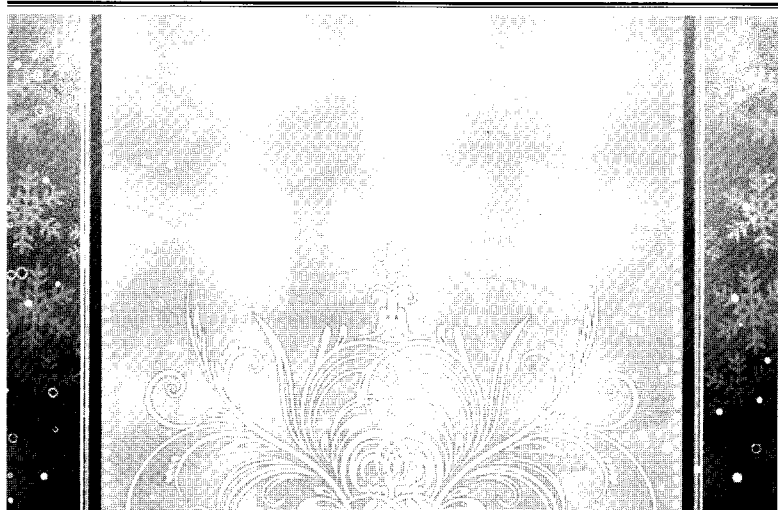
Lại nữa, Bát nhã Ba-la-mật là mẹ, là thầy của chư Phật. Do Bát nhã Ba-la-mật lực, mà chư Phật được thành tựu 32 tướng tốt, cùng vô lượng quang minh, thần thông biến hóa v.v...

Bởi nhân duyên vậy, nên nói cúng dường Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn cúng dường chư Phật. Thế nhưng, chẳng nên vin vào nghĩa này để mà khởi niệm bất kính chư Phật.

(Hết quyển 58)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 59



Phẩm Thứ Ba Mười Bảy



Xá Lợi

KINH:

Phật bảo ngài Thích Đề Hoàn Nhơn: Này Kiều Thi Ca! Nếu lấy số lượng xá lợi Phật đầy khắp cả Diêm phù đề làm 1 phần, và lấy người biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật làm 1 phần thì ở trong 2 phần đó, ông nhận phần nào?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn thưa: Bạch Thế Tôn! Trong 2 phần đó con xin nhận lãnh phần viết chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Chẳng phải con chẳng có tôn trọng, cung kính xá lợi Phật, nhưng vì xá lợi Phật cũng xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật. Do tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà chư Phật mới có được xá lợi; và xá lợi mới được tôn trọng, cung kính, cúng dường, tán thán vậy.

Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phát hỏi vị Đệ Thích: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba-la-mật chẳng thể thủ, vì là chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, chỉ là một tướng (nhất tướng), là chẳng có tướng (vô tướng). Dù ông muốn nhận lãnh cũng chẳng sao thủ lấy được. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng do thủ hay xả mà có, chẳng do tăng hay giảm mà có, chẳng do tụ hay tán mà có, chẳng do tồn hay ích mà có, chẳng do cấu hay tịnh mà có.

Bát nhã Ba-la-mật chẳng thủ Phật pháp mà cũng

chẳng xả phạm phu pháp; chẳng thủ Thánh pháp mà cũng chẳng xả phạm phu pháp; chẳng thủ vô vi tánh mà cũng chẳng xả hữu vi tánh; chẳng thủ nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, chẳng thủ 4 niệm xứ, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí, mà cũng xả phạm phu pháp.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon nói: Đúng như vậy, đúng như vậy! Thừa ngài Xá Lợi Phất! Nếu có ai biết rõ Bát nhã Ba-la-mật chẳng thủ Phật pháp mà cũng chẳng xả phạm phu pháp, ..., dẫn đến chẳng thủ Nhất thiết chủng trí mà cũng xả phạm phu pháp, thì vị đó chính là Bồ tát Ma ha tát hành Bát nhã Ba-la-mật và tu Bát nhã Ba-la-mật vậy. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng thủ 2 pháp tướng (nhị tướng pháp). Bát nhã Ba-la-mật là “bất nhị tướng pháp”. “Bất nhị tướng pháp” cũng là tướng của Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến của Thiền Ba-la-mật.

Phật tán thán vị Đế Thích: Lành thay, lành thay!

Này Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba-la-mật chẳng hành 2 pháp tướng; Bát nhã Ba-la-mật là “bất nhị pháp tướng”. “Bất nhị pháp tướng” cũng là tướng của Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến của Thiền Ba-la-mật.

Này Kiều Thi Ca! Nếu ai muốn pháp tánh nhị tướng là người đó muốn Bát nhã Ba-la-mật nhị tướng. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật và pháp tánh chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Thiền Ba-la-mật cũng là như vậy. Nếu ai muốn “thật tế bất khả tư nghì tánh” nhị tướng là người đó muốn Bát nhã Ba-la-mật nhị tướng. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật và “thật tế bất khả tư nghì tánh” là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Thiên Ba-la-mật cũng là như vậy.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la đều phải lễ bái, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì từ nơi Bát nhã Ba-la-mật mà chư đại Bồ tát tu tập, được Vô thượng bồ đề.

Bạch Thế Tôn! Con thường ở tại Thiên Pháp đường, nên chư vị Thiên tử thường đến nơi đây để cúng dường con. Dù thấy con ngồi trên pháp tòa, hay chẳng thấy con ngồi trên pháp tòa, chư Thiên tử vẫn hướng về pháp tòa, cúng dường, đánh lễ, diễu quanh, rồi lui về. Vì sao? Vì chư Thiên tử nghĩ rằng: Tại pháp tòa này Đệ Thích vẫn thường ngồi thuyết pháp cho chư Thiên tử của 33 cõi Trời nghe.

Bạch Thế Tôn! Cũng như vậy, chỗ nào có kinh quyền Bát nhã Ba-la-mật, chỗ nào có thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật thì chỗ ấy có hàng Thiên Long bát bộ trong khắp cả 10 phương đến lễ bái, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật, rớt ráo rồi đi. Vì sao? Vì từ nơi Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh các đức Phật, cùng hết thấy các lạc pháp cho chúng sanh. Do vậy mà nói Bát nhã Ba-la-mật là trú xứ của xá lợi của các đức Phật, và cũng là trú xứ của Nhất thiết chủng trí.

Bạch Thế Tôn! Bởi nhân duyên vậy, nên trong hai phần con xin nhận lãnh phần Bát nhã Ba-la-mật.

Bạch Thế Tôn! Khi con thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật, nếu tâm con thâm nhập vào được vi diệu pháp này thì con chẳng thấy có các tướng sợ hãi. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có tướng mạo, chẳng có ngôn thuyết.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật là chẳng có tướng mạo, chẳng có ngôn thuyết, dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Nếu Bát nhã Ba-la-mật mà có tướng mạo, có ngôn thuyết thì chư Phật chẳng thể biết được hết thấy các pháp đều chẳng có tướng mạo, chẳng có ngôn thuyết, khiến chẳng có thể chứng được quả Vô thượng bồ đề; và nay chư Phật cũng chẳng có thể vì hàng đệ tử, thuyết giảng các pháp là chẳng có tướng mạo, chẳng có ngôn thuyết được vậy.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã là chẳng có tướng mạo chẳng có ngôn thuyết, nên chư Phật mới biết rõ hết thấy các pháp đều chẳng có tướng mạo, chẳng có ngôn thuyết, mà chứng được quả Vô thượng bồ đề! Và nay chư Phật mới có thể vì hàng đệ tử thuyết giảng các pháp là chẳng có tướng mạo, chẳng có ngôn thuyết vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên hết thấy thế gian, Trời, người và A tu la đều phải tôn trọng, cung kính, tán thán Bát nhã Ba-la-mật và dùng hoa hương, anh lạc, tràng phan, bảo cái cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

Bạch Thế Tôn! Nếu có người nào thọ trì, đọc tụng, biên chép, cung kính, cúng dường, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì người ấy chẳng đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; chẳng lạc về Thanh Văn đạo và Bích Chi Phật đạo, ..., dẫn đến người ấy sẽ được Vô thượng bồ đề, sẽ thường thấy chư Phật, sẽ thường đi đến các cõi Phật để tôn trọng, cung kính, tán thán, cúng dường chư Phật.

Bạch Thế Tôn! Bởi nhân duyên vậy, nên trong hai phần, con xin lãnh phần Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao?

Vì từ nơi Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra xá lợi Phật, nên xá lợi Phật mới được tôn trọng, cung kính, tán thán, cúng dường.

Các thiện nam, thiện nữ thọ trì, cung kính, cúng dường xá lợi Phật, cũng nhờ vậy, mà được hưởng các phước lạc ở cõi trời, cõi người, chẳng bị đọa vào 3 đường ác, lại tùy theo sở nguyện dần dần được 3 thừa pháp, dẫn đến vào được Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn! Người được thấy Phật ở hiện đời và người được thấy kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng có gì khác nhau. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật và Phật là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

LUẬN:

Hỏi: Ở phẩm trước đã lấy công đức xây bảo tháp đem so với công đức cúng dường Bát nhã Ba-la-mật. Sao lại đem xá lợi Phật so với kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật?

Đáp: Phẩm trước nói công đức thọ trì, tu tập Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn công đức xây bảo tháp cúng dường xá lợi Phật. Phẩm này nói rõ thêm Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn xá lợi Phật. Vì xá lợi Phật xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Nên biết người xuất gia cầu trí huệ, vì trí huệ là nhân giải thoát. Còn người tại gia phần nhiều tham đắm quả phước báo, vì phước báo là nhân an vui.

Người xuất gia cầu trí huệ, để liễu triệt thật tướng pháp. Trong lúc đó, thì người tại gia phần nhiều cầu trí thức, để phân biệt các pháp tướng, dẫn đến đắm chấp các pháp tướng.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đã được nhiều phước báo. Ở trong hàng tại gia, ngài là bậc tối thắng, nên nay ngài cầu trí huệ.

Bởi vậy nên khi Phật hỏi: Trong 2 phần, ông nhận phần nào? Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn liền bạch Phật rằng: Trong 2 phần, con xin nhận lãnh phần Bát nhã Ba-la-mật. Chẳng phải con chẳng cung kính xá lợi Phật. Mặc dù cúng dường xá lợi Phật được vô lượng công đức, nhưng vì xá lợi Phật xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật, nên con xin lãnh phần Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Ngài Xá Lợi Phất đã biết rõ vị Đế Thích còn thủ Bát nhã Ba-la-mật, vì còn ở nơi Thế Đế. Như vậy, vì sao ngài còn muốn vấn nạn?*

Đáp: Vị Đế Thích vẫn còn trong hàng tại gia, vẫn còn các phiền não trói buộc, vẫn còn bị 5 dục chi phối, mà lại nói được Bát nhã Ba-la-mật, nên là việc hy hữu. Do vậy mà ngài đã chất vấn vị Đế Thích, nhằm mục đích giúp vị Đế Thích thừa hỏi Phật đến chỗ thậm thâm hơn. Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đã thuận theo ý của ngài Xá Lợi Phất, mà đáp lại rằng: Hết thấy các pháp đều là “bất nhị tướng”, vậy chẳng nên nói Bát nhã Ba-la-mật là lớn, xá lợi Phật là nhỏ. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là “bất nhị tướng”, là “vô phân biệt tướng”.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đã dùng Thế Đế để nói về Bát nhã Ba-la-mật, vì ngài muốn sơ phát tâm Bồ tát được thêm tăng ích và muốn cho chúng hội rõ được lý “bất nhị”, chẳng còn sanh tâm phân biệt nữa. Vì sự lợi ích như vậy, nên ngài Thích Đề Hoàn Nhơn mới xin nhận lãnh Bát nhã Ba-la-mật.

Lúc bấy giờ, Phật tán thán vị Đế Thích rằng: Lành thay, lành thay! Ông đã phân biệt rõ ràng các pháp tướng, mà cũng khéo nói Bát nhã Ba-la-mật là “bất nhị tướng”.

Nhân đây, Phật đã nêu lên thí dụ “Nếu có ai muốn phân biệt “pháp tánh”, ..., dẫn đến muốn phân biệt “thật tế bất khả tư nghì tánh” là “nhị tướng”, thì người đó muốn Bát nhã Ba-la-mật “nhị tướng”.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn nghe Phật dạy như vậy, liền được tín tâm thanh tịnh, nên ngài nói: Hết thầy Bồ tát đều do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà được Vô thượng bồ đề.

Ngài lại lấy tự thân của ngài để dụ cho Phật, dụ cho Bát nhã Ba-la-mật, lấy pháp tòa của ngài để dụ cho xá lợi Phật, và cuối cùng ngài kết luận là giữa xá lợi Phật và kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật, ngài xin nhận lãnh phần Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài lại bạch Phật tiếp rằng: Con vì thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật mà được tâm an định, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ. Người hành Bát nhã Ba-la-mật biết rõ thật tướng pháp là chẳng có tướng mạo, chẳng có ngôn thuyết, nên chẳng có gì để sợ hãi cả. Người thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến cúng dường Bát nhã Ba-la-mật chẳng đọa vào 3 đường ác, chẳng lạc về Thanh Văn đạo và Bích Chi Phật đạo, đời đời chẳng ly chư Phật, thường đi đến các cõi Phật để cúng dường chư Phật. Do vậy mà hết thầy thế gian, Trời, người và A tu la đều phải tôn trọng, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

-oOo-

Ngay từ đầu phẩm kinh, khi nghe Phật bảo chọn giữa 2 phần xá lợi Phật và kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đã liễu ngộ được lý bình đẳng của hết thầy các pháp.

Nay, vì hết thầy chúng sanh trong khắp cả 10 phương thế giới, và vì chính mình, ngài diễn đạt lý bình đẳng đó trong

câu nói: Người được thấy Phật ở hiện đời, và người thấy được kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật chẳng có gì khác nhau. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật và Phật chẳng phải hai, chẳng phải khác.

-o0o-

KINH:

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật tiếp: Bạch Thế Tôn! Như Lai thị hiện trụ thế dùng 3 pháp sự để thuyết 12 bộ kinh, từ Tu Đa La, ..., dẫn đến Ưu Bà Đề Xá. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật thì người này so với Phật trụ thế cũng đồng như nhau. Vì sao? Vì Phật cũng như 12 bộ kinh, từ Tu Đa La, ..., dẫn đến Ưu Bà Đề Xá, đều xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật cả.

Bạch Thế Tôn! Nếu chư Phật trong 10 phương thị hiện trụ thế thuyết 12 bộ kinh, từ Tu Đa La, ..., dẫn đến Ưu Bà Đề Xá, thì so với thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật cũng đồng như nhau, chẳng có sai khác. Vì sao? Vì chư Phật trong 10 phương cũng như 12 bộ kinh, từ Tu Đa La, ..., dẫn đến Ưu Bà Đề Xá, đều xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật cả.

Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng bị đọa vào 3 đường ác, chẳng bị lạc vào Thanh Văn đạo và Bích Chi Phật đạo. Vì sao? Vì thiện nam thiện nữ này an trú trong bất thối chuyển địa, lại nhờ có Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, nên xa lìa các khổ não.

Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, tôn trọng, cung kính, cúng dường, tán thán kinh quyền Bát nhã Ba-la-mật thì xa lìa được các sự khủng bố.

Ví như người, trước đây mang nợ, nhưng nay lại được gán gửi một vị quốc vương cung cấp cho tiền của dư thừa, thì người chủ nợ chẳng những không làm khó dễ mà trái lại còn sanh tâm cung kính người ấy nữa. Đây là nhờ nương oai lực của vị quốc vương mà người ấy chẳng còn sợ hãi vậy.

Cũng như vậy, nhờ nơi sự tu trì Bát nhã Ba-la-mật của chư Phật mà xá lợi Phật được cung kính, cúng dường.

Bạch Thế Tôn! Bởi nhân duyên vậy, nên trong 2 phần, con xin nhận lãnh phần Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao?

Vì từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh xá lợi Phật và 32 tướng tốt của Phật; xuất sanh 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi; xuất sanh 5 Bát nhã Ba-la-mật kia và thành tựu danh tự Bát nhã Ba-la-mật. Cũng từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh chư Phật cùng Nhất thiết chủng trí.

Bạch Thế Tôn! Trong đại thiên thế giới, nếu có ai thọ trì, đọc tụng, tôn trọng, cung kính, cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật thì nơi chỗ người đó ở, tất cả những kẻ ác, hoặc là người, hoặc là quỷ thần, đều chẳng dám đến để làm hại được. Người đó dần dần sẽ được vào Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật có đại lợi ích, thường tác hành Phật sự trong cả đại thiên thế giới. Bởi vậy, nơi nào có Bát nhã Ba-la-mật là nơi đó chính là có Phật vậy.

Ví như ngọc “ma ni bảo châu” ở nơi nào, thì nơi đó các hàng “phi nhơn” chẳng dám đến quấy phá.

Nếu có người bị bệnh nóng lạnh, mà được đeo bảo châu này, tức thì được lành bệnh. Nếu có rắn độc cắn mà có được bảo châu đặt lên vết thương, tức thì nọc rắn độc được tiêu trừ. Nếu có người bị đau mắt đến mù lòa mà được đến gần bảo châu này, tức thì được sáng mắt. Nếu có người bị bệnh phong cùi, ghẻ độc mà được đeo bảo châu này, tức thì được lành bệnh.

Lại nữa, để bảo châu này ở nơi nào thì nơi đó khí hậu điều hòa, thời tiết thuận lợi; thả bảo châu này vào nước đục, thì nước đục liền trở thành trong; gói bảo châu này vào bao đựng hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc tím,... rồi đem thả vào nước thì nước liền được nhuộm theo màu đó.

Lúc bấy giờ, ngài A Nan hỏi vị Đế Thích: Thưa ngài Kiều Thi Ca, Ma-ni bảo châu là ngọc quý ở trên trời hay là ngọc quý ở trên thế gian?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: Thưa Đại đức! Bảo châu đó là vật báu ở trên trời. Người ở cõi Diêm phù đề cũng có bảo châu tương tự nhưng công lực chẳng có thể sánh bằng được.

Bảo châu đó thanh khiết, nhẹ nhàng, đẹp đẽ, chẳng có thể lấy gì để so sánh được cả. Nếu đem bảo châu này bỏ vào trong hộp, đậy kín. Khi đã lấy bảo châu này ra khỏi hộp rồi, mà công lực của bảo châu còn lưu tồn, nên chiếc hộp vẫn còn được người tôn quý.

Rồi ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Cũng như vậy, chỗ nào có người biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật thì chỗ đó chẳng có sự nã hại.

Bạch Thế Tôn! Sau khi một vị Phật nhập Niết Bàn mà xá lợi được cung kính, cúng dường thì đó chính là nhờ công đức lực của Bát nhã Ba-la-mật, của Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Thiền Ba-la-mật, của nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, của 4 niệm xứ, ..., dẫn đến của 18 bất cộng pháp, của pháp tánh, của pháp tướng, của pháp vị, của thật tế bất khả tư nghi tánh, ..., dẫn đến của Nhất thiết chủng trí.

Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ nghĩ rằng xá lợi Phật là trú xứ của Nhất thiết chủng trí, của đại từ, đại bi thì liền đoạn trừ được các tập khí, kiết sử. Do vậy, mà xá lợi Phật được cung kính, cúng dường.

Bạch Thế Tôn! Xá lợi Phật là trú xứ của “công đức bảo Ba-la-mật”, của “bất cấu, bất tịnh Ba-la-mật”, của “bất sanh, bất diệt Ba-la-mật”, của “bất xuất, bất nhập Ba-la-mật”, của “bất tăng, bất giảm Ba-la-mật”, của “bất khứ, bất lai Ba-la-mật”.

Xá lợi Phật cũng là trú xứ của các “pháp tướng Ba-la-mật”. Do chư Phật huân tu các “pháp tướng Ba-la-mật”, mà xá lợi Phật được tôn trọng, cung kính, cúng dường.

Bạch Thế Tôn! Chẳng luận lấy số lượng xá lợi Phật đầy khắp cả đại thiên thế giới mà cho đến lấy số lượng xá lợi Phật đầy khắp cả hằng hà sa thế giới trong 10 phương làm 1 phần, và lấy người biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật làm 1 phần thì trong 2 phần đó, con cũng xin nhận lãnh phần Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra xá lợi Phật; do chư Phật huân tu Bát nhã Ba-la-mật mà xá lợi Phật được tôn trọng, cung kính, cúng dường.

Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ nào tôn trọng, cung kính, cúng dường xá lợi Phật, thì sẽ được vô lượng,

vô biên công đức, được hưởng phước lạc ở cõi Trời, cõi người, ..., dẫn đến nhờ nhân duyên phước đức này, mà sẽ tận diệt các khổ.

Nếu thiện nam, thiện nữ nào biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, thuyết giảng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì sẽ được đầy đủ Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Thiên Ba-la-mật, đầy đủ 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp sẽ an trú Bồ tát vị, thù thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật. An trú nơi Bồ tát vị, thiện nam, thiện nữ này sẽ được đầy đủ các thần thông, đi từ Phật độ này đến Phật độ khác để thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Bạch Thế Tôn! Chẳng phải con khởi tâm bất kính đối với xá lợi Phật, mà chẳng nhận lãnh phần xá lợi. Vì sao? Vì cúng dường Bát nhã Ba-la-mật cũng là cúng dường xá lợi Phật vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn thấy pháp thân của chư Phật hiện tại, ở trong khắp 10 phương thế giới thì phải thọ trì, thân cận, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, và còn phải vì người khác thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật.

Thiện nam, thiện nữ này, khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, cũng phải y nơi pháp tướng mà tu tập “niệm Phật tam muội”. Lại nữa, thiện nam, thiện nữ nào muốn thấy chư Phật hiện tại, thì cũng phải thọ trì, thân cận, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật cũng như phải vì người khác thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Phật thị hiện nơi 3 pháp sự, để vì chúng sanh, thuyết 12 bộ kinh.

Hỏi: *Phật thuyết đầy đủ 12 bộ kinh. Như vậy vì sao nói thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật thì so với Phật trụ thế cũng đồng như nhau?*

Đáp: Phật muốn tán thán Bát nhã Ba-la-mật nên nói trong 12 bộ kinh thì Bát nhã Ba-la-mật là thù thắng hơn cả.

Lại nữa, người đã phát tâm hành Bồ tát đạo thì cũng phải thuyết 12 bộ kinh, bao gồm hết thầy các giáo pháp của cả 3 thừa giáo, mà ở trong đó Bát nhã Ba-la-mật là pháp tối thượng. Vì sao? Vì tất cả giáo pháp của cả 3 thừa giáo đều quy nhiếp về Bát nhã Ba-la-mật.

Bởi vậy nên người thọ trì, thân cận, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm là như Phật vậy.

-o0o-

Thiện nam, thiện nữ nào cung kính, cúng dường kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật thì xa lìa được các sự khủng bố.

Trong kinh nêu thí dụ người mang nợ, mà được một vị vua che chở thì chẳng còn sợ hãi.

Nhà vua dụ cho Bát nhã Ba-la-mật và người mang nợ dụ cho xá lợi Phật. Mang nợ, nói ở đây, dụ cho sự huân tập tội nghiệp từ đời trước, mà đời này phải thọ nghiệp báo. Sự che chở của nhà vua đối với người mang nợ dụ cho sự hộ trì của Bát nhã Ba-la-mật lực đối với người thọ trì Bát nhã Ba-la-mật, khiến các duyên nghiệp đời trước được tiêu trừ. Oai lực của nhà vua khiến người mang nợ chẳng còn sợ hãi, mà lại còn được tôn kính. Oai lực của Bát nhã Ba-la-mật khiến người thọ trì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có sợ hãi, được tôn trọng, cung kính, cúng dường.

Trong kinh cũng nêu thí dụ “ma-ni bảo châu” tiêu trừ được các bệnh. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật tiêu trừ được các duyên nghiệp đời trước, khiến các thiện hạnh được thành tựu như ý nguyện.

Hỏi: Trong 7 thứ ngọc quý, thì “ma-ni bảo châu” này thuộc về loại nào?

Đáp: Có thuyết nói rằng “ma-ni bảo châu” này ở trong não của Long Vương. Người nào có được loại ngọc quý này, thì các độc dược, độc trùng chẳng có thể làm hại được; ngược lại còn được hưởng nhiều phước đức.

Có thuyết nói rằng “ma-ni bảo châu” ở trên Thiên giới. Khi Đế Thích giao tranh với A tu la đã đánh rơi ngọc quý này xuống cõi Diêm phù đề.

Có thuyết nói rằng “ma-ni bảo châu” này chính là biến thể của xá lợi Phật. Khi Phật pháp gần đến thời kỳ diệt thì xá lợi Phật biến thể thành loại ngọc quý này, để làm lợi ích cho chúng sanh.

Lại có thuyết nói rằng khi chúng sanh ở cõi Diêm phù đề đã được đầy đủ phước đức thì “ma-ni bảo châu” này trở thành “Nhu ý bảo châu”. Như trước đây đã nói, “Nhu ý bảo châu” thường hóa sanh hết thảy các thứ vật báu, áo quần, chăn mền, các thức ăn uống, các loại cây cỏ thuốc... đáp ứng đầy đủ nhu cầu của chúng sanh, tùy theo sự nguyện cầu của họ. Ngọc quý này lại có công năng tiêu trừ bệnh hoạn, khổ nạn. Bảo châu có 2 loại:

- Loại ở cõi trời.
- Loại ở cõi người.

Cả 2 loại bảo châu này đều đem lại nhiều phước đức rất thù thắng.

Nếu để ngọc quý này ở trong nhà thì các quý thần đều ủng hộ, khiến được rất nhiều oai đức.

Bát nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Bát nhã Ba-la-mật thường ban bố phước lạc cho chúng sanh. Người xuất gia cầu 3 thừa đạo, nhờ được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì mà được giải thoát lạc, được thành tựu như ý các hạnh nguyện. “Nhu ý bảo châu” trừ được 404 thứ bệnh căn bản. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật trừ được 8 vạn 4 ngàn thứ bệnh do 3 độc “tham, sân, si” và các đẳng phần bệnh gây ra:

- Tham dục gây ra 2 vạn 1 ngàn bệnh.
- Sân nhuế gây ra 2 vạn 1 ngàn bệnh.
- Ngu si gây ra 2 vạn 1 ngàn bệnh.

Ngoài ra còn có 2 vạn 1 ngàn đẳng phần bệnh. Đây là những loại bệnh xen lẫn giữa tham, sân, si hoặc tham với sân, hoặc tham với si, hoặc sân với si, hoặc cả tham, sân và si.

Ví như: Pháp quán bất tịnh trừ được bệnh tham dục, pháp quán nhân duyên trừ được bệnh ngu si, 2 pháp quán ấy vừa trừ được bệnh tham dục, vừa trừ được bệnh ngu si v.v... Trừ các bệnh xen lẫn với nhau như vậy, gọi là trừ “đẳng phần bệnh”.

“Nhu ý bảo châu” trừ được các bệnh nóng, bệnh lạnh. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật trừ được các bệnh vô minh, bất tín, bất kính, giải đãi. “Nhu ý bảo châu” để ở đâu thì ở đó các độc trùng chẳng dám đến phá hoại. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật ở đâu thì ở đó có 3 độc “tham, sân, si” chẳng gây tác hại được.

Ví người đang bệnh đau mắt mà gặp được “Nhu ý bảo châu” thì liền được lành bệnh. Cũng như vậy người bị vô minh, tà kiến mê hoặc, nếu được Bát nhã Ba-la-mật soi sáng thì liền được huệ nhãn.

“Nhu ý bảo châu” bỏ vào nước đục thì nước ấy liền trở thành trong. Cũng như vậy, người có được Bát nhã Ba-la-mật lực thì chẳng còn chấp các pháp, cũng chẳng còn sanh cấu tâm. Nhờ vậy, mà vào được 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; thành tựu được 4 quả Thanh Văn và Bích Chi Phật đạo. Người tu tập Bát nhã Ba-la-mật quán các pháp đều là tự tánh không, nên mặc dù tùy thuận chúng sanh hành Bồ tát đạo, phương tiện hành các pháp để làm lợi ích chúng sanh, mà tâm chẳng chấp (vô chấp), chẳng chướng ngại (vô ngại).

-o0o-

Thế nhưng, công đức của Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn rất nhiều:

- “Nhu ý bảo châu” chỉ trừ được ác quỷ, chẳng trừ được Thiên ma. Bát nhã Ba-la-mật trừ được ác quỷ lẫn Thiên ma.

- “Nhu ý bảo châu” chỉ trừ được thân bệnh. Bát nhã Ba-la-mật trừ được cả thân bệnh lẫn tâm bệnh.

- “Nhu ý bảo châu” chỉ giúp người trị thân bệnh. Bát nhã Ba-la-mật trị được hết thầy tâm bệnh và thân bệnh của người, cũng như các thiên long, quỷ thần.

- “Nhu ý bảo châu” chỉ chiếu sáng một vùng trong đêm tối. Bát nhã Ba-la-mật chiếu khắp đến vô lượng vô minh, hắc ám và bất cộng vô minh trị tận gốc hết thầy vô minh, si ám.

- “Nhu ý bảo châu” phá được sự nóng bức của mặt trời. Bát nhã Ba-la-mật phá luôn cả sự nóng bức thiêu đốt thân, lẫn sự nóng bức thiêu đốt tâm do 3 độc “tham, sân và si” gây nên.

- “Nhu ý bảo châu” trừ được gió lạnh lẽo. Bát nhã Ba-la-mật trừ được tâm bất tín, bất kính của chúng sanh đối với Tam bảo, ngay khi vừa mộng khởi.

- “Nhu ý bảo châu” chẳng có thể trừ được các tà kiến ác độc. Bát nhã Ba-la-mật trừ được các tà kiến ác độc.

- “Nhu ý bảo châu” chỉ trừ được bệnh nhục nhãn, Bát nhã Ba-la-mật trừ được bệnh của tâm nhãn.

- “Nhu ý bảo châu” chỉ trừ được bệnh nhục nhãn mà nhục nhãn lại chẳng tạo ra “Nhu ý bảo châu”. Bát nhã Ba-la-mật trừ được các bệnh của nhãn tâm, mà huệ tâm nhãn lại có thể dẫn sanh Bát nhã Ba-la-mật.

- “Nhu ý bảo châu” trị được bệnh của nhục nhãn, nhưng bệnh lại có thể bị tái phát. Bát nhã Ba-la-mật trị được bệnh của tâm nhãn và khiến huệ tâm nhãn luôn luôn được rất ráo thanh tịnh.

- “Nhu ý bảo châu” trị được bệnh trong 3 đời. Bát nhã Ba-la-mật trị được bệnh trong vô lượng đời.

- “Nhu ý bảo châu” làm cho nước đục trở thành trong. Bát nhã Ba-la-mật làm cho 6 căn, 6 thức, cùng hết thảy các uế tâm trở thành thanh tịnh.

-o0o-

Bát nhã Ba-la-mật lực độ được vô lượng chúng sanh trong khắp 10 phương, khiến họ có được oai đức thù thắng.

Nếu biết có người huân tu Bát nhã Ba-la-mật mà cung kính, cúng dường người ấy thì cũng được Bát nhã Ba-la-mật công đức.

Phàm phu chỉ quý xá lợi. Các bậc Thánh Hiền quý Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao?

Vì ở trong Thánh pháp thì Bát nhã Ba-la-mật là đệ nhất.

Bởi vậy, người tu tập Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát bà nhã tâm, chắc chắn sẽ vào được Phật đạo.

Lại nữa, thấy được Bát nhã Ba-la-mật mà nhất tâm cung kính, cúng dường, thì sẽ được vô lượng phước đức, dần dần sẽ vào được Phật đạo.

Hỏi: *4 nhóm bệnh, đã nêu trước đây, bao gồm hết thấy các loại bệnh. Nay vì sao chỉ nói riêng về bệnh của nhãn?*

Đáp: Vì dụng của nhãn rất nhiều, nên cần phải đề cập đến vậy. Ngoài nhục nhãn (mắt thịt) còn có Thiên nhãn, Huệ nhãn, Pháp nhãn và Phật nhãn. Đoạn kinh trên đây nói về Nhục nhãn và Huệ nhãn.

Hỏi: *Xá lợi Phật là trú xứ của 6 pháp Ba-la-mật, cũng là trú xứ của Nhất thiết chủng trí. Vì sao giữa xá lợi Phật và Bát nhã Ba-la-mật, vị Đế Thích lại xin nhận lãnh phần Bát nhã Ba-la-mật?*

Đáp: Như trước đây đã nói: Xá Lợi Phật xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật. Do tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà chư Phật mới được Nhất thiết chủng trí, mới được xá lợi; và xá lợi mới được cung kính, cúng dường.

Trong hết thấy các pháp, thì Bát nhã Ba-la-mật là pháp dẫn đạo. Bát nhã Ba-la-mật ví như vua, xá lợi Phật ví như vị thần tướng. Bởi vậy nên cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật trước, rồi sau đó mới cúng dường, tán thán xá lợi Phật. Ngoài ra, cũng nên biết rằng cúng dường, tán thán Bát nhã Ba-la-mật là đã cúng dường, tán thán xá lợi Phật rồi vậy.

KINH:

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn tiếp: Bạch Thế Tôn! Pháp tướng có 2 loại là: Hữu vi pháp tướng và vô vi pháp tướng.

* Thế nào là hữu vi pháp tướng?

Đó là trí huệ trong nội không, ..., dẫn đến trong vô pháp hữu pháp không, trong 4 niệm xứ, trong 8 Thánh đạo, trong 10 lực, trong 4 vô sở úy, trong 4 vô ngại trí, ..., dẫn đến trong 18 bất cộng pháp. Đó cũng là trí huệ trong thiện pháp, trong bất thiện pháp, trong hữu lậu pháp, trong vô lậu pháp, trong thế gian pháp, trong xuất thế gian pháp...

Như vậy gọi là hữu vi pháp tướng.

* Thế nào là vô vi pháp tướng?

Đó là tự tánh bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm của hết thảy các pháp.

Như vậy gọi là vô vi pháp tướng.

* Thế nào là tự tánh của các pháp?

Tánh vô sở hữu chính là tự tánh của các pháp. Đây cũng chính là vô vi pháp tướng vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Kiều Thi Ca! Các đức Phật trong quá khứ do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô thượng bồ đề; hàng đệ tử của các đức Phật quá khứ do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà được 4 quả Thanh Văn và Bích Chi Phật đạo. Các đức Phật ở hiện tại và ở vị lai cũng do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô thượng bồ đề; hàng đệ tử của các đức Phật hiện tại và vị lai cũng do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà được 4 quả Thanh Văn và Bích Chi Phật đạo.

Vì sao?

Vì Bát nhã Ba-la-mật rộng nói nghĩa của cả 3 thừa giáo. Bát nhã Ba-la-mật là “vô tướng pháp”, vì là pháp vô sanh, vô diệt. Bát nhã Ba-la-mật là bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm, bất tác, bất khởi, bất xuất, bất nhập, bất thủ, bất xả. Bởi vậy nên khi hành Bồ tát hạnh, Bồ tát thường y vào thế tục pháp, thay vì y vào đệ nhất nghĩa. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có phân biệt bỉ thử (biên bờ bên này và biên bờ bên kia) chẳng có cao, thấp, chẳng có tướng cũng chẳng phải chẳng có tướng (phi tướng), chẳng phải thế gian cũng chẳng phải xuất thế gian, chẳng phải hữu vi cũng chẳng phải vô vi, chẳng phải thiện cũng chẳng phải bất thiện, chẳng phải hiện tại, quá khứ hay vị lai.

Này Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba-la-mật chẳng tì u Thanh Văn pháp và Bích Chi Phật pháp mà cũng chẳng xả phạm phu pháp.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật biết rõ tâm của hết thảy chúng sanh cũng như chúng sanh đều là bất khả đắc, ..., dẫn đến tri giả, kiến giả cũng bất khả đắc, Bồ tát cũng bất khả đắc.

Bồ tát cũng biết rõ sắc, ..., dẫn đến thức bất đắc, nhãn, ..., dẫn đến ý bất đắc, sắc, ..., dẫn đến pháp bất đắc, nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức bất đắc, nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc bất đắc, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ bất đắc, 4 niệm xứ dẫn đến 18 bất cộng pháp bất đắc, Phật pháp bất đắc, Vô thượng bồ đề bất đắc, ..., dẫn đến Phật bất đắc. Vì sao?

Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải vì “đắc pháp” mà diễn xuất. Vì sao? Vì tự tánh của Bát nhã Ba-la-mật là vô

sở hữu, là bất khả đắc. Dẫn đến “bất khả đắc” đó cũng là bất khả đắc.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Kiều Thi Ca! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật biết rõ Vô thượng bồ đề còn bất khả đắc, huống nữa là Bồ tát và Bồ tát pháp.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát chỉ hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng có hành các Ba-la-mật khác hay sao?

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Bồ tát hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật mà vẫn biết rõ các Ba-la-mật đều là bất khả đắc.

Ví như, khi thật hành Đàn Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có người thọ, cũng chẳng thấy có tài vật dùng để bố thí; khi hành Thi la Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy có giới chẳng thấy có người trì giới, cũng chẳng thấy có người phá giới, ..., dẫn đến khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy có trí huệ, chẳng thấy có người có trí huệ, cũng chẳng thấy có người không trí huệ.

Này Kiều Thi Ca! Do được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo nên khi hành bố thí Bồ tát mới được đầy đủ Đàn Ba-la-mật, khi hành trì giới mới được đầy đủ Thi la Ba-la-mật, khi hành nhẫn nhục mới được đầy đủ Săn đề Ba-la-mật, khi hành tinh tấn mới được đầy đủ Tỳ lê gia Ba-la-mật, khi hành thiên định mới được đầy đủ Thiên Ba-la-mật, khi quán các pháp mới được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bồ tát, dụng vô sở đắc, quán hết thấy các pháp, từ sắc, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là bất khả đắc cả.

Này Kiều Thi Ca! Ví như các cây ở cõi Diêm phù đề có thân, có cành, có lá, có hoa sai khác nhau rất nhiều,

nhưng bóng im mát của cây chẳng có gì sai khác nhau. Cũng như vậy, các Bát nhã Ba-la-mật tuy có sai khác nhau, nhưng khi đã vào trong Bát nhã Ba-la-mật, vào trong Nhất thiết chủng trí rồi thì chẳng còn sai khác nhau nữa, vì đều là bất khả đắc cả.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật thành tựu đại công đức vô lượng công đức, vô biên công đức, vô đẳng đẳng công đức.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật, rồi thọ trì, đọc tụng, tôn trọng, cung kính, cúng dường, tán thán, chánh ức niệm, đúng như pháp mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật; lại nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật, rồi đem cúng dường cho người khác. Bạch Thế Tôn! Trong hai người nêu trên đây, người nào có được phước đức nhiều hơn?

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Ta hỏi lại ông, tùy ý ông đáp. Ý ông nghĩ sao? Nếu có người cung kính, cúng dường, tán thán xá lợi Phật; lại có người tán xá lợi Phật thành hạt nhỏ, rồi đem cúng dường cho người khác. Trong hai người đó, người nào có phước đức nhiều hơn.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon đáp: Bạch Thế Tôn! Theo như nghĩa mà con được nghe Phật dạy thì giữa người cung kính, cúng dường, tán thán xá lợi Phật, và người tán xá lợi Phật thành hạt nhỏ chia cho người khác, ắt người sau có phước đức nhiều hơn.

Bạch Thế Tôn! Vì phước lợi cho hết thảy chúng sanh mà Phật nhập “hỏa châu tam muội” phá nát “Kim cang thân” thành nhiều hạt xá lợi. Vì sao? Vì sau khi Phật diệt độ, người cúng dường xá lợi Phật, dù nhỏ như hạt cải,

cũng có được vô lượng, vô biên phước đức, dẫn đến tận đoạn được các khổ.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật rồi cung kính, cúng dường, tán thán, lại nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật, rồi đem cho người khác đọc, thì người sau được công đức nhiều hơn người trước. Nếu có thiện nam, thiện nữ đúng như nghĩa trong Bát nhã Ba-la-mật mà diễn nói cho người khác nghe, khai thị, phân biệt khiến cho người khác dễ hiểu, thì công đức của người sau này lại còn nhiều hơn hai trước nữa. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này nghe Bát nhã Ba-la-mật, rồi đúng như nghĩa khai thị, diễn nói cho người khác nghe, là người có phạm hạnh cao siêu. Phải xem người đó như Phật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật tức là Phật, Bát nhã Ba-la-mật chẳng khác Phật, Phật chẳng khác Bát nhã Ba-la-mật.

Chư Phật trong 3 đời do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà được Vô thượng bồ đề. Người có phạm hạnh cao siêu chính là bậc đại Bồ tát bất thối chuyển, cũng do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà sẽ được Vô thượng bồ đề.

Hàng Thanh Văn do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà sẽ được A-la-hán đạo. Người cầu Bích Chi Phật đạo cũng do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà sẽ được Bích Chi Phật đạo. Hàng Bồ tát cũng do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà sẽ vào được Bồ tát vị.

Này Kiều Thi Ca! Bởi nhân duyên vậy, nên thiện nam, thiện nữ nào muốn tôn trọng, cung kính, cúng dường Phật hiện tại thì phải tôn trọng, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

Này Kiều Thi Ca! Ngay khi ta vừa được Vô thượng bồ đề, nghĩ đến lợi ích này, ta tự hỏi: Ta nên y chỉ nơi pháp nào; ta nên tôn trọng, cung kính, cúng dường pháp nào?

Này Kiều Thi Ca! Trong thế gian, chẳng ai bằng Phật, nên ta lại tự niệm: Pháp của ta đạt được đã đem lại cho ta quả vị Phật.

Ta đã cung kính, cúng dường pháp ấy, y chỉ và an trú nơi pháp ấy. Pháp ấy là gì? Đó chính là Bát nhã Ba-la-mật.

Này Kiều Thi Ca! Phật còn tôn trọng, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật. Phật còn y chỉ và an trú nơi Bát nhã Ba-la-mật.

Như vậy, thiện nam, thiện nữ nào muốn được Vô thượng bồ đề, thì phải tôn trọng, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật; y chỉ và an trú nơi diệu pháp đó. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh chư đại Bồ tát và chư Phật vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên thiện nam, thiện nữ nào muốn cầu Thanh Văn đạo, muốn cầu Bích Chi Phật đạo, ..., dẫn đến muốn cầu Phật đạo, phải tôn trọng, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật; phải y chỉ nơi Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: *Vi nhân duyên gì mà nói về hữu vi pháp tướng và vô vi pháp tướng?*

Đáp: Khi vị Đế Thích tán thán Bát nhã Ba-la-mật nhiếp hết thấy các pháp, ngài muốn tạo duyên khởi để nói về “hữu vi pháp tướng”.

Vị Đế Thích nói rằng “hữu vi pháp tướng” là trí huệ trong

nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, trong 4 niệm xứ, trong 8 Thánh Đạo, trong 10 lục, trong 4 vô sở úy, trong 4 vô ngại trí, ..., dẫn đến trong 18 bất cộng pháp. Đó cũng chính là trí huệ trong thiện pháp, trong bất thiện pháp, trong hữu lậu pháp, trong vô lậu pháp, trong thế gian pháp, trong xuất thế gian pháp.

Trái với “hữu vi pháp tướng” là “vô vi pháp tướng”.

Hết thầy “hữu vi pháp tướng” và “vô vi pháp tướng” đều nhiếp trọn ở trong Bát nhã Ba-la-mật.

Hữu vi pháp là chỗ hiển dụng; vô vi thiện pháp là chỗ tâm y chỉ.

Vô thiện pháp là pháp căn bản, mà các Bồ tát sơ phát tâm phải tu tập mới vào được Bát nhã Ba-la-mật, mới được vô sanh pháp nhẫn. Vì sao? Vì có tu tập như vậy, mới tránh được sự ái nhiễm pháp, chẳng tăng hay xả pháp, chẳng y chỉ vào Niết Bàn, chẳng ly hữu vi pháp, mà vẫn được vô vi pháp. Bởi vậy, nên trong Đại thừa Ma ha diễn, Bát nhã Ba-la-mật mới dụng “vô tướng pháp” mà rộng nói cả 3 thừa giáo.

Ví như, khi nói về các pháp vô sanh, vô diệt... Bồ tát thường y vào thể tục đế, thay vì y vào đệ nhất nghĩa đế.

Bồ tát hành thật tướng pháp, tuy thường quán hết thầy chúng sanh, mà vẫn biết chúng sanh là bất khả đắc; tuy thường hành hết thầy pháp, mà vẫn biết rõ các pháp đều là tự tánh không. Vì sao? Vì dụng tâm vô sở đắc hành các pháp, mới thật là hành Bát nhã Ba-la-mật.

-oOo-

Phật ấn chứng và tán thán lời trình bày của các vị Đề Thích, và nói rằng: Bồ tát nên tu tập như vậy, mới được Vô

thượng bồ đề nhưng chẳng nên chấp Vô thượng bồ đề. Vì sao? Vì Vô thượng bồ đề cũng là bất khả đắc.

Lúc bấy giờ, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn tự niệm: Nếu nói Bát nhã Ba-la-mật là pháp rốt ráo, thì người tu chỉ cần hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng cần phải hành các pháp Bát nhã Ba-la-mật khác hay sao?

Phật dạy: Bồ tát phải tu tập 6 pháp Ba-la-mật, nhưng phải dùng Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo, tức là phải dụng tâm vô sở đắc, mới hòa hợp được các Ba-la-mật. Ngược lại, nếu chỉ tu Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng tu 5 Ba-la-mật kia, thì chẳng sao có thể có được đầy đủ các công đức. Ví như kẻ vô trí nghe nói muối là gia vị chủ yếu của tất cả các món ăn, mà bèn bốc cả nắm muối cho vào món ăn, khiến chẳng sao ăn được, hoặc ăn vào phải mang bệnh vậy.

Cũng như vậy, người tu hành muốn trừ tâm chấp, phải hành Bát nhã Ba-la-mật. Thế nhưng, nếu khởi tâm chấp “không”, thì sẽ rơi vào tà kiến, khiến chẳng có thể tu các thiện pháp được; trái lại, nếu biết dùng Bát nhã Ba-la-mật lực để hòa hợp 5 Ba-la-mật kia, thì công đức mới được đầy đủ. Như vậy, nếu được Bát nhã Ba-la-mật soi sáng dẫn đạo, thì bố thí, ..., dẫn đến thiện định mới được gọi là Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến mới được gọi là Thiền Ba-la-mật.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói 6 pháp Ba-la-mật đều bình đẳng, đều chỉ là một tướng (nhất tướng). Ví như cội Diêm phù đề có hồ A-na-bà-đạt-na chảy ra 4 con sông lớn. Con sông Đại Hà, lớn nhất trong 4 con sông có đến 500 sông nhánh. Nước từ khắp nơi, theo các sông nhánh chảy dồn về sông Đại Hà, rồi chảy ra biển. Khi đã vào biển, thì tất cả các dòng nước này đều chẳng còn là nước riêng của bất cứ sông nào, mà trở thành nước của biển, đều cùng một vị.

Cũng như các cây có thân, cành, lá, hoa... khác nhau, nhưng bóng cây đều cùng một tánh im mát như nhau.

Hỏi: Thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật là việc khó làm. Còn biên chép Bát nhã Ba-la-mật để cúng dường cho người khác là việc dễ làm hơn. Vì sao nói công đức biên chép Bát nhã Ba-la-mật, rồi cúng dường cho người khác thù thắng hơn?

Đáp: Thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật tuy là việc khó làm, nhưng là việc làm lợi ích riêng cho mình, nên chỉ được ít công đức. Còn biên chép kinh điển, cúng dường cho người khác đọc tụng, là việc làm lợi tha, là vận hành vô ngã, nên công đức thù thắng hơn.

Bởi vậy nên, khi Phật hỏi vị Đế Thích về các trường hợp tự mình cúng dường xá lợi Phật, và phân bố xá lợi Phật cho nhiều người khác được cúng dường, bên nào có phước đức nhiều hơn, thì vị Đế Thích trả lời ngay rằng: Phân bố xá lợi Phật cho nhiều người khác cúng dường, được phước đức thù thắng hơn nhiều. Vì sao? Vì đây là vận hành tâm vô ngã, tâm từ bi, mới có thể làm được vậy.

-o0o-

Phật từ bi vô lượng, nên đã dùng “hỏa châu tam muội” để phá nát “thân Kim cang” của ngài thành xá lợi, khiến chúng sanh có được xá lợi Phật để cung kính, cúng dường. Do cúng dường xá lợi Phật, mà được thiện căn tăng trưởng, dần dần vào được Vô thượng bồ đề.

Hỏi: Phước đức tại tâm. Như vậy cần gì Phật phải dùng “hỏa châu tam muội” làm nát “thân Kim cang” thành xá lợi

để cho chúng sanh cúng dường làm gì? Vì sao nói người biên chép kinh điển cho người khác xem, lại có được phước đức thù thắng hơn người cúng dường xá lợi?

Đáp: Tín tâm thanh tịnh thường được phát khởi từ 2 duyên. Đó là:

- Nơi nội tâm có chánh ức niệm Tam bảo.
- Nương theo ngoại duyên, cầu phước điền vô thượng.

Ví như hạt giống tốt gieo vào ruộng tốt, ắt sẽ thu hoạch được mùa gặt tốt.

Xá lợi Phật là phước điền tốt. Nếu phát tâm tinh tấn cúng dường xá lợi Phật, ắt sẽ được đại phước báo.

Thế nhưng, người biên chép kinh điển đem cho người khác, để họ thọ trì, đọc tụng, cung kính, cúng dường, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập, hoặc người rộng giải nghĩa kinh cho đại chúng nghe, thì sẽ được phước đức thù thắng hơn nữa. Bởi vậy nên xem người đó như là vị Phật sẽ thành trong đời vị lai.

-oOo-

Phật dùng 2 nhân duyên để chứng minh rằng Bát nhã Ba-la-mật là pháp thù thắng nhất trong tất cả các pháp. Đó là:

- Chư Thánh hiền, trong cả 3 đời, đều do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà vào được Thánh đạo.

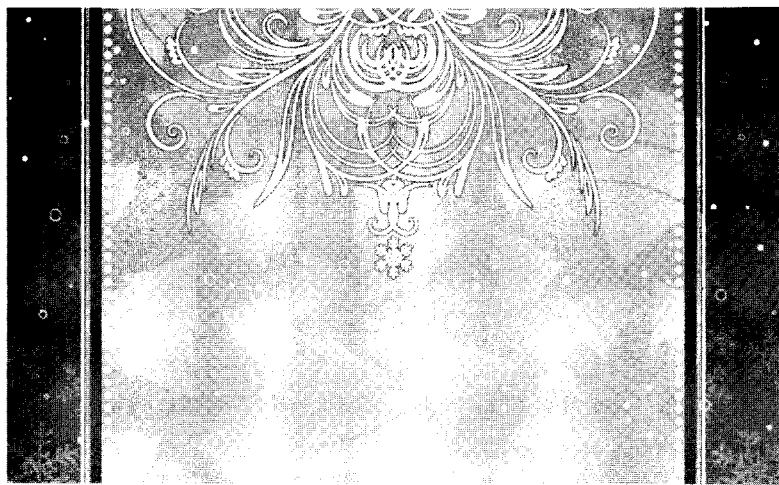
- Chư Phật, trong cả 3 đời, đều do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà thành Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nay Phật cũng tôn Bát nhã Ba-la-mật làm mẹ, làm thầy. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là thật tướng các pháp.

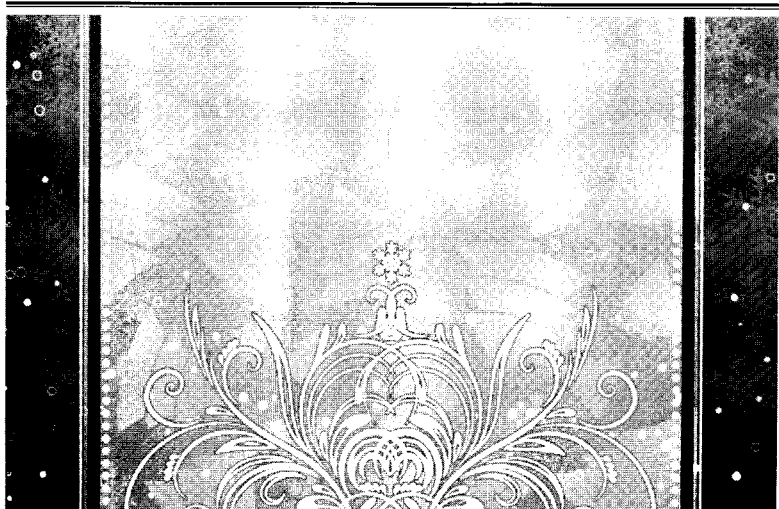
Đây là một đại sự nhân duyên, Phật muốn khai thị cho chúng sanh rõ Bát nhã Ba-la-mật là pháp căn bản của Bồ tát. Do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà chư đại Bồ tát thành đạt được quả vị Vô thượng, hiển dụng đại bi tâm làm các việc lợi ích, để an lạc chúng sanh.

Bởi nhân duyên vậy, nên người tu Thanh Văn đạo và Bích Chi Phật đạo, muốn mau được an định trong 3 giải thoát môn, đều phải tín thọ, tu tập, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật. Chư Bồ tát phải thật hành đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, nghĩa là phải nhất tâm tín thọ, cung kính, cúng dường, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật; lại còn phải biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật cho người khác đọc; đúng như nghĩa trong Bát nhã Ba-la-mật, mà diễn nói cho người khác nghe, khai thị, phân biệt, khiến họ dễ hiểu. Chư Bồ tát phải thật hành đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật như vậy, mới mau được Vô thượng bồ đề.

(Hết quyển 59)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 60



Phẩm Thứ Ba Mười Tám



Giáo Lượng Pháp Thi
(So Sánh & Lượng Định về Pháp Thi)

KINH:

Lúc bấy giờ, Phật bảo vị Đệ Thích rằng: Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào dạy cho hết thầy chúng sanh trong cõi Diêm phù đề tu tập 10 thiện đạo. Ý ông nghĩ sao? Người này có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Thích Đê Hoàn Nhơn đáp: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Chẳng phải như vậy. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật cho người khác đọc tụng và diễn nói cho người khác nghe, thì được phước đức thù thắng hơn.

Vì sao?

Vì trong Bát nhã Ba-la-mật rộng giải về các pháp vô lậu. Thiện nam, thiện nữ phải ở trong đó mà tu học. Người trước đã học dạy người nay học, người nay học dạy người sau học, để dần dần vào chánh pháp vị, được quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến quả A-la-hán, được Bích Chi Phật đạo, ..., dẫn đến được Vô thượng bồ đề.

Này Kiều Thi Ca! Những gì gọi là vô lậu pháp? Đó là 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 8 thánh đạo, là 4 thánh đế, là nội không ... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, là 10 Phật lực, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp. Thiện nam, thiện nữ tu

tập các pháp này là người đã được, hoặc hiện được, hoặc sẽ được Vô thượng bồ đề.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ nào dạy cho 1 người tu được quả Tu-đà-hoàn được phước đức nhiều hơn là dạy cho nhiều người trong cõi Diêm phù đề tu tập 10 thiện đạo. Vì dạy người tu tập 10 thiện đạo chưa làm cho họ xa lìa được các khổ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Còn dạy người tu được quả Tu-đà-hoàn làm cho họ xa lìa được các khổ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Dạy người tu được các quả Tu-đà-hoàn, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật cũng là như vậy.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ nào dạy cho nhiều người tu được quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật chẳng được phước đức bằng dạy cho 1 người tu được Vô thượng bồ đề. Vì sao? Vì do nhân duyên có Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật mới có các quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến A-la-hán, có Bích Chi Phật đạo, có Phật đạo.

Bởi nhân duyên vậy, nên thiện nam, thiện nữ nào biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật cho người khác đọc, thuyết giảng cho người khác nghe được vô lượng phước đức. Vì sao? Vì trong Bát nhã Ba-la-mật rộng nói hết thấy các thiện pháp. Từ nơi các thiện pháp này, mà ở thế gian, xuất sanh các đại gia, đại tộc, các cõi trời, từ cõi trời Tứ Thiên vương, ..., dẫn đến cõi trời Phi hữu tướng phi vô tướng thiên; xuất sanh 4 niệm xứ, ..., dẫn đến Nhất thiết chủng trí, xuất sanh quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến quả Phật.

Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào dạy cho hết thấy chúng sanh trong 4 châu thiên hạ tu tập 10

thiện đạo. Ý ông nghĩ sao? Người này có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon đáp: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Phước đức ấy chẳng sao bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật cho người khác đọc và khai thị, thuyết giảng cho người khác nghe.

Chẳng luận dạy cho hết thấy chúng sanh trong 4 châu thiên hạ tu tập 10 thiện đạo, mà đến dạy cho hết thấy chúng sanh trong Tiểu thiên thế giới, trong Trung thiên thế giới, trong Đại thiên thế giới, ..., dẫn đến trong hàng sa thế giới tu tập 10 thiện đạo, thì phước đức ấy chẳng sao bằng được phước đức do biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật cho người khác đọc và khai thị, thuyết giảng cho người khác nghe.

Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào dạy hết thấy chúng sanh trong cõi Diêm phù đề trú nơi 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, được 5 thần thông. Ý ông nghĩ sao! Người này có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon đáp: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Phước đức ấy chẳng sao bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật cho người khác đọc và khai thị, thuyết giảng cho người khác nghe.

Chẳng luận dạy cho hết thấy chúng sanh trong cõi Diêm phù đề, mà dạy cho chúng sanh trong cả 4 châu

thiên hạ, trong Tiểu thiên thế giới, trong Trung thiên thế giới, trong Đại thiên thế giới, ..., dẫn đến trong hàng ha sa thế giới trú nơi 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, được 5 thần thông, thì được phước đức ấy cũng chẳng sao bằng được phước đức do biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật cho người khác đọc và khai thị, thuyết giảng cho người khác nghe. Vì sao? Vì trong Bát nhã Ba-la-mật rộng nói hết thấy các thiện pháp.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật được phước đức thù thắng hơn người dạy cho hết thấy chúng sanh trong cõi Diêm phù đề tu tập 10 thiện đạo, 4 thiện, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 5 thần thông. Vì sao? Vì người này thọ trì, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật chẳng trú trong “nhị pháp”, cũng chẳng trú trong “bất nhị pháp”. Người này thọ trì, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập 5 Ba-la-mật kia cũng chẳng trú trong “Nhị pháp” và “Bất nhị pháp” dẫn đến chánh ức niệm về Vô thượng bồ đề và Nhất thiết chủng trí, người này cũng chẳng trú trong “nhị pháp”, chẳng trú trong “bất nhị pháp”.

Lại nữa, Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào dùng phương tiện, để vì người khác thuyết giảng về nghĩa Bát nhã Ba-la-mật và khai thị, phân biệt cho người khác hiểu rõ về nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, thì người này được vô lượng phước đức.

* Thế nào là nghĩa Bát nhã Ba-la-mật?

Này Kiều Thi Ca! Nghĩa Bát nhã Ba-la-mật là chẳng phải “nhị tướng quán”, chẳng phải là “bất nhị tướng quán”, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải

nhập, chẳng phải xuất, chẳng phải tăng, chẳng phải giảm, chẳng phải cấu, chẳng phải tịnh, chẳng phải sanh, chẳng phải diệt, chẳng phải thủ, chẳng phải xả, chẳng phải trú, chẳng phải “bất trú”, chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải hợp, chẳng phải tan, chẳng phải trước, chẳng phải “bất trước”, chẳng phải nhân, chẳng phải “bất nhân”, chẳng phải pháp, chẳng phải “bất pháp”, chẳng phải như, chẳng phải “bất như”, chẳng phải thật tế, chẳng phải chẳng thật tế.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ nào y theo nghĩa Bát nhã Ba-la-mật như vậy, mà dùng phương tiện để phân biệt, khai thị, diễn nói cho người khác được rõ, thì được phước đức thù thắng hơn là tự mình thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, Này Kiều Thi Ca! Nếu Thiện nam, thiện nữ nào tự mình thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, lại cũng dùng phương tiện phân biệt, khai thị, diễn nói cho người khác được hiểu, thì được vô lượng, vô biên phước đức.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ phân biệt, khai thị, diễn nói Bát nhã Ba-la-mật như vậy, làm cho người khác hiểu rõ về nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ nào dùng phương tiện phân biệt, khai thị, diễn nói Bát nhã Ba-la-mật, khiến người khác hiểu rõ về nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật, được vô lượng, vô biên công đức.

Này Kiều Thi Ca! Người dùng phương tiện để phân biệt, khai thị, diễn nói Bát nhã Ba-la-mật, khiến người

khác được hiểu rõ về nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật được công đức thù thắng hơn người trọn đời tôn trọng, cung kính, tán thán, cúng dường chư Phật trong 10 phương. Vì sao? Chư Phật quá khứ và hiện tại do tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô thượng bồ đề; chư Phật vị lai cũng do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà sẽ được Vô thượng bồ đề.

Lại nữa, Này Kiều Thi Ca! Người dùng phương tiện để phân biệt, khai thị, diễn nói Bát nhã Ba-la-mật, khiến người khác được hiểu rõ về nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật được công đức thù thắng hơn người, trong vô lượng, vô biên kiếp tinh cần hành bố thí. Vì sao? Vì Thiện nam, thiện nữ này, dụng tâm vô sở đắc, hành Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Này Kiều Thi Ca! Nếu dụng tâm hữu sở đắc mà bố thí, thì khi bố thí vẫn còn thấy ta là người bố thí, thấy có người thọ sự bố thí của ta, thấy có tài vật mà ta đem ra bố thí. Bố thí như vậy chẳng phải là Đàn Ba-la-mật.

Cũng vậy, nếu còn dụng tâm chấp ngã mà trì giới, thì chẳng được Trì la Ba-la-mật; còn dụng tâm chấp ngã mà hành nhẫn nhục, thì chẳng được Săn đề Ba-la-mật; còn dụng tâm chấp ngã mà hành tinh tấn, thì chẳng được Tỳ lê gia Ba-la-mật; còn dụng tâm chấp ngã mà hành thiền định, thì chẳng được Thiền Ba-la-mật, còn dụng tâm chấp ngã mà tu trí huệ, thì chẳng được Bát nhã Ba-la-mật.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ nào, dụng tâm hữu sở đắc, hành bố thí, ..., dẫn đến hành trí huệ như vậy, chẳng được đầy đủ Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến chẳng được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phải tu tập như thế nào mới được đầy đủ Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Bồ thí mà chẳng thấy ta là người bồ thí, chẳng thấy có người thọ sự bồ thí, chẳng thấy có tài vật mà ta dùng để bồ thí, mới gọi là được đầy đủ Đản Ba-la-mật, ..., dẫn đến tu trí huệ, mà chẳng thấy ta đang tu trí huệ, chẳng thấy có pháp trí huệ, mới gọi là được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

Thiện nam, thiện nữ nào hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, là người dùng các phương tiện phân biệt, khai thị, diễn nói Bát nhã Ba-la-mật, khiến người khác hiểu rõ được nghĩa Bát nhã Ba-la-mật. Hành 5 Ba-la-mật kia cũng đều là như vậy.

Vi sao?

Này Kiều Thi Ca! Vì ở đời sau sẽ có hạng người muốn nói nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, mà lại chỉ nói “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật”, khiến cho các thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô thượng bồ đề, vì nghe tương tợ nghĩa này, mà phải mất chánh đạo.

Bởi nhân duyên vậy, nên thiện nam, thiện nữ hành Bồ tát đạo phải vì người khác, phân biệt, khai thị, diễn nói Bát nhã Ba-la-mật, khiến họ hiểu rõ được nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là tương tợ Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Có thiện nam, thiện nữ hành “hữu sở đắc Bát nhã Ba-la-mật”. Ví như hành sắc vô thường, ..., dẫn đến hành thức vô thường, mà cho đó là hành Bát nhã Ba-la-mật. Đây là hành “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật”.

Lại ví như hành nhãn, ..., dẫn đến ý vô thường, sắc,

..., dẫn đến pháp vô thường, nhãn thức, ..., dẫn đến ý xúc vô thường, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ vô thường, địa chủng, ..., dẫn đến thức chủng vô thường, mà cho đó là hành Bát nhã Ba-la-mật. Nói về “khô, không và vô ngã” cũng đều là như vậy.

Đây cũng là hành “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật”.

Có thiện nam, thiện nữ nói vì 5 ấm vô thường, khô, không, vô ngã mà tu bố thí, ..., dẫn đến tu trí huệ, tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến tu Nhất thiết chủng trí, và dạy người khác tu như vậy.

Đây là thuyết “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật”.

Này Kiều Thi Ca! Ở đời vị lai, có thiện nam, thiện nữ nghe nói “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật”, rồi dạy người khác là tu tập Bát nhã Ba-la-mật như vậy sẽ được vào Sơ địa, ..., dẫn đến Thập địa. Nghe nói lời này, người tu sẽ y nơi tổng tướng, rồi dụng tâm hữu sở đắc, mà hành Bát nhã Ba-la-mật.

Đây cũng là thuyết “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật”.

Lại có thiện nam, thiện nữ dạy người khác là tu tập Bát nhã Ba-la-mật như vậy sẽ thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Đây cũng là thuyết “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật”.

Này Kiều Thi Ca! Lại có thiện nam, thiện nữ vì người cầu Phật đạo mà nói tu tập Bát nhã Ba-la-mật như vậy sẽ được vào Bồ tát vị, sẽ được vô sanh pháp nhẫn. Được vô sanh pháp nhẫn rồi sẽ trú thân thông, đi từ Phật độ này đến Phật độ khác, để cung kính, cúng dường, tán thán chư Phật.

Đây cũng là thuyết “trương tợ Bát nhã Ba-la-mật”.

Lại có thiện nam, thiện nữ, vì người cầu Phật đạo, mà nói là thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật như vậy sẽ được vô lượng, vô biên công đức.

Đây cũng là thuyết “trương tợ Bát nhã Ba-la-mật”.

Lại có thiện nam, thiện nữ, vì người cầu Phật đạo mà nói là chư Phật trong 3 đời, từ sơ phát tâm, ..., dẫn đến khi thành đạo, đều đem hết thầy công đức tu tập Bát nhã Ba-la-mật như vậy, hồi hướng về Vô thượng bồ đề.

Đây cũng là thuyết “trương tợ Bát nhã Ba-la-mật”.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ, vì người cầu Phật đạo, phải nói như thế nào mới gọi là chẳng thuyết “trương tợ Bát nhã Ba-la-mật”.

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ, vì người cầu Phật đạo phải nên nói là khi hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng nên quán sắc và vô thường, ..., dẫn đến chẳng nên quán thức là vô thường. Vì sao? Vì sắc, ..., dẫn đến thức đều là “phi pháp”, là chẳng phải pháp vậy. Phi pháp cũng tức là Bát nhã Ba-la-mật.

Trong Bát nhã Ba-la-mật, thì 5 ấm chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Vì sao? Vì trong Bát nhã Ba-la-mật, 5 ấm còn bất khả đắc, huống nữa là thường hay là vô thường.

Nói như vậy gọi là chẳng thuyết “trương tợ Bát nhã Ba-la-mật”. Thiện nam, thiện nữ, vì người cầu Phật đạo, lại phải nên nói là: Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng nên “hữu sở đắc”, cũng chẳng nên “hữu sở trú”. Vì sao? Vì trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có pháp có thể đắc

(khả đắc), chẳng có pháp có thể trú (khả trú). Trong Bát nhã Ba-la-mật, thì hết thấy pháp đều là tánh không. Vì là tánh không, nên các pháp đều là phi pháp, là chẳng phải pháp vậy. Phi pháp cũng tức là Bát nhã Ba-la-mật. Bởi vậy nên, trong Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có pháp có thể được (khả đắc), có thể trú (khả trú), có thể nhập (khả nhập), có thể xuất (khả xuất), có thể sanh (khả sanh), có thể diệt (khả diệt). Như vậy, mới gọi là chẳng thuyết “trưng tợ Bát nhã Ba-la-mật”.

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ, vì người cầu Phật đạo, phải thuyết nghĩa Bát nhã Ba-la-mật như vậy.

Thuyết nghĩa Bát nhã Ba-la-mật như vậy được vô lượng công đức.

LUẬN:

Phật muốn nêu rõ nghĩa Bát nhã Ba-la-mật là thâm diệu, thù thắng, nên hỏi vị Đề Thích rằng: Nếu có thiện nam, thiện nữ dạy hết thấy chúng sanh trong cõi Diêm phù đề hành 10 thiện đạo, thì có được phước đức nhiều chăng?

Như trong kinh đã rộng nói: Trong tất cả các pháp tu, thì Bát nhã Ba-la-mật là pháp thù thắng hơn hết. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật rộng nói các pháp vô lậu, thành tựu 3 thừa giáo, thành tựu Niết Bàn. Còn 10 thiện đạo chỉ là pháp hữu lậu; tu 10 thiện đạo chỉ hưởng được phước đức hữu lậu ở cõi Trời, người, chưa thoát khỏi các khổ. Bởi vậy nên tu 10 thiện đạo chẳng thể sánh với “vô lậu giải thoát”. Thế nhưng, tùy theo căn trí của chúng sanh, nên trong kinh trình bày thứ lớp như sau:

- Trước nói về “thế gian vô thường lạc”, sau mới nói đến “xuất thế gian thường lạc”.

- Trước nói phàm phu cùng chư Thánh đồng tu tập 10 thiện đạo, sau mới nói đến các pháp xuất thế gian của chư Thánh là vô thượng. Đó là 37 Phẩm trợ đạo, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp.

- Trước nói tổng quát về vô lượng Phật pháp, để người tu hành dễ hiểu, sau mới so sánh công đức dạy cho hết thầy chúng sanh trong cõi Diêm phù đề tu 10 thiện đạo với công đức dạy cho 1 người tu được quả Tu-đà-hoàn v.v...

Phật dạy: Tu 10 thiện đạo, dù được hưởng phước sanh lên cõi Trời, nhưng cũng chưa thoát ra khỏi 3 cõi; hơn nữa khi phước đức đã cạn mỏng, thì lại có thể bị rơi vào 3 đường ác. Cho nên chẳng sao bằng được tu để được quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến được quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật. Thế nhưng, tu để được quả Tu-đà-hoàn dẫn, ... đến được quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật chẳng sao bằng được tu để được Vô thượng bồ đề.

Vì Bát nhã Ba-la-mật là nhân duyên dẫn đến Vô thượng bồ đề, thành Phật đạo, nên biên chép Bát nhã Ba-la-mật được công đức thù thắng hơn dạy cho người tu 10 thiện đạo, tu được quả Tu-đà-hoàn, ..., dẫn đến được quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật. Vì sao? Vì 10 thiện đạo, Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật đều xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, công đức dạy cho người khác tu được 4 thiên, ..., dẫn đến được 5 thần thông chẳng bằng được công đức thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật; công đức thọ trì, đọc tụng, ..., dẫn đến chánh ức niệm tu tập Bát nhã Ba-la-mật chẳng bằng được công đức biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật cho người khác đọc và phân biệt, khai thị, diễn nói, để họ dễ hiểu rõ nghĩa Bát nhã Ba-la-mật. Người biên chép Bát nhã Ba-la-mật và phân

biệt và khai thị, diễn nói để người khác hiểu rõ nghĩa Bát nhã Ba-la-mật được vô lượng công đức, thù thắng hơn người tự mình hành Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Vì sao lại tán thán công đức chánh ức niệm hơn công đức thọ trì, đọc tụng?*

Đáp: Vì thọ trì, đọc tụng chỉ được phước đức mà thôi, còn chánh ức niệm vừa được phước đức, vừa được trí huệ, nên phải nói rõ hơn.

Thọ trì, đọc tụng ví như hòa hợp được các cây cỏ thuốc để trị bệnh, nhưng chưa sắc thuốc để uống, thì vẫn chưa lành bệnh được. Chánh ức niệm để biết rõ nghĩa Bát nhã Ba-la-mật mà tu tập mới dẫn đến giải thoát, ví như sắc thuốc để uống mới dẫn đến lành bệnh vậy.

Với chánh ức niệm, người tu sẽ rõ được thậm thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật là chẳng phải “nhị tướng quán”, chẳng phải “bất nhị tướng quán”, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải nhập, chẳng phải xuất, chẳng phải tăng, chẳng phải giảm, chẳng phải cấu, chẳng phải tịnh, chẳng phải sanh, chẳng phải diệt, chẳng phải thủ, chẳng phải xả, v.v...

Trong kinh nói biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn cúng dường xá lợi Phật; biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật rồi cúng dường cho người khác đọc, thù thắng hơn tự mình thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật; chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật; phân biệt, khai thị, diễn nói cho người khác được hiểu rõ về nghĩa Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn tự mình chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Phật nói: Người cung kính, cúng dường các đức Phật chẳng có được phước đức bằng người giải rõ nghĩa Bát nhã Ba-la-mật cho người khác nghe. Vì sao? Vì chư Phật trong 3 đời đều do tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô thượng bồ đề.

Phật lại nói: Dù tinh tấn hành Bát nhã Ba-la-mật trong vô lượng kiếp, mà còn tâm “hữu sở đắc”, thì chẳng có được công đức bằng người giải rõ nghĩa Bát nhã Ba-la-mật cho người khác nghe. Vì sao? Vì còn “hữu sở đắc” là còn chấp ngã, chấp tướng.

Phật muốn rộng nói về chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, nên dạy vị Đế Thích rằng: Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phải dụng tâm “vô sở đắc” mới được đầy đủ 6 Ba-la-mật.

Phật nói thêm: Ở đời vị lai, có người nói “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật”, khiến người khác nghe chẳng hề phân biệt được chánh niệm hay tà niệm. Bởi vậy nên Phật nói rõ về tướng của “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật” để người nghe dễ phân biệt chánh niệm và tà niệm, giúp họ hành chánh đạo và xa lìa tà đạo.

Phật thương xót chúng sanh đời sau, vì chẳng có được duyên lành gặp Phật và chư đại Bồ tát, nên chỉ được học Bát nhã Ba-la-mật qua kinh điển, khiến có thể sanh tà ức niệm; rồi y vào danh tự, ngôn ngữ mà nói “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật” cho người khác nghe.

Nếu chi xét về danh tự, ngữ ngôn thì bên ngoài tưởng chừng như Bát nhã Ba-la-mật và tương tợ Bát nhã Ba-la-mật tương đồng với nhau. Nếu chánh ức niệm tư duy thì sẽ thấy rõ nghĩa Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm, vi diệu, khác hẳn với “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật”.

Người chấp tâm, chấp tướng nói 5 ấm là vô thường, khổ, không, vô ngã, ..., dẫn đến nói 5 ấm là vô sanh, vô diệt, rồi hành 5 ấm như vậy, mà cho đó là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Đây là hành “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật” .

Trái lại, người chẳng chấp tâm, chẳng chấp tướng cũng nói 5 âm là vô thường, khổ, không, vô ngã, ..., dẫn đến nói 5 âm là vô sanh, vô diệt; nhưng nói như vậy chỉ nhằm phá các chấp điên đảo của phàm phu mà chẳng hề chấp trước. Như vậy mới đúng theo chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, người thuyết pháp để dạy người khác xả “tương tợ Bát nhã Ba-la-mật”, và tu tập “chánh Bát nhã Ba-la-mật” cũng thuyết đúng theo chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Người thuyết pháp đúng theo chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật được công đức rất thù thắng.

-o0o-

KINH:

Phật dạy tiếp: Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ dạy chúng sanh trong cõi Diêm phù đề, ..., dẫn đến dạy chúng sanh trong hằng sa thế giới khắp 10 phương đều được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hoàn, A-na-hàm, ..., dẫn đến được quả A-la-hán, Bích Chi Phật. Ý ông nghĩ sao? Người này có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Phước đức ấy vẫn chẳng bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ dùng các phương tiện nhân duyên để phân biệt, khai thị, diễn nói Bát nhã Ba-la-mật cho người khác nghe, khiến họ rõ được nghĩa Bát nhã Ba-la-mật; lại khuyên họ tinh tấn thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, và y theo lời

dạy trong Bát nhã Ba-la-mật mà tu hành. Vì sao? Vì từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh các quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn, A-na-hàm, A-la-hán và Bích Chi Phật.

Lại nữa, Này Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ dạy chúng sanh trong cõi Diêm phù đề, ..., dẫn đến dạy chúng sanh trong hằng sa thế giới khắp 10 phương đều phát Bồ đề tâm, ..., dẫn đến đều vào được bất thối chuyển địa. Ý ông nghĩ sao? Người này có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Phước đức ấy vẫn chẳng bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ dùng các phương tiện nhân duyên để phân biệt, khai thị, diễn nói Bát nhã Ba-la-mật cho người khác nghe, khiến họ rõ được nghĩa Bát nhã Ba-la-mật; lại khuyên họ tinh tấn thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật và y theo lời dạy trong Bát nhã Ba-la-mật mà tu hành, thì sẽ được Nhất thiết chủng trí, sẽ được Vô thượng bồ đề. Vì sao? Vì từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh các Bồ tát, từ Bồ tát sơ phát tâm, ..., dẫn đến Bồ tát bất thối chuyển.

Lại nữa, Này Kiều Thi Ca! Ví như trong cõi Diêm phù đề, ..., dẫn đến trong hằng sa thế giới khắp 10 phương, chúng sanh đều phát Bồ đề tâm, ..., dẫn đến đều được bất thối chuyển; lại trong đó có vị đã gần được Vô thượng bồ đề. Nếu có thiện nam, thiện nữ dùng các phương tiện nhân duyên để phân biệt, khai thị, diễn nói khiến chư vị đó rõ nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, mau chứng được Vô thượng bồ đề, thì công đức sẽ thù thắng hơn hết.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon bạch Phật: Bạch Thế Tôn!

Như vậy, Bồ tát càng gần Vô thượng bồ đề lại càng nên được giáo hóa thật hành Đản Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, thật hành nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, thật hành 4 niệm xứ, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp; lại càng được cúng dường “tứ sự”^(*) theo nhu cầu.

Nếu thiện nam, thiện nữ nào dùng tài thí và pháp thí để cúng dường vị Bồ tát gần được Vô thượng bồ đề, thì sẽ được công đức thù thắng hơn hết. Vì sao? Vì nhờ vậy mà vị Bồ tát này sẽ mau được Vô thượng bồ đề.

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề tán thán vị Đế Thích rằng: Lành thay, lành thay! Thưa ngài Kiều Thi Ca! Ngài vì chư Thánh đệ tử mà ngài đã an ủi chư Bồ tát. Vì Vô thượng bồ đề, nên cúng dường tài thí và pháp thí mới được nhiều lợi ích. Vì sao? Vì từ trong hàng Bồ tát xuất sanh chư Phật và Thánh chúng.

Nếu Bồ tát chẳng phát tâm cầu Vô thượng bồ đề, thì chẳng được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, ..., dẫn đến chẳng được đầy đủ 18 bất cộng pháp, khiến chẳng có thể được Vô thượng bồ đề.

Nếu chẳng có Bồ tát được Vô thượng bồ đề, thì cũng chẳng có Thanh Văn đạo và Bích Chi Phật đạo.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát phải tu tập đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, ..., dẫn đến tu tập đầy đủ 18 bất cộng pháp mới đoạn được 3 đường ác; và ở thế gian mới có các đại gia, đại tộc, có các cõi trời, từ cõi Tứ Thiên vương, ...

*. Tứ sự cúng dường là sự việc cúng dường gồm:

(1)- Y phục, (2)- Các đồ ăn uống; (3)- Phòng thất, chăn mền, chiếu nệm; (4)- Thuốc men.

dẫn đến cõi trời Phi hữu tướng phi vô tướng. Cũng do vậy, mới có Đản Ba-la-mật, ..., dẫn đến có Bát nhã Ba-la-mật, có nội không dẫn đến có vô pháp hữu pháp không, có 4 niệm xứ, ..., dẫn đến có 18 bất cộng pháp, có Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa, ..., dẫn đến có Phật thừa.

LUẬN:

Trong kinh nói: Dạy chúng sanh trong cõi Diêm phù đề, ..., dẫn đến dạy chúng sanh trong hàng sa thế giới khắp 10 phương tu được quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật chẳng có được phước đức bằng phân biệt, khai thị, diễn nói Bát nhã Ba-la-mật cho người khác nghe, khiến họ rõ được nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Lời kinh trên đây mật ý nói rằng: Hết thầy chư Thánh hiền đều xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật cả.

Bát nhã Ba-la-mật là thật tướng của hết thầy các pháp.

Đấng Giác ngộ chánh biến tri thật tướng pháp được gọi là Phật.

Do vậy, mà hàng Thanh Văn Tiểu thừa chẳng sao bằng được hàng Bồ tát Đại thừa.

Vì từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh chư Thánh hiền, nên Bồ tát thường ái niệm, cúng dường các bậc đã liễu ngộ thật tướng pháp, và thường thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói: Dù dạy chúng sanh trong cõi Diêm phù đề, ..., dẫn đến trong hàng sa thế giới khắp 10 phương đều phát tâm cầu Vô thượng bồ đề, ..., dẫn đến đều được bất thối chuyển, cũng chẳng có công đức bằng thuyết chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Trước đây nói pháp phàm phu và pháp Nhị thừa chẳng sao bằng được Bát nhã Ba-la-mật, thì còn hợp lý. Nay

vì sao nói “người phát tâm cầu đạo Vô thượng... dẫn đến người tu đã vào được bất thối chuyển địa chẳng bằng được người thuyết chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật”?

Đáp: Có 2 hạng người nói được chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật. Đó là:

- “Nhục thân Bồ tát” thị hiện thọ thân trong các nẻo đường sanh tử.

- “Pháp tánh thân Bồ tát” ứng hiện ở khắp 3 cõi.

Trong kinh nói đến người phát tâm cầu Vô thượng bồ đề là nói về Bồ tát sơ phát tâm; nói đến người vào được bất thối chuyển địa là nói về Bồ tát giáo hóa chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Trong kinh cũng phân biệt hết thảy các tâm hạnh, các nghiệp duyên của chúng sanh trong 3 cõi, và trong vô lượng kiếp, đồng thời cũng phân biệt các cảnh giới có sanh, có diệt, có thành, có hoại, có nhiều, có ít, có đại từ, đại bi, có Nhất thiết chủng trí, có vô lượng Phật pháp, khiến chúng sanh phát tâm cầu Vô thượng bồ đề, ..., dẫn đến vào được bất thối chuyển địa, được thành Phật đạo.

Thế nhưng, nếu biết có vị Bồ tát nào gần được Vô thượng bồ đề, mà dùng chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật dạy cho họ, khiến họ mau chứng được Vô thượng bồ đề, thì sẽ được công đức thù thắng hơn hết.

Vì sao? Vì là phước điền rất lớn, nên cúng dường phước điền này được công đức rất lớn vậy.

Theo pháp thế gian thì:

- Xúc phạm đến một vị quan bị xử tội nặng hơn xúc phạm đến một người dân thường.

- Xúc phạm đến một vị thái tử bị xử tội nặng hơn xúc phạm đến một vị quan.

- Xúc phạm đến một vị vua bị xử tội nặng hơn xúc phạm đến một vị thái tử.

Xúc phạm đến người ở địa vị càng cao, thì bị xử tội càng nặng. Cũng như vậy, theo pháp Phật, thì:

- Cúng dường 1 vị Thanh Văn, 1 vị Bích Chi Phật chẳng bằng được cúng dường 1 vị Bồ tát bất thối chuyển.

- Cúng dường 1 vị Bồ tát bất thối chuyển chẳng bằng được cúng dường 1 vị Bồ tát gần thành Phật.

- Cúng dường 1 vị Bồ tát gần thành Phật chẳng bằng được cúng dường 1 vị Phật đã thành.

Vì sao? Vì chư Phật do tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô thượng bồ đề, độ thoát vô lượng chúng sanh.

Bát nhã Ba-la-mật là phước điền vô thượng. Cúng dường Bát nhã Ba-la-mật là cúng dường chư Phật và chư đại Bồ tát nên được công đức rất thù thắng.

-o0o-

Vị Đế Thích liễu thông được pháp Phật nên bạch Phật: Bồ tát càng gần được Vô thượng bồ đề càng nên được giáo hóa và cúng dường.

Dùng tài thí để cúng dường, dùng pháp thí để giáo hóa được vô lượng công đức.

Ngài Tu Bồ Đề tán thán vị Đế Thích: Lành thay, lành thay! Ngài khéo dùng thiện ngữ để khuyến tấn chư Bồ tát; lại vì Vô thượng bồ đề mà nói: nên dùng tài thí và pháp thí để

cúng dường và giáo hóa chư đại Bồ tát gần đợc Vô thượng bồ đề.

Vị Đế Thích cũng liễu thông Vô thượng Pháp bảo, nên đã vì chư Thánh đệ tử, nói rằng: Từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh chư Phật và Thánh chúng.

Nếu Bồ tát chẳng hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, thì chẳng thể đợc Vô thượng bồ đề. Nếu chẳng có Bồ tát đợc Vô thượng bồ đề, thì ở trên thế gian chẳng có Thanh Văn đạo và Bích Chi Phật đạo, ..., dẫn đến chẳng có Phật đạo.

Lại nữa, nếu Bồ tát chẳng hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, thì ở thế gian chẳng có 10 thiện đạo, ..., dẫn đến chẳng có vô lượng Phật pháp. Nếu chẳng có 10 thiện đạo, ..., dẫn đến chẳng có vô lượng Phật pháp, thì chẳng thể làm giảm thiểu số chúng sanh đọa vào 3 đường ác; cũng chẳng có đợc đại gia, đại tộc, chẳng có đợc các cõi Trời, ..., dẫn đến chẳng có chư hiền Thánh, chư đại Bồ tát và chư Phật.

Bởi nhân duyên vậy, nên thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật, dạy người tu tập Bát nhã Ba-la-mật đợc vô lượng công đức, ở đời này và cả đời sau.

(Hết quyển 60)

Hết Tập III